



BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

SÁCH TRẮNG

VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2022

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

HÀ NỘI, NĂM 2023

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
PHẦN I TÌNH HÌNH THIÊN TAI	7
Thiên tai trên thế giới và trong khu vực	9
Thiên tai tại việt nam.....	19
Những đợt thiên tai lớn trong năm 2022	25
PHẦN II CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI	116
1. Văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phòng, chống thiên tai; chính sách mới về phòng, chống thiên tai	117
2. Tổ chức, bộ máy	119
3. Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai	119
4. Dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai:	120
5. Chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.....	121
6. Truyền thông và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	125
7. Đề điều, hồ đập và công trình phòng, chống thiên tai	127
8. Ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế.....	128
9. Công tác cứu hộ, cứu nạn	129
TÒN TÀI, HẠN CHẾ.....	131
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÔNG TÁC	136
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH BAN HÀNH NĂM 2022	144

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2022, thiên tai ở nước ta diễn ra bất thường, cực đoan, trái quy luật ngay từ những tháng đầu năm nhưng với sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, sự vào cuộc của các cấp chính quyền địa phương và sự chung tay của cả cộng đồng, công tác phòng chống thiên tai đã đạt được nhiều thành tựu: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được tham mưu, chỉnh sửa; hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai được quan tâm đầu tư, từng bước nâng cao khả năng chống chịu; công tác thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng chống thiên tai được quan tâm chú trọng; khoa học công nghệ được khai thác, phát huy hiệu quả,...những kết quả này là tiền đề, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, bảo vệ cuộc sống của nhân dân và thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

Thực hiện khoản 4, Điều 25, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai xây dựng và công bố sách trắng về phòng, chống thiên tai hàng năm.

Sách trắng được ban hành nhằm cung cấp thông tin về tình hình thiên tai và công tác phòng, chống cũng như các hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong thời gian tới, qua đó nâng cao sự hiểu biết về quyền, trách nhiệm của mình trong công tác phòng, chống thiên tai. Nội dung cơ bản được đề cập trong sách trắng gồm: Tình hình thiên tai năm 2022; Các hoạt động phòng, chống thiên tai và những tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống thiên tai.

Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai trân trọng giới thiệu sách trắng về phòng, chống thiên tai năm 2022./

**BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA
VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

PHẦN I
TÌNH HÌNH THIÊN TAI

THIÊN TAI TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG KHU VỰC

Năm 2022, thiên tai trên thế giới và trong khu vực đã diễn ra rất phức tạp, nhiều trận thiên tai diễn ra với quy mô lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng, vượt mức lịch sử gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản trong đó có nhiều nước có nền kinh tế phát triển, cơ sở hạ tầng chống chịu tốt, điển hình như siêu bão Ian đổ bộ vào Mỹ cuối tháng 9 làm 154 người chết, thiệt hại trên 50 tỷ đô la Mỹ; lũ lụt lịch sử từ tháng 6-10 tại Pakistan làm hơn 1.700 người chết, thiệt hại khoảng 30 tỷ đô la Mỹ; trận động đất với độ lớn 5,6 độ richter ngày 21/11 tại Indonesia làm 321 người chết,...

Tổng thiệt hại do thiên tai trên toàn thế giới năm 2022 đã làm 31.300 người chết, mất tích; về kinh tế trên 313 tỷ USD¹, trong đó lũ lụt tại Pakistan gây thiệt hại lớn nhất về người (1.700 người chết, mất tích); siêu bão Ian đổ bộ vào bang Florida, Mỹ gây thiệt hại lớn nhất về kinh tế (ước tính khoảng 100 tỷ USD).

Bảng so sánh thiệt hại do thiên tai trên thế giới từ 2019-2022

Thiệt hại	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Người chết, mất tích	31.300	16.000	8.200	9.435
Về kinh tế (tỷ USD)	313	343	210	166

05 sự kiện thiên tai lớn trên thế giới trong năm 2022

TT	Sự kiện thiên tai	Khu vực ảnh hưởng	Người chết, mất tích	Thiệt hại kinh tế (tỷ USD)
1	Siêu bão Ian tháng 9/2022	Mỹ, Cuba	154	100
2	Lũ lụt từ tháng 6-10/2022	Pakistan	1.700	30
3	Động đất sáng 22/6/2022	Afghanistan	1.100	-
4	Bão Megi tháng 4/2022	Philippines	346	0,2
5	Sạt lở đất tháng 2/2022	Brazil	236	0,194

¹ Theo thông tin cập nhật đến ngày 25/01/2023 của của Công ty bảo hiểm Aon.

Một số đợt thiên tai diễn hình như:

BÃO

Trong năm 2022, đã xuất hiện 86 cơn bão, áp thấp nhiệt đới trên toàn cầu, trong đó khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chịu ảnh hưởng nhiều nhất với tổng số 25 cơn; nhiều cơn bão có diễn biến phức tạp, trái quy luật và có cường độ rất mạnh. Siêu bão Ian hoạt động tại vùng biển phía Bắc của Nam Mỹ với sức gió mạnh nhất lên tới trên cấp 17 (250 km/h) là cơn bão gây thiệt hại lớn nhất về kinh tế với thiệt hại ước tính hơn 100 tỷ USD sau khi đổ bộ vào bang Florida nước Mỹ; Cơn bão gây thiệt hại nặng nề nhất về người là bão Megi hoạt động khu vực biển phía Đông Philippines, tuy sức gió mạnh nhất chỉ cấp 9 (75 km/h) nhưng các trận lũ quét, sạt lở đất do ảnh hưởng của mưa lớn sau bão đã làm 346 người chết và mất tích.

Siêu bão Ian

Hình thành trên vùng biển phía Bắc của Nam Mỹ ngày 23/9, bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc, sau đổi hướng Bắc đi qua Cuba mạnh lên thành siêu bão với gió trên cấp 17 trong ngày 28/9 và đổ bộ vào đất liền bang Florida, Mỹ. Đây là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào nước Mỹ, kể từ siêu bão Michael năm 2018 và là cơn bão gây thiệt hại lớn thứ 3 trong lịch sử nước Mỹ, sau bão Katrina 2005 và bão Harvey 2017.

Siêu bão Ian đã gây thiệt hại nặng nề tại các bang khu vực Đông Nam nước Mỹ với 154 người chết, thiệt hại kinh tế hơn 100 tỷ USD. Trong đó nguyên nhân chính gây thiệt mạng là nước dân và mưa lớn kết hợp nước dâng do bão đã gây lũ lên nhanh từ 3-5,5 m gây ngập lụt trên diện rộng.

Chính quyền Mỹ đã triển khai các biện pháp ứng phó:

- Các bang Florida, Bắc Carolina, Nam Carolina và Virginia đã ban bố tình trạng khẩn cấp để ứng phó với bão.
- Tạm dừng các hoạt động giao thông vận tải, hoạt động du lịch, đóng cửa trường học, công sở... tại khu vực ảnh hưởng.
- Sơ tán 2,5 triệu người tại các khu vực dự kiến chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão.

- Chính quyền Mỹ kích hoạt các Trung tâm Điều phối khẩn cấp của bang và liên bang để ứng phó với siêu bão.

Bão và mưa lũ sau bão đã làm hơn 154 người chết; hư hại nhiều cơ sở hạ tầng và tác động mạnh đến ngành du lịch của Mỹ. Thiệt hại kinh tế ước khoảng 100 tỷ USD.



Siêu bão Ian đổ bộ vào Bang Florida ngày 28/9



Nhà cửa, công trình bị phá huỷ do bão

Bão Megi

Hình thành trên vùng biển phía Đông của Philippines ngày 08/4, bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, với sức gió mạnh nhất chỉ cấp 9 đổ bộ vào tỉnh Layte, miền Trung Philippines ngày 10/4.

Bão đã gây mưa lớn tại khu vực miền Trung và miền Nam Philippines, gây ngập lụt và sạt lở đất nghiêm trọng tại một số ngôi làng ở thành phố Baybay và thị trấn Abuyog thuộc tỉnh Leyte.

Chính quyền Philippines đã triển khai các biện pháp ứng phó:

- Chính quyền chuẩn bị thực phẩm, nhu yếu phẩm và các trang thiết bị cần thiết trong thiên tai với giá trị hơn 750 nghìn USD.
- Đóng cửa trường học, công sở tại khu vực ảnh hưởng của bão và mưa lũ.

- Sơ tán bắt buộc 33.400 người tại các khu vực dự kiến chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão các khu trú ẩn tập trung.

Bão, mưa lũ và sạt lở đất sau bão đã làm hơn 346 người chết, mất tích; 2,3 triệu người bị ảnh hưởng, trong đó gần 900.000 người phải di dời; 16.382 nhà bị hư hỏng và nhiều thiệt hại về cơ sở hạ tầng và nông nghiệp khác. Thiệt hại kinh tế ước khoảng 200 triệu USD.



Ngập lụt nghiêm trọng tại đảo Panay, Philippines do ảnh hưởng của bão



Sạt lở đất do mưa lớn sau bão tại thị trấn Baybay, tỉnh Leyte, Philippines ngày 13/4

MƯA LỚN, LŨ, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT

Năm 2022, các trận lũ lụt lịch sử đặc biệt nghiêm trọng tiếp tục xảy ra tại các quốc gia trên thế giới, cụ thể mưa lớn bất thường từ giữa tháng 6 đến tháng 10/2022 tại Pakistan đã khiến hơn 1.700 người chết, phá hủy nhiều cơ sở hạ tầng và gây thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp; Trận mưa lớn kỷ lục trong 80 năm qua tại thủ đô Seoul, Hàn Quốc vào đầu tháng 8/2022 đã gây ngập lụt nghiêm trọng vượt quá khả năng của hệ thống thoát nước, công trình chống ngập của thành phố.

Mưa lũ lịch sử tại Pakistan

Mưa lớn bất thường từ giữa tháng 6 đến tháng 10/2022 tại Pakistan đã gây ngập lụt lịch sử diện tích trên 85.000 km² (chiếm 12% diện tích Pakistan). Lượng mưa trên toàn quốc cao gấp 2,87 lần so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ, đặc biệt tỉnh Sindh và Balochistan ghi nhận lượng kỷ lục từ năm 1961, cao gấp 5 lần so với mức trung bình nhiều năm.

Trận lũ lụt này có thể so sánh với trận lụt năm 2010 (thiệt hại nặng nề nhất lịch sử Pakistan) với hơn **2.000 người chết** và gần **1/5 diện tích đất nước bị ngập**.

Chính quyền Pakistan đã triển khai các biện pháp ứng phó:

- Chính phủ Pakistan hôm 25/8 đã ban bố tình trạng khẩn cấp và kêu gọi quốc tế hỗ trợ; chi khoảng 173 triệu USD để hỗ trợ khẩn cấp những người bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.
- Sơ tán người dân sống gần các con sông ngập lụt ở phía bắc Pakistan; hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước sạch và túi vệ sinh cá nhân.
- Thành lập 212 điểm cứu trợ tại các khu vực Sindh, Punjab, Balochistan và Khyber Pakhtunkhwa cho những người bị ảnh hưởng bởi lũ lụt; cung cấp 97 máy bay trực thăng cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn và hỗ trợ người dân ở những khu vực bị chia cắt.

Mưa lũ đã khiến hơn 1.700 người chết, 33 triệu người bị ảnh hưởng; 2,28 triệu căn nhà bị sập đổ, hư hỏng; 1,16 triệu con gia, súc gia cầm bị chết, cuốn trôi; 13.115 km đường giao thông, 439 cây cầu bị phá hủy và nhiều thiệt hại nghiêm trọng về cơ sở hạ tầng khác. Thiệt hại ước tính khoảng 30 tỷ USD.



Ngôi làng bị ngập hoàn toàn trong lũ



Người dân di dời đồ đạc tránh lũ

Mưa lớn thủ đô Seoul, Hàn Quốc

Trận mưa lớn kỷ lục trong 80 năm qua (lượng mưa 500-600mm/2 ngày) tại thủ đô Seoul, Hàn Quốc vào đầu tháng 8/2022 đã gây ngập lụt nghiêm trọng vượt quá khả năng của hệ thống thoát nước, công trình chống ngập của thành phố.

Chính quyền Hàn Quốc đã triển khai các biện pháp ứng phó:

- Tạm dừng hoạt động các tuyến đường cao tốc và đường sắt và các tàu điện ngầm ở một số khu vực.
- Xác định các khu vực bị ảnh hưởng bởi mưa lớn là “vùng thiên tai đặc biệt” để triển khai các biện pháp hỗ trợ đặc biệt khắc phục hậu quả mưa lũ.
- Bổ sung ngân sách xây dựng thêm đường thoát nước các khu vực thấp trũng tại thủ đô Seoul.

Mưa lớn, ngập lụt đã làm 20 người chết, mất tích, khoảng 8.000 người bị ảnh hưởng, 6.876 nhà, 1.140ha diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại. Thiệt hại kinh tế hơn 50 triệu USD.



Phương tiện giao thông bị bỏ trên đường trong mưa lớn



Trục đường giao thông chính tại Seoul bị ngập nặng

Sạt lở đất tại Brazil

Mưa lớn kéo dài vào giữa tháng 2/2022 đã gây ra lũ lụt, sạt lở đất nghiêm trọng tại Bang Rio de Janeiro và Espirito Santo, Brazil, đặc biệt ngày 15/2 lượng mưa trong 3 giờ đạt 258mm tại thành phố Petrópolis, Bang Rio de Janeiro, đây là lượng mưa lịch sử kể từ năm 1932.

Chính quyền Brazil đã triển khai các biện pháp ứng phó:

- Ngày 16/2, Tổng thống Brazil đã yêu cầu hỗ trợ ngay lập tức cho những nạn nhân của lũ lụt và sạt lở đất.
- Sơ tán 1.200 người dân đến nơi an toàn, tổ chức tìm kiếm cứu nạn người sống sót và hỗ trợ người dân khắc phục nhà cửa, dọn dẹp môi trường.
- Bộ Kinh tế Brazil đã quyết định giảm thuế cho cả Rio de Janeiro và Espirito Santo, những nơi bị ảnh hưởng nặng nề bởi mưa lũ, sạt lở đất.

Lũ quét đã làm 236 người chết, mất tích; thiệt hại về kinh tế khoảng 194 triệu USD.



Sạt lở đất ở thành phố Petrópolis, Bang Rio de Janeiro ngày 16/2/2022



Cứu hộ các nạn nhân bị vùi lấp

ĐỘNG ĐẤT

Năm 2022, động đất liên tiếp xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới với 15.438 trận có độ lớn từ 4,0 trở lên, trong đó 128 trận có độ lớn trên 6,0. đặc biệt nghiêm trọng là trận động đất mạnh 6,1 độ rạng sáng 22/6/2022 tại miền Đông Afghanistan đã khiến ít nhất 1.100 người chết và hơn 6.000 người bị thương; trận động đất mạnh 5,6 độ chiều 21/11/2022 tại tỉnh Tây Java, Indonesia làm 335 người chết và hơn 7.700 người bị thương.

Động đất tại Afghanistan

Rạng sáng 22/6/2022 tại miền Đông Afghanistan đã xảy ra một trận động đất với độ lớn 6,1 độ sâu chấn tiêu 4,0km, gây rung lắc cho khu vực có bán kính 500km quanh tâm chấn, bao gồm tại Pakistan, Afghanistan và Ấn Độ. Theo thống kê, hơn 7.000 người thiệt mạng trong các trận động đất tại Afghanistan trong 10 năm qua.

Trận động đất đã làm ít nhất 1.100 người chết, hơn 6.000 người bị thương, hơn 10.000 ngôi nhà bị sập đổ, hư hỏng.



Nhiều ngôi nhà bị phá huỷ do động đất



Trực thăng chuyển hàng viện trợ đến khu vực ảnh hưởng

Động đất tại Indonesia

Chiều ngày 21/11/2022 tại tỉnh Tây Java, Indonesia đã xảy ra một trận động đất với độ lớn 5,6 độ sâu chấn tiêu 11km. Đây là trận động đất mạnh nhất tại Indonesia kể từ trận động đất Sulawesi năm 2018.

Trận động đất đã làm ít nhất 335 người chết, hơn 7.700 người bị thương, 62.600 ngôi nhà bị sập đổ, hư hỏng.



Lực lượng cứu hộ tìm kiếm người mất tích



Nhà cửa bị phá hủy do động đất

Nắng nóng, hạn hán, cháy rừng

Tình trạng nắng nóng, hạn hán cũng diễn ra khốc liệt và dị thường tại nhiều nơi trên thế giới, nắng nóng kỷ lục xuất hiện tại nhiều khu vực của châu Âu, châu Mỹ, châu Á, Bắc Phi và châu Úc, ảnh hưởng đến hàng triệu người.

Trong tháng 6-9/2022, các quốc gia châu Âu như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Italy... chịu ảnh hưởng nắng nóng kỷ lục trong vòng 500 năm qua. Một số khu vực của châu Âu ghi nhận mức nhiệt từ 40-43°C, nhiệt độ cao nhất ghi nhận tại một số nước: Bồ Đào Nha 47°C (mức cao nhất trong khu vực); Tây Ban Nha 45°C; Anh 40°C (cao nhất trong lịch sử). Nắng nóng, hạn hán kéo dài đã gây ra các đám cháy rừng diện rộng trên khắp châu Âu, trong đó Tây Ban Nha là quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi cháy rừng.

Chính quyền các nước châu Âu triển khai các biện pháp ứng phó:

- Trung tâm Điều phối ứng phó khẩn cấp của Liên minh Châu Âu được kích hoạt 11 lần để cung cấp hỗ trợ trên không và trên mặt đất cho các nước.
- Bố trí sẵn lính cứu hoả Châu Âu ở một số quốc gia nguy cơ cao xảy ra cháy rừng; sơ tán hơn 45.000 người ra khỏi khu vực nguy hiểm.
- Đầu tư 170 triệu Euro từ ngân sách của Liên minh Châu Âu để tăng cường năng lực ứng phó thiên tai.

Nắng nóng kỷ lục làm hơn 24.000 người chết; đồng thời gây ra tình trạng hạn hán và cháy rừng trên diện rộng với tổng diện tích 860.000 ha.



*Cháy rừng Tây Nam nước Pháp
ngày 17/7/2022*



*Hồ chứa cạn nước ở miền Nam
Tây Ban Nha, tháng 8/2022*

THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Thiên tai năm 2022 diễn ra bất thường, cực đoan, vượt mức lịch sử, trái quy luật từ những tháng đầu năm trên các vùng miền cả nước. Trong năm đã xảy ra 21/22 loại hình thiên tai với 1.072 trận thiên tai² (*gấp gần 1,3 so với năm 2021*). Mặc dù số lượng các cơn bão, ATNĐ xuất hiện ít hơn năm 2021, tuy nhiên thiệt hại về người và tài sản lớn hơn so với năm 2021.

Thiên tai đã làm 175 người chết, mất tích; thiệt hại về kinh tế khoảng 19.479 tỷ đồng (*gấp 1,6 lần thiệt hại về người và 3,4 lần thiệt hại về kinh tế so với năm 2021*).

TT	Loại hình thiên tai	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Bão	cơn	09	07
2	ATNĐ	cơn	03	02
3	Mưa lớn, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất	trận	174	310
4	Dông lốc, sét, mưa đá	trận	326	258
5	Sạt lở ĐBSCL	trận	162	191
6	Động đất	trận	139	286
7	Gió mạnh, sóng lớn trên biển	đợt	1	14
8	Không khí lạnh	đợt	18	17
9	Thiệt hại về người	người	108	175
10	Thiệt hại về kinh tế	tỷ đồng	5.785	19.479
Tổng số trận			846	1.072

Tình hình thiên tai, thiệt hại của năm 2021 và năm 2022

(Nguồn số liệu: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

² 07 cơn bão; 02 cơn ATNĐ; 310 trận mưa lớn, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất; 258 trận dông lốc, sét, mưa đá; 191 trận sạt lở tại ĐBSCL; 286 trận động đất; 14 đợt gió mạnh, sóng lớn trên biển; 02 đợt rét đậm, rét hại và 02 đợt nắng nóng, hạn hán.

Về bão

Năm 2022, trên khu vực biển Đông đã xuất hiện 07 cơn bão và 02 cơn ATNĐ, trong đó có 04 cơn bão (bão số 2,3,4,5) đã ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta gây mưa, lũ sau bão làm thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, trong đó:

- Cơn bão số 4 có tên quốc tế là Noru, sức gió mạnh nhất gần đạt cấp siêu bão, dự báo rủi ro thiên tai cấp 4 (gây thiệt hại nặng nề khi đi qua Philippines), Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt ngay từ giờ đầu và đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương do Phó Thủ tướng Lê Văn Thành làm Trưởng ban trực tiếp chỉ đạo tại hiện trường. Với sự chủ động trong công tác chỉ đạo và sự vào cuộc quyết liệt của các Bộ ngành và địa phương nên hầu như không có thiệt hại trực tiếp do bão (Ban Chỉ đạo làm việc xuyên đêm tại 03 điểm cầu địa phương (Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam) và liên tục theo dõi sát diễn biến, chỉ đạo trực tuyến tới Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đã nắm rõ và triển khai công việc với từng địa phương). Tuy nhiên, sau khi đổ bộ vào đất liền khu vực giữa Đà Nẵng - Quảng Nam vào rạng sáng ngày 28/9, hoàn lưu bão đã gây mưa rất lớn tại các tỉnh Nam đồng bằng Bắc Bộ và từ Thanh Hoá đến Quảng Ngãi, đặc biệt, từ đêm 01/10 đến sáng 02/10, trên địa bàn huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An đã xảy ra mưa rất to, tập trung trong thời gian ngắn gây lũ quét, sạt lở đất tại thị trấn Mường Xén và xã Tà Cạ làm thiệt hại rất lớn về người và tài sản của nhân dân.

- Bão số 5 hình thành từ ATNĐ trên biển Đông vào trưa ngày 14/10, sau đó suy yếu thành ATNĐ và đi vào đất liền khu vực tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi sáng sớm 15/10 với sức gió mạnh nhất cấp 6, giật cấp 8; hoàn lưu sau bão số 5 đã gây mưa rất lớn tại khu vực Trung Bộ, đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế đã có mưa lớn lịch sử, gây lũ trên BĐ3 trên các sông từ Quảng Bình - Thừa Thiên Huế; ngập lụt đặc biệt nghiêm trọng có nơi tới 1,5-2,0m tại trung tâm thành phố Đà Nẵng.

Ước tính thiệt hại do bão, mưa lũ sau bão khoảng 8.233 tỷ đồng.

Về mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất

Mùa mưa, lũ năm 2022 diễn ra bất thường, trái quy luật từ những tháng đầu năm, điển hình trận mưa, lũ lớn kèm theo dông lốc trên diện rộng xảy ra tại khu vực miền Trung, đặc biệt là các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hòa từ ngày 30/3 đến ngày 02/4/2022 đã gây thiệt hại về người và tài sản và sản xuất nông nghiệp. Lượng mưa thực tế đo được từ đêm ngày 30/03 đến ngày 02/4, khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên đã có mưa to đến rất to, trong đó: Các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị - Quảng Ngãi mưa từ 200-600mm; từ Bình Định - Khánh Hòa và Quảng Bình từ 150-300mm, một số trạm mưa lớn như: Thừa Thiên Huế (Khe Tre) 835mm; Quảng Trị (Hải Lâm): 472mm; Hồ Thủy Yên 597mm); Đà Nẵng (Hòa Phú Thành) 491mm; Quảng Nam (Điện Hồng 495mm; Hà Thanh 478mm); Quảng Ngãi (Trà Phú) 370mm; Bình Định (Mỹ Thọ) 327mm; Phú Yên (Sơn Nguyên) 258mm, Khánh Hòa (Hoa Sơn) 270mm. Ngoài ra mưa lớn đã gây lũ lụt trên diện rộng, các sông ở mức BĐ1-BĐ2; nhiều nơi xảy ra ngập lụt đến 1,0m, có nơi đến 1,5m; khu vực ven biển từ Thừa Thiên Huế - Khánh Hòa đã xảy ra dông lốc và gió giật mạnh, sóng lớn làm nhiều tàu thuyền, lồng bè bị hư hỏng, thiệt hại.

Vào tháng 4, 5, 6, mưa lớn kéo dài ở miền Bắc đã gây sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, ngập lụt đô thị, khu công nghiệp. Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành phải vận hành xả lũ các hồ chứa Sơn La, Hoà Bình, Tuyên Quang với một thời gian khá dài ngay khi chưa bước vào thời gian mưa lũ chính vụ (đây là một năm hiếm thấy kể từ khi hệ thống liên hồ chứa đi vào khai thác, vận hành).

Mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất năm 2022 đã làm 71 người bị chết và mất tích, tổng thiệt hại về vật chất khoảng 10.610 tỷ đồng.

Dông lốc, sét, mưa đá

Năm 2022, dông lốc không xảy ra trên diện rộng và dồn dập như năm 2021 nhưng cũng đã xảy ra tại nhiều tỉnh, thành phố, gây thiệt hại lớn về người và nhà ở; ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân; đã xảy ra 258 trận mưa đá, dông lốc, sét trên 47 tỉnh/thành phố trên cả nước làm 62 người chết, 45 người bị thương; 482 nhà sập đổ hoàn toàn, 4.654 nhà bị hư hỏng, tốc mái

Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 229 tỷ đồng.

Rét hại, băng giá

Trong năm đã có 17 đợt không khí lạnh (KKL) ảnh hưởng đến nước ta, trong đó đợt GMĐB ngày 28/01 được bổ sung trong ngày 31/01 và 02/02 và đợt GMĐB ngày 18/02 đã gây ra rét đậm, rét hại ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Đặc biệt trong đợt GMĐB mạnh ngày 18/02, trên vùng núi cao của Bắc Bộ nhiều nơi đã xuất hiện băng giá, nhiệt độ thấp nhất tại Mẫu Sơn là $-1,4^{\circ}\text{C}$, đây là đợt không khí lạnh mạnh nhất từ đầu Đông năm 2021-2022 và mạnh nhất trong 40 năm cùng thời kỳ.

Nhiệt độ thấp nhất trong đợt rét hại này ở một số nơi như: Sìn Hồ (Lai Châu) $3,9^{\circ}\text{C}$; Pha Đin (Điện Biên) $2,0^{\circ}\text{C}$; Sơn La $6,2^{\circ}\text{C}$; Sa Pa (Lào Cai) $0,3^{\circ}\text{C}$; Đồng Văn (Hà Giang) $1,9^{\circ}\text{C}$; Cao Bằng $6,2^{\circ}\text{C}$; Tam Đảo (Vĩnh Phúc) $2,0^{\circ}\text{C}$; Móng Cái (Quảng Ninh) $6,6^{\circ}\text{C}$; Thanh Hóa $8,4^{\circ}\text{C}$; Vinh (Nghệ An) $9,2^{\circ}\text{C}$...

Rét hại, băng giá đã làm 9.910 con gia súc, gia cầm bị chết. Ước tính thiệt hại khoảng 134 tỷ đồng.

Động đất

Trong năm 2022, động đất có xu hướng hoạt động rộng và nhiều hơn, trên cả nước đã xảy ra 286 trận động đất xảy ra tại các 10 tỉnh/ thành phố (Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Ninh, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum), trong đó riêng tại tỉnh Kon Tum đã xảy ra 250 trận động đất (chiếm 87,41%), có độ lớn từ 2,5-4,7. Các trận động đất không gây thiệt hại về người và tài sản, tuy nhiên vào ngày 23/8/2022 tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đã xảy ra 01 trận động đất có độ lớn 4,7 (tương đương cường độ trận động đất xảy ra năm 2012 tại thủy điện Sông Tranh 2), trận động đất đã gây rung chấn trong khu vực huyện Kon Plong và các địa phương lân cận (Quảng Nam, Đà Nẵng).

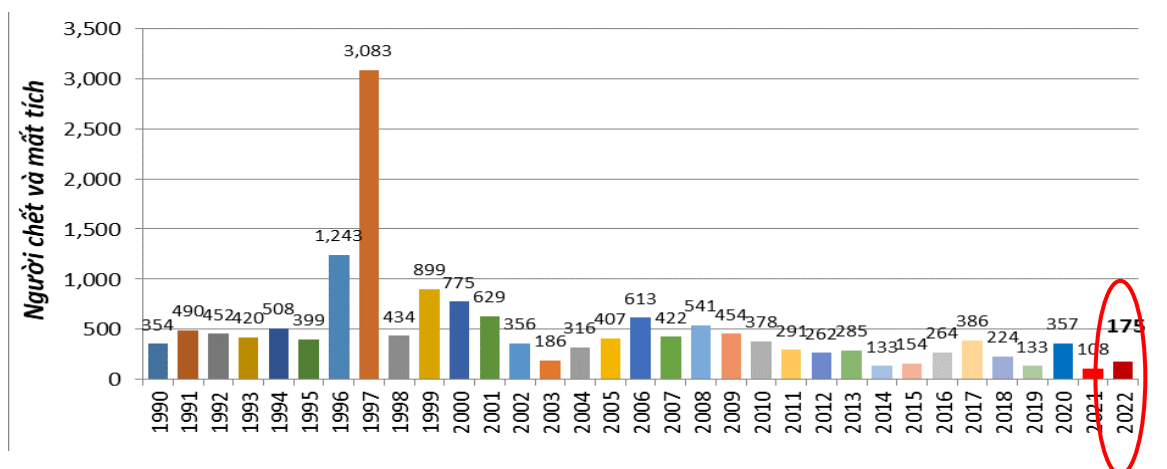
Thiệt hại do thiên tai

Thiên tai năm 2022 đã gây thiệt hại như sau:

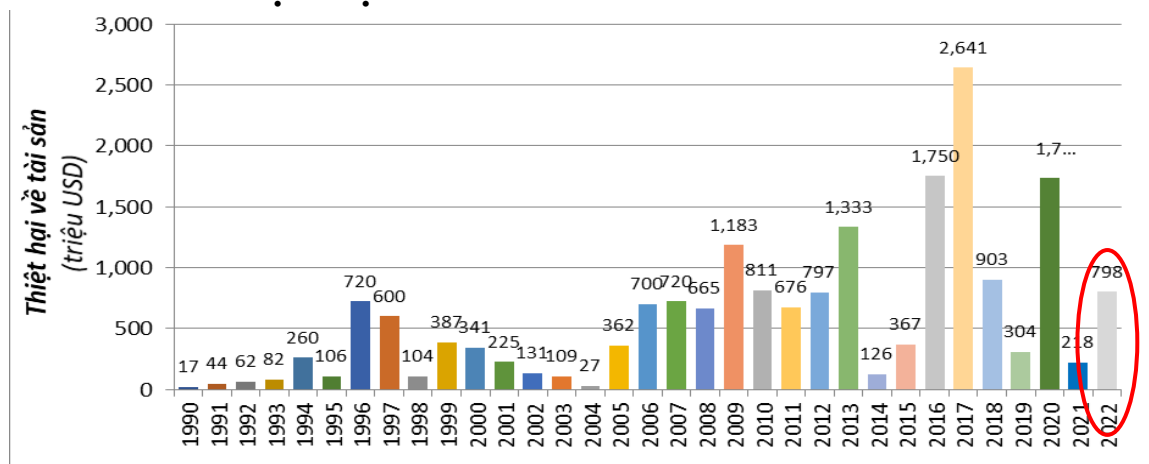
- Về người: 175 người chết, mất tích, 300 người bị thương.
- Về nhà ở: 1.243 nhà sập, 19.826 nhà hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 314.844 ha lúa, hoa màu và 79.186 ha cây trồng khác ngập úng, thiệt hại; 24.689 con gia súc, 868.017 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy sản: 430 ghe, thuyền bị chìm, hư hỏng; 25.306 ha diện tích NTTS, 9.895 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 607,12 km đê, kè, kênh mương bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 290 cầu tạm bị hư hỏng, cuốn trôi; 552,65 km đường GT sạt lở, hư hỏng với khoảng 4,52 triệu m³ đất, đá.

Tổng thiệt hại về kinh tế ước tính khoảng 19.479 tỷ đồng

BIỂU ĐỒ THIẾT HẠI VỀ NGƯỜI DO THIÊN TAI TỪ 1990 – 2022



BIỂU ĐỒ THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN DO THIÊN TAI TỪ 1990 – 2022



(Nguồn số liệu: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

NHỮNG ĐỢT THIÊN TAI LỚN TRONG NĂM 2022

BÃO

Trong năm 2022, có 07 cơn bão và 02 ATNĐ hoạt động trên khu vực biển Đông, trong đó có 04 cơn bão (số 2, 3, 4, 5) ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta (34/63 tỉnh, thành phố) làm 31 người chết, mất tích (do ảnh hưởng của mưa lũ sau bão) và thiệt hại ước tính do bão, mưa lũ sau bão gây ra khoảng 8.735 tỷ đồng (chiếm 44,8% tổng giá trị thiệt hại trên cả nước). Trong đó, 02 cơn bão số 4 và số 5 đã đổ bộ trực tiếp vào đất liền khu vực miền Trung nước ta gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản. Đặc biệt là cơn bão số 4 (NORU) được đánh giá đánh giá mạnh nhất trong 20 năm qua (RRTT cấp 4) kể từ khi cơn bão Xangsane năm 2006 đổ bộ trực tiếp vào thành phố Đà Nẵng và cũng là cơn bão gây thiệt hại lớn nhất về kinh tế so với các cơn bão ảnh hưởng đến đất liền nước ta.

TT	Tên cơn Bão	Cấp độ gió lớn nhất		Người chết, mất tích (người)	Tổng thiệt hại (tỷ đồng)
		Trên biển	Đổ bộ vào đất liền		
1	Bão số 1 (CHABA)	Cấp 12, giật cấp 15			
2	Bão số 2 (MULAN)	Cấp 8-9, giật cấp 11	Cấp 6	10	33,7
3	Bão số 3 (MAON)	Cấp 11, giật cấp 14	Dưới cấp 6	04	22,2
4	Bão số 4 (NORU)	Cấp 14-15, giật trên cấp 17	Cấp 10-11, giật cấp 13	09	5.776
5	Bão số 5 (SONCA)	Cấp 8, giật cấp 10	Cấp 6, giật cấp 8	08	2.400
6	Bão số 6 (NESAT)	Cấp 7, giật cấp 9			
7	Bão số 7 (NALGAE)	Cấp 11-12, giật cấp 14			
Tổng				31	8.735

(Nguồn số liệu: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

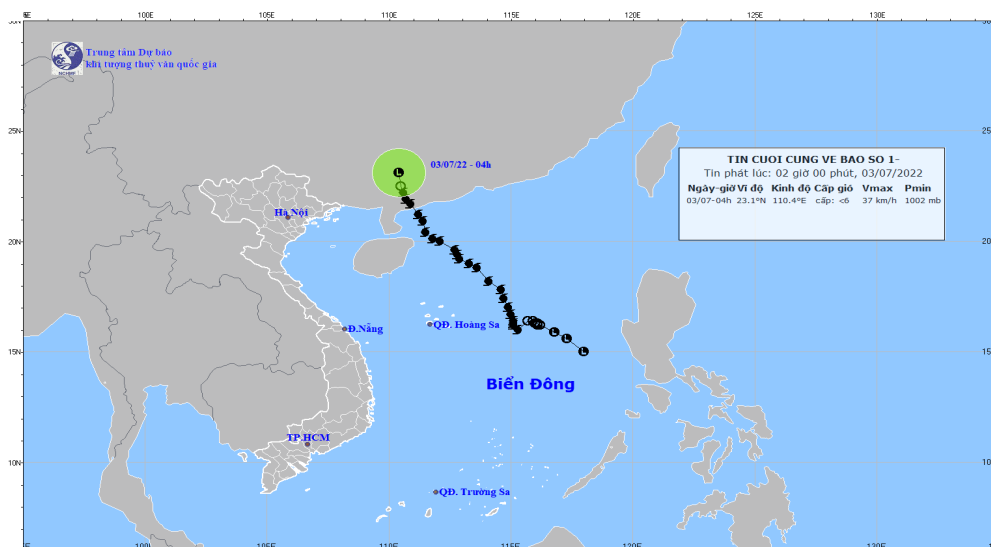
BÃO SỐ 1 (CHABA)

(Từ ngày 27/6-02/7/2022)

1. Diễn biến

1.1. Về bão:

- Tối 28/6, vùng Áp thấp trên khu vực Bắc biển Đông mạnh lên thành ATNĐ. Sáng 30/6, ATNĐ tiếp tục mạnh lên thành bão - cơn bão số 01 (tên quốc tế CHABA).
- Bão đạt sức gió mạnh nhất cấp 12, giật cấp 15 lúc 11h00 ngày 02/7 khi cách bờ biển Quảng Ninh khoảng 380km và đi vào đất liền khu vực phía Đông Bắc bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) lúc 16h00 ngày 02/7 với sức gió mạnh nhất cấp 11, giật cấp 13.
- Đêm 02/7, cơn bão số 1 đã suy yếu thành áp thấp nhiệt đới trên khu vực phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) và tan dần.



Bão số 1 (CHABA) từ ngày 27/6-02/7/2022, gió mạnh cấp 12, giật cấp 15

*** Gió thực đo** tại Vịnh Bắc Bộ và khu vực ven biển: tại Bạch Long Vỹ đạt cấp 7, giật cấp 9; tại Phú Liễn (Hải Phòng) đạt cấp 7, giật cấp 10; tại Uông Bí và Bãi Cháy (Quảng Ninh) đạt cấp 6, giật cấp 8; tại Thái Thụy (Thái Bình) đạt cấp 6.

1.2. Về mưa:

Từ chiều ngày 02-03/7, hầu hết khu vực Bắc Bộ không mưa, cục bộ một số nơi có mưa từ 30-60mm, một số trạm mưa như: Si Pa Phìn (Điện Biên) 120mm; Tiên Sơn (Bắc Giang) 61mm; Đông Xuyên (Hải Phòng) 60mm; Yên Hân (Bắc Kạn) 57mm; Nam Hoà (Thái Nguyên) 65mm.

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành đã quan tâm chỉ đạo Ban Chỉ đạo, các Bộ ngành, địa phương tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, mưa lũ; kịp thời chỉ đạo triển khai ứng phó.

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã xây dựng kịch bản, chỉ đạo các biện pháp ứng phó phù hợp thực tế; các bộ, ngành tổ chức triển khai các nhiệm vụ.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành công điện số 564/CD-TTg ngày 01/7/2022 chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Kạn, Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao; Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tập trung ứng phó bão số 1 và mưa lũ.

- Ban Chỉ đạo đã ban hành:

+ Công điện số 17/CD-TW ngày 30/6/2022 chỉ đạo các tỉnh, thành phố khu vực Bắc Bộ và ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Định chủ động ứng phó với bão số 1 và mưa lũ sau bão.

+ Công điện số 18/CD-QG ngày 30/6/2022 chỉ đạo Chủ tịch UBND - Trưởng ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định về công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền.

+ Thường trực Ban Chỉ đạo đã xây dựng và báo cáo Phó Thủ tướng - Trưởng ban, Lãnh đạo Ban Chỉ đạo về kịch bản ứng phó với 02 tình huống: (1) bão đi ngược lên đổ bộ vào Trung Quốc và (2) bão đi vào vịnh Bắc Bộ, đề xuất các nhiệm vụ cần thực hiện đối với tuyến biển, trên đất liền và khu vực miền núi qua văn bản số 44/QGPCTT ngày 29/6/2022.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành:

+ Công điện số 16/CD-QG ngày 29/6/2022 chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT&TKCN

các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa, các bộ ngành triển khai ứng phó với áp thấp nhiệt đới có khả năng mạnh lên thành bão.

+ Văn bản số 334/VPTT ngày 27/6/2022 gửi Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau để chủ động ứng phó với vùng áp thấp có khả năng mạnh lên thành bão và gió mạnh trên biển.

+ Văn bản số 336/VPTT ngày 28/6/2022 gửi Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa để chủ động ứng phó với vùng áp thấp trên biển Đông.

+ Văn bản số 337/VPTT ngày 29/6/2022 gửi Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định về tăng cường đảm bảo an toàn tàu thuyền ứng phó ATNĐ khả năng mạnh lên thành bão.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Chủ động họp trực tuyến để cập nhật, điều chỉnh phạm vi, tình hình thực tế phù hợp diễn biến bão, mưa lớn với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan:

- Sáng 02/7, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành đã chủ trì cuộc họp với các bộ, ngành, địa phương để ứng phó với bão số 1 (CHABA).



Phó Thủ tướng – Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành chỉ đạo ứng phó với bão số 1

- Chiều 01/7, Thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp trực tuyến với 14 tỉnh/thành phố ven biển Bắc Bộ, Trung Bộ và miền núi Đông Bắc Bộ để triển khai ứng phó với bão và mưa lũ.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thường xuyên liên hệ Lãnh đạo UBND, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.



*Phó trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai Trần Quang Hoà
chủ trì cuộc họp giao ban ứng phó với ATNĐ trên biển Đông ngày 29/6/2022*

2.3 Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

- Tăng cường lực lượng trực ban phòng, chống thiên tai 24/24h để theo dõi sát diễn biến của bão, mưa lũ để tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó với bão và mưa lũ sau bão.
- Thường xuyên đôn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình thực tế như: Kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án điều hành, ứng phó, đặc biệt là việc di dời dân, khách du lịch đang ở trong khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của bão, mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất.
- Theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn qua các bản tin từ Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai chuyên dùng của Ban Chỉ đạo (VNDMS) và tham khảo dự báo của các đài quốc tế, khu vực.
- Tổ chức tính toán, bổ sung kịp thời các kịch bản mưa lớn để chủ động tham mưu vận hành các liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng.

2.4 Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng sẵn sàng ứng phó và tìm kiếm cứu nạn.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão, mưa lớn phục vụ công tác chỉ đạo.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo) chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp.
- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm đếm, cảnh báo tàu thuyền vận tải; phương án đảm bảo an toàn đường bộ, đường thủy, đường hàng không; sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện khắc phục hậu quả mưa lũ, phân luồng đảm bảo giao thông.
- Bộ Công an chỉ đạo một số đơn vị chuyên trách và công an các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa sẵn sàng ứng phó với bão số 1.
- Bộ đội Biên phòng kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn người dân biết vị trí, hướng di chuyển của bão để chủ động phòng tránh.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lớn và công tác chỉ đạo ứng phó.

4. Kết quả chỉ đạo ứng phó

4.1 Về tàu thuyền:

- Đã kiểm đếm, hướng dẫn, đảm bảo an toàn 59.967 tàu/269.462 người từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa.
- Quảng Ninh: Tạm ngừng cấp phép cho các phương tiện vận tải, du lịch biển trong ngày 02/7/2022.
- Hải Phòng: Huyện Cát Hải đã thông báo yêu cầu tất cả tàu du lịch dừng hoạt động trong ngày 02/7/2022.

4.2 Về nuôi trồng thủy sản:

Đảm bảo an toàn cho 79.370 ha diện tích; 14.170 lồng, bè nuôi trồng thủy sản; 3.505 lồng/chòi canh nuôi nhuyễn thể; 3.360 người trên các lồng, bè, chòi canh tại các tỉnh từ Quảng Ninh đến Ninh Bình.

4.3 Về sơ tán, di dời dân, khách du lịch:

Các tỉnh, thành phố khu vực Đông Bắc Bộ đã thông tin, cảnh báo, sẵn sàng phương án sơ tán, di dời người dân, khách du lịch tại các khu vực nguy cơ cao ảnh hưởng của bão, mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất, trong đó Quảng Ninh sơ tán 3.393 khách du lịch trên các đảo về đất liền.

4.4. Về đê điều:

Đảm bảo an toàn 516km hệ thống đê biển, đê cửa sông (278km đê biển, 238km đê cửa sông) các tỉnh từ Quảng Ninh đến Nam Định, trong đó có 30 trọng điểm, vị trí xung yếu và 13 công trình đê, kè biển, cửa sông đang thi công dở dang.

4.5. Về sản xuất nông nghiệp: Đã sẵn sàng phương án tiêu úng cho khoảng 100.000ha lúa mùa.

4.6. Về hồ chứa: Theo dõi chặt chẽ tình trạng, mực nước các hồ chứa khu vực Bắc Bộ; chỉ đạo thường trực sẵn sàng vận hành, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo an toàn công trình và hạ du.

4.7. Về giao thông: Sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện đảm bảo an toàn giao thông tại 1.208 vị trí nguy cơ sạt lở và ngập sâu, chia cắt (Cao Bằng 04, Lạng Sơn 936, Bắc Kạn 100, Thái Nguyên 129, Bắc Giang 39).

5. Thiệt hại: Chiều ngày 01/7, có 02 tàu/08 người của tỉnh Quảng Trị bị chìm; 08 ngư dân đã được cứu vớt an toàn.

6. Nhận xét:

Bão số 1 là cơn bão đầu mùa, cường độ mạnh khi đi vào gần đất liền và có diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của cơn bão phía Đông Philippines, tác động trên phạm vi rộng trên biển Đông (từ Giữa biển Đông đến hết vịnh Bắc Bộ) là khu vực nhiều tàu thuyền trên biển, ven bờ và các hoạt động du lịch, kinh tế khác.

Bão tăng cấp nhanh khi đi vào gần khu vực quần đảo Hoàng Sa và phía Đông đảo Hải Nam (Trung Quốc); tăng 03 cấp từ cấp 8-9, giạt cấp 11 (lúc 16h/30/6) lên cấp 11, giạt cấp 14 (lúc 10h/01/7) và đạt sức gió mạnh nhất cấp 12, giạt cấp 15 (11h/02/7).

Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, các Bộ ngành đã chỉ đạo triển khai các biện pháp sẵn sàng ứng phó với bão số 1; các địa phương thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, đưa tàu thuyền, người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời điều chỉnh theo diễn biến của bão để đảm bảo an toàn đồng thời duy trì hoạt động kinh tế xã hội.

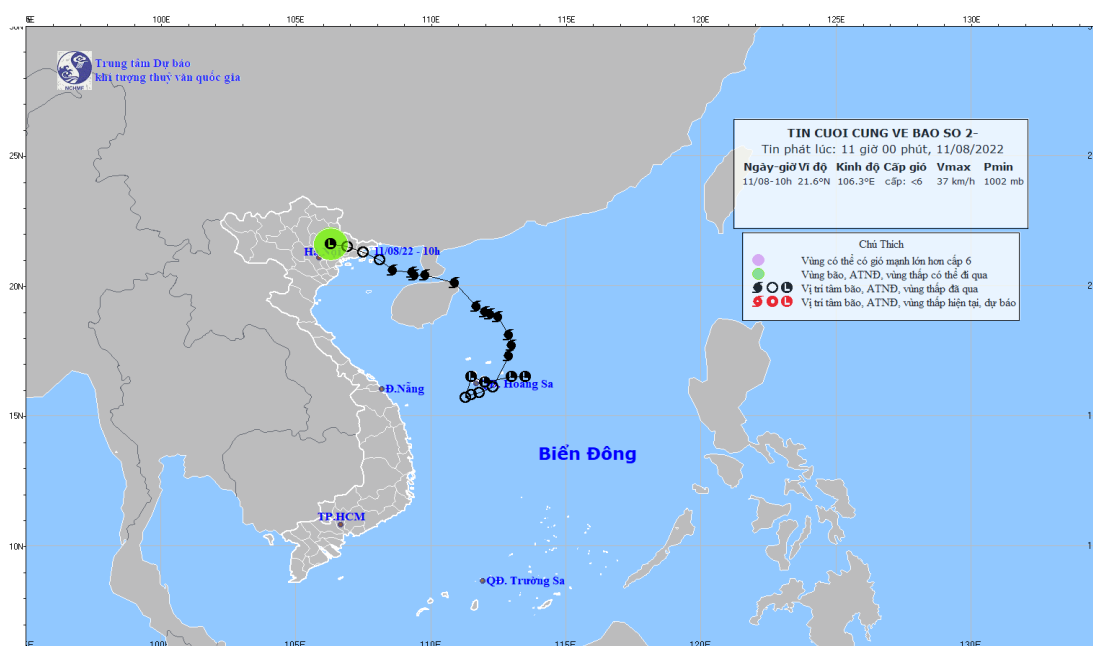
BÃO SỐ 2 (MULAN)

(Từ ngày 08-11/8/2022)

1. Diễn biến

1.1. Tình hình bão

- Chiều 08/8, vùng áp thấp trên khu vực Bắc biển Đông đã mạnh lên thành ATNĐ. Chiều 09/8, ATNĐ tiếp tục mạnh lên thành bão - cơn bão số 02.
 - Sức gió mạnh nhất cấp 8-9, giật cấp 11 lúc 10h00 ngày 10/8 trên khu vực phía Đông Bắc đảo Hải Nam (Trung Quốc), cách đảo Bạch Long Vĩ khoảng 350km về phía Đông Đông Bắc và đi vào khu vực Bắc vịnh Bắc Bộ, suy yếu thành ATNĐ.
 - Sáng sớm 11/8, ATNĐ suy yếu từ cơn bão số 2 đi vào khu vực các tỉnh Quảng Ninh - Hải Phòng với sức gió cấp 6.
- * Hoàn lưu ATNĐ gây gió thực đo tại Bạch Long Vĩ đạt cấp 6; tại Phù Liễn (Hải Phòng) đạt cấp 4; tại Cô Tô (Quảng Ninh) đạt cấp 4. Các trạm khác gió đạt cấp 3.



Bão số 2 (MULAN) từ ngày 08-11/8/2022, gió mạnh cấp 8-9, giật cấp 11

1.2. Về mưa

Từ chiều tối ngày 10/8 đến ngày 12/8, khu vực Bắc Bộ đến Nghệ An có mưa phổ biến 50-120mm, riêng Quảng Ninh, Hoà Bình, Hà Nội, Thanh Hoá mưa 150-300mm; Hải Phòng, Phú Thọ, Lạng Sơn, Sơn La mưa 100-200mm; một số trạm có mưa lớn hơn: Cô Tô (Quảng Ninh) 291mm; Xuân Phong (Hoà Bình) 325mm; Hồ Trộng (Hoà Bình) 311mm; Hoài Đức (Hà Nội) 320mm.

1.3. Tình hình lũ

Mưa lớn gây lũ trên BĐ2 tại thượng nguồn sông Bưởi, tỉnh Thanh Hoá và sông Bôi, tỉnh Hoà Bình; sông Đáy, tỉnh Hà Nam ở mức trên BĐ1.

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

Căn cứ vào các bản tin dự báo, nhận định đây là cơn bão có hướng di chuyển phức tạp, hình thành ngay trên biển Đông, ảnh hưởng đến vịnh Bắc Bộ có nhiều tàu thuyền đánh bắt ven bờ và các hoạt động du lịch, kinh tế khác. Trên cơ sở cường độ thiên tai, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai Lê Văn Thành giao Thường trực Ban Chỉ đạo theo dõi chặt chẽ diễn biến bão, chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó và thường xuyên báo cáo lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai ứng phó với bão (Văn bản số 5051/VPCP-NN ngày 09/8/2022), trong đó giao Thường trực Ban Chỉ đạo theo dõi chặt chẽ diễn biến ATNĐ/bão, mưa lũ để chủ động triển khai công tác ứng phó.

- Ban Chỉ đạo đã ban hành:

+ Công điện số 23/CĐ-QG chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hoà về ứng phó bão; công điện số 24/CĐ-QG chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hoà và các tỉnh miền núi phía Bắc đến Nghệ An ứng phó với bão, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất.

+ Văn bản số 61/QGPCTT chỉ đạo các tỉnh miền núi phía Bắc ứng phó với mưa lớn, nguy cơ lũ quét, sạt lở đất do hoàn lưu của bão.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành: 03 văn bản chỉ đạo sớm (ngay từ khi có nhận định về có khả năng hình thành vùng áp thấp trên biển Đông) và đôn đốc, hướng dẫn triển khai ứng phó với bão, mưa lũ.

+ Văn bản số 416/VPTT ngày 08/8/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa về việc chủ động ứng phó với vùng Áp thấp có khả năng mạnh lên thành ATNĐ trên biển Đông.

+ Văn bản số 422/VPTT ngày 10/8/2022 gửi các tỉnh, thành phố Quảng Ninh,

Hải Phòng, Thái Bình về việc chủ động ứng phó với bão số 2.

+ Văn bản số 424/VPTT ngày 11/8/2022 gửi các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình, các tỉnh miền núi phía Bắc về việc chủ động ứng phó với mưa lớn, hoàn lưu áp thấp nhiệt đới.

2.2. Thành lập đoàn công tác và Tổ chức họp chỉ đạo

- Ngày 10/8, Ban Chỉ đạo đã tổ chức đoàn công tác do Thứ trưởng - Phó Trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp, Phó Trưởng ban Trần Quang Hoài đi kiểm tra, chỉ đạo công tác sẵn sàng ứng phó với bão tại Quảng Ninh và Hải Phòng.

- Từ ngày 09-11/8, tổ chức họp giao ban với cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan để ứng phó với ATNĐ/bão và mưa lũ sau bão.

- Thường xuyên liên hệ Lãnh đạo UBND, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.



Thứ trưởng - Phó trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp và Tổng cục trưởng Tổng cục PCTT - Phó trưởng Ban Trần Quang Hoài đi kiểm tra, chỉ đạo công tác sẵn sàng ứng phó với bão tại Cảng Tuần Châu, Quảng Ninh

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

- Tăng cường lực lượng trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 09/8 đến 12/8.

- Thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân, khách du lịch đang ở trong khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của bão, mưa lũ sau bão, lũ quét, sạt lở đất.

- Theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai chuyên dùng của Ban Chỉ đạo (VNDMS) và tham khảo dự báo của các đài quốc tế, khu vực.

2.4. Các bộ, ngành

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban chỉ đạo:

- + Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất phương án chỉ đạo ngay khi hình thành ATNĐ trên biển Đông (báo cáo số 59/QGPCTT ngày 08/8/2022);

- + Thực hiện nhiệm vụ Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo giao về chỉ đạo điều hành ứng phó với bão (văn bản số 5051/VPCP-NN ngày 09/8); chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, sẵn sàng bơm tiêu nước đê chống úng.

- + Chỉ đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai – Văn phòng thường trực tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão, mưa lũ và tham mưu chỉ đạo, ứng phó.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão, mưa lớn phục vụ công tác chỉ đạo (28 bản tin dự báo về bão; 14 bản tin cảnh báo mưa lớn; 03 bản tin cảnh báo lũ).

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng sẵn sàng ứng phó và tìm kiếm cứu nạn (400.000 cán bộ, chiến sỹ/2.300 phương tiện trực ứng phó).

- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm đếm, cảnh báo tàu thuyền vận tải và đảm bảo an toàn giao thông; sẵn sàng vật tư, phương tiện để xử lý sự cố đảm bảo giao thông thông suốt.

- Bộ Công an chỉ đạo một số đơn vị chuyên trách và công an các tỉnh/thành phố

từ Quảng Ninh đến Thái Bình sẵn sàng ứng phó với bão.

- Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển tránh trú bão; tổ chức bắn pháo hiệu từ Quảng Ninh đến Nam Định.
- Bộ Công Thương chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện; phương án cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu khu vực nguy cơ ảnh hưởng của bão, mưa lũ; phương án đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện.
- Bộ Ngoại giao chủ động liên hệ các quốc gia trong khu vực đề nghị tạo điều kiện cho ngư dân, tàu cá tránh trú và hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua công điện và các kênh thông tin khác chỉ đạo địa phương chủ động ứng phó đồng thời có biện pháp khắc phục, xử lý thiệt hại do cơn bão gây ra.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lớn và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

3.1. Về tàu thuyền

- Đã kiểm đếm, hướng dẫn, đảm bảo an toàn 52.249 tàu/228.960 người từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa.
- Tổ chức bắn pháo hiệu 2 đợt tại 10 điểm từ Quảng Ninh đến Nam Định.
- * Sự cố tàu thuyền: Ngày 08-09/8, đã xảy ra 05 sự cố tàu thuyền bị hỏng máy khu vực ven bờ, trong đó: Hà Tĩnh 01 tàu/05 ngư dân đã được tàu biên phòng lai dắt về bờ; Quảng Bình 04 tàu/16 ngư dân đã được các tàu kiểm ngư, tàu cứu nạn, các tàu trong tổ đội cứu vớt ngư dân (01 tàu/01 ngư dân bị chìm) và được lai dắt vào bờ an toàn.
- Tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu, đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống cháy nổ.

3.2. Về nuôi trồng thủy sản

Đảm bảo an toàn cho 98.303 ha diện tích, 20.861 lồng, bè nuôi trồng thủy sản, 2.851 chòi canh với 6.302 người từ Quảng Ninh đến Thanh Hoá.

3.3. Về sơ tán, di dời dân, khách du lịch

Các tỉnh, thành phố khu vực Đông Bắc Bộ đã thông tin, cảnh báo, sẵn sàng phương án sơ tán, di dời người dân, khách du lịch tại các khu vực nguy cơ cao ảnh hưởng của bão, mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất.

Quảng Ninh, Hải Phòng đã di chuyển 1.175/4.333 khách du lịch trên các đảo về đất liền; lượng khách còn lại trên đảo được bố trí nơi ở an toàn.

3.4. Về đê điều

Đảm bảo an toàn cho 34 trọng điểm, vị trí xung yếu và 05 công trình đê, kè biển, cửa sông đang thi công dở dang trên các tuyến đê biển, đê cửa sông tại các tỉnh từ Quảng Ninh đến Nghệ An.

3.5. Về sản xuất nông nghiệp

Đã sẵn sàng phương án tiêu úng cho khoảng 01 triệu ha lúa Mùa; 235.500 ha cây ăn quả.

3.6. Về hồ chứa

Tổ chức thường trực sẵn sàng vận hành, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo an toàn công trình và hạ du, nhất là 329 hồ chứa hư hỏng, xuống cấp và 141 hồ chứa đang thi công khu vực Bắc Bộ.

3.7. Về giao thông

Sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện đảm bảo an toàn giao thông tại 2.362 vị trí nguy cơ sạt lở và ngập sâu, chia cắt.

3.8. Về công tác cung cấp thông tin cho chính quyền và người dân vùng bão, mưa lớn

- Đài THVN, các cơ quan thông tấn, báo chí kịp thời đưa tin tới cộng đồng về diễn biến của ATNĐ/bão số 02, công tác chỉ đạo ứng phó;
- Các trang mạng xã hội, website của Ban Chỉ đạo đăng tải hơn 50 tin bài với hơn 320.000 lượt tiếp cận;
- Tổ chức 02 đợt tin nhắn Zalo cảnh báo bão, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất và các khuyến cáo, hướng dẫn kỹ năng cho gần 4 triệu người tại các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hoà Bình, Sơn La, Quảng Ninh, Phú Thọ, Yên Bái, Thanh Hoá; các cơ quan báo chí đăng tải hơn 450 bài viết về bão, mưa lớn và công tác chỉ đạo ứng phó.

4. Thiệt hại

4.1. Trong bão

- Không có thiệt hại về người;
- Về tàu thuyền: 02 tàu chìm, 03 tàu hư hỏng được lai dắt vào bờ an toàn.

4.2. Mưa lũ sau bão

Mưa lớn tại các tỉnh Bắc Bộ đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 08 người chết (Lào Cai 01; Hoà Bình 05; Phú Thọ 01; Tuyên Quang 01), 02 người mất tích (Lào Cai 01; Sơn La 01) do bị lũ cuốn trôi khi đi qua suối, ngâm tràn;
- Về nhà ở: 03 nhà sập hoàn toàn; 52 nhà hư hỏng, tốc mái; 370 nhà ngập nước.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 19.231 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 27 con gia súc, 280 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về đê điều, thủy lợi: 920 m đê, kè, kênh mương; 170 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 686 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng trên 44.996 m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính thiệt hại khoảng 33,7 tỷ đồng.

5. Nhận xét:

- Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, các Bộ ngành đã chỉ đạo triển khai các biện pháp sẵn sàng ứng phó với bão số 2 một cách kịp thời, chủ động và sát với thực tiễn kể cả về thời điểm, phạm vi và cấp độ.
- Mặc dù mưa lớn vùng lòng hồ Hoà Bình, lưu lượng về lớn (6.252m³/s) nhưng do công tác vận hành hồ chứa trước đó theo đúng quy trình, mực nước thấp hơn mức đón lũ nên hồ cắt giảm lũ hiệu quả, đảm bảo an toàn hạ du và giữ mực nước hồ sau lũ theo quy định.
- Các địa phương thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể cho thuyền trưởng các phương tiện đưa tàu thuyền, người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời điều chỉnh phương án ứng phó theo diễn biến thực tế của bão để đảm bảo an toàn đồng thời duy trì hoạt động kinh tế xã hội. Công tác cứu hộ cứu nạn các tàu gặp sự cố được triển khai kịp thời.

BÃO SỐ 3 (MA-ON)

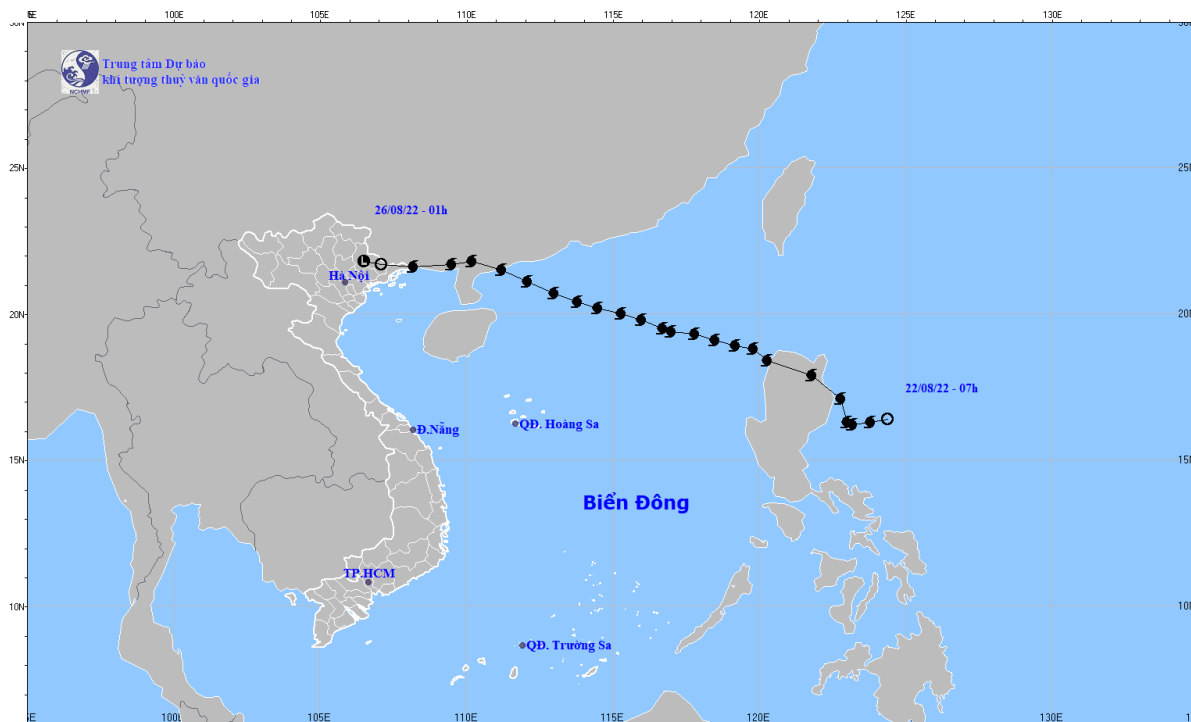
(Từ ngày 22-26/8/2022)

1. Diễn biến thực tế

1.1 Tình hình bão

- Chiều ngày 22/8, Áp thấp nhiệt đới hoạt động ở phía Đông đảo Lu-dông (Philippines) mạnh lên thành bão (tên quốc tế Ma-on). Tối ngày 23/8, bão đi vào khu vực Đông Bắc biển Đông - cơn bão số 3.
- Sức gió mạnh nhất trên biển cấp 11, giạt cấp 14 từ 10h00 ngày 24/8 đến 04h00 ngày 25/8 trên khu vực phía Đông Đông Nam bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc).
- Trưa 25/8, bão đi vào khu vực Bắc bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc); sức gió mạnh nhất cấp 9, giạt cấp 11; tối ngày 25/8, bão suy yếu thành ATNĐ; sáng sớm 26/8, suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực vùng núi phía Bắc.

Gió thực đo tại Bạch Long Vĩ đạt cấp 6, giạt cấp 9; tại Cô Tô (Quảng Ninh) đạt cấp 6, giạt cấp 7; tại Phù Lễn (Hải Phòng) gió giạt cấp 7.



Bão số 3 (MA-ON) từ ngày 22-26/8/2022, gió mạnh cấp 11, giạt cấp 14

1.2 Về mưa

Từ ngày 25-26/8, khu vực Đồng bằng, Trung du và một số tỉnh miền núi phía Bắc có mưa phổ biến 100-200mm, riêng Quảng Ninh, Hải Phòng có mưa từ 200-400mm; một số trạm có tổng lượng mưa lớn hơn: Cẩm Phả (Quảng Ninh)

453mm; Long Dinh (Quảng Ninh) 403mm; Tiên Lãng (Hải Phòng) 457mm; Kỳ Lâm (Tuyên Quang) 255mm; Bình Liêu (Bắc Giang) 279mm; Lương Nha (Phú Thọ) 241mm; Cổ Ngựa (Hải Dương) 214mm.

1.3. Tình hình lũ

Mưa lớn đã gây lũ BĐ3 trên thượng lưu sông Phó Đáy (Vĩnh Phúc, lũ BĐ1-2 trên các sông Lục Nam, sông Thương (Bắc Giang), sông Bùi (Hòa Bình), sông Bứa (Phú Thọ), đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Phó Đáy tại Quảng Cự (Vĩnh Phúc) là 30,02m (12h/26/8), trên BĐ3 là 0,52m.
- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam (Bắc Giang) là 5,72m (01h/27/8), trên BĐ2 là 0,42m.
- Trên sông Thương tại Cầu Sơn (Bắc Giang) là 15,81m (05h/27/8), dưới BĐ3 là 0,19m.
- Trên sông Cầu tại Gia Bảy (Thái Nguyên) là 26,04m (06h/27/8), trên BĐ2 0,04m.
- Trên sông Bứa tại Thanh Sơn (Phú Thọ) là 25,76m, dưới BĐ3 là 0,24m (10h/26/7).

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

Căn cứ vào các bản tin dự báo, nhận định đây là cơn bão đổ bộ vào Trung Quốc nhưng sẽ ảnh hưởng đến vịnh Bắc Bộ có nhiều tàu thuyền đánh bắt ven bờ, các hoạt động du lịch, kinh tế khác và gây mưa lớn cho khu vực Bắc Bộ, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức theo dõi, giám sát, phân tích, chỉ đạo ứng phó linh hoạt, sát diễn biến thực tế của bão, mưa lũ; chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó và thường xuyên báo cáo lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo đã ban hành Công điện số 26/CĐ-QG hồi 17h00 ngày 23/8/2022 chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh - Phú Yên về ứng phó bão.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành:
 - + 01 văn bản chỉ đạo sớm (ngay từ khi có nhận định về có khả năng hình thành bão trên biển Đông)
 - + 03 Công điện (số 27/CĐ-QG ngày 24/8/2022; số 28/CĐ-VPTT ngày 25/8/2022) chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển ứng phó với bão, các tỉnh Bắc Bộ ứng phó mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, gió mạnh do hoàn lưu bão và đôn đốc, hướng dẫn triển khai ứng phó với bão, mưa lũ, trong đó căn cứ diễn biến cụ thể của bão, mưa lũ, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể các địa phương trọng điểm ứng phó (Quảng Ninh, Hải Phòng, Lạng Sơn).

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

- Ngày 24/8, Phó Trưởng ban Trần Quang Hoài chủ trì cuộc họp với cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan để nhận định tình hình, chỉ đạo triển khai ứng phó với bão và mưa lũ sau bão.
- Thường xuyên liên hệ Lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.



Phó Trưởng ban Trần Quang Hoài chủ trì cuộc họp ứng phó với cơn bão số 3(MA-ON)

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 24/8 đến 26/8:
- Thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: Kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân, khách du lịch vùng nguy cơ cao ảnh hưởng của bão, nguy cơ mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất; xác định các trọng điểm ngập lụt, bố trí lực lượng canh gác để hạn chế thiệt hại về người.
- Theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát chuyên dùng của Ban Chỉ đạo, tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến, theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án ứng phó phù hợp nhất.

2.4. Các bộ, ngành

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban Chỉ đạo:
 - + Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai Lê Văn Thành đề xuất phương án chỉ đạo ngay khi hình thành bão có khả năng đi vào biển Đông (báo cáo số 65/QGPCTT ngày 23/8);
 - + Chỉ đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai - Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão, mưa lũ; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành và tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với ATNĐ/bão và mưa lũ sau bão; thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.
 - + Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, bơm tiêu nước đê mố chống úng.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão, mưa lớn phục vụ công tác chỉ đạo (24 bản tin dự báo về bão; 14 bản tin cảnh báo mưa lớn; 10 bản tin cảnh báo lũ).
- Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn 52.076 tàu/228.460 người từ Quảng Ninh đến Bình Định di chuyển tránh trú bão; tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu; bắn pháo hiệu tại 14 điểm từ Quảng Ninh đến Nghệ An.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua công điện và các kênh thông tin khác chỉ đạo địa phương chủ động ứng phó đồng thời có biện pháp khắc phục, xử lý thiệt hại do cơn bão gây ra.
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Ngoại giao, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Y tế, các cơ quan có liên quan đã có các công điện, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai phương án ứng phó với bão, mưa lũ.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lớn và công tác chỉ đạo ứng phó.

4. Kết quả chỉ đạo ứng phó

4.1. Về tàu thuyền

- Đảm bảo an toàn 52.249 tàu/228.960 người từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa.
- Tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu, đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống cháy nổ.

4.2. Về sơ tán, di dời dân, khách du lịch

Các tỉnh, thành phố khu vực Đông Bắc Bộ đã thông tin, cảnh báo, sẵn sàng phương án sơ tán, di dời người dân, khách du lịch tại các khu vực nguy cơ cao ảnh hưởng của bão, mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất, trong đó:

- Khách du lịch: Quảng Ninh, Hải Phòng đã di chuyển 1.502 khách du lịch trên các đảo về đất liền; 1.688 khách còn lại trên đảo được bố trí nơi ở an toàn.
- Tỉnh Quảng Ninh đã sơ tán 203 hộ dân khu vực ngập sâu ven sông thuộc TP Uông Bí, huyện Tiên Yên và Ba Chẽ đến nơi an toàn.

4.3. Về đê điều

Các địa phương đã tổ chức triển khai tuần tra, canh gác đảm bảo an toàn đê điều; Các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, TP Hải Phòng đã huy động lực lượng xử lý giờ đầu 07 sự cố hệ thống đê điều (Quảng Ninh 01; Hải Phòng 03; Hải Dương 03), đắp hoàn trả các sự cố sạt trượt thân đê; tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ để sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có tình huống.

4.4. Về sản xuất nông nghiệp

Đã sẵn sàng phương án tiêu úng cho khoảng 01 triệu ha lúa Mùa; 235.500 ha cây ăn quả.

4.5. Về hồ chứa

Tổ chức thường trực sẵn sàng vận hành, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo an toàn công trình và hạ du, nhất là 329 hồ chứa hư hỏng, xuống cấp và 141 hồ chứa đang thi công khu vực Bắc Bộ.

4.6. Về giao thông

Sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện đảm bảo an toàn giao thông tại 2.066 vị trí nguy cơ sạt lở và ngập sâu, chia cắt³.

³ Lạng Sơn 67; Cao Bằng 36; Hà Giang 104; Lào Cai 700; Lai Châu 200; Điện Biên 205; Bắc Giang 15; Thái Nguyên 131; Bắc Kạn 150; Tuyên Quang 378; Hòa Bình 57; Phú Thọ 23

4.7. Về công tác cung cấp thông tin diễn biến bão và công tác chỉ đạo ứng phó

- Thông tin diễn biến của bão, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó của Ban Chỉ đạo, các bộ ngành đến các cơ quan thông tấn, báo chí, các nhóm đối tượng được cập nhật thường xuyên, nhất là người dân khu vực chịu tác động bão, mưa lớn.
- Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí kịp thời đưa tin tới cộng đồng về diễn biến của bão số 3, các công điện, văn bản chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực, công tác chỉ đạo ứng phó; các trang mạng xã hội (Fanpage Thông tin Phòng, chống thiên tai, Zalo Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT), website của Ban Chỉ đạo đăng tải hơn 50 tin bài với khoảng 250.000 lượt tiếp cận trong đó có cảnh báo, khuyến cáo và hướng dẫn kỹ năng ứng phó với về bão, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất cho cộng đồng; các cơ quan báo chí đăng tải hơn 250 tin, bài về bão, mưa lớn và công tác chỉ đạo ứng phó.

5. Thiệt hại

5.1. Trong bão

Không có thiệt hại về người.

5.2. Mưa lũ sau bão

Mưa lớn tại các tỉnh Bắc Bộ đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 04 người chết do lũ cuốn (Điện Biên 01; Bắc Kạn 01; Vĩnh Phúc 01; Hòa Bình 01).
- Về nhà: 02 nhà bị sập hoàn toàn; 198 nhà bị tốc mái, hư hỏng (Tuyên Quang 21; Điện Biên 02; Cao Bằng 14; Bắc Kạn 61; Bắc Giang 02; Phú Thọ 01; Thái Nguyên 05; Hòa Bình 07; Vĩnh Phúc 01; Quảng Ninh 06; Lạng Sơn 78).
- Về nông, lâm nghiệp: 4.785 ha lúa, hoa màu bị ngập, thiệt hại; 17.703 cây ăn quả bị ngập, gãy đổ; 740 cây xanh đô thị bị gãy đổ.
- Về chăn nuôi, thủy sản: 42 con gia súc, 11.885 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 189 ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về Thủy lợi: 314 m đê, kè, kênh mương; 600 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về Giao thông: 737 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với 16.114m³ đất đá, bê tông.
- Đê điều: 07 sự cố đê điều (Hải Phòng 03; Hải Dương 03; Quảng Ninh 01).

6. Nhận xét

Một số nhận xét chính rút ra từ công tác chỉ đạo, ứng phó với bão và mưa lũ của các cấp từ Trung ương đến địa phương như sau:

- Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn đã có nhận định sớm về bão; cung cấp kịp thời bản tin dự báo bão, mưa lũ phù hợp với thực tế diễn biến để phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó.
- Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực, các Bộ ngành đã chỉ đạo triển khai các biện pháp:
 - + Sẵn sàng ứng phó với bão số 3 một cách kịp thời, chủ động và sát với thực tiễn kể cả về thời điểm, phạm vi và cấp độ;
 - + Khoanh vùng, xác định khu vực trọng điểm (03 tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Lạng Sơn) để chỉ đạo, đảm bảo an toàn;
 - + Chỉ đạo các địa phương triển khai ứng phó phù hợp với diễn biến bão, mưa lũ thực tế, hạn chế thiệt hại; đặc biệt cấm biển cảnh báo, bố trí lực lượng canh gác tại các khu vực đang ngập sâu và các ngầm tràn.
- Vẫn còn thiệt hại về người do bất cẩn tham gia giao thông khi đi qua suối và ngầm tràn bị ngập sâu.

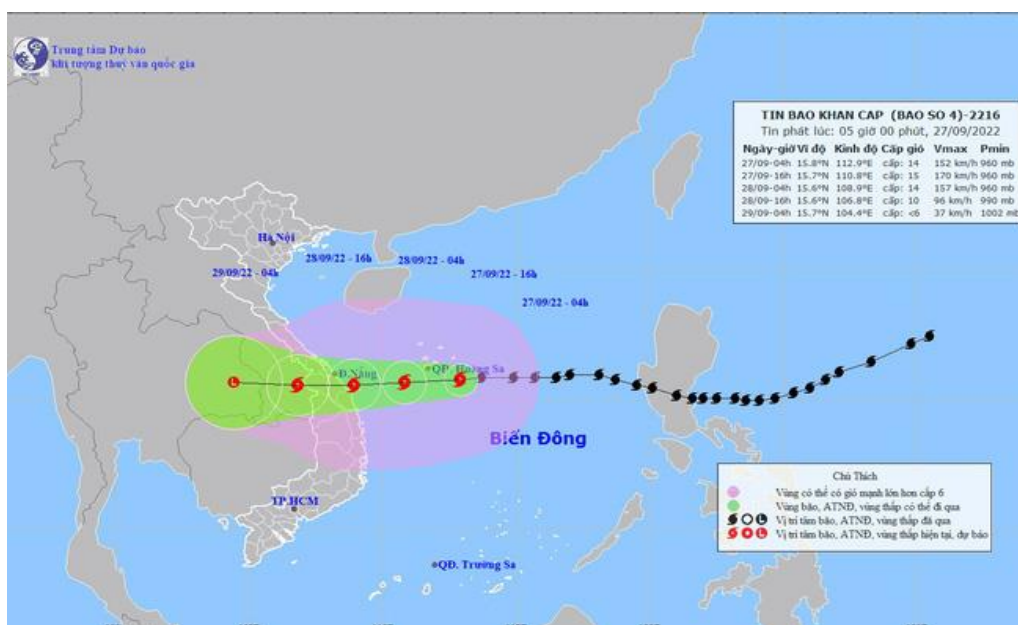
BÃO SỐ 4 (NORU)

1. Diễn biến thực tế

Bão Noru (bão số 4) đổ bộ vào đất liền nước ta khu vực từ thành phố Đà Nẵng đến tỉnh Quảng Nam với sức gió mạnh nhất cấp 9, giật cấp 13 và gây mưa lớn tại các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị - Quảng Ngãi, hoàn lưu sau bão tiếp tục gây mưa tại khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Đồng bằng Bắc Bộ, trong đó tại tỉnh Nghệ An đã có mưa lớn diện rộng gây lũ, ngập lụt, đặc biệt xảy ra sạt lở đất, lũ quét nghiêm trọng tại huyện Kỳ Sơn.

1.1. Tình hình bão

- Ngày 23/9, Áp thấp nhiệt đới hoạt động ở phía Đông đảo Lu-dông (Philippines) mạnh lên thành bão (tên quốc tế Noru); bão liên tục tăng cấp (trong vòng 30 tiếng, bão đã tăng 7 cấp từ cấp 8-9 lên cấp 15, giật trên cấp 17) và đạt sức gió mạnh nhất cấp 15, giật trên cấp 17 vào 08h00 ngày 25/9.
- Chiều tối ngày 25/9, bão đổ bộ vào Philippines với cường độ cấp 15, giật cấp 17.
- Rạng sáng ngày 26/9, bão suy giảm cường độ và đi vào biển Đông, gió cấp 12-13, giật cấp 14; di chuyển nhanh 20-25km/h theo hướng Tây.
- Sáng ngày 27/9 bão tăng cấp trở lại, đạt cấp 15, giật trên cấp 17 khi di chuyển tới khu vực phía Nam quần đảo Hoàng Sa.
- Rạng sáng 28/9, bão đổ bộ vào khu vực giữa Đà Nẵng đến Quảng Nam, đi sâu vào đất liền các tỉnh, thành phố Trung Trung Bộ và suy yếu thành ATNĐ.



Bão số 4 (NORU) từ ngày 22-26/8/2022, gió mạnh cấp 15, giật cấp 17

*** Gió thực đo:**

- Các đảo: Cù Lao Chàm (Quảng Nam) cấp 11, giạt cấp 14; Lý Sơn (Quảng Ngãi) cấp 10, giạt cấp 12; Cồn Cỏ (Quảng Trị) cấp 7, giạt cấp 9;
- Đất liền: Tam Kỳ (Quảng Nam) cấp 9, giạt cấp 13; Đà Nẵng gió giạt cấp 8; Nam Đông (Thừa Thiên Huế) gió giạt cấp 9.

1.2. Về mưa:

- Từ ngày 27-28/9, các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi và Kon Tum có mưa lớn từ 150-350mm, một số trạm có mưa lớn như: Bạch Mã (Thừa Thiên Huế) 575mm, Khe Tre (Thừa Thiên Huế) 362mm, Việt An (Quảng Nam) 628mm, Lý Sơn (Quảng Ngãi) 337mm.
- Từ ngày 28/9-02/10, các tỉnh, thành phố khu vực Nam đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có mưa lớn từ 200-400mm, riêng tỉnh Nghệ An có mưa từ 300-500mm; một số trạm có mưa lớn như: Văn Lý (Nam Định) 501mm; Thái Thụy (Thái Bình) 409mm; Nho Quan (Ninh Bình) 512mm; Thăng Thọ (Thanh Hoá) 431mm; Quỳnh Lưu (Nghệ An) 662mm; Con Cuông (Nghệ An) 650mm; Thanh Thủy (Nghệ An) 624mm; Hương Quang (Hà Tĩnh) 564mm; Phú Gia (Hà Tĩnh) 514mm.

1.3. Tình hình lũ:

Mưa lớn đã gây lũ BĐ1-2 trên các sông từ Quảng Trị đến Quảng Nam (từ ngày 27-28/9) và BĐ2-3 trên các sông ở tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh (từ ngày 29/9-05/10), đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Thạch Hãn (Quảng Trị) tại Cửa Việt 1,36m (3h/28/9), trên BĐ1 là 0,36m.
- Trên sông Hương (Thừa Thiên Huế) tại Kim Long là 1,57m (03h/28/9), dưới BĐ2 là 0,43m.
- Trên sông Cẩm Lệ (Đà Nẵng) tại Cẩm Lệ là 1,55m, trên BĐ1 là 0,55m.
- Trên sông Thu Bồn (Quảng Nam) tại Hội An là 1,64m (13h/28/9), trên BĐ2 là 0,14m; sông Vu Gia tại Ái Nghĩa là 8,83m (13h/28/9), dưới BĐ3 là 0,17m.
- Trên sông Cả (Nghệ An) tại Nam Đàn là 7,22m, trên BĐ2: 0,32m (19h/30/9).
- Trên sông Lam (Nghệ An) tại Chợ Trảng 4,38m (09h/01/10), trên BĐ2: 0,38m; tại Yên Thượng 9,02m (16/30/9), trên BĐ3: 0,02m.
- Trên sông Ngàn Phố (Hà Tĩnh) tại Sơn Diệm 12,66m (12h/29/9), dưới BĐ3: 0,38m.

1.4. Về nước dâng:

- Mức nước cao nhất tại trạm Sơn Trà (Đà Nẵng) là 2,4m (lúc 0h00 ngày 28/9), cao hơn trong bão Xangsane năm 2006: 2,38m.
- Nước dâng do bão lớn nhất tại trạm Sơn Trà (Đà Nẵng) 1,2m; tại Lý Sơn (Quảng Ngãi) 1,1m; tại Cồn Cỏ (Quảng Bình) 0,62m (thời gian từ 23h/27/9-02h/28/9).

1.5. Về ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất:

Mưa lớn đã gây ngập lụt trên diện rộng tại các khu vực trũng thấp, ven sông các tỉnh từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh làm 19.568 nhà ngập (thời điểm ngập lớn nhất ngày 30/9-01/10: Thanh Hoá 199 nhà, Nghệ An 17.489 nhà, Hà Tĩnh 1.880 nhà).

Đặc biệt, từ đêm 01/10 đến sáng 02/10, trên địa bàn huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An đã xảy ra mưa rất to 207mm, tập trung trong thời gian ngắn đã gây lũ quét, sạt lở đất tại thị trấn Mường Xén và xã Tà Cạ.

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

Căn cứ vào các bản tin dự báo, nhận định đây là cơn bão đổ bộ vào Trung Quốc nhưng sẽ ảnh hưởng đến vịnh Bắc Bộ có nhiều tàu thuyền đánh bắt ven bờ, các hoạt động du lịch, kinh tế khác và gây mưa lớn cho khu vực Bắc Bộ, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức theo dõi, giám sát, phân tích, chỉ đạo ứng phó linh hoạt, sát diễn biến thực tế của bão, mưa lũ; chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó và thường xuyên báo cáo lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ:

+ Ngày 25/9, ban hành Công điện số 855/CĐ-TTg chỉ đạo 16 tỉnh, thành phố ven biển từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, Gia Lai, Kon Tum và các bộ ngành ứng phó với bão.

+ Ngày 27/9, ban hành Công điện số 865/CĐ-TTg chỉ đạo 11 tỉnh, thành phố ven biển trọng tâm bão đổ bộ từ Quảng Bình - Khánh Hoà, Gia Lai, Kon Tum ứng phó với bão.

+ Ngày 30/9, ban hành Công điện số 875/CĐ-TTg chỉ đạo các tỉnh, thành phố về tập trung khắc phục hậu quả bão số 4, chủ động ứng phó thiên tai trong thời gian tới.

- Ban Chỉ đạo:

+ Ngày 24/9, ban hành Công điện số 29/CĐ-QG chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh - Bình Thuận chủ động ứng phó với bão Noru gần biển Đông.

+ Chủ động báo cáo (số 74/QGPCTT ngày 25/9) về diễn biến bão gần biển Đông, và xin chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban.

+ Ngày 26/9, ban hành văn bản số 76/QGPCTT gửi Chủ tịch UBND các tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đề nghị đôn đốc tàu thuyền di chuyển tránh trú.

+ Ngày 27/9, có văn bản số 79/QGPCTT gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị nhấn tin cho các thuê bao trong vùng bị ảnh hưởng của bão.

- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Trung ương Đoàn TNCS HCM đã có công điện chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng ứng phó với bão.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo:

+ Ngày 23/9, ban hành văn bản số 495/VPTT chỉ đạo sớm các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh - Phú Yên theo dõi, sẵn sàng ứng phó ngay khi có nhận định về khả năng xuất hiện bão trên biển phía Đông đảo Lu-dông (Philippines).

+ Ngày 29/9, ban hành Công điện số 30/CĐ-QG đề nghị các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh chủ động ứng phó với mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Chính phủ, Ban Chỉ đạo tổ chức họp với các Bộ ngành, địa phương để đánh giá tình hình chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó, cụ thể:

- Sáng ngày 27/9, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp khẩn cấp ứng phó với bão trực tuyến tới 1.251 đầu cầu các cấp tỉnh, huyện, xã của 08 tỉnh, thành phố trọng tâm ảnh hưởng của bão; sau khi bão đổ bộ vào đất liền, trưa ngày 28/9, đã họp trực tuyến với các Bộ ngành, địa phương đánh giá tình hình, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả và rút kinh nghiệm công tác ứng phó với bão.

- Chiều ngày 25/9, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn

Thành đã chủ trì cuộc họp với các thành viên Ban Chỉ đạo, các bộ, ngành, 16 tỉnh, thành phố ven biển để ứng phó với bão gần biển Đông.

- Thường xuyên liên hệ lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp khẩn cấp ứng phó với cơn bão số 4 (NORU)

2.3. Thành lập các đoàn công tác và Ban Chỉ đạo tiền phương

- Sau cuộc họp với các Bộ ngành, địa phương, trên cơ sở nhận định diễn biến và nguy cơ gây thiệt hại, ngày 26/9, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1136/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương tại thành phố Đà Nẵng để chỉ đạo ứng phó với bão số 4.

- Trước diễn biến phức tạp của bão, từ ngày 25-26/9, đoàn công tác do Bộ trưởng Lê Minh Hoan - Phó Trưởng ban thường trực làm Trưởng đoàn đã đi kiểm tra, chỉ đạo ứng phó tại 03 tỉnh, thành phố trọng tâm từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi.

- Trong ngày 27/9, tổ chức đồng thời 03 đoàn công tác của Ban Chỉ đạo tiền phương kiểm tra công tác ứng phó bão, cụ thể:

+ Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành chỉ đạo ứng phó tại các tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị.

- + Bộ trưởng - Phó Trưởng ban thường trực Lê Minh Hoan chỉ đạo ứng phó tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- + Thứ trưởng - Phó Trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp chỉ đạo ứng phó tại Quảng Ngãi, Quảng Nam.
- Đêm ngày 27/9 và sáng 28/9, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban chỉ đạo tiền phương đã tổ chức làm việc xuyên đêm, liên tục theo dõi sát diễn biến, họp trực tuyến với Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố để nắm rõ tình hình thực tế.
- Linh hoạt triển khai hoạt động của Ban Chỉ đạo tiền phương với 03 đầu mối chỉ đạo đặt tại Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, cụ thể:
 - + Tại tỉnh Thừa Thiên Huế do Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành chủ trì.
 - + Tại thành phố Đà Nẵng do Bộ trưởng - Phó trưởng ban thường trực Lê Minh Hoan chủ trì.
 - + Tại Quảng Nam do Thứ trưởng - Phó trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp chủ trì.



*Ban Chỉ đạo tiền phương do Phó Thủ tướng Chính phủ -
Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành chủ trì*

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã cử cán bộ đến các địa phương nắm bắt tình hình và phối hợp chỉ đạo, trong đó đối với mưa lũ tại tỉnh Nghệ An, đã cử 03 đoàn công tác:

- + Ngày 01/10, kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ tại các huyện Yên Thành và Nghi Lộc.
- + Ngày 02/10, trực tiếp hiện trường lũ quét tại huyện Kỳ Sơn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho nhân dân và tập trung lực lượng khắc phục nhanh hậu quả lũ quét.
- + Ngày 06/10, kiểm tra công tác khắc phục hậu quả và thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình bị thiệt hại tại các huyện Kỳ Sơn, Đô Lương và Thanh Chương.



Lũ ống, lũ quét xảy ra tại Kỳ sơn, Nghệ An

2.4. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 24/9 đến 02/10 (với 267 lượt cán bộ tham gia trực)⁴:

- Thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân, khách du lịch vùng nguy cơ cao ảnh hưởng của bão, nguy cơ mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất; xác định các trọng điểm

⁴ Bao gồm Trực tại Ban Chỉ đạo tiền phương, Trực tổng hợp tại Văn phòng thường trực và trực chuyên môn tại các đơn vị như: Trực thông tin, truyền thông; Trực thông tin thiên tai quốc tế; Trực đề điều; Trực điều hành liên hồ chứa; Trực cơ sở dữ liệu; Trực văn thư, hành chính, hậu cần.

ngập lụt, bố trí lực lượng canh gác để hạn chế thiệt hại về người.

- Theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát chuyên dùng của Ban Chỉ đạo, tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến, theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án ứng phó phù hợp và sát với thực tiễn.

- Nắm bắt diễn biến của bão ảnh hưởng đến Trung Quốc, Philippines, thiệt hại, những bài học khi ứng phó của nước bạn để sẵn sàng kịch bản cho Việt Nam.

2.5. Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lũ:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban Chỉ đạo:

+ Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo về diễn biến bão Noru và đề xuất kịch bản chỉ đạo từ sớm, từ xa khi bão chưa đi vào biển Đông (báo cáo số 74/QGPCTT ngày 25/9).

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành và thành phố Đà Nẵng đảm bảo công tác hậu cần phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo tiền phương.

+ Chỉ đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai - Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão, mưa lũ; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành và tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão và mưa lũ; thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

+ Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, thu hoạch sớm lúa, hoa màu, thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cung cấp các bản tin dự báo bão, mưa lớn và tăng cường các bản tin khi bão vào biển Đông phục vụ công tác chỉ đạo.

- Bộ Quốc phòng chỉ đạo sẵn sàng 244.768 cán bộ, chiến sỹ, 2.921 phương tiện ứng trực; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn 57.840 tàu/299.678 người di

chuyển tránh trú bão; tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu; bắn pháo hiệu tại 33 điểm ven biển.

- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tạm dừng các chuyến bay tại 10 cảng hàng không khu vực Trung Bộ từ 27-28/9; hướng dẫn tàu thuyền vận tải tránh trú an toàn; bố trí lực lượng kiểm soát, phân luồng giao thông các khu vực bão đổ bộ, nhất là trên Quốc lộ 1 (hai đầu Thừa Thiên Huế và Bình Định).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương cho học sinh khu vực ảnh hưởng của bão nghỉ học và sẵn sàng hỗ trợ người dân tránh trú trong các trường học khi bão đổ bộ, đồng thời có biện pháp khắc phục, xử lý thiệt hại do cơn bão gây ra.
- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo duy trì thông tin liên lạc phục vụ ứng phó và tổ chức nhắn tin đến thuê bao trong khu vực ảnh hưởng của bão.
- Các Bộ: Công an, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Trung ương Đoàn TNCS HCM và các cơ quan có liên quan đã có các công điện, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai ứng phó với bão, mưa lũ.
- Đài truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

3.1. Về người

- Các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị - Bình Định đã sơ tán dân ứng phó với bão và đảm bảo an toàn cho tổng số 108.441 hộ/340.863 người .
- Tỉnh Nghệ An đã kịp thời sơ tán, đảm bảo an toàn cho các hộ dân khu vực sạt lở đất, lũ quét tại huyện Kỳ Sơn nên đã hạn chết thấp nhất thiệt hại về người.

3.2. Về tàu thuyền

- Tàu cá: Đảm bảo an toàn 57.840 tàu/299.678 người từ Quảng Ninh đến Bình Thuận; tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu, đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống cháy nổ.
- Tàu vận tải: Đảm bảo an toàn 721 tàu vận tải (285 tàu biển và 436 phương tiện thủy nội) trong khu vực quản lý của các cảng vụ từ Thanh Hoá - Bình Thuận.

3.3. Về nuôi trồng thủy sản

Gia cố lồng bè, di dời người trên 20.712ha⁵ và 4.571 lồng, bè (Thừa Thiên Huế 2.000; Quảng Nam 1.110; Quảng Ngãi 161; Bình Định 1.300) các tỉnh từ Thừa Thiên Huế - Bình Định.

3.4. Về đê điều

Các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi đã tổ chức triển khai ứng phó bão, đảm bảo an toàn 38 vị trí xung yếu đê biển, đê cửa sông; tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ để sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có tình huống xảy ra.

3.5. Về hồ chứa

- Hồ chứa thủy điện: Đảm bảo an toàn cho các hồ chứa thủy điện, trong đó 16 hồ chứa điều tiết xả tràn.
- Hồ chứa thủy lợi: Đảm bảo an toàn cho 2.840 hồ chứa, trong đó 113 hồ chứa đang thi công⁶. Các địa phương đã tổ chức thường trực, hạ mực nước, sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du.

3.6. Về giao thông

- Về hàng không: Đảm bảo an toàn các chuyến bay tại 10 cảng hàng không gồm: Vinh, Đồng Hới, Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Phù Cát, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột, Pleiku, Liên Khương.
- Giao thông đường bộ: Đảm bảo an toàn giao thông các tỉnh từ Quảng Trị đến Bình Định nhất là trên đường quốc lộ 11; đã cấm đường, cụ thể: Quảng Trị (13h/27/9), Thừa Thiên Huế (21h/27/9), Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi (20h/27/9); Bình Định (21h/27/9).

3.7. Về công tác thông tin, truyền thông

- Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí kịp thời đưa tin tới cộng đồng về diễn biến của bão, nhất là nguy cơ thiệt hại khi bão đổ bộ; các công điện, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo, các bộ ngành, địa phương.
- Ban Chỉ đạo phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhắn 22,7 triệu lượt tin nhắn khẩn cấp qua Zalo và 6,5 triệu lượt tin nhắn SMS đến các thuê bao trong khu vực bị ảnh hưởng của bão.

⁵ TT.Huế 6.826ha; Đà Nẵng 35ha; Quảng Nam 8.000ha; Quảng Ngãi 1.800ha, Bình Định 4.051ha.

⁶ Hồ đang thi công: Quảng Bình 18, Quảng Nam 18, Quảng Ngãi 8, Phú Yên 06.

4. Thiệt hại

Với sự vào cuộc ứng phó quyết liệt, khẩn trương, từ sớm, từ xa nên thiệt hại đã được giảm thiểu ở mức tối đa (không có người chết do bão), tuy nhiên một bộ phận người dân còn chủ quan, bất cẩn dẫn đến những thiệt hại đáng tiếc trong mưa lũ sau bão (tính đến ngày 06/10/2022), cụ thể:

- Về người: 09 người chết tại do mưa lũ sau bão (Nghệ An 08, Quảng Nam 01); 173 người bị thương.
- Về nhà: 275 nhà sập⁷; 10.175 nhà bị hư hại, tốc mái⁸; 23.995 nhà bị ngập⁹.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 26.044 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 3.911 con gia súc, 438.985 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 12.332 ha thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 130.331 m đê, kè, kênh mương; 25.065 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về tàu thuyền: 01 ghe (Quảng Nam), 09 tàu nhỏ (Nghệ An 01; Đà Nẵng 04; Quảng Nam 04) bị hư hại, chìm tại khu neo đậu.
- Về giao thông: 300,37 km đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng 643.663 m³ đất, đá, bê tông.

5. Nhận xét:

Mặc dù bão số 4 được dự báo là cơn bão mạnh, di chuyển nhanh, thời gian đổ bộ vào ban đêm. Song với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các lực lượng và người dân nên đã giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do bão gây ra.

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác chỉ đạo, ứng phó với bão như sau:

- Cương quyết, quyết liệt, nhất quán vận động, di dời nhân dân ra khỏi nơi nguy hiểm (bão, lũ quét, sạt lở đất) là yếu tố quyết định để không bị thiệt hại về người; kiên quyết kêu gọi tàu thuyền tránh trú bão nên không để thiệt hại trên biển.
- Nắm chắc diễn biến, bám sát tình hình, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp để phòng, chống bão kịp thời, hiệu quả.

⁷ Quảng Trị 04; TT.Huế 06; Đà Nẵng 04; Quảng Nam 119; Quảng Ngãi 31; Nghệ An 76; Thanh Hóa 01; Gia Lai 02; Kon Tum 32.

⁸ Quảng Bình 01; Quảng Trị 251; TT.Huế 449; Đà Nẵng 459; Quảng Nam 7.025; Quảng Ngãi 1.276; Gia Lai 33; Kon Tum 94; Nghệ An 554; Thanh Hóa 3; Hòa Bình 11.

⁹ Thanh Hóa 45 Nghệ An 17.489; Hà Tĩnh 1.965; Quảng Trị 01; Quảng Nam 4.362; Gia Lai 2.

- Chủ động xây dựng kịch bản, phương án phòng, chống bão phù hợp tình hình, thường xuyên tổ chức diễn tập, cập nhật, hoàn thiện và khi xảy ra tình huống thì vận hành các kịch bản, phương án này theo phương châm “bốn tại chỗ”.
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, chủ động, tích cực, bám sát tình hình, từ sớm, từ xa, từ cơ sở.
- Thông tin thông suốt, toàn diện, đầy đủ, hướng dẫn kịp thời để các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân chủ động ứng phó.
- Các địa phương đã phát huy tinh thần chủ động, luôn đề cao tinh thần cảnh giác, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, hay hoang mang, mất bình tĩnh trong ứng phó thiên tai. Các cấp ủy, chính quyền và nhân dân đã chủ động, bản lĩnh, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, kinh nghiệm, hiểu biết của mình, vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của nhân dân với tinh thần đoàn kết, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau để ứng phó với thiên tai.
- Bố trí lực lượng kiểm soát, hướng dẫn giao thông, nhất là qua các ngầm, tràn, khu vực ngập sâu, nước chảy xiết; không để người dân đánh bắt cá, vớt gỗ và các hoạt động ở khu vực nước chảy xiết; cảnh báo sớm đến người dân ở khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất khi có mưa lớn, nhất là các vị trí đã xảy ra trong những năm trước đây sẽ giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

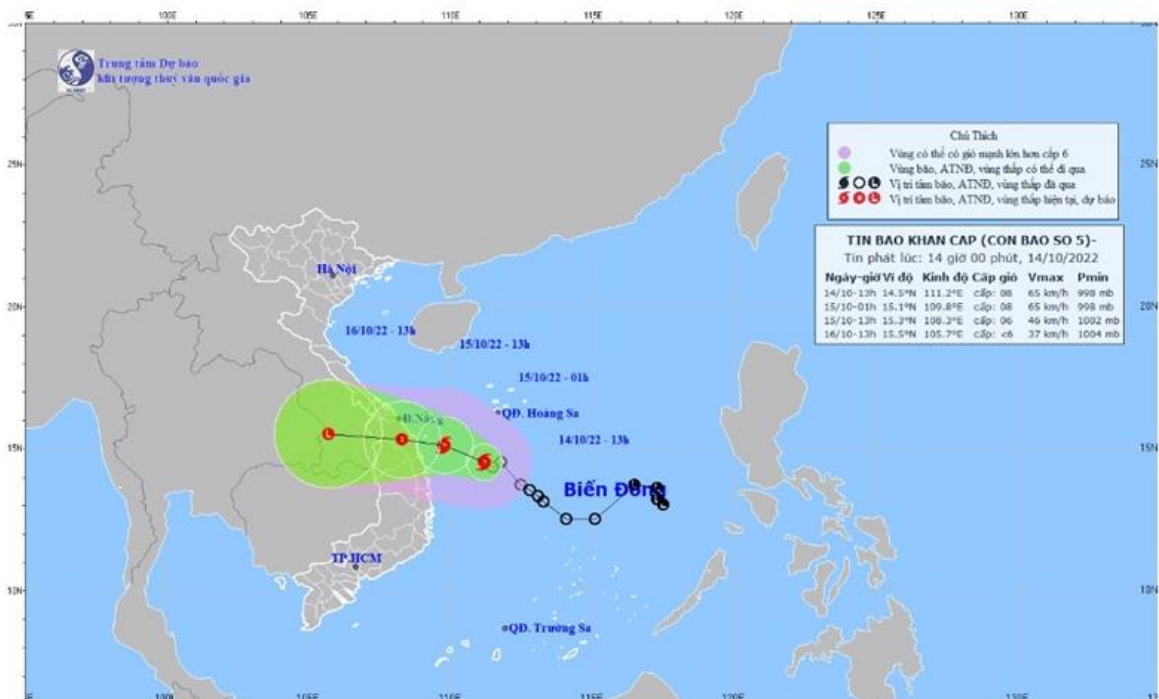
BÃO SỐ 5 (SONCA)

1. Diễn biến

Bão số 5 hình thành từ ATNĐ trên biển Đông trưa ngày 14/10, sau đó suy yếu thành ATNĐ trong tối 14/10 và đi vào đất liền khu vực Quảng Nam - Quảng Ngãi với sức gió mạnh nhất cấp 6, giật cấp 8 (sáng sớm 15/10); hoàn lưu ATNĐ đã gây mưa rất lớn tại khu vực Trung Bộ, đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế đã có mưa lớn lịch sử (tập trung trong đêm 14/10 đến sáng 15/10) gây ngập lụt, sạt lở đất nghiêm trọng.

1.1. Về bão:

- Ngày 12/10, một vùng Áp thấp hình thành trên khu vực giữa biển Đông và mạnh lên thành ATNĐ sáng ngày 13/10, gió cấp 6, giật cấp 8; di chuyển chậm 10km/h theo hướng Tây Tây Bắc.
- Trưa ngày 14/10, ATNĐ đã mạnh lên thành bão số 5 (SONCA), gió cấp 8, giật cấp 10; di chuyển 15km/h theo hướng Tây Tây Bắc; duy trì cường độ bão chỉ trong 06 giờ; đến 19h00 cùng ngày, suy yếu lại thành ATNĐ.
- Sáng sớm 15/10, ATNĐ đi vào đất liền khu vực Quảng Nam - Quảng Ngãi với sức gió mạnh nhất cấp 6, giật cấp 8.



Bão số 5 (SONCA) với sức gió mạnh cấp 8, giật cấp 10

Gió thực đo:

- Các đảo: Lý Sơn (Quảng Ngãi) cấp 4; Cồn Cỏ (Quảng Trị) cấp 7, giạt cấp 9;
- Đất liền: Ven biển từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi có gió cấp 3-4.

1.2. Về mưa:

Khu vực thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế mưa rất lớn từ 500-800mm (tập trung trong đêm 14/10 đến sáng 15/10); các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam có mưa lớn từ 300-500mm; một số trạm có tổng lượng mưa lớn như: Khe Tre (Thừa Thiên Huế) 859mm; Thủy điện Rào Trăng 4 (Thừa Thiên Huế) 894mm; Suối Đá (Đà Nẵng) 831mm; Đà Nẵng (Đà Nẵng) 710mm.

Đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng mưa rất to tại Suối Đá 831mm vượt lịch sử (năm 2018 là 635mm), cường suất rất lớn 642mm/7 giờ (từ 15-21h/14/10) và 165mm/giờ (19-20h/14/10).

1.3. Tình hình lũ:

Mưa lớn đã gây lũ BĐ2-3 và trên BĐ3 các sông từ Quảng Bình đến Quảng Nam, đặc biệt lũ lớn xuất hiện trên lưu vực sông Bồ, tỉnh Thừa Thiên Huế (xấp xỉ mức lịch sử năm 2020), đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Kiến Giang (Quảng Bình) tại Lệ Thủy 3,05m (06h/16/10), trên BĐ3 là 0,35m.
- Trên sông Thạch Hãn (Quảng Trị) tại Thạch Hãn 6,12m (15h/15/10), trên BĐ3 là 0,12m.
- Trên sông Hương (Thừa Thiên Huế) tại Kim Long là 4m (08h/15/10), trên BĐ3 là 0,5m; sông Bồ tại Phú Ốc là 5m (09h/15/10), dưới MN lũ lịch sử 2020 là 0,24m.
- Trên sông Cẩm Lệ (Đà Nẵng) tại Cẩm Lệ là 2,14m, trên BĐ2 là 0,14m.
- Trên sông Thu Bồn (Quảng Nam) tại Câu Lâu là 3,41m (14h/15/10), trên BĐ2 là 0,41m; sông Vu Gia tại Ái Nghĩa là 9,06m (10h/15/10), trên BĐ3 là 0,06m.

1.4. Về nước dâng:

Nước dâng do bão lớn nhất tại trạm Sơn Trà (Đà Nẵng) 1,2m; tại Lý Sơn (Quảng Ngãi) 1,1m; tại Cồn Cỏ (Quảng Bình) 0,62m (thời gian từ 23h/27/9-02h/28/9).

1.5. Về ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất:

Mưa lớn đã gây ngập lụt trên diện rộng tại các khu vực trũng thấp, ven sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Quảng Nam, thời điểm lớn nhất ngày đêm 14-

15/10 làm 96.876 nhà ngập, trong đó: Quảng Bình 906 nhà; Quảng Trị 1.690 nhà; Thừa Thiên Huế 19.918 nhà; Đà Nẵng 70.000 nhà; Quảng Nam 4.362 nhà.

Mưa lớn làm sạt lở đất đã gây hư hại nghiêm trọng nhiều công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là hạ tầng giao thông tại các tỉnh miền Trung, trong đó 02 điểm giao thông trọng yếu bị sạt lở là khu vực Km32+200 Quốc lộ 9C (Quảng Bình) và Quốc lộ 15D đi cửa khẩu quốc tế La Lay (Quảng Trị).



Ngập lụt, sạt lở đường giao thông tại TP Đà Nẵng ngày 15/10/2022



Sạt lở sông Thạch Hãn và Quốc lộ 15D, tỉnh Quảng Trị

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

Đề chủ động ứng phó với diễn biến phức tạp của bão, mưa lũ, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai Lê Văn Thành đã có văn bản chỉ đạo Ban Chỉ đạo (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo), các Bộ ngành và địa phương bám sát diễn biến, tập trung chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó bão, mưa lũ với tinh thần khẩn trương, quyết liệt nhất, đề cao cảnh giác, tuyệt đối không chủ quan, lơ là trước diễn biến của thiên tai, đặc biệt là nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, lũ chồng lũ, khẩn trương khắc phục hậu quả các đợt mưa lũ để sớm khôi phục sản xuất, đảm bảo ổn định đời sống người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Công điện:

+ Ngày 13/10, ban hành Công điện số 939/CĐ-TTg chỉ đạo 11 tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Bình đến Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum và các bộ ngành về việc tập trung khắc phục hậu quả và chủ động ứng phó với áp thấp nhiệt đới, mưa lũ tại miền Trung.

+ Ngày 17/10, ban hành Công điện số 964/CĐ-TTg chỉ đạo 05 tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và các bộ ngành tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ tại khu vực Trung Bộ.

- Ban Chỉ đạo:

+ Ngày 12/10, ban hành Công điện số 32/CĐ-QG chỉ đạo sớm các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Bình - Cà Mau và Tây Nguyên chủ động ứng phó với vùng áp thấp khả năng mạnh lên thành ATNĐ và mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

+ Báo cáo về diễn biến ATNĐ/bão và mưa lũ và xin chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban (ngày 13/10).

- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo đã có công điện chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng ứng phó với bão và tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ.

- Bộ Giao thông vận tải có Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai để ứng phó, khắc phục hư hỏng hạ tầng giao thông do bão số 5 và các đợt mưa lũ; chiều ngày 17/10, tổ chức họp trực tuyến với tỉnh Quảng Trị về phương án xử lý bước 1 điểm sụt trượt tại Quốc lộ 15D.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo: Ngày 14/10, ban hành văn bản số 528/VPTT gửi Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông về việc nhắn tin cảnh báo cho các thuê bao trong vùng bị ảnh hưởng của ATNĐ và mưa lũ.

Ngoài ra, lãnh đạo Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Ban Chỉ đạo tổ chức họp với các Bộ ngành, địa phương để đánh giá tình hình chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó, cụ thể:

- Ngày 13/10, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo họp với Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo nắm bắt diễn biến ATNĐ, mưa lũ và chỉ đạo công tác ứng phó.
- Ngày 15/10, Thứ trưởng - Phó Trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp đã họp với các Bộ ngành chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả mưa lũ và vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình và hạ du.

2.3. Thành lập các đoàn công tác

Trước thiệt hại nặng nề do bão và mưa lũ gây ra, lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ đã quan tâm động viên thăm hỏi người dân bị thiệt hại, trực tiếp kiểm tra công tác khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống nhân dân:

- Ngày 18/10, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Văn Thành chỉ đạo đã chủ trì đoàn kiểm tra công tác khắc phục hậu quả mưa lũ tại 02 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- Ngày 19/10, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo đã kiểm tra thực địa, thăm hỏi nhân dân bị ảnh hưởng bởi bão lụt và làm việc về tình hình khắc phục hậu quả thiên tai tại thành phố Đà Nẵng.



Ngoài ra, trước nhận định diễn biến phức tạp của bão và mưa lũ, từ ngày 13-16/10, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo chủ động tăng cường lực lượng cán bộ tại Hà Nội vào Văn phòng thường trực tại miền Trung, Tây Nguyên để tham mưu chỉ đạo ứng phó với ATNĐ/bão, mưa lũ.

2.4. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 10/10 đến 17/10 (với 172 lượt cán bộ tham gia trực) :

- Thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân các địa phương trọng tâm bão ảnh hưởng.
- Theo dõi sát thông tin diễn biến bão, mưa lũ từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát chuyên dùng của BCD, tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án chỉ đạo ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

2.5. Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lũ:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo:
 - + Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo về diễn biến ATNĐ/bão và đề xuất các kịch bản chỉ đạo ứng phó (cuộc họp ngày 13/10).
 - + Chỉ đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai (Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo) tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão, mưa lũ; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành, tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão, mưa lũ; thường xuyên liên hệ lãnh đạo Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và chỉ đạo, hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh.
 - + Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, thu hoạch sớm lúa, hoa màu, thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo theo dõi sát diễn biến của bão, mưa lũ, cung cấp kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo ATNĐ/bão, mưa lũ phục vụ công tác chỉ đạo.
- Bộ Quốc phòng chỉ đạo sẵn sàng 247.712 cán bộ, chiến sỹ, 3.116 phương tiện ứng trực; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền

địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển tránh trú bão và tổ chức sắp xếp tại nơi neo đậu.

- Bộ Giao thông vận tải bố trí lực lượng kiểm soát, phân luồng giao thông các khu vực ảnh hưởng mưa lũ, nhất là trên các tuyến Quốc lộ, giao thông trọng yếu; khắc phục sự cố đường bộ, đường sắt; điều chỉnh một số chuyến bay đi đến khu vực bị ảnh hưởng.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua công điện và các kênh thông tin khác chỉ đạo địa phương chủ động ứng phó đồng thời có biện pháp khắc phục, xử lý thiệt hại do cơn bão gây ra.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo duy trì thông tin liên lạc phục vụ ứng phó và tổ chức nhắn tin đến thuê bao trong khu vực ảnh hưởng của bão, mưa lũ.

- Các Bộ: Công an, Thông tin và Truyền thông, Y tế đã có các công điện, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai ứng phó với bão, mưa lũ.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

3.1. Về tàu thuyền:

Đảm bảo an toàn 49.494 tàu/270.879 người từ Quảng Bình đến Bà Rịa - Vũng Tàu; tổ chức sắp xếp tàu thuyền tại nơi neo đậu, đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống cháy nổ.

3.2. Về nuôi trồng thủy sản: Gia cố lồng bè, di dời người trên 54.907ha (Thừa Thiên Huế 6.826ha; Đà Nẵng 35ha; Quảng Nam 8.000ha; Quảng Ngãi 1.800ha, Bình Định 4.051ha) và 374.261 lồng, bè (Thừa Thiên Huế 2.000; Quảng Nam 1.110; Quảng Ngãi 161; Bình Định 1.300) các tỉnh từ Quảng Bình - Khánh Hòa.

3.3. Về đê điều: Các địa phương từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi đã tổ chức triển khai ứng phó bão, đảm bảo an toàn 38 vị trí xung yếu đê biển, đê cửa sông; tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ để sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có tình huống.

3.4. Về hồ chứa:

+ Hồ chứa thủy điện: Đảm bảo an toàn cho các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trên lưu vực sông Hương đã vận hành cắt giảm lũ cho hạ du với tổng lượng 416 triệu m³

(Hương Điền 154 triệu m³, Bình Điền 103 triệu m³, Tả Trạch 159 triệu m³).

* Hồ Bình Điền: Q đến lớn nhất là 6.582m³/s lúc 5h/15/10 (gần đạt lưu lượng lũ kiểm tra 6.989m³/s tần suất 1.000 năm); Q xả lớn nhất là 2.381 m³/s lúc 8h/15/10. Mức nước hồ tăng 7,25m từ +76,23m lên +83,48m.

* Hồ Hương Điền: Q đến lớn nhất là 9.554m³/s lúc 6h30/15/10 (vượt lũ kiểm tra 9.430m³/s tần suất 1.000 năm); Q xả lớn nhất là 4.180m³/s lúc 8h/15/10. Mức nước hồ tăng 4,93m từ +52,6m đến +57,53m.

* Hồ Tả Trạch: Q đến lớn nhất là 7.205 m³/s lúc 02h/15/10; Q xả duy trì từ 663-769 m³/s trong đợt lũ. Mức nước hồ tăng 9,06m từ +35,1m lên +44,16m.

+ Hồ chứa thủy lợi: Đảm bảo an toàn cho 2.840 hồ chứa, trong đó 44 hồ chứa đang thi công (Quảng Bình 18, Quảng Nam 18, Quảng Ngãi 8). Các địa phương đã tổ chức thường trực, hạ mực nước, sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du.

3.5. Về giao thông:

+ Giao thông đường bộ: Đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1, hầm đường bộ Hải Vân và các tuyến giao thông chính bị sự cố đến ngày 17/10 đã thông tuyến. Riêng 01 điểm sạt lở lớn tại QL15D đi Cửa khẩu Quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị, dự kiến ngày 25/10 sẽ hoàn thành đường tạm để phương tiện lưu thông.

+ Về hàng không: Một số chuyến bay đi đến sân bay Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Quy Nhơn đã phải điều chỉnh và hoạt động bình thường từ ngày 16/10.

3.6. Về công tác thông tin, truyền thông:

+ Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí kịp thời đưa tin tới cộng đồng về diễn biến của bão, nhất là nguy cơ thiệt hại khi bão đổ bộ; các công điện, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo, các bộ ngành, địa phương.

+ Ban Chỉ đạo phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nhắn 6,6 triệu tin nhắn SMS đến các thuê bao trong khu vực bị ảnh hưởng của mưa lũ.

4. Tình hình thiệt hại và khắc phục hậu quả

4.1. Thiệt hại:

Thiệt hại do đợt mưa lũ từ ngày 13-16/10 như sau:

- Về người: 08 người chết (Đà Nẵng 04; Quảng Nam 01; Thừa Thiên Huế 02; Quảng Trị 01); không có thiệt hại về người trên biển do bão.

- Nhà ở: 07 nhà bị sập, đổ; 67 nhà bị hư hỏng. Thời điểm cao nhất ngày 15/10 có 102.010 nhà bị ngập (Quảng Bình 914; Quảng Trị 3.230; Thừa Thiên Huế 19.918; Đà Nẵng 73.000; Quảng Nam 4.362).

- Nông nghiệp: 2.006 ha lúa, hoa màu bị ngập, hư hại; 1.062 con gia súc, 73.961 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 168 ha thủy sản bị thiệt hại.

- Giao thông: 56,82 km đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng 233.922 m³ đất, đá, bê tông.

+ Đường bộ: Ngập lụt, sạt lở trên nhiều tuyến Quốc lộ 1A, 49, 49B, 15D, 9C, đường Hồ Chí Minh và hầm đường bộ Hải Vân; trong đó 02 điểm sạt lở lớn: (1) Km32+200/QL9C, tỉnh Quảng Bình; (2) QL15D đi Cửa khẩu Quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị.

Các điểm sạt lở, ngập lụt cơ bản đã xử lý bước 1, các phương tiện lưu thông bình thường, riêng điểm sạt lở tại QL15D dự kiến ngày 25/10 sẽ hoàn thành đường tạm để phương tiện lưu thông.

+ Đường sắt Bắc - Nam: Điều chỉnh dừng tàu Bắc – Nam tại Thừa Thiên Huế; khắc phục kịp thời sự cố vị trí Lãng Cô (Thừa Thiên Huế) – đèo Hải Vân và thông tuyến từ ngày 16/10.

- Thủy lợi, đê điều: 93,6 km đê bao nội đồng, kè, kênh mương; 37,16 km bờ sông bờ biển bị hư hỏng, sạt lở.

Tổng thiệt hại ước tính trên 2.400 tỷ đồng.

4.2. Công tác khắc phục hậu quả:

Ngay sau bão, mưa lũ, các tỉnh huy động lực lượng hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả, sửa chữa nhà ở, vệ sinh môi trường:

- Thành phố Đà Nẵng:

+ Sáng 15/10, Đồng chí Nguyễn Văn Quảng - Bí thư Thành uỷ và Đồng chí Lê Trung Chinh - Chủ tịch UBND thành phố chủ trì họp với các Sở ngành, địa phương để chỉ đạo triển khai các giải pháp khắc phục hậu quả mưa lũ.

+ Tổ chức thăm hỏi, động viên các gia đình bị nạn, thiệt hại do mưa, lũ lớn và hỗ trợ 1.650 thùng mì tôm, 500 thùng nước, 650 vỉ trứng cho người dân bị ảnh hưởng mưa lớn, ngập lụt để ổn định đời sống.

+ Huy động các lực lượng quân đội, công an đóng quân trên địa bàn và các hội, đoàn thể ra quân tổng dọn vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải, phun thuốc khử khuẩn, phòng, chống dịch bệnh. Đến hết ngày 17/10/2022, cơ bản hoàn thành việc dọn dẹp vệ sinh môi trường trên toàn thành phố.

+ Đến sáng ngày 17/10, các tuyến đường giao thông cơ bản đã thông, khắc phục toàn bộ sự cố hệ thống điện, cấp nước sinh hoạt cho người dân, học sinh đã đi học lại,...

+ Tổ chức bơm hút nước tại các tầng hầm công trình nhà ở, chung cư, bệnh viện và các khu vực nhà dân bị ngập lụt. Đến ngày 18/10, đã cơ bản không còn tình trạng ngập úng.

+ Ngày 19/10, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Phó Thủ tướng - Trưởng ban Lê Văn Thành đã trao tặng 50 căn nhà và các nhu yếu phẩm cho nhân dân và chính quyền TP Đà Nẵng. Ngoài ra, Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng 300 thùng hàng nhu yếu phẩm, 300 triệu đồng; Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng 4.000 bộ sách giáo khoa; Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủng hộ 2,5 tỷ đồng.

- Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Sáng 16/10, Đồng chí Lê Trường Lưu – Bí thư Tỉnh uỷ và Đồng chí Nguyễn Văn Phương - Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì họp với các Sở ngành và trực tuyến đến cấp huyện để chỉ đạo công tác ứng phó với mưa lũ.

+ Tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình có người bị nạn; xuất 1.000 thùng mì tôm, 02 tấn lương khô, 100 suất quà (trị giá 100 triệu đồng) để hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại.

+ Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh trích 5,7 tỷ đồng từ quỹ cứu trợ khẩn cấp; Trung ương Hội Chữ thập đỏ đã hỗ trợ 150 triệu, 300 thùng hàng gia đình cho các hộ dân bị thiệt hại.

+ Huy động lực lượng khắc phục nhà cửa bị hư hỏng, dọn dẹp vệ sinh môi trường; khắc phục các tuyến đường giao thông, hệ thống điện. Hiện các tuyến đường cơ bản đã thông tuyến; khôi phục cấp điện trở lại cho 100 khách hàng.

+ Tổ chức vệ sinh trường lớp và cho học sinh đi học trở lại vào sáng 17/10.

5. Nhận xét:

- Mưa lớn cường suất vượt lịch sử, đặc biệt là mưa thời đoạn ngắn (642mm/7 giờ), xảy ra vào ban đêm, vượt quá khả năng thoát nước, kết hợp triều cường cao gây ngập lụt diện rộng (thành phố Đà Nẵng có nơi ngập sâu hơn 2m), thiệt hại lớn về tài sản của người dân (ô tô, xe máy, thiết bị gia dụng) và thiết bị máy móc của doanh nghiệp trong khu vực.
- Số lượng dân cư sinh sống trong các khu vực nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt còn lớn; thiếu nguồn lực, quỹ đất để tổ chức sắp xếp đi dời đến đến nơi an toàn.
- Phương án phòng, chống thiên tai chưa tính toán đến các kịch bản mưa đặc biệt lớn, trong thời gian ngắn gây ngập sâu như tại thành phố Đà Nẵng.
- Công tác xây dựng quy hoạch hạ tầng, thoát nước đô thị chưa chú trọng đến công tác phòng, chống thiên tai.
- Các tuyến đường giao thông khu vực miền núi không đảm bảo an toàn và thường xuyên bị sạt lở khi gặp mưa lớn.
- Về công tác dự báo, đã cảnh báo sớm về mưa lớn, tổng lượng mưa và khu vực ảnh hưởng tương đối sát so với diễn biến thực tế, tuy nhiên chưa cảnh báo được mưa rất lớn, cực đoan tập trung trong thời gian ngắn (07 giờ/từ 15-21h/14/10) tại Thừa Thiên Huế và đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng.

Mặc dù bão số 5 không mạnh và suy yếu trước khi đổ bộ vào đất liền, song hoàn lưu bão gây mưa lũ đặc biệt lớn lớn, ngập lụt rất nghiêm trọng. Tuy nhiên với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các lực lượng và người dân nên đã giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, mưa lũ gây ra.

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác chỉ đạo, ứng phó với bão, mưa lũ như sau:

- Công tác chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, các Bộ ngành quyết liệt, chủ động, tích cực, bám sát tình hình, từ sớm, từ cơ sở đã góp phần giảm thiểu thiệt hại.
- Các địa phương đã phát huy tinh thần chủ động, không lơ là, chủ quan; kịp thời

chỉ đạo ứng phó mưa lũ và công tác khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống người dân.

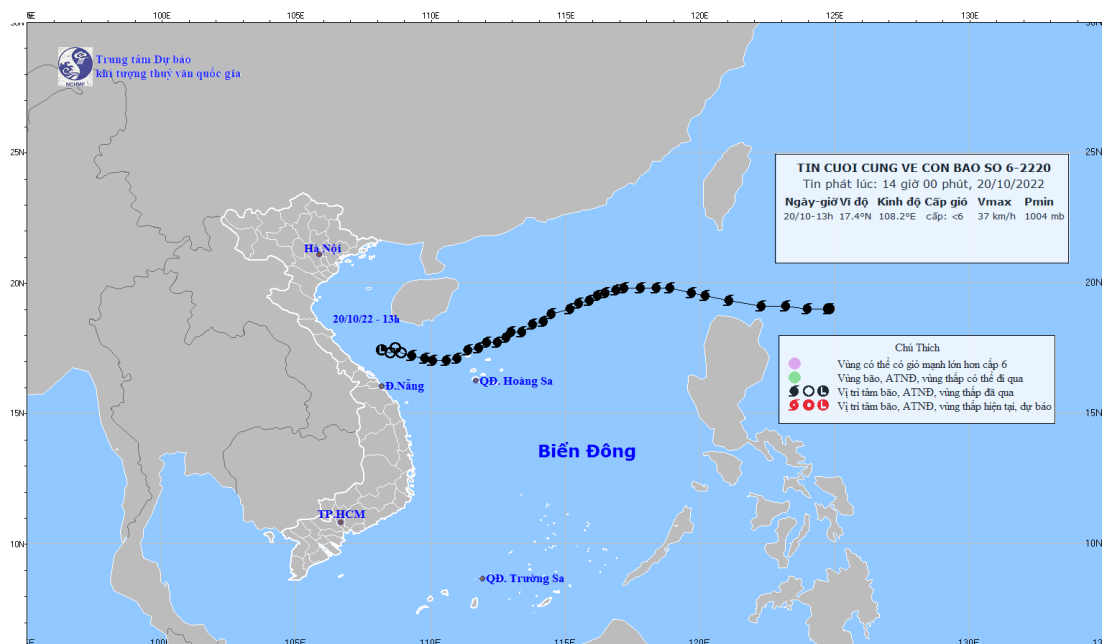
- Tổ chức theo dõi, giám sát, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vận hành hợp lý các liên hồ chứa đảm bảo an toàn công trình, cắt giảm lũ cho hạ du khi xảy ra mưa lớn.
- Sẵn sàng lực lượng cứu hộ, cứu nạn, xung kích phòng, chống thiên tai cơ sở tại các địa phương nguy cơ cao xảy ra thiên tai kịp thời ứng cứu, hỗ trợ người dân di dời đến nơi an toàn ngay trong đêm như tại Đà Nẵng.
- Chủ động rà soát, cập nhật kịch bản, phương án ứng phó với bão, mưa lũ cực đoan phù hợp tình hình và thường xuyên tổ chức diễn tập để ứng phó hiệu quả khi có tình huống xảy ra theo phương châm “bốn tại chỗ”.
- Bố trí lực lượng kiểm soát, hướng dẫn giao thông, nhất là qua các ngầm, tràn, khu vực ngập sâu, nước chảy xiết; không để người dân đánh bắt cá, vớt gỗ và các hoạt động ở khu vực nước chảy xiết; cảnh báo sớm đến người dân ở khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất khi có mưa lớn, nhất là các vị trí đã xảy ra trong những năm trước đây sẽ giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

BÃO SỐ 6 (NESAT)

1. Diễn biến

- Chiều ngày 16/10, bão NESAT đi biển Đông và trở thành cơn bão số 6 với sức gió mạnh nhất cấp 11, giật cấp 13.
- Hồi 22h00 ngày 19/10, bão số 6 đi vào vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi suy yếu thành ATNĐ với sức gió mạnh nhất cấp 7, giật cấp 9 và tan dần với sức gió dưới cấp 6.

Gió thực đo: Lý Sơn (Quảng Ngãi) cấp 6, Cồn Cỏ (Quảng Trị) cấp 5.



Bão số 6 (NESAT) từ ngày 16-19/10/2022, gió mạnh cấp 7, giật cấp 9

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

2.1 Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 964/CD-TTg ngày 17/10/2022 chỉ đạo các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và các Bộ, ngành tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ tại khu vực Trung Bộ, đồng thời theo dõi chặt chẽ diễn biến bão số 6, chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó.

- Ban Chỉ đạo đã ban hành:

+ Công điện số 34/CD-QG ngày 16/10/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển, Bộ ngành đề nghị triển khai phương án ứng phó bão số 6.

+ Văn bản số 84/QGPCTT ngày 17/10/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đề nghị bằng mọi biện pháp kêu gọi, hướng dẫn 50 tàu/489 người đang hoạt động tại khu vực quần đảo Hoàng Sa di chuyển tránh trú bão.

+ Thường trực Ban Chỉ đạo đã xây dựng kịch bản ứng phó, báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo tại văn bản số 85/QGPCTT ngày 18/10/2022.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành Công điện số 33/CĐ-QG ngày 15/10/2022 chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Định đề nghị sẵn sàng triển khai phương án ứng phó khi bão gần biển Đông.

- Các Bộ ngành:

- Ngày 17/10, Bộ Ngoại giao đã có Công hàm gửi Đại sứ quán Trung Quốc, Philippines về tạo điều kiện cho tàu thuyền của Việt Nam được tránh trú.

- Các Bộ Quốc phòng, Công an đã có Công điện chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ tại khu vực Trung Bộ và ứng phó bão số 6.

2.2 Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ trì, tổ chức họp và giao ban hàng ngày với đại diện cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành có liên quan từ ngày 17 - 19/10 để nắm bắt tình hình về công tác chỉ đạo ứng phó bão số 6.



Phó Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo - Vũ Xuân Thành chủ trì cuộc họp ứng phó với bão số 6

2.3. Công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

- Tăng cường công tác trực ban 24/24h ứng phó với bão số 6 từ ngày 18 - 21/10 với 66 lượt cán bộ tham gia trực.
- Thường xuyên đôn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là công tác khắc phục thiệt hại do bão số 5 và mưa lũ trước đó.
- Theo dõi sát thông tin diễn biến bão, mưa lũ từ Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai chuyên dùng của Ban Chỉ đạo, tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến theo thời gian thực qua hệ thống cơ sở dữ liệu VNDMS của Ban Chỉ đạo để có phương án chỉ đạo ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

(4) Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão số 6:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban Chỉ đạo:
 - + Xây dựng kịch bản ứng phó, báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban tại văn bản số 85/QGPCTT ngày 18/10/2022.
 - + Chỉ đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai (Văn phòng thường trực) tăng cường công tác trực ban, thường xuyên theo dõi diễn biến bão, kịp thời báo cáo, tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó; chủ trì tổ chức họp với đại diện cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành có liên quan.
 - + Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão, mưa lũ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn 59.719 tàu/270.561 người di chuyển tránh trú bão; chỉ đạo các đơn vị từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi tổ chức bắn pháo hiệu cảnh báo tại 22 điểm theo quy định (ngày 18/10).
- Bộ Ngoại giao đã có Công hàm gửi Đại sứ quán Trung Quốc, Philippines về tạo điều kiện cho tàu thuyền của Việt Nam được tránh trú.

- Các Bộ Quốc phòng, Công an đã ban hành Công điện chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ tại khu vực Trung Bộ và ứng phó bão số 6.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua công điện và các kênh thông tin khác chỉ đạo địa phương chủ động ứng phó đồng thời có biện pháp khắc phục, xử lý thiệt hại do cơn bão gây ra.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

- Về tàu thuyền: Đã kiểm đếm, hướng dẫn, đảm bảo an toàn cho 59.719 tàu/270.561 từ Quảng Ninh đến Bình Định.
- Về nuôi trồng thủy sản: Đảm bảo an toàn 144.400 ha diện tích, 23.002 lồng bè, 3.906 chòi canh nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh từ Quảng Ninh - Đà Nẵng.
- Về công tác thông tin, truyền thông: Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí kịp thời đưa tin tới cộng đồng về diễn biến của bão; các công điện, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo, các bộ ngành, địa phương.

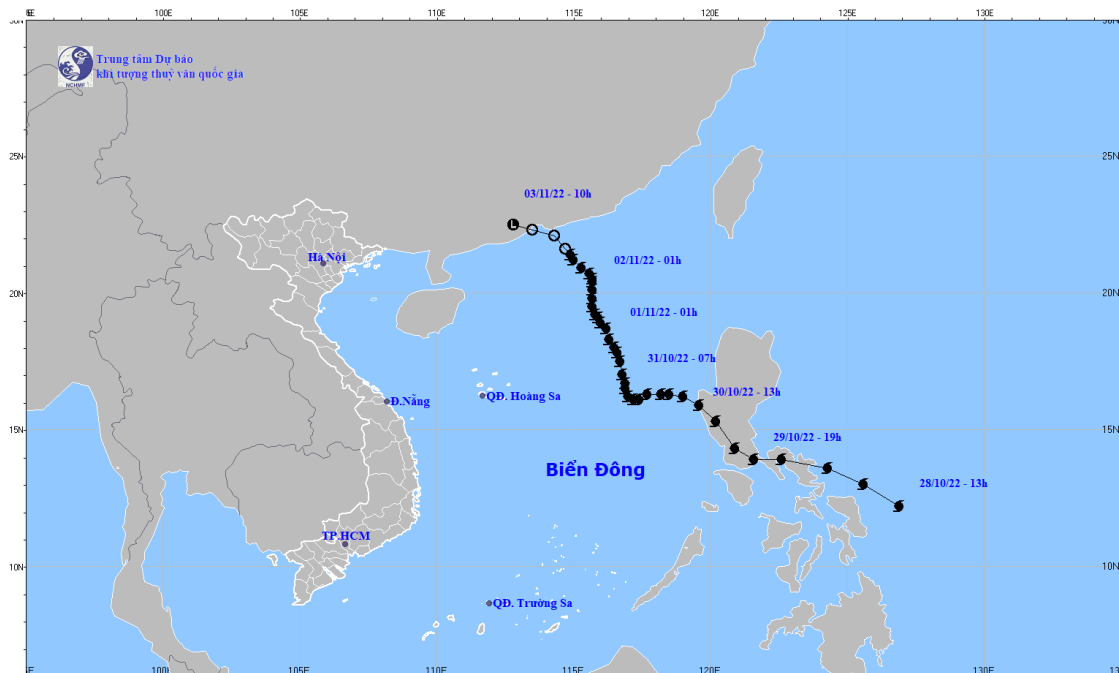
4. Tình hình thiệt hại

Không ghi nhận tình hình thiệt hại do bão số 6.

BÃO SỐ 7 (NALGAE)

1. Diễn biến

- Chiều ngày 28/10, xuất hiện cơn bão có tên quốc tế là NAGAE cách khu vực miền Trung Philippines khoảng 210km về phía Đông.
- Sáng ngày 30/10, bão đã vượt qua phía Nam đảo Lu-Dông (Philippines) đi vào biển Đông, trở thành cơn bão số 7 (NALGAE).
- Sáng ngày 01/11, bão cách quần đảo Hoàng Sa 550km về phía Đông Đông Bắc và đạt sức gió mạnh nhất cấp 11-12, giật cấp 14.
- Chiều tối 02/11, bão số 7 đi vào vùng biển tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), suy yếu thành ATNĐ với sức gió mạnh nhất cấp 7, giật cấp 9 và tan dần trên khu vực đất liền tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).



Bão số 7 (NALGAE) với sức gió mạnh cấp 11-12, giật cấp 14

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo đã ban hành Công điện số 38/CĐ-QG ngày 30/10/2022 đề nghị Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận chủ động ứng phó với bão số 7 (NALGAE).
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành công điện số 37/CĐ-QG ngày

29/10/2022 và văn bản số 556/VPTT ngày 28/10/2022 đề nghị Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận chủ động ứng phó với bão.

- Các Bộ ngành:

Ngày 30/10/2022, Bộ Ngoại giao đã có công hàm gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc, Philippines và Đài Bắc đề nghị hỗ trợ tàu cá Việt Nam neo đậu, tránh trú bão; Bộ Quốc phòng đã có công điện số 44/TK ngày 29/10/2022 chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động sẵn sàng ứng phó với diễn biến bão.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ trì, tổ chức họp và giao ban hàng ngày với đại diện cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành có liên quan để nắm bắt tình hình về công tác chỉ đạo ứng phó bão số 7.



Ông Phạm Đức Luận, Phó Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai chủ trì cuộc họp ứng phó với bão số 7 (NESAT)

2.3. Công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

- Tăng cường công tác trực ban 24/24h ứng phó với bão số 7 từ ngày 30/10 - 03/11 với 20 lượt cán bộ tham gia trực.

- Thường xuyên đôn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó.
- Theo dõi sát thông tin diễn biến bão, mưa lũ từ Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát chuyên dùng của Ban Chỉ đạo, tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án chỉ đạo ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

- 19/19 tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận đã ban hành công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với bão theo các công điện số 38/CĐ-QG ngày 30/10/2022, số 37/CĐ-QG ngày 29/10/2022 và công văn số 556/VPTT ngày 28/10/2022.
- Các tỉnh, thành phố ven biển theo dõi diễn biến của bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, thông tin đến tổ chức, tàu thuyền đang hoạt động trên biển và người dân để chủ động ứng phó, có kế hoạch sản xuất phù hợp

4. Tình hình thiệt hại

Không ghi nhận tình hình thiệt hại do bão số 7

5. Nhận xét:

Bão NALGAE được hình thành trong ngày 27-28/10 sau đó đổ bộ vào Philipin vào rạng sáng ngày 29/10 làm 45 người chết và 124 chuyến bay nội địa và quốc tế bị hủy do bão trong ngày 28 và 29/10. Sau đó, bão Nalgae đã vượt qua khu vực phía Bắc của đảo Lu-Dông (Philippines), đi vào khu vực Bắc Biển Đông trở thành bão số 7.

Mặc dù bão có diễn biến thời điểm đầu phức tạp về cường độ tuy nhiên khi vào biển Đông, bão đã giảm cấp và được dự báo ít ảnh hưởng đến đất liền nước ta, tuy nhiên Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai vẫn tiếp tục duy trì công tác trực ban và theo dõi sát diễn biến của bão để kịp thời tham mưu công tác chỉ đạo, ứng phó.

VỀ MƯA LŨ, NGẬP LỤT, SẠT LỞ ĐẤT

Năm 2022, mưa lũ diễn ra bất thường, trái quy luật từ những tháng đầu năm, điển hình là những trận mưa, lũ lớn kèm theo dông lốc trên diện rộng xảy ra tại khu vực miền Trung, đặc biệt là các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hòa từ ngày 30/3 đến 02/4/2022 đã gây thiệt hại về người và tài sản và sản xuất nông nghiệp. Lượng mưa thực tế đo được từ đêm ngày 30/03 đến ngày 02/4, khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên đã có mưa to đến rất to, trong đó: các tỉnh từ Quảng Trị - Quảng Ngãi mưa từ 200-600mm; từ Bình Định - Khánh Hòa và Quảng Bình từ 150-300mm, một số trạm mưa lớn như: Thừa Thiên Huế (Khe Tre) 835mm; Quảng Trị (Hải Lâm): 472mm; Hồ Thủy Yên 597mm); Đà Nẵng (Hòa Phú Thành) 491mm; Quảng Nam (Điện Hồng 495mm; Hà Thanh 478mm); Quảng Ngãi (Trà Phú) 370mm; Bình Định (Mỹ Thọ) 327mm; Phú Yên (Sơn Nguyên) 258mm, Khánh Hòa (Hoa Sơn) 270mm. Ngoài ra mưa lớn đã gây lũ lụt trên diện rộng, các sông ở mức BĐ1-BĐ2; nhiều nơi xảy ra ngập lụt đến 1,0m, có nơi đến 1,5m; khu vực ven biển từ Thừa Thiên Huế - Khánh Hòa đã xảy ra dông lốc và gió giật mạnh, sóng lớn làm nhiều tàu thuyền, lồng bè bị hư hỏng, thiệt hại.

Ngoài ra, vào tháng 4, 5, 6, mưa lớn kéo dài ở Miền Bắc đã gây sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, ngập lụt đô thị, khu công nghiệp. Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 16 công điện để vận hành xả lũ các hồ chứa Sơn La, Hoà Bình, Tuyên Quang với một thời gian khá dài (đây là một năm hiếm thấy kể từ khi hệ thống liên hồ chứa đi vào khai thác, vận hành).

Mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất đã làm 76 người chết, mất tích; ước tính thiệt hại trên 10.609 tỷ đồng (chiếm 54% tổng thiệt hại trên cả nước).

MƯA LŨ TRÁI MÙA, DÔNG LỐC, GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN TỪ NGÀY 30/3-02/4

1. Diễn biến:

1.1. Về mưa:

Từ đêm ngày 30/03 đến ngày 02/4, khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên đã có mưa to đến rất to, trong đó: các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị - Quảng Ngãi mưa từ 200-600mm; từ Bình Định - Khánh Hòa và Quảng Bình từ 150-300mm.

Một số trạm mưa lớn như: Thừa Thiên Huế (Khe Tre 835mm; Hồ Thủy Yên 597mm); Quảng Trị (Hải Lâm) 472mm; Đà Nẵng (Hòa Phú Thành) 491mm; Quảng Nam (Điện Hồng 495mm; Hà Thanh 478mm); Quảng Ngãi (Trà Phú) 370mm; Bình Định (Mỹ Thọ) 327mm; Phú Yên (Sơn Nguyên) 258mm, Khánh Hòa (Hoa Sơn) 270mm.

Diễn biến mưa về phạm vi, thời điểm, tổng lượng tương đối sát với dự báo (bản tin dự báo ngày 28/3), tuy nhiên một số khu vực có mưa cao hơn, nhất là tại Thừa Thiên Huế.

1.2. Về lũ:

Mưa lớn, dồn dập đã gây ra một đợt lũ trên các sông trong khu vực ở mức BĐ1-BĐ2, riêng sông Bồ (Thừa Thiên Huế) lên trên BĐ2.

Diễn biến lũ thực tế trên các sông tương đối sát với mức dự báo, riêng khu vực Bắc Trung Bộ (Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) cao hơn.

1.3. Về ngập lụt:

Đã xảy ra ngập lụt sâu (đến 1,0m, có nơi đến 1,5m) trên diện rộng ở nhiều địa phương, đặc biệt nghiêm trọng tại khu vực Triệu Phong, Hải Lăng (Quảng Trị); Phú Vang, Hương Điền, Quảng Điền, Phong Điền (Thừa Thiên Huế) và một số xã thuộc các quận, huyện Thanh Khê, Liên Chiểu, Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

1.4. Về dông lốc, gió mạnh, sóng lớn:

Một số khu vực ven biển từ Thừa Thiên Huế - Khánh Hòa đã xảy ra dông lốc và

gió giật mạnh, sóng lớn (thực đo tại Tuy Hòa -Phú Yên: cấp 7; tại Nhơn Lý -Bình Định cấp 8), đặc biệt lốc xoáy mạnh tại huyện Tuy An (Phú Yên), Nhơn Lý (Bình Định) lốc đã làm nhiều tàu thuyền bị hư hỏng (do va đập, chìm tại khu neo đậu) và thiệt hại lớn về lồng bè nuôi trồng thủy sản ven biển (chủ yếu ở Phú Yên).

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

Đây là đợt mưa lũ bất thường, trái quy luật, song công tác chỉ đạo, ứng phó từ Trung ương đến địa phương đã được triển khai sớm, không bị động, bất ngờ, cụ thể:

- Trung ương:

+ Ngày 02/4, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 298/CD-TTg chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ.

+ Lãnh đạo Ban Chỉ đạo, đặc biệt là Phó Thủ tướng - Trưởng Ban Chỉ đạo thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương triển khai quyết liệt các biện pháp ứng phó và khắc phục hậu quả.

+ Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo ban hành văn bản chỉ đạo từ rất sớm (ngày 28/3) và căn cứ diễn biến thiên tai, ngày 30, 31/3 ban hành tiếp 02 văn bản chỉ đạo các tỉnh, thành phố Trung Bộ và Tây Nguyên ứng phó với mưa lớn, lũ, lốc, sét, gió mạnh trên biển. Tổ chức các bộ phận trực ban 24/24h, theo dõi sát các bản tin dự báo và diễn biến mưa lũ từ Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát chuyên dùng của Ban Chỉ đạo và tham khảo các đài quốc tế để tham mưu, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo; cung cấp thông tin thường xuyên đến chính quyền và nhân dân (tổ chức nhắn tin trên hệ thống zalo đến 8,5 triệu thuê bao khu vực nguy cơ bị ảnh hưởng).

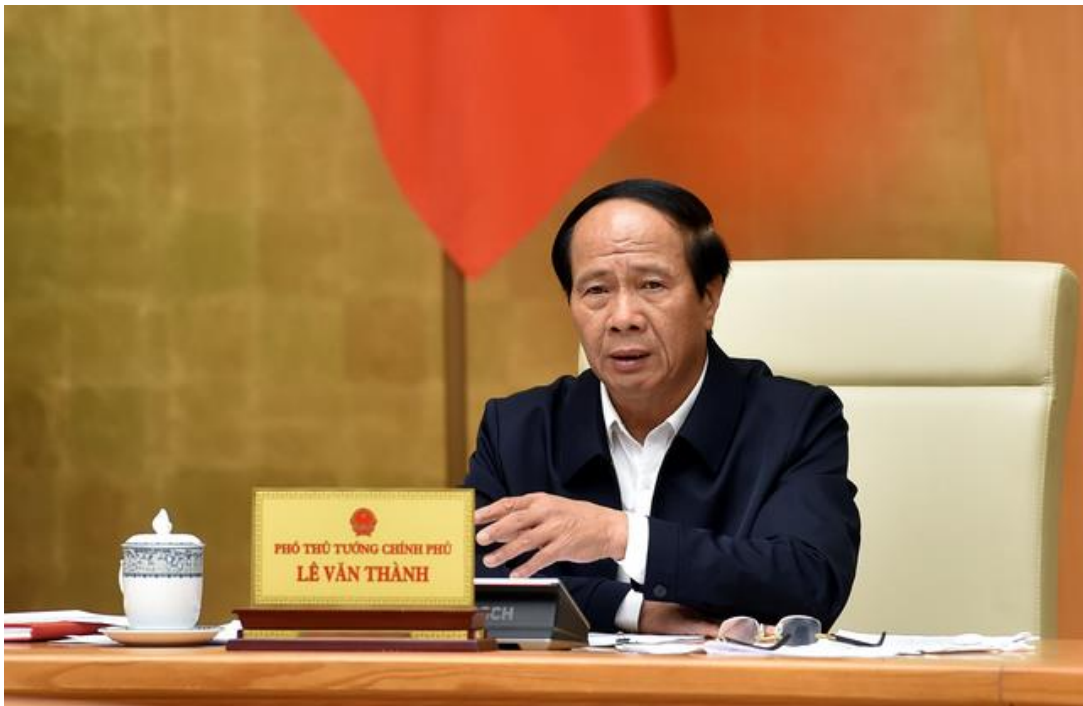
+ Ngay sau khi có thông tin thiệt hại lớn về tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, sáng ngày 01/4/2022, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp khẩn trực tuyến với 07 tỉnh, thành phố từ Thừa Thiên Huế đến Khánh Hòa và một số bộ, ngành liên quan chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ, dông lốc, gió mạnh trên biển khu vực miền Trung.

+ Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 đoàn công tác do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó trưởng Ban Chỉ đạo Nguyễn Hoàng Hiệp và Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai - Phó Trưởng ban Trần Quang Hoài làm trưởng đoàn đi thăm hỏi động viên người dân bị thiệt hại do mưa lũ và chỉ đạo

công tác ứng phó, khắc phục hậu quả tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên (ngày 1-2/4) và Thừa Thiên Huế, Quảng Trị (ngày 3/4).

+ Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ đã chủ động, tích cực triển khai ứng phó với mưa, lũ, trong đó: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã sớm ban hành bản tin dự báo về đợt mưa lũ và thường xuyên cập nhật; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động chỉ đạo, triển khai công tác đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, hồ đập và sản xuất nông nghiệp; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng vũ trang hỗ trợ các địa phương tìm kiếm người bị nạn và trực vớt sửa chữa tàu cá bị chìm, hư hỏng.

+ Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng, kịp thời đưa tin về diễn biến mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả.



Phó Thủ tướng Lê Văn Thành chủ trì cuộc họp ứng phó với mưa lũ bất thường ở miền Trung

3. Thiệt hại

Mưa lũ trái mùa, đông lốc, gió mạnh trên biển đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 07 người chết, mất tích (Thừa Thiên Huế 02; Bình Định 01; Phú Yên 02; Quảng Nam 01; Quảng Trị 01).
- 07 người bị thương do đông lốc (Thừa Thiên Huế 05; Bình Định 02);

- Về nhà ở: 52 nhà sập đổ hoàn toàn (Phú Yên 02; Quảng Trị 50); 89 nhà hư hỏng, tốc mái (Quảng Trị: 16; Thừa Thiên Huế 33; Phú Yên 32; Bình Định 01; Quảng Nam 03; Quảng Ngãi 01; Bình Thuận 03).

- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 117.583 ha lúa, hoa màu bị ngập úng, thiệt hại; 27 con gia súc, 1.526 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.

- Về thủy sản:

+ Tàu, thuyền: Có 293 tàu, thuyền chìm, hư hỏng tại nơi neo đậu (Quảng Trị 01; Thừa Thiên Huế 07; Bình Định 91; Phú Yên 131; Khánh Hòa 62; Quảng Ngãi 01).

+ Nuôi trồng thủy, hải sản: Có 8.570 lồng bè nuôi thủy, hải sản thiệt hại; 2.366 ha nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng (Quảng Nam).



Tàu cá bị sóng đánh hư hỏng tại Phú Yên

4. Nhận xét:

- Đây là đợt mưa, lũ lớn bất thường, trái mùa, phạm vi rộng (9 tỉnh/thành phố) tổng lượng mưa rất lớn, có nơi đặc biệt lớn như tại Khe Tre (Thừa Thiên Huế) 835mm, theo số liệu thống kê là kỷ lục trong 60 năm cùng thời kỳ. Lốc xoáy mạnh hình thành bất thường và hoạt động ngay sát ven bờ biển.

- Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác ứng phó với mưa lũ, dông lốc cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể là còn thiệt hại đáng tiếc về người; thiệt hại lớn về sản xuất nông nghiệp, tàu thuyền tại nơi neo đậu và nuôi trồng thủy sản ven biển.

MƯA LŨ MIỀN NÚI PHÍA BẮC TỪ NGÀY 09-13/5

1. Diễn biến mưa, lũ

1.1. Về mưa

Từ ngày 10/5 đến sáng 15/5, tại khu vực miền núi phía Bắc như Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên đã xảy ra mưa lớn từ 100-250mm, một số trạm có mưa rất lớn như: Đảo Cái Chiên (Quảng Ninh) 304mm, Dương Huy (Quảng Ninh) 303mm, Cẩm Phả (Quảng Ninh) 299mm, Lộc Bình (Lạng Sơn) 268mm, Thượng Quan (Bắc Kạn) 266mm, Đình Cả (Thái Nguyên) 237mm, Bình Liêu (Bắc Giang) 223mm, chủ yếu tập trung trong ngày 10/5 (lượng mưa phổ biến gấp 2-3 lần mức cảnh báo ban đầu), từ ngày 13-15/5 lượng mưa phổ biến 50-100mm (chỉ bằng 1/2 mức cảnh báo ban đầu). Từ ngày 15/5, mưa dịch chuyển xuống khu vực Bắc Trung Bộ.

1.2. Về lũ, ngập lụt:

Mưa lớn ngày 10/5 đã gây lũ trên thượng lưu các sông suối, ngập lụt ven sông, sạt lở đất mái dốc, đường giao thông tại các địa phương, trong đó mực nước sông trên địa bàn các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang ở mức BĐ2, một số sông trên mức BĐ3, cụ thể đỉnh lũ như sau:

- Lạng Sơn: sông Thương tại Hữu Lũng là 19,06m, trên BĐ3: 0,06m (06h/11/5);
- Bắc Giang: sông Lục Nam tại Cẩm Đàn là 45,78m, trên BĐ3: 0,78m (17h/10/5).



Mưa lớn gây ngập lụt tại Bắc Giang

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

- Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 415/CĐ-TTg ngày 13/5/2022 chỉ đạo

các Bộ ngành, địa phương chủ động ứng phó mưa lũ tại khu vực Bắc Bộ.

- Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo đã ban hành 03 công điện, văn bản chỉ đạo (Công điện số 02/CĐ-VPTT ngày 10/5/2022 và các văn bản chỉ đạo số 250/VPTT ngày 10/5/2022 và số 254/VPTT ngày 11/5/2022) gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố Bắc Bộ và các Bộ ngành chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất khu vực miền núi và ngập lụt khu vực đồng bằng.
- Từ ngày 10-13/5, thường trực Ban Chỉ đạo đã tổ chức 03 đoàn công tác chỉ đạo tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Lạng Sơn, Bắc Kạn, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên).
- Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ đã chủ động, tích cực triển khai ứng phó với mưa, lũ, trong đó: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành bản tin dự báo về đợt mưa lớn và thường xuyên cập nhật diễn biến; Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ động chỉ đạo, triển khai công tác đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, hồ đập; Bộ Công an chỉ đạo các lực lượng hỗ trợ các địa phương ứng phó.
- Đài truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng, kịp thời đưa tin về diễn biến mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả.

3. Thiệt hại

Mưa lũ đã gây thiệt hại trên địa bàn các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang, Bắc Kạn, Điện Biên, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, Hưng Yên như sau:

- Về người: 06 người chết, mất tích do lũ cuốn, sạt lở đất (Lạng Sơn 03, Bắc Kạn 01, Cao Bằng 01, Điện Biên 01); 07 người bị thương (Lạng Sơn 03, Bắc Kạn 03).
- Ngoài ra, còn 04 người chết do sét đánh trong mưa dông chiều 12/5/2022 (Thái Bình 03, Hưng Yên 01).
- Về nhà ở: 76 nhà sập đổ (Bắc Giang: 02, Hà Giang: 01; Lạng Sơn 73); 321 nhà bị hư hỏng, tốc mái (Hà Giang 01; Bắc Kạn 56; Lạng Sơn 252); 4.911 nhà bị ngập nước.
 - Về nông nghiệp, chăn nuôi: 5.347 ha lúa, hoa màu và 267 ha cây trồng khác bị ngập, thiệt hại; 3.831 con gia súc, 77.610 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
 - Về thủy sản: 2.971 ha thủy sản; 232 ha lồng bè bị thiệt hại.
 - Về thủy lợi: 7.412 m kênh mương; 2.000 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, bồi lấp; 29 đập tạm, 25 trạm bơm bị sạt lở, hư hỏng.
 - Về giao thông: 3 km đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng 129.517 m³ đất, đá, bê tông.

MƯA LỚN KHU VỰC BẮC BỘ, BẮC TRUNG BỘ TỪ NGÀY 21-31/5/2022

1. Diễn biến mưa lũ:

1.1. Về mưa:

Từ ngày 22-24/5, tại khu vực Bắc Bộ đến Nghệ An có mưa 100-300mm, riêng các tỉnh, thành phố Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Hoà Bình, Hà Nội, Thanh Hoá có mưa rất lớn từ 300-550mm (lớn hơn so với dự báo); một số trạm có lượng mưa rất lớn như: Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 925mm (riêng ngày 23/5 mưa 464mm là lượng mưa ngày lớn nhất trong 60 năm); Quân Chu (Thái Nguyên) 675mm; Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) 505mm; Kiến Thiết (Tuyên Quang) 540mm; Việt Quang (Hà Giang) 542mm. Một số điểm không được dự báo trọng tâm nhưng mưa rất lớn như Vĩnh Phúc, Thái Nguyên mưa rất lớn; một số tỉnh dự báo trọng tâm nhưng không mưa lớn như Sơn La, Lào Cai, Nghệ An.

Trong các ngày 29/5 đến sáng 31/5, thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên đã có mưa cường suất rất lớn, gây ngập lụt nghiêm trọng khu vực nội thành Hà Nội, cụ thể: Láng (Hà Nội) 132mm/2 giờ (từ 14-16h/29/5); Nam Hoà (Thái Nguyên) 302mm/5 giờ (20h/30/5 đến 01h/31/5).

1.2. Về lũ:

Ngày 23-25/5, lũ trên thượng lưu các sông Phó Đáy, sông Lô, sông Mã lên mức BĐ1; hạ lưu sông Cầu lên mức BĐ2.

Mưa lớn đã gây ngập lụt cục bộ tại nhiều khu vực trũng thấp, sạt lở vào một số nhà dân, ách tắc đường giao thông, đặc biệt ngập úng tại các đô thị như tại Hà Nội, Vĩnh Yên, Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Bắc Ninh (Bắc Ninh).

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương:

- Ngày 24/5/2022, Thường trực Ban Chỉ đạo và lãnh đạo Tổng cục Phòng, chống thiên tai đã tổ chức đoàn công tác chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn các công trình đề điều đang thi công tại thành phố Hà Nội.

- Ngày 20/5/2022, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã có văn bản số 272/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố và các Bộ ngành đề nghị triển

khai ứng phó với mưa lớn, nguy cơ lũ quét, sạt lở đất; cử đoàn công tác phối hợp chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lớn tại Thái Nguyên ngày 31/5/2022.

- Ngày 24/5/2022, Tổng cục Phòng, chống thiên tai đã có văn bản 487/PCTT-QLDD gửi UBND các tỉnh, thành phố Bắc Bộ đến Thanh Hoá đề nghị triển khai công tác đảm bảo an toàn đê điều.

- Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ đã chủ động, tích cực triển khai ứng phó với mưa, lũ, trong đó: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành bản tin dự báo về đợt mưa lớn và thường xuyên cập nhật diễn biến; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động chỉ đạo, triển khai công tác đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, hồ đập.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng, kịp thời đưa tin về diễn biến mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả.

2.2. Địa phương

- Ban Chỉ huy các tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các Sở ngành, địa phương; tổ chức các đoàn trực tiếp xuống hiện trường chỉ huy công tác ứng phó với mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất.

- Các địa phương xảy ra mưa lớn đã tổ chức sơ tán 39 hộ dân khu vực nguy cơ bị sạt lở đến nơi an toàn (Thái Nguyên 19; Yên Bái 15; Điện Biên 05); tổ chức cấm biển cảnh báo, phân luồng giao thông tại ngầm tràn, đường ngập sâu, khắc phục sự cố sạt lở đường giao thông; huy động các lực lượng đảm bảo an toàn đê điều, bơm tiêu nước chống úng, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả.

3. Thiệt hại

Theo báo cáo của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, mưa lớn, sạt lở, ngập úng đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 15 người chết, trong đó 11 người do sạt lở đất (Tuyên Quang 02, Điện Biên 01, Cao Bằng 01, Vĩnh Phúc 04, Thái Nguyên 03); 04 người do lũ cuốn, đuối nước (Hòa Bình 01, Sơn La 01, Vĩnh Phúc 03), 01 người mất tích (Lai Châu do lũ cuốn); 08 người bị thương (Tuyên Quang 4, Điện Biên 1, Sơn La 1, Vĩnh Phúc 1).

- Về nhà ở: 123 nhà sập, đổ hoàn toàn; 969 nhà bị hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 29.690 ha lúa, hoa màu bị ngập, hư hại; 1.744 con gia súc, 143.054 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy sản: 3.533 ha diện tích nuôi trồng thủy sản; 102 lồng bè; 07 tàu, thuyền bị thiệt hại.
- Về thủy lợi, đê điều: 18.681m đê, kè, kênh mương; 1.820 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng. Xảy ra 502 sự cố mạch sủi phía đồng (Vĩnh Phúc 500; Bắc Giang 02), chính quyền địa phương đã kịp thời xử lý giờ đầu, đảm bảo an toàn.
- Về giao thông: 6,4 km đường giao thông và 157.015 m³ đất đá, bê tông bị sạt lở ở nhiều điểm trên các tuyến Quốc Lộ 2, 279, 4C, 4D và nhiều tuyến đường giao thông nội tỉnh; 17 cầu tạm bị cuốn trôi; 34 công bị hư hỏng.



Nhà sập tại Vị Xuyên, Hà Giang



Mưa lớn gây sụt lún Tỉnh lộ 155, tỉnh Lào Cai

MƯA LŨ, SẠT LỞ ĐẤT, XẢ LŨ HỒ CHỨA KHU VỰC BẮC BỘ VÀ BẮC TRUNG BỘ TỪ NGÀY 06-14/6/2022

1. Diễn biến mưa lũ:

1.1. Về mưa:

Từ 19h/03/6-19h/06/6, khu vực Bắc Bộ có mưa phổ biến từ 30-70mm, một số trạm có lượng mưa lớn như: Hoàng Su Phì (Hà Giang) 120mm; Linh Hồ (Hà Giang) 157mm; Bắc Hà (Lào Cai) 119mm; Hàm Yên (Tuyên Quang) 125mm; Tuyên Quang (Tuyên Quang) 178mm; Thanh Mai (Bắc Kạn) 153mm.

Từ 19h/06/6-19h/09/6 khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa có mưa phổ biến từ 80-130mm, một số trạm có lượng mưa lớn như: Sìn Hồ - TĐ Nậm Na 3 (Lai Châu) 192mm; Sơn La (Sơn La) 163mm; Lao Chải (Yên Bái) 133mm; Huổi Lèng (Điện Biên) 155mm; Đồ Nghi (Hải Phòng) 157mm; Mai Châu (Hòa Bình) 156mm; Thanh Xuân (Thanh Hóa) 184mm.

Từ 19h/09/6-19h/12/6) khu vực miền núi phía Bắc mưa phổ biến từ 70-120mm tập trung vào ngày 11/6, một số trạm có lượng mưa lớn như: Kim Loan (Cao Bằng): 237mm; Hạ Lang (Cao Bằng): 131mm; Việt Minh (Hà Giang): 194mm; Cẩm Giàng (Bắc Kạn) 180mm; Sìn Hồ (Lai Châu): 129mm.

Từ 19h/11/6-19h/14/6 khu vực Bắc Bộ có mưa phổ biến từ 50-100mm, một số trạm mưa lớn như: Lào Cai (Lào Cai) 227mm, Lay Nưa (Điện Biên) 179mm, Than Uyên (Lai Châu) 177mm; Bản Mù (Yên Bái) 153mm, Yên Lập (Phú Thọ) 149mm, Láng (Hà Nội) 173mm; Đồn Sơn (Quảng Ninh) 181mm.

1.2. Về lũ:

Mực nước trên các sông hạ lưu hồ Hòa Bình lên nhanh do triều và điều tiết hồ chứa. Mực nước sông Trà Lý đạt đỉnh lúc 21h/16/6 tại trạm thủy văn Quyết Chiến là 3,69m (>BD2 0,39m); trạm thủy văn Thái Bình là 3,04m (>BD2 0,24m), sông Ninh Cơ đạt đỉnh lúc 20h/16/6 tại trạm thủy văn Trục Phương là 2,88m (>BD3 0,28m); sông Văn Úc đạt đỉnh lúc 19h/16/6 tại trạm thủy văn Quang Phục là 2,30m (BD3).

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương

- Ngày 04/6, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành công văn số 290/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh,

thành phố Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ về việc chủ động ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, mưa đá và nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, ngập úng cục bộ.

- Ngày 07/6, Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại tỉnh Hà Giang.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã có văn bản số 298/VPTT ngày 11/6/2022 thông báo cho chính quyền địa phương; các cơ sở, hộ nuôi trồng thủy sản, phương tiện vận tải đường thủy... khu vực hạ du thủy điện Sơn La và Hòa Bình biết để chủ động các biện pháp bảo đảm an toàn về người và tài sản.
- Từ ngày 11-27/6, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 12 công điện đóng, mở cửa xả lũ các hồ thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Sơn La.

2.2. Địa phương

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc theo dõi chặt chẽ tình hình xả điều tiết hồ Tuyên Quang để chủ động triển khai phương án đảm bảo an toàn hạ du.
- Các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc theo dõi chặt chẽ tình hình mưa lớn và nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, ngập úng cục bộ để chủ động ứng phó; huy động lực lượng hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống; rà soát, tiếp tục thống kê, báo cáo thiệt hại.

3. Thiệt hại

Mưa lũ, sạt lở đất gây thiệt hại như sau:

- Về người: 04 người chết, mất tích (Lào Cai 01; Cao Bằng 01; Hòa Bình 01; Yên Bái 01); 03 người bị thương.
- Về nhà ở: 08 nhà sập, đổ hoàn toàn; 443 nhà bị hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 645 ha lúa, hoa màu bị ngập, thiệt hại; 68 con gia súc, 1.054 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy sản: 35 ha thủy, hải sản; 06 lồng bè bị thiệt hại.
- Về thủy lợi, đê điều: 3.508 m đê, kè, kênh mương; 500 bờ sông bị hư hỏng, sạt lở
- Về giao thông: 1.636 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng 52.318 m³ đất, đá, bê tông; 05 cống, 01 cầu tạm bị hư hỏng.

MƯA LỚN ĐÔNG LỐC, GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN DO GIÓ MÙA TÂY NAM TỪ NGÀY 07-13/7/2022

1. Diễn biến thiên tai

- Chiều ngày 09/7/2022, vùng Áp thấp hình thành trên khu vực giữa biển Đông.
- Từ ngày 09-13/7/2022, vùng Áp thấp kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới gây gió Tây Nam mạnh cấp 6-7, giật cấp 8-9 trên vùng biển từ Bình Thuận đến Cà Mau và vùng biển phía Tây khu vực Nam Biển Đông.
- Gió mùa Tây Nam kết hợp với triều cường cao nhất trong tháng (+1,75m, cao hơn mực nước triều trạm Hà Tiên trong bảng thủy triều là 1,11m), gây sóng lớn 1,5-2m tại khu vực biển Tây và một phần biển Đông tập trung tại các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu.
- Mưa lớn xảy ra tại các tỉnh Nam Bộ và Tây Nguyên với lượng phổ biến từ 100-300mm; một số trạm có lượng mưa lớn như: Đắk Ngo (Đắk Nông) 436mm, U Minh (Cà Mau) 342mm, Hương Mỹ (Kiên Giang) 342mm,...

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo:
- + Ngay khi có nhận định sớm của Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, ngày 07/7/2022, đã có văn bản số 358/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố từ Đà Nẵng đến Cà Mau chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển.
- + Ngày 12/7/2022, đã có văn bản số 367/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu chỉ đạo ứng phó với gió mạnh, sóng lớn, triều cường trong đó tập trung đảm bảo an toàn tàu thuyền, dân cư, khách du lịch và xử lý sự cố đê biển.
- + Cử đoàn công tác do lãnh đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo làm trưởng đoàn đi kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó, xử lý sự cố và đảm bảo an toàn đê biển Tây.
- Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia nhận định sớm và thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo về thời tiết nguy hiểm trên biển và mưa lớn khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí thường xuyên đưa tin về diễn biến thiên tai và công tác chỉ đạo ứng phó.

2.2. Địa phương

- Tỉnh Cà Mau huy động lực lượng tổ chức chống tràn, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện tổ chức xử lý giờ đầu 03 vị trí đê biển bị sạt lở; bảo vệ các khu vực nuôi trồng thủy sản có nguy cơ rủi ro;
- Kiểm tra trên toàn tuyến đê biển, sẵn sàng phương án đảm bảo an toàn đê điều, nhân dân và cơ sở hạ tầng trong khu vực.
- Tỉnh Kiên Giang công bố tình huống khẩn cấp sạt lở đê biển khu vực xã Vân Khánh, huyện An Minh (ngày 09/6/2022).
- Các địa phương huy động lực lượng hỗ trợ người dân sửa chữa nhà ở, bố trí nơi ở cho hộ dân có nhà bị sập, đổ; sẵn sàng phương án sơ tán dân tại các khu vực nguy hiểm.
- Ngày 12/7/2022, UBND tỉnh Bình Thuận đã có văn bản số 2209/UBND-KT chỉ đạo các lực lượng liên quan khẩn trương hỗ trợ, tìm kiếm tàu cá BTh 97478.

3. Thiệt hại

Mưa lớn, dông lốc và triều cường, sóng mạnh gió lớn trên biển đã gây thiệt hại:

- Về người: 07 người chết (Cà Mau 01; Bình Thuận 06), 02 người mất tích (Kiên Giang) do gió mạnh, sóng lớn làm chìm tàu; 12 người bị thương.
- Về nhà: 239 nhà sập, đổ; 1.515 nhà hư hại, tốc mái; 1.042 nhà bị ngập nước.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 2.531 ha lúa, rau màu bị thiệt hại; 35 con gia súc, 2.520 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy sản: 16 tàu thuyền bị chìm, hư hỏng (Cà Mau 07, Kiên Giang 09); 279 ha diện tích nuôi, trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về đê điều:
 - + Đê biển Tây (Cà Mau): sạt lở 03 vị trí/chiều dài 185m, nước biển tràn qua 03 vị trí/chiều dài 75m.
 - + Đê sông (Vĩnh Long): Sạt lở 40m đê bao sông Măng Thít.
- Về giao thông: 313 m đường giao thông địa phương bị sạt lở, hư hỏng.



Mưa lớn kèm theo dông lốc đã làm sập và tốc mái hàng trăm căn nhà trên địa bàn huyện Trần Văn Thời khiến nhiều người mất nhà cửa



Dông, lốc làm sập nhà dân tại Kiên Giang



Sạt lở đê biển Tây tỉnh Cà Mau

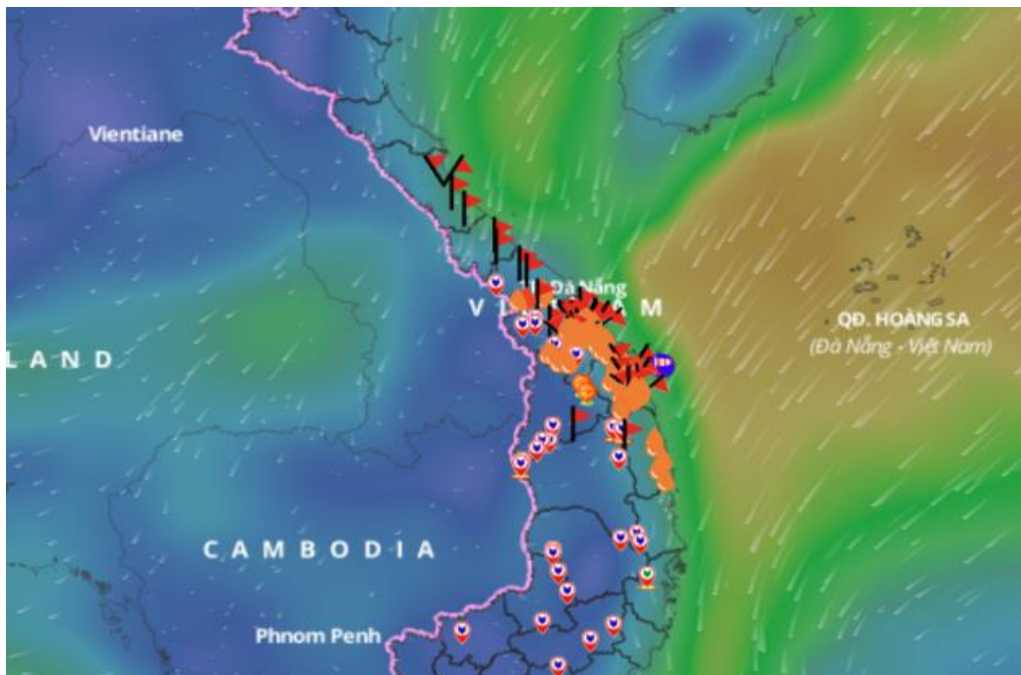
MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT TẠI CÁC TỈNH MIỀN TRUNG TỪ NGÀY 09-11/10/2022

1. Diễn biến mưa lũ

Do ảnh hưởng của không khí lạnh kết hợp gió Đông, khu vực miền Trung từ Quảng Bình đến Phú Yên có mưa lớn, trong đó từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi mưa 500-700mm, một số trạm mưa lớn như: Khe Tre (Thừa Thiên Huế) 795mm (riêng ngày 10/10 mưa 606mm), Tam Lãnh (Quảng Nam) 754mm, Trà Hiệp (Quảng Ngãi) 630mm. Đêm 10/10, rạng sáng 11/10, mưa đã giảm và chỉ còn tập trung tại các tỉnh Quảng Nam – Quảng Ngãi với lượng từ 50-120mm.

Mưa lớn gây lũ các sông Quảng Nam, Quảng Ngãi ở mức BĐ3; các sông Quảng Bình - Thừa Thiên Huế ở mức BĐ1-2; đỉnh lũ các sông như sau:

- Trên sông Vu Gia (Quảng Nam) tại Ái Nghĩa là 8,99m, dưới BĐ3 là 0,01m (02h/11/10).
- Trên sông Thu Bồn (Quảng Nam) tại Câu Lâu là 4,02m, trên BĐ3 là 0,02m (6h/11/10); tại Hội An là 2,10m, trên BĐ3 là 0,10m (6h/11/10).
- Trên sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm Sông Vệ là 4,74m, trên BĐ3 là 0,24m (20h/10/10).



Mưa, lũ xảy ra tại miền Trung qua hệ thống giám sát thiên tai tại Việt Nam

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

2.1. Trung ương

- Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 908/CĐ-TTg ngày 10/10/2022 chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Phú Yên và các Bộ ngành ứng phó với mưa lũ.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai:
 - + Đã có văn bản số 517/VPTT ngày 07/10 gửi các tỉnh Bắc Bộ và ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Ngãi đề nghị ứng phó với thiên tai, trong đó có mưa lũ.
 - + Đã có Công điện số 31/CĐ-QG hồi 9h00 ngày 10/10 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Phú Yên và các Bộ ngành đề nghị triển khai các biện pháp ứng phó với mưa lũ.

2.2. Địa phương:

- Các địa phương triển khai công điện của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo.
- Tổ chức sơ tán người dân khu vực trũng, thấp thấp, có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét; tổ chức lực lượng canh gác tại các khu vực ngập sâu, ngầm, tràn nước chảy xiết; chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, vật tư trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm “04 tại chỗ”; vận hành các hồ chứa, nhất là các liên hồ chứa trên sông Hương, Vu Gia – Thu Bồn, Trà Khúc đảm bảo an toàn.
- Tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức sơ tán 84 hộ/139 người khu vực bị ngập sâu thuộc huyện Nghĩa Hành.
- Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam cho học sinh nghỉ học khu vực bị ngập lụt.

3. Thiệt hại

Mưa lũ đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 06 người chết do lũ cuốn trôi (Quảng Nam 05; Quảng Ngãi 01), 06 người bị thương.
- Về nhà ở: 02 nhà bị sập, đổ; 27 nhà hư hỏng, tốc mái; 3.604 nhà bị ngập.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 326 ha lúa, hoa màu bị ngập, thiệt hại; 25 con gia súc, 2.470 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.

- Về thủy lợi, đề điều: 15.545m kênh mương; 929m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng; 40 đập tạm bị hư hỏng.
- Về giao thông: 6.430 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng 104.018 m³ đất, đá, bê tông.



Ngập lụt do mưa lớn tại miền Trung

4. Nhận xét, đánh giá

- Mưa lớn trong thời gian ngắn gây ngập lụt cục bộ một số tuyến đường giao thông, đô thị và nhà dân (lũ trên sông mới ở mức BĐ1 đến trên BĐ2; khoảng từ BĐ3 trở lên sẽ gây ngập lụt các khu dân cư ven sông).
- Đây là trận mưa lũ đầu tiên trong thời kỳ lũ chính vụ tại khu vực miền Trung, các hồ chứa còn nhiều dung tích nên đã góp phần giảm lũ cho hạ du.
- Các cấp chính quyền và người dân trong khu vực có nhiều kinh nghiệm và chủ động ứng phó với mưa lũ lớn nên đã hạn chế thấp nhất thiệt hại về người.

MƯA LỚN, LŨ TẠI CÁC TỈNH MIỀN TRUNG TỪ NGÀY 01-06/12/2022

1. Diễn biến:

- Về mưa: Từ ngày 01-06/12, khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên có mưa vừa, mưa to có nơi mưa rất to, tổng lượng mưa phổ biến từ 200-600mm, một số trạm có tổng lượng mưa lớn hơn như: Phước Hiệp (Quảng Nam) 1.126mm; Hồ Nước Rôn (Quảng Nam) 1.052mm; UBND xã Sông Hình (Phú Yên) 956mm; Thôn 10 xã Ea M'Đoal (Đắk Lắk) 622mm.

- Về lũ: Từ ngày 01-06/12 mực nước trên các sông đạt BĐ1-BĐ2, một số trạm trên sông Gianh, sông Vệ, sông Bồ, Thu Bồn, Cái Dinh, Kỳ Lộ và Đắk Nông đã trên mức BĐ2 gây ngập lụt tại các tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

2.1. Trung ương

- Ngày 04/12/2022, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo QGPCTT đã ban hành công văn số 614/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố từ Hà Tĩnh đến Khánh Hoà về việc ứng phó mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất và gió mạnh trên biển.

- Ngày 29/11/2022, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo QGPCTT đã ban hành công văn số 606/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố Bắc Bộ, Trung Bộ và các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Định về việc ứng phó mưa lũ, rét đậm, rét hại và gió mạnh trên biển.

2.2. Địa phương

- Các tỉnh đã huy động lực lượng, phương tiện tổ chức khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân.

- 28 tỉnh, thành phố ven biển đã ban hành văn bản chỉ đạo, chủ động triển khai ứng phó mưa lũ, rét đậm, rét hại, gió giật mạnh trên biển.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo, cảnh báo và diễn biến thời tiết, thiên tai, chủ động triển khai các biện pháp ứng phó và báo cáo tình hình sự cố, thiệt hại.

3. Tình hình thiệt hại

Mưa lớn, lũ từ ngày 01-06/12 đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 04 người chết (Thừa Thiên Huế 03, Phú Yên 01).
- Về nhà: 01 căn nhà hư hỏng, tốc mái ở Quảng Nam; 2.886 nhà bị ngập (2.860 Thừa Thiên Huế, 26 nhà tại Phú Yên).
- Về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản: 680 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; gia súc: 01 con (Quảng Nam); 02 ha ao nuôi cá (Quảng Nam).
- Về thủy lợi, đê điều: 18.459 m kè, kênh mương; 410 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 35.849 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với 51.058 m³ đất đá, bê tông.

DÔNG LỐC, SÉT, MƯA ĐÁ

Năm 2022, dông lốc, sét đã xảy ra trên 48/63 tỉnh, thành phố nước ta gây thiệt hại lớn về người và nhà ở; ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân. Trong năm đã xảy ra 258 trận dông lốc, sét (năm 2021 là 326 trận) trên cả nước làm 56 người chết, 35 người bị thương; 458 nhà sập đổ hoàn toàn, 4.530 nhà bị hư hỏng, tốc mái. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 225 tỷ đồng. Nghiêm trọng nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Một số trận điển hình như:

1. Tỉnh Sơn La: Theo báo cáo nhanh số 39/BC-PCTT ngày 16/3/2022 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Sơn La, chiều ngày 14/3/2022 và 15/3/2022 xảy ra dông lốc, sét trên địa bàn huyện Sốp Cộp, Sông Mã, Thuận Châu đã làm 01 người chết (Bà Phá Thị Súa - 1992, tại bản Thẩm Xét, xã Co Tòng, huyện Thuận Châu bị sét đánh trên nương chiều ngày 15/3); 01 người bị thương; 17 nhà bị tốc mái. Sau khi thiên tai xảy ra, BCH PCTT&TKCN các xã đã kiểm tra, xác minh, thăm hỏi, động viên hộ gia đình có thiệt hại về người.
2. Tỉnh Kon Tum: Theo thông tin từ Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Kon Tum, mưa dông trong ngày 20/3 đã làm 02 người chết do sét đánh tại xã Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông (vợ chồng anh A Lót (37 tuổi) và chị Y Then (42 tuổi) bị sét đánh khi đang trú mưa tại căn chòi trên rẫy).
3. Tỉnh An Giang: Theo BCN 25/BC-VPTT ngày 29/3/2022 của VPTT BCH tỉnh, ngày 28/3/2022 trên địa bàn huyện Phú Tân, thị xã Tân Châu đã xảy ra 02 trận mưa dông kèm dông lốc làm 01 người chết (anh Võ Văn Còng, sinh năm 1974, tại tổ 8, ấp Phú Đông, xã Phú Xuân, huyện Phú Tân), tốc mái hoàn toàn 01 căn nhà, tốc mái một phần 06 căn nhà.
4. Tỉnh Kiên Giang: Theo BCN 11/BC-VPTT ngày 30/3/2022 của VPTT BCH tỉnh, từ ngày 18-30/3/2022 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 02 trận mưa dông kèm dông lốc làm 02 người chết, 02 người bị thương, sập 10 căn nhà, tốc mái hoàn toàn 36 căn nhà, hư hại 578 ha lúa, ngã đổ 04 trụ điện. Ước tính tổng thiệt hại khoảng 660 triệu đồng.

RÉT HẠI, BĂNG GIÁ

Trong năm đã có 17 đợt không khí lạnh (KKL) ảnh hưởng đến nước ta, trong đó đợt Gió mùa Đông Bắc (GMĐB) ngày 28/01 được bổ sung trong ngày 31/01 và 02/02 và đợt GMĐB ngày 18/02 đã gây ra rét đậm, rét hại ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Đặc biệt trong đợt GMĐB mạnh ngày 18/02, trên vùng núi cao của Bắc Bộ nhiều nơi đã xuất hiện băng giá, nhiệt độ thấp nhất tại Mẫu Sơn là $-1,4^{\circ}\text{C}$, đây là đợt không khí lạnh mạnh nhất từ đầu Đông năm 2021-2022 và mạnh nhất trong 40 năm cùng thời kỳ. Tuy nhiên các đợt KKL không gây thiệt hại về người. Cụ thể, rét hại băng giá đã làm: 02 nhà bị sập, đổ; 03 nhà bị hư hỏng; 473 điểm trường bị ảnh hưởng; 9.098 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 9.910 con gia súc, gia cầm bị chết.

ĐỢT KHÔNG KHÍ LẠNH TỪ NGÀY 29/1-08/02/2022

1. Diễn biến

- Đêm 28/1, một đợt không khí lạnh đã ảnh hưởng đến các tỉnh vùng núi Bắc Bộ, ngày 29/1, KKL tiếp tục ảnh hưởng tới khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Đợt KKL được tăng cường mạnh ngày 31/1 và bổ sung liên tục đến những ngày đầu tháng 2/2022. KKL đã gây rét đậm, rét hại diện rộng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ ngày 30/01-06/2 với nhiệt độ trung bình phổ biến từ $12-15^{\circ}\text{C}$. Một số nơi có nhiệt độ thấp như: Sa Pa (Lào Cai) $4,8^{\circ}\text{C}$; Đồng Văn (Hà Giang) $6,3^{\circ}\text{C}$; Trùng Khánh (Cao Bằng) $7,2^{\circ}\text{C}$; Tam Đảo (Vĩnh Phúc) $7,0^{\circ}\text{C}$; Mẫu Sơn (Lạng Sơn) $2,3^{\circ}\text{C}$.

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

2.1. Trung ương

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo QG về PCTT ban hành Công điện số 01/CĐ-VPTT hồi 07h00 ngày 27/01/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các địa phương, Bộ, ngành đề nghị triển khai các biện pháp ứng phó với rét đậm, rét hại, đông lốc, mưa đá, băng giá, mưa tuyết, sương mù và vùng áp thấp.

2.2. Địa phương

Các tỉnh/thành phố Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang chủ động triển khai ứng phó với rét đậm, rét hại, đông lạnh, mưa đá, băng giá, mưa tuyết, sương mù và vùng áp thấp. Trong đó các tỉnh Thái Bình, Quảng Nam đã có văn bản chỉ đạo các Sở ngành, địa phương chủ động ứng phó với không khí lạnh và thời tiết nguy hiểm trên biển.

3. Thiệt hại

Đợt rét đậm, rét hại đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 03 người chết, 03 người ngạt khí phải cấp cứu (02 vụ ngạt khí khi đốt than tổ ong để sưởi ấm vào ngày 03/02 và 08/02 tại huyện Quảng Xương, Thanh Hoá).
- Về chăn nuôi: 22 con gia súc bị chết (Bắc Kạn: 18; Sơn La: 04).

4. Nhận xét, đánh giá

- Tính chất đợt rét:

Đợt rét từ 28/01-08/02/2022 là đợt rét trên diện rộng diễn ra vào thời điểm Tết Nguyên đán Nhâm dần 2022.

- Công tác dự báo, cảnh báo:

Đợt không khí lạnh, rét đậm, rét hại đã được nhận định từ sớm, dự báo chính xác về thời gian và nền nhiệt tại các khu vực bị ảnh hưởng.

- Công tác chỉ đạo, điều hành:

Ngay sau khi có bản tin nhận định về đợt rét đậm, rét hại ngày 26/01/2022, Văn phòng thường trực BCĐ QGPCTT đã có Công điện chỉ đạo về việc ứng phó với rét đậm, rét hại, gió mạnh trên biển; đồng thời thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình thiên tai, đôn đốc công tác triển khai ứng phó tại các địa phương. Các địa phương đã chủ động triển khai ứng phó nên đã không xảy ra thiệt hại lớn về gia súc, gia cầm do rét đậm, rét hại; tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp thiệt hại đáng tiếc về người do ngạt khí khi sưởi ấm bằng than tổ ong tại huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

ĐỢT KHÔNG KHÍ LẠNH TỪ NGÀY 19-24/02/2022

1. Diễn biến

Đây là đợt không khí lạnh mạnh nhất từ đầu Đông năm 2021-2022 và mạnh nhất trong 40 năm cùng thời kỳ, nhiều khu vực núi cao trên 1.000m xuất hiện băng giá như tại Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Phia Oắc (Cao Bằng), Xín Cái (Hà Giang), Ô Quy Hồ (Lào Cai)...

Nhiệt độ thấp nhất trong đợt rét hại này ở một số nơi như: Sìn Hồ (Lai Châu) 3,9⁰C; Pha Đin (Điện Biên) 2,0⁰C; Sơn La 6,2⁰C; Sa Pa (Lào Cai) 0,3⁰C; Đồng Văn (Hà Giang) 1,9⁰C; Cao Bằng 6,2⁰C; Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 2,0⁰C; Mẫu Sơn (Lạng Sơn) -1,4⁰C; Móng Cái (Quảng Ninh) 6,6⁰C; Thanh Hóa 8,4⁰C; Vinh (Nghệ An) 9,2⁰C...

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

2.1. Trung ương

- Ngày 16/02, Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo QGPCTT có công văn số 90/VPTT ngày 16/02/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ về việc chủ động ứng phó với rét đậm, rét hại.
- Ngày 27/02, Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo QGPCTT có công văn số 92/VPTT ngày 17/02/2022 gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận về việc ứng phó với gió mạnh trên biển.
- Biên soạn, cung cấp các tài liệu, hướng dẫn kỹ năng phòng, chống rét đậm, rét hại cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các địa phương, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí để truyền thông, hướng dẫn người dân.
- Thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình thiên tai, đôn đốc công tác triển khai ứng phó tại các địa phương.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 01 Công điện, 01 văn bản chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố khu vực miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ và Tây Nguyên về việc phòng chống đói, rét cho vật nuôi và 01 thông báo kết luận của Thứ trưởng Phùng Đức Tiến tại Hội nghị triển khai công tác phòng, chống đói, rét cho vật nuôi Đông - Xuân năm 2021-2022 cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ ngày 14/12/2021.

2.2. Địa phương

- Có 31/31 tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó với rét hại, đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng;
- Có 14 tỉnh thành lập đoàn công tác trực tiếp xuống địa bàn kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo các địa phương triển khai các biện pháp ứng phó;
- Có 22 tỉnh tổ chức thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Có 20 tỉnh đã cho học sinh nghỉ học, chuyển sang học trực tuyến do ảnh hưởng của rét đậm, rét hại và dịch bệnh Covid-19;
- Các địa phương đã triển khai đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, tổ chức điều tiết phương tiện di chuyển tại khu vực đường trơn trượt và tuyên truyền biện pháp phòng dịch Covid-19.

3. Thiệt hại

Rét đậm, rét hại đã làm 7.875 con gia súc bị chết (4.798 con trâu, 1.876 con bò; 1.201 gia súc khác), trong đó: Hà Giang 22, Lào Cai 538, Lai Châu 174, Điện Biên 462, Lạng Sơn 515, Cao Bằng 807, Sơn La 1.987, Yên Bái 94, Bắc Kạn 404, Tuyên Quang 12, Hòa Bình 479, Bắc Giang 90, Quảng Ninh 51, Thanh Hóa 16, Nghệ An 2.185, Quảng Bình 39.

4. Nhận xét, đánh giá

- Đợt rét từ 19-24/02/2022 là đợt rét trên diện rộng, nhiệt độ thấp nhất từ đầu mùa Đông 2021-2022 và đợt rét mạnh nhất trong 40 năm cùng thời kỳ (nhiệt độ thấp nhất là tại Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn là $-1,4^{\circ}\text{C}$, thấp kỷ lục cùng thời kỳ). Nhiệt độ vùng núi cao duy trì ở mức thấp (phổ biến từ $3-8^{\circ}\text{C}$) và kéo dài (04 ngày từ 20-23/02).
- Ngay sau khi có bản tin nhận định về đợt rét đậm, rét hại ngày 16/02/2022, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã có các văn bản chỉ đạo về việc ứng phó với rét đậm, rét hại, gió mạnh trên biển; đồng thời thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình thiên tai, đôn đốc công tác triển khai ứng phó tại các địa phương.
- Công tác chống rét ở một số địa phương vẫn còn chưa đảm bảo trong việc chuẩn bị thức ăn, nuôi thả, gia cố chuồng trại...nhất là các tỉnh Bắc Trung Bộ không phải trọng tâm đợt rét như Nghệ An nhưng vẫn bị thiệt hại nặng nề (2.185 con gia súc bị chết).

ĐỘNG ĐẤT

Trong năm 2022, động đất có xu hướng hoạt động rộng và nhiều hơn, trên cả nước đã xảy ra 286 trận động đất xảy ra tại các 10 tỉnh/ thành phố (Hà Giang 01, Lai Châu 01, Điện Biên 09, Sơn La 04, Hòa Bình 03, Bắc Ninh 02, Nghệ An 03, Quảng Nam 09, Quảng Ngãi 01, Kon Tum 250), tỉnh Kon Tum có tỉ lệ xảy ra chiếm 87,41%, có độ lớn từ 2,5-4,7. Các trận động đất không gây thiệt hại về người và tài sản, tuy nhiên vào ngày 23/8/2022 tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đã xảy ra 01 trận động đất có độ lớn 4,7 (tương đương cường độ trận động đất xảy ra năm 2012 tại thủy điện Sông Tranh 2), trận động đất đã gây rung chấn trong khu vực huyện Kon Plong và các địa phương lân cận (Quảng Nam, Đà Nẵng). Các trận động đất xảy ra trong năm:

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
1	Quảng Nam	Ngày 1/1/2022	Nam Trà My	2,6
2	Quảng Nam	16h09 ngày 2/1/2022	Nam Trà My	2,6
3	Kon Tum	16h09 ngày 2/1/2022	Kon Plông	2,9
4	Kon Tum	01h23 ngày 5/1/2022	Kon Plông	3,6
5	Kon Tum	02h03 ngày 5/1/2022	Kon Plông	3
6	Kon Tum	03h02 ngày 5/1/2022	Kon Plông	3,4
7	Kon Tum	03h51 ngày 5/1/2022	Kon Plông	3,4
8	Kon Tum	09h48 ngày 5/1/2022	Kon Plông	2,9
9	Kon Tum	14h03 ngày 5/1/2022	Kon Plông	2,5
10	Kon Tum	14h55 ngày 5/1/2022	Kon Plông	2,5
11	Kon Tum	15h48 ngày 5/1/2022	Kon Plông	2,7
12	Kon Tum	21h18 ngày 5/1/2022	Kon Plông	2,7
13	Kon Tum	13h33 ngày 6/1/2022	Kon Plông	3,2
14	Quảng Nam	18h20 ngày 8/1/2022	Nam Trà My	2,5
15	Lào	18h41 ngày 10/1/2022	tỉnh Phongsaly, Lào (cách Mường Nhé, Điện Biên khoảng 20km)	2,7
16	Kon Tum	20h59 ngày 11/1/2022	Kon Plông	2,6
17	Kon Tum	21h29 ngày 11/1/2022	Kon Plông	2,7
18	Kon Tum	3h52 ngày 12/1/2022	Kon Plông	3,7
19	Kon Tum	12h35 ngày 12/1/2022	Kon Plông	3,2
20	Bắc Ninh	03h43 ngày 17/1/2022	TP Bắc Ninh	2,6
21	Bắc Ninh	03h43 ngày 17/1/2022	TP Bắc Ninh	2,6
22	Kon Tum	2h46 ngày 23/1/2022	Kon Plông	2,5
23	Quảng Nam	2h48 ngày 23/1/2022	Nam Trà My	2,5
24	Điện Biên	11h30 ngày 24/1/2022	Phongsaly (Lào) cách Mường Nhé 44km	3,1

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
25	Kon Tum	11h32 ngày 29/1/2022	Kon Plông	3
26	Kon Tum	12h27 ngày 29/1/2022	Kon Plông	2,5
27	Kon Tum	13h52 ngày 31/1/2022	Kon Plông	3
28	Kon Tum	22h59 ngày 31/1/2022	Kon Plông	2,6
29	Kon Tum	3h35 ngày 3/2/2022	Kon Plông	3,3
30	Kon Tum	22h00 ngày 8/2/2022	Kon Plông	2,8
31	Kon Tum	8h35 ngày 10/2/2022	Kon Plông	3,2
32	Kon Tum	4h37 ngày 14/2/2022	Kon Plông	3,3
33	Kon Tum	16h37 ngày 15/2/2022	Kon Plông	2,6
34	Quảng Nam	22h01 ngày 23/02/2022	Nam Trà My	2,7
35	Kon Tum	00h36 ngày 04/3/2022	Kon Plông	3
36	Kon Tum	19h36 ngày 09/3/2022	Kon Plông	2,8
37	Kon Tum	19h50 ngày 09/3/2022	Kon Plông	3,1
38	Quảng Nam	01h48 ngày 11/3/2022	Bắc Trà My	2,9
39	Quảng Nam	02h07 ngày 11/3/2022	Bắc Trà My	2,7
40	Kon Tum	21h03 ngày 11/3/2022	Kon Plông	2,8
41	Điện Biên	09h22 ngày 14/3/2022	Điện Biên Đông	4,5
42	Điện Biên	11h52 ngày 14/3/2022	Điện Biên Đông	3,4
43	Điện Biên	08h17 ngày 16/3/2022	Điện Biên	2,5
44	Kon Tum	19h50 ngày 20/3/2022	Kon Plông	3,2
45	Cao Bằng	18h11 ngày 22/3/2022	Phúc Hoà	3,2
46	Kon Tum	7h28 ngày 24/3/2022	Kon Plông	2,7
47	Kon Tum	7h28 ngày 31/3/2022	Kon Plông	3,3
48	Kon Tum	17h53 ngày 10/4/2022	Kon Plông	2,9
49	Kon Tum	00h43 ngày 15/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,3
50	Kon Tum	01h39 ngày 15/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	3
51	Kon Tum	02h55 ngày 15/4/2022 (trận 3)	Kon Plông	3,1
52	Kon Tum	20h24 ngày 15/4/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,9
53	Kon Tum	20h34 ngày 15/4/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,4
54	Kon Tum	20h47 ngày 15/4/2022 (trận 6)	Kon Plông	4,1
55	Kon Tum	21h35 ngày 15/4/2022 (trận 7)	Kon Plông	4,1
56	Kon Tum	06h21 ngày 16/4/2022	Kon Plông	3,3
57	Kon Tum	23h15 ngày 16/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
58	Kon Tum	00h43 ngày 17/4/2022	Kon Plông	2,8
59	Kon Tum	15h55 ngày 17/4/2022 (trận 2)	Kon Rẫy	3
60	Kon Tum	19h06 ngày 17/4/2022 (trận 3)	Tu Mơ Rông	2,7
61	Kon Tum	20h21 ngày 17/4/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,7
62	Kon Tum	21h58 ngày 17/4/2022 (trận 5)	Kon Plông	3
63	Kon Tum	06h13 ngày 18/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,5
64	Kon Tum	06h22 ngày 18/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,9
65	Kon Tum	11h57 ngày 18/4/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,6
66	Kon Tum	12h54 ngày 18/4/2022 (trận 4)	Kon Plông	4,5
67	Kon Tum	14h19 ngày 18/4/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,6
68	Kon Tum	21h34 ngày 18/4/2022 (trận 6)	Kon Plông	3,4
69	Kon Tum	22h06 ngày 18/4/2022 (trận 7)	Kon Plông	2,5

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
70	Kon Tum	03h02 ngày 20/4/2022	Kon Plông	2,5
71	Kon Tum	00h55 ngày 21/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,2
72	Kon Tum	01h05 ngày 21/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,9
73	Kon Tum	04h12 ngày 21/4/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,5
74	Kon Tum	17h16 ngày 21/4/2022 (trận 4)	Kon Plông	3
75	Kon Tum	18h39 ngày 21/4/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,3
76	Kon Tum	17h24 ngày 22/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	3
77	Kon Tum	18h04 ngày 22/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,1
78	Điện Biên	18h14 ngày 22/4/2022 (trận 3)	Tủa Chùa	3,1
79	Kon Tum	23h53 ngày 23/4/2022	Kon Plông	2,9
80	Kon Tum	05h38 ngày 24/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,9
81	Kon Tum	18h11 ngày 24/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
82	Kon Tum	20h07 ngày 24/4/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,9
83	Kon Tum	00h08 ngày 25/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,7
84	Kon Tum	02h33 ngày 25/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
85	Kon Tum	18h26 ngày 25/4/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,8
86	Kon Tum	08h29 ngày 26/4/2022	Kon Plông	2,7
87	Kon Tum	20h49 ngày 26/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,6
88	Kon Tum	22h02 ngày 27/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,1
89	Kon Tum	22h08 ngày 27/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,9
90	Kon Tum	2h38 ngày 28/4/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
91	Kon Tum	20h34 ngày 28/4/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
92	Kon Tum	09h37 ngày 06/5/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,4
93	Kon Tum	13h42 ngày 06/5/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,2
94	Kon Tum	22h57 ngày 06/5/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,9
95	Kon Tum	01h32 ngày 08/5/2022	Kon Plông	2,6
96	Kon Tum	05h18 ngày 09/5/2022 (trận 1)	Kon Plông	3
97	Kon Tum	09h20 ngày 09/5/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,4
98	Kon Tum	10h26 ngày 09/5/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,5
99	Kon Tum	09h10 ngày 10/5/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,9
100	Kon Tum	11h17 ngày 10/5/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,9
101	Kon Tum	23h16 ngày 10/5/2022	Kon Plông	2,7
102	Kon Tum	01h47 ngày 15/5/2022	Kon Plông	2,5
103	Kon Tum	16h01 ngày 18/5/2022	Kon Plông	3,2
104	Kon Tum	05h21 ngày 21/5/2022	Kon Plông	2,8
105	Kon Tum	06h52 ngày 22/5/2022	Kon Plông	3
106	Kon Tum	23h01 ngày 25/5/2022	Kon Plông	3
107	Kon Tum	18h19 ngày 27/5/2022	Kon Plông	2,7
108	Kon Tum	21h56 ngày 31/5/2022	Kon Plông	2,6
109	Kon Tum	01h27 ngày 01/6/2022	Kon Plông	3
110	Kon Tum	04h4 ngày 01/6/2022	Kon Plông	2,6
111	Kon Tum	16h54 ngày 02/6/2022	Kon Plông	2,9
112	Kon Tum	8h24 ngày 04/6/2022	Kon Plông	3,7
113	Kon Tum	10h04 ngày 04/6/2022	Kon Plông	3,1
114	Kon Tum	14h35 ngày 08/6/2022	Kon Plông	2,6

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
115	Kon Tum	14h02 ngày 09/6/2022	Kon Plông	2,6
116	Kon Tum	18h51 ngày 15/6/2022	Kon Plông	2,9
117	Kon Tum	16h11 ngày 17/6/2022	Kon Plông	2,6
118	Kon Tum	05h13 ngày 20/6/2022	Kon Plông	2,5
119	Kon Tum	00h46 ngày 22/6/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,2
120	Kon Tum	00h58 ngày 22/6/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
121	Kon Tum	01h15 ngày 22/6/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,6
122	Kon Tum	02h04 ngày 22/6/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,6
123	Kon Tum	21h28 ngày 23/6/2022	Kon Plông	2,7
124	Kon Tum	00h46 ngày 24/6/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,2
125	Kon Tum	00h58 ngày 24/6/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
126	Kon Tum	01h15 ngày 24/6/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,6
127	Kon Tum	02h04 ngày 24/6/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,6
128	Kon Tum	02h56 ngày 25/6/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
129	Kon Tum	19h24 ngày 25/06/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,7
130	Kon Tum	09h48 ngày 29/6/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
131	Kon Tum	16h34 ngày 29/6/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,7
132	Kon Tum	15h21 ngày 30/6/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
133	Quảng Nam	17h22 ngày 30/6/2022 (trận 2)	Nam Trà My	2,7
134	Kon Tum	01h37 ngày 06/7/2022	Kon Plông	2,9
135	Kon Tum	08h52 ngày 10/7/2022	Kon Plông	3,1
136	Kon Tum	22h34 ngày 11/7/2022	Kon Plông	3
137	Kon Tum	6h28 ngày 12/7/2022	Kon Plông	3,4
138	Kon Tum	19h16 ngày 14/7/2022	Kon Plông	3,1
139	Điện Biên	16h53 ngày 17/7/2022	Tủa Chùa	3,2
140	Kon Tum	04h19 ngày 23/7/2022	Kon Plông	2,6
141	Kon Tum	01h12 ngày 26/7/2022	Kon Plông	2,6
142	Kon Tum	20h46 ngày 27/7/2022	Kon Plông	3,1
143	Kon Tum	6h54 ngày 28/7/2022	Kon Plông	3,1
144	Kon Tum	11h59 ngày 29/7/2022	Kon Plông	2,7
145	Kon Tum	08h14 ngày 01/8/2022	Kon Plông	3,6
146	Kon Tum	16h34 ngày 02/8/2022	Kon Plông	2,8
147	Kon Tum	20h34 ngày 02/8/2022	Kon Plông	3
148	Kon Tum	3h28 ngày 03/8/2022	Kon Plông	2,5
149	Kon Tum	19h52 ngày 04/8/2022	Kon Plông	2,8
150	Kon Tum	21h08 ngày 05/8/2022	Kon Plông	2,6
151	Kon Tum	23h01 ngày 08/8/2022	Kon Plông	2,6
152	Điện Biên	03h29 ngày 10/8/2022	Mường Nhé	3,6
153	Điện Biên	10h11 ngày 15/8/2022	Mường Nhé	2,6
154	Điện Biên	00h38 ngày 17/8/2022	Mường Nhé	2,6
155	Kon Tum	14h18 ngày 20/8/2022	Kon Plông	2,5
156	Kon Tum	14h08 ngày 23/8/2022 (trận 1)	Kon Plông	4,7
157	Kon Tum	14h11 ngày 23/8/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,6
158	Kon Tum	15h02 ngày 23/8/2022 (trận 3)	Kon Plông	3,7
159	Kon Tum	15h27 ngày 23/8/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,5

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
160	Kon Tum	16h15 ngày 23/8/2022 (trận 5)	Kon Plông	3
161	Kon Tum	17h31 ngày 23/8/2022 (trận 6)	Kon Plông	2,7
162	Kon Tum	18h04 ngày 23/8/2022 (trận 7)	Kon Plông	2,9
163	Kon Tum	20h38 ngày 23/8/2022 (trận 8)	Kon Plông	2,9
164	Kon Tum	20h41 ngày 23/8/2022 (trận 9)	Kon Plông	2,7
165	Kon Tum	21h30 ngày 23/8/2022 (trận 10)	Kon Plông	2,5
166	Kon Tum	21h30 ngày 23/8/2022 (trận 11)	Kon Plông	2,9
167	Kon Tum	01h21 ngày 24/8/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,5
168	Kon Tum	12h27 ngày 25/8/2022	Kon Plông	2,5
169	Kon Tum	03h52 ngày 27/8/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,5
170	Kon Tum	09h58 ngày 27/8/2022 (trận 2)	Kon Plông	3
171	Kon Tum	12h39 ngày 27/8/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,5
172	Quảng Nam	15h00 ngày 27/8/2022 (trận 4)	Nam Trà My	3
173	Trung Quốc (Vân Nam)	16h16 ngày 27/8/2022	Cách địa giới huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang khoảng 1.5 km	2,7
174	Quảng Ngãi	07h36 ngày 28/8/2022	Sơn Hà	2,5
175	Kon Tum	07h03 ngày 29/8/2022	Kon Plông	2,5
176	Kon Tum	03h35 ngày 30/8/2022	Kon Plông	3,3
177	Kon Tum	04h10 ngày 31/8/2022	Kon Plông	2,6
178	Kon Tum	17h23 ngày 31/8/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
179	Kon Tum	9h13 ngày 01/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,7
180	Kon Tum	13h39 ngày 01/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	4,1
181	Kon Tum	14h03 ngày 01/9/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,8
182	Kon Tum	14h19 ngày 01/9/2022 (trận 4)	Kon Plông	3,9
183	Kon Tum	15h13 ngày 01/9/2022 (trận 5)	Kon Plông	2,8
184	Kon Tum	15h50 ngày 01/9/2022 (trận 6)	Kon Plông	2,7
185	Kon Tum	18h36 ngày 01/9/2022 (trận 7)	Kon Plông	3,4
186	Kon Tum	02h34 ngày 02/9/2022	Kon Plông	2,7
187	Kon Tum	02h27' ngày 03/9/2022	Kon Plông	2,9
188	Kon Tum	14h58 ngày 04/9/2022	Kon Plông	2,7
189	Kon Tum	13h11 ngày 06/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	3
190	Kon Tum	21h49 ngày 06/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
191	Kon Tum	5h55 ngày 10/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,8
192	Kon Tum	6h30 ngày 10/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
193	Kon Tum	7h16 ngày 10/9/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,8
194	Kon Tum	7h34 ngày 10/9/2022 (trận 4)	Kon Plông	3,1
195	Kon Tum	11h35 ngày 10/9/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,5
196	Kon Tum	22h45 ngày 10/9/2022 (trận 6)	Kon Plông	2,9
197	Kon Tum	05h07 ngày 11/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,4
198	Kon Tum	11h21 ngày 11/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
199	Kon Tum	14h33 ngày 11/9/2022 (trận 3)	Kon Plông	3,2
200	Kon Tum	12h36 ngày 12/9/2022	Kon Plông	2,5
201	Kon Tum	09h24 ngày 13/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,8
202	Kon Tum	20h12 ngày 13/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,6

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
203	Kon Tum	23h24 ngày 14/9/2022	Kon Plông	2,5
204	Kon Tum	10h40 ngày 15/9/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,8
205	Kon Tum	13h16 ngày 15/9/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,2
206	Kon Tum	13h40 ngày 15/9/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,5
207	Kon Tum	16h33 ngày 15/9/2022 (trận 4)	Kon Plông	2,5
208	Kon Tum	15h35 ngày 16/9/2022	Kon Plông	3
209	Kon Tum	2h49 ngày 18/9/2022	Kon Plông	2,8
210	Kon Tum	12h38 ngày 23/9/2022	Kon Plông	2,7
211	Kon Tum	17h48 ngày 24/9/2022	Kon Plông	2,7
212	Kon Tum	12h34 ngày 25/9/2022 (Trận 1)	Kon Plông	2,5
213	Kon Tum	13h54 ngày 25/9/2022 (Trận 2)	Kon Plông	2,6
214	Kon Tum	17h01 ngày 25/9/2022 (Trận 3)	Kon Plông	2,9
215	Kon Tum	11h04 ngày 27/9/2022	Kon Plông	3,2
216	Kon Tum	02h51 ngày 01/10/2022	Kon Plông	3
217	Kon Tum	20h41 ngày 01/10/2022	Kon Plông	3,9
218	Sơn La	08h57 ngày 02/10/2022	Mộc Châu	3,3
219	Sơn La	13h35 ngày 03/10/2022	Mộc Châu	3,1
220	Kon Tum	12h28 ngày 05/10/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,7
221	Kon Tum	14h00 ngày 05/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,7
222	Kon Tum	17h09 ngày 05/10/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,9
223	Sơn La	01h37 ngày 06/10/2022	Mộc Châu	3,2
224	Sơn La	18h02 ngày 07/10/2022	Mộc Châu	2,6
225	Kon Tum	16h15 ngày 10/10/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,2
226	Kon Tum	18h00 ngày 10/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,5
227	Kon Tum	14h00 ngày 12/10/2022	Kon Plông	2,7
228	Kon Tum	11h21 ngày 13/10/2022	Kon Plông	3,5
229	Kon Tum	02h56 ngày 19/10/2022	Kon Plông	2,5
230	Kon Tum	08h35 ngày 19/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
231	Kon Tum	22h08 ngày 21/10/2022	Kon Plông	2,6
232	Kon Tum	18h56 ngày 23/10/2022	Kon Plông	2,6
233	Kon Tum	12h19 ngày 24/10/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,5
234	Kon Tum	23h03 ngày 24/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,4
235	Kon Tum	10h19 ngày 25/10/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,8
236	Kon Tum	13h09 ngày 25/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
237	Kon Tum	15h02 ngày 27/10/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
238	Kon Tum	15h28 ngày 27/10/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,8
239	Kon Tum	03h20 ngày 30/10/2022	Kon Plông	3,2
240	Nghệ An	02h55 ngày 31/10/2022	Tương Dương	2,8
241	Kon Tum	11h53 ngày 03/11/2022	Kon Plông	2,7
242	Kon Tum	12h46 ngày 03/11/2022	Kon Plông	2,9
243	Kon Tum	17h27 ngày 05/11/2022	Tu Mơ Rông	3,5
244	Kon Tum	04h29 ngày 06/11/2022	Kon Plông	3,1
245	Kon Tum	14h10 ngày 06/11/2022	Kon Plông	2,6
246	Kon Tum	18h01 ngày 08/11/2022	Kon Plông	2,6
247	Kon Tum	19h41 ngày 08/11/2022	Kon Plông	3,7

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Huyện	Độ lớn
248	Kon Tum	20h32 ngày 08/11/2022	Kon Plông	2,9
249	Kon Tum	00h20 ngày 14/11/2022	Kon Plông	2,6
250	Kon Tum	22h32 ngày 15/11/2022	Kon Plông	2,6
251	Kon Tum	23h49 ngày 15/11/2022	Kon Plông	3,2
252	Kon Tum	22h56 ngày 20/11/2022	Kon Plông	2,8
253	Lai Châu	02h31 ngày 21/11/2022	Mường Tè	2,5
254	Kon Tum	18h17 ngày 22/11/2022	Kon Plông	2,6
255	Kon Tum	20h29 ngày 22/11/2022	Kon Plông	2,6
256	Kon Tum	22h44 ngày 22/11/2022	Kon Plông	3
257	Hà Giang	05h42 ngày 28/11/2022	Hà Giang	3
258	Kon Tum	10h07 ngày 30/11/2022	Kon Plông	2,5
259	Kon Tum	00h41 ngày 11/12/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,8
260	Kon Tum	00h45 ngày 11/12/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,3
261	Kon Tum	02h28 ngày 11/12/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,9
262	Kon Tum	05h40 ngày 11/12/2022 (trận 4)	Kon Plông	3,4
263	Kon Tum	23h23 ngày 11/12/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,6
264	Kon Tum	09h45 ngày 13/12/2022	Kon Plông	3,1
265	Kon Tum	01h50 ngày 14/12/2022 (trận 1)	Kon Plông	2,6
266	Kon Tum	02h01 ngày 14/12/2022 (trận 2)	Kon Plông	2,7
267	Kon Tum	09h40 ngày 14/12/2022 (trận 3)	Kon Plông	2,8
268	Hoà Bình	15h08 ngày 14/12/2022 (trận 4)	Đà Bắc	3,9
269	Kon Tum	21h09 ngày 14/12/2022 (trận 5)	Kon Plông	3,5
270	Kon Tum	08h07 ngày 15/12/2022 (trận 1)	Kon Plông	3,1
271	Kon Tum	14h30 ngày 15/12/2022 (trận 2)	Kon Plông	3,1
272	Kon Tum	00h11 ngày 16/12/2022	Kon Plông	3,1
273	Hoà Bình	22h01 ngày 17/12/2022	Đà Bắc	2,6
274	Kon Tum	18h11 ngày 19/12/2022	Kon Plông	2,7
275	Kon Tum	03h20 ngày 25/12/2022	Kon Plông	2,6
276	Kon Tum	07h18 ngày 26/12/2022	Kon Plông	2,6
277	Kon Tum	10h24 ngày 26/12/2022	Kon Plông	2,9
278	Kon Tum	10h34 ngày 26/12/2022	Kon Plông	2,9
279	Kon Tum	19h11 ngày 26/12/2022	Kon Plông	3
280	Nghệ An	14h36 ngày 27/12/2022	Tương Dương	4,1
281	Kon Tum	21h10 ngày 27/12/2022	Kon Plông	2,5
282	Nghệ An	01h07 ngày 28/12/2022	Tương Dương	3
283	Kon Tum	04h56 ngày 29/12/2022	Kon Plông	2,7
284	Hoà Bình	14h52 ngày 29/12/2022	Đà Bắc	4
285	Kon Tum	00h17 ngày 30/12/2022	Kon Plông	2,6
286	Kon Tum	09h32 ngày 30/12/2022	Kon Plông	2,9

SẠT LỞ KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trong năm 2022, khu vực đồng bằng sông cửu Long đã xảy ra 190 điểm sạt lở (đặc biệt trong đó: Vĩnh Long 07 điểm, An Giang 20 điểm, Cà Mau 37 điểm, Sóc Trăng 60 điểm, Đồng Tháp 32 điểm), làm 5.589 căn nhà bị sập đổ, ảnh hưởng, 1.301 ha cây trồng thiệt hại, tổng chiều dài đê, kè bị sạt, nứt, vỡ là 14.239m, tổng chiều dài kênh bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở là 32.498m.

Diễn hình là vụ sạt lở xảy ra vào chiều ngày 05/12/2022 tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã làm sạt lở bờ sông với chiều dài khoảng 500m, tổng diện tích bị sạt lở khoảng 100.000m². Sạt lở đã làm ảnh hưởng đến 22 hộ (trong đó có 12 hộ sụp lở mất trắng nhà, đất) với 58 nhân khẩu; 10 hộ bị ảnh hưởng với 51 nhân khẩu; thiệt hại 01 xe cuốc (đang thi công công trình đê bao); 02 ao nuôi cá chột (0,65 ha)...ước tổng thiệt hại khoảng 35 tỉ đồng. Do vậy, Ngày 08/12, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ vàm sông Mương Lộ đến rạch Bà Bống), chiều dài 700 mét, thuộc Tổ 9, Tổ 10, ấp Bình Thuận 1, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.



Sạt lở đất bờ sông Cổ Chiên đã cuốn trôi nhà cửa, tài sản của hàng loạt hộ dân

Ngoài ra, tình trạng sạt lở diễn ra ở các tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long diễn ra dồn dập, vì vậy các tỉnh, thành phố như An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp cũng đã ban hành Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về sạt lở nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các công trình khác.



Sạt lở bờ sông Hậu, tỉnh An Giang



Sạt lở đê biển Tây thuộc khu vực xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời



*Bờ sông Tiền, đoạn thuộc xã Tân Quới, huyện Thanh Bình
tỉnh Đồng Tháp bị sạt lở*

PHẦN II
CÁC HOẠT ĐỘNG
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phòng, chống thiên tai; chính sách mới về phòng, chống thiên tai

1.1. Văn bản quy phạm pháp luật:

Công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được đặc biệt quan tâm và triển khai sau khi Luật Phòng, chống thiên tai sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn được ban hành trong các năm 2020-2021, cụ thể:

- Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều và các nghị định hướng dẫn (Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai,...).

- Dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng 02 Nghị định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Nghị định thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Nghị định quy định về nội dung, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai.

- Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, ngập lụt giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 62/TTr-BXD ngày 19/12/2022).

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 22/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều; dự thảo Thông tư Hướng dẫn kỹ thuật duy tu bảo dưỡng đê điều; xây dựng Định mức công tác tư vấn vận hành liên hồ chứa.

1.2. Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch:

Triển khai xây dựng Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia; thực hiện Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch của Ban bí thư Trung ương Đảng, Quốc Hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ:

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021); Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến năm 2025 (Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2021).

- Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi quốc gia được xây dựng với thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 30 năm đến 50 năm [Luật số 21/2017/QH14 của Quốc Hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Quán triệt tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó chủ đạo là định hướng đưa đất nước phát triển “nhanh và bền vững”; Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch này với hệ thống quy hoạch quốc gia, làm cơ sở để lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, quy hoạch chi tiết các lưu vực sông, vùng, địa phương; Giải quyết những tồn tại, thách thức lớn trong công tác phòng, chống thiên tai mang tính liên vùng, liên tỉnh như: hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, hạ thấp mực nước, ngập úng, lũ, lũ quét, sạt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển; Ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai; Huy động đa dạng mọi nguồn lực, trong đó nâng cao tỷ trọng nguồn lực ngoài ngân sách, để đầu tư đồng bộ, theo phân kỳ đầu tư có trọng tâm trọng điểm hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia tại Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 với mục tiêu để triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; giảm thiệt hại về tính mạng, tài sản cho người dân, bảo vệ những thành quả phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hướng đến phát triển bền vững, xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai, quốc gia chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai sau năm 2030 và chủ động phòng ngừa sau năm 2045.

2. Tổ chức, bộ máy

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp.
- Ban Chỉ đạo và Ủy ban Quốc gia đã ban hành chương trình, kế hoạch công tác năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn, đồng thời bố trí lực lượng hỗ trợ các đoàn công tác; tổ chức 21 đoàn kiểm tra công tác PCTT của thành viên Ban chỉ đạo và Ủy ban Quốc gia tại 60 tỉnh/TP theo địa bàn được phân công.

3. Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai

Hoạt động phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai được thực hiện đồng bộ:

- Tổ chức Hội nghị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022 để đánh giá kết quả và triển khai nhiệm vụ trọng tâm trong mùa mưa bão năm 2022, hội nghị được trực tuyến đến 63 điểm cầu UBND tỉnh, thành phố và 701 điểm cầu quận, huyện trên cả nước với hơn 19.000 người dự.
- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2021-2025 trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (57/63 tỉnh, thành phố hoàn thành); 60/63 tỉnh, thành phố hoàn thành xây dựng phương án ứng phó với thiên tai.
- Ngày 11/5/2022, tổ chức công bố kết quả đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh năm 2021 thông qua Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh và hướng dẫn các địa phương tiếp tục triển khai đánh giá công tác PCTT năm 2022; tham mưu điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số cho phù hợp với thực tiễn tại Quyết định số 09/QĐ-QGPCTT ngày 15/11/2022. Qua triển khai thực hiện, Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cho thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu trong việc thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, giúp cho các tỉnh, thành phố có điều chỉnh cần thiết về nội dung, giải pháp trong triển khai công tác phòng, chống thiên tai hàng năm.
- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động lực lượng xung kích PCTT tại cơ sở: Tính đến cuối năm 2022, đã có 99% số xã, phường trên cả nước thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai với tổng số thành viên trên 774.000 người, phát huy và đóng vai trò rất lớn trong thực hiện phương châm 4 tại chỗ trong ứng phó kịp thời, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, đặc biệt là thiệt hại về người.

Năm 2022, Ban Chỉ đạo đã tổ chức tập huấn, diễn tập, nâng cao kỹ năng cho lực lượng xung kích PCTT cấp xã trong ứng phó với động đất, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; kết quả, bài học kinh nghiệm tại Kon Tum được biên tập, hoàn thiện phổ biến đến các địa phương trong khu vực và trên cả nước.

Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai đã góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó thiên tai của các cấp từ trung ương đến cơ sở.

4. Dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai

Hoạt động dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai được thúc đẩy triển khai. Công tác dự báo, cảnh báo là đầu vào quan trọng trong phòng, chống thiên tai; năng lực và hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cảnh báo, dự báo ngày càng được nâng cao và phát huy hiệu quả.

- Ban hành bản tin đặc biệt nhận định sớm về khả năng diễn biến phức tạp của mùa mưa, bão, lũ năm 2022 và cập nhật hàng tháng bản tin nhận định về tình hình thiên tai.

- Ngay khi xuất hiện các hình thái thời tiết nguy hiểm, cơ quan dự báo đã ban hành văn bản nhận định sớm; cung cấp kịp thời các bản tin cảnh báo, dự báo 07 cơn bão, 02 ATNĐ, 15 đợt không khí lạnh, 12 đợt nắng nóng, 25 đợt mưa lớn diện rộng, các hiện tượng thời tiết cực đoan khác (mưa đá, lốc, lũ quét, sạt lở đất, sóng lớn trên biển,...) và dự báo phục vụ Quy trình liên hồ chứa cho 11 lưu vực sông trên toàn quốc đến các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy các cấp để chỉ đạo và triển khai ứng phó.

- Cơ quan dự báo quốc gia đã có nhiều phát triển cả về hệ thống dự báo cũng như nâng cao chất lượng, tiến độ cung cấp thông tin nhất là dự báo vị trí và cường độ bão đã dần tiệm cận với dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; các đợt mưa lớn, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn đã được dự báo, cảnh báo sớm.

- Đã thực hiện dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai và chủ động kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Các địa phương tổ chức lắp đặt bổ sung các trạm đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai (tổng số trạm chuyên dùng đến cuối năm 2022 là 2.466 trạm).

- Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ động gửi các cảnh báo thiên tai trên hệ thống Đài Thông tin duyên hải để thông báo đến các thuyền và ngư dân trên biển về tình hình thiên tai để chủ động các phương án ứng phó, tránh trú, di chuyển khỏi vùng ảnh hưởng của thiên tai, cụ thể:

+ Về trực canh, tiếp nhận và xử lý thông tin cấp cứu khẩn cấp:

Năm 2022, Hệ thống Đài Thông tin duyên hải Việt Nam đã thực hiện việc trực canh ở chế độ 24/7, tiếp nhận và xử lý thông tin cấp cứu bằng các phương thức và tan số quy định phục vụ mọi phương tiện hoạt động trên biển, kết quả là:

- (1) Đã tiếp nhận và xử lý 981 sự kiện thông tin cấp cứu - khẩn cấp.
- (2) Kết nối thông tin, trợ giúp cho 432 phương tiện quốc tịch Việt Nam, 480 phương tiện quốc tịch nước ngoài và 69 đối tượng không xác định được quốc tịch.
- (3) Đã trợ giúp thông tin cho 1.175 thuyền viên (325 người nước ngoài và 850 người Việt Nam).

+ Về truyền phát thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn:

Hệ thống Đài Thông tin duyên hải Việt Nam đã thực hiện công tác tiếp nhận và phát quảng bá chính xác, kịp thời, đủ tần suất, phủ sóng tin cậy các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển bằng các phương thức và trên các tần số theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg và Thông tư 19/2013/TT-BTTTT cụ thể:

- (1) Bản tin cảnh báo thiên tai trên biển (bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh, sóng lớn, gió mùa, thời tiết nguy hiểm): Đã tiếp nhận, xử lý 1.145 bản tin được lấy nguồn từ Trung tâm Dự báo KTTV Quốc gia và phát quảng bá điện Cảnh báo Khí tượng (MET) với 24.951 lượt;
- (2) Bản tin dự báo thời tiết biển: Đã tiếp nhận, xử lý 1.839 bản tin lấy nguồn từ Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia và thực hiện phát quảng bá bản tin Dự báo Thời tiết Biển (WX) với 54.747 lượt;
- (3) Thông tin Tìm kiếm cứu nạn: Đã tiếp nhận, xử lý 382 bản tin nguồn về các sự kiện, phương tiện bị nạn, thuyền viên cần trợ giúp và thực hiện phát quảng bá điện Tìm kiếm Cứu nạn (SAR) với hơn 23.721 lượt.

5. Chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

Hoạt động chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai được chủ động triển khai đạt được hiệu quả. Công tác chỉ đạo ứng phó của Chính phủ, Ban chỉ đạo

và các cấp, các ngành kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, bám sát yêu cầu thực tiễn, đi vào chiều sâu và hiệu quả. Chỉ đạo ứng phó thành công với các đợt thiên tai lớn, đảm bảo mục tiêu kép an toàn phòng, chống thiên tai và dịch bệnh, nổi bật như:

- Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã tham mưu chỉ đạo điều hành bài bản, đảm bảo tính kịp thời. Trong năm 2022, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai - Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đã ban hành 26 công điện; Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai – Văn phòng Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã ban hành 13 công điện; Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 71 văn bản chỉ đạo và tổ chức 16 cuộc họp do Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Ban Chỉ đạo chủ trì, cùng sự tham gia của 93 lượt điểm cầu tại cấp tỉnh/thành phố để ứng phó với thiên tai.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kêu gọi, kiểm đếm cho 421.528 lượt phương tiện/1.999.785 lao động biết hướng di chuyển của bão để di chuyển, tránh trú; tổ chức sơ tán 381.602 người tại các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn.

- Xây dựng kịch bản ứng phó chi tiết với các tình huống thiên tai lớn, báo cáo lãnh đạo Chính phủ thông qua, đồng thời thường xuyên cập nhật, điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế. Đặc biệt là công tác ứng phó với bão số 4, với sức gió mạnh nhất gần đạt cấp siêu bão, dự báo rủi ro thiên tai cấp 4 (gây thiệt hại nặng nề khi đi qua Philippines), Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt ngay từ giờ đầu¹⁰ và đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương do Phó Thủ tướng Lê Văn Thành làm Trưởng ban trực tiếp chỉ đạo tại hiện trường, với sự chủ động trong công tác chỉ đạo và sự vào cuộc quyết liệt của các Bộ ngành và địa phương nên hầu như không có thiệt hại trực tiếp do bão (Ban Chỉ đạo làm việc xuyên đêm tại 03 điểm cầu địa phương (Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam) và Ban Chỉ đạo QGPCTT, liên tục theo dõi sát diễn biến, chỉ đạo trực tuyến tới Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đã nắm rõ và triển khai công việc với từng địa phương).

- Công tác chỉ đạo vận hành hệ thống hồ chứa, nhất là trong các đợt mưa lũ lớn

¹⁰ Sáng ngày 27/9, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì cuộc họp khẩn cấp ứng phó với bão trực tuyến tới 1.251 đầu cầu các cấp tỉnh, huyện, xã của 08 tỉnh, thành phố trọng tâm ảnh hưởng của bão; sau khi bão đổ bộ vào đất liền, trưa ngày 28/9, đã họp trực tuyến với các Bộ ngành, địa phương đánh giá tình hình, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả và rút kinh nghiệm công tác ứng phó với bão.

được triển khai chủ động, linh hoạt đã góp phần cắt lũ, giảm thiểu ngập lụt và thiệt hại cho hạ du¹¹. Trong năm đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo về công tác vận hành liên hồ chứa cũng như đảm bảo an toàn hạ du khi các hồ xả lũ; 16 công điện lệnh vận hành điều tiết các chủ hồ Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang theo quy trình; tổ chức 02 đoàn công tác đi kiểm tra công tác an toàn hạ du khi hồ xả lũ do lãnh đạo Ban chỉ đạo làm trưởng đoàn.

- Các bộ, ngành liên quan nhất là lực lượng Quân đội, Công an, Khí tượng thủy văn, Giao thông và các địa phương đã vào cuộc quyết liệt, bám sát, chỉ huy trực tiếp tại địa bàn, các khu vực trọng điểm, xung yếu. Trong đó, nổi bật là công tác di dời, sơ tán người dân, tài sản tại các khu vực ảnh hưởng của bão và vùng ngập lụt, lũ quét, sạt đất được triển khai linh hoạt, bám sát yêu cầu thực tiễn, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự.

- Tổ chức các đoàn công tác đến các địa phương để phối hợp chỉ đạo tại hiện trường. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt thiên tai.

- Ngay sau thiên tai, các đồng chí lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ, Ban chỉ đạo cùng với lãnh đạo các cấp ở địa phương đã trực tiếp xuống hiện trường động viên thăm hỏi người dân bị thiệt hại, trực tiếp kiểm tra công tác khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống nhân dân, cụ thể:

- + Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc và Phó Thủ tướng - Trưởng ban đã trực tiếp chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả mưa lũ sau bão số 5 tại TP Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị.

- + Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo khắc phục hậu quả sau lũ quét, ngập lụt tại tỉnh Nghệ An, nhất là tại huyện Kỳ Sơn.

- Công tác hỗ trợ người dân ổn định đời sống, sản xuất, khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu được các Bộ ngành, địa phương quan tâm, triển khai nhanh chóng, kịp thời, nhất là hỗ trợ sửa chữa nhà ở, thông tuyến tuyến đường bị sạt lở, ngập lụt,...

- Mặc dù phải tập trung nguồn lực cho phục hồi kinh tế sau dịch, ngân sách khó khăn, Thủ tướng Chính phủ vẫn quyết định hỗ trợ 1.800 tỷ đồng cho 28 tỉnh, thành phố khắc phục hậu quả thiên tai. Theo thống kê chưa đầy đủ, các địa phương đã ưu tiên, sử dụng các nguồn lực từ Quỹ PCTT, Ngân sách địa phương cho các hoạt động PCTT với tổng kinh phí trên 1.248 tỷ đồng, trong đó từ Quỹ

¹¹ Trong đợt mưa lũ sau bão số 5, các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Hương đã cắt giảm lũ cho hạ du với tổng lượng 416 triệu m³ (Hương Điền 154 triệu m³, Bình Điền 103 triệu m³, Tả Trạch 159 triệu m³).

- PCTT, nguồn khác 289 tỷ đồng và từ ngân sách địa phương khoảng 959 tỷ đồng.
- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022 với tổng giá trị hàng xuất cấp ước tính khoảng 148 tỷ đồng, cụ thể xuất cấp 4.171 tấn gạo/04 tỉnh¹², xuất cấp vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn cho các địa phương¹³.
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xuất cấp 02 tấn hạt giống rau, 3.996 tấn hạt giống lúa, 90 tấn hạt giống ngô, 80.000 liều vắc-xin, 500 tấn và 130.500 lít thuốc hoá chất sát trùng gia súc, gia cầm, thủy sản cho các địa phương để kịp thời ổn định sản xuất sau thiên tai với tổng giá trị khoảng 146,58 tỷ đồng. Ứng phó và khắc phục hậu quả được triển khai kịp thời, khẩn trương, hiệu quả, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.
 - Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai Bộ Thông tin và Truyền thông (BCH PCTT Bộ TTTT) đã nghiêm túc quán triệt thực hiện các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai trong công tác phòng chống thiên tai và triển khai các biện pháp phòng chống, ứng phó kịp thời với thiên tai, cụ thể:
 - + Đảm bảo thông tin liên lạc và truyền thông phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương.
 - + Đảm bảo thông tin liên lạc bưu chính, chuyển phát kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp.
 - + Sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương và các đoàn công tác của Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai đi chỉ đạo công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
 - + Tổ chức chuyển vùng dịch vụ di động (roaming) tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai khi có yêu cầu.
 - + Tổ chức nhắn tin kịp thời đến các thuê bao trong khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai khi có yêu cầu từ Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai.

¹² Bình Định 1.619 tấn; Quảng Ngãi 1.081 tấn; Phú Yên 1.038 tấn; Bình Phước 433 tấn.

¹³ 30 bộ xuống cao tốc các loại, 1.220 bộ nhà bạt các loại, 159.730 chiếc phao cứu sinh, 147 bộ thiết bị chữa cháy đồng bộ, 43 bộ máy phát điện các loại, 23 bộ thiết bị khoan cắt, 10 bộ thiết bị tìm kiếm (nạn nhân) bằng hình ảnh và âm thanh.

- + Sẵn sàng thiết lập phòng họp trực tuyến phục vụ Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT khi có yêu cầu tổ chức họp trực tuyến chỉ đạo công tác PCTT đến các tỉnh, thành phố.
- + Kiểm soát các tần số an toàn, cứu nạn để phát hiện và xử lý kịp thời nhiều có hại, đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin vô tuyến điện phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.
- + Triển khai hệ thống truyền thanh không dây trên các trạm thu phát sóng di động chịu được rủi ro thiên tai cấp độ IV phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền cảnh báo thiên tai.
- + Kiên cố hóa hạ tầng nhà trạm cột ăng ten tại các khu vực trọng điểm thường xuyên xảy ra thiên tai với kết quả mỗi xã có ít nhất 01 trạm BTS kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp 4.
- + Sẵn sàng ứng cứu thông tin, đảm bảo thông tin liên lạc an toàn, thông suốt phục vụ chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai.

6. Truyền thông và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Hoạt động truyền thông và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được quan tâm thực hiện thường xuyên, liên tục. Thông tin truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng được xác định là nội dung, giải pháp quan trọng, đi đầu trong phòng chống thiên tai. Khai thác và kết hợp linh hoạt các phương thức thông tin, truyền thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và các cơ quan thông tấn, báo chí từ trung ương đến địa phương, mạng xã hội. Các hình thức truyền thông được đưa vào sử dụng đa dạng, phong phú, sử dụng mọi phương tiện truyền thông để đưa thông tin đến người dân theo hình thức truyền thông số, sử dụng mạng xã hội và truyền thống.

- Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030 và hướng dẫn bộ ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giai đoạn 2021-2025; đã có 7/7 Bộ và 58/63 tỉnh/thành phố ban hành kế hoạch thực hiện.
- Tổ chức chuỗi các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống Phòng chống thiên tai Việt Nam và hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về Phòng chống thiên tai (15-22/5/2022) tại các cấp, ngành.

- Tổ chức 137 lớp tập huấn cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và người dân tại các địa phương với tổng số 4.110 lượt người; đào tạo về “Nâng cao năng lực về phòng chống rủi ro thiên tai và lập kế hoạch kinh doanh liên tục dành cho khối doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) vùng Đồng bằng sông Cửu Long”; tập huấn truyền thông cho cán bộ truyền thông của Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN 25 tỉnh/thành phố.
- Xây dựng và phổ biến 02 cuốn sách “Người đi trong bão giông” và “75 năm phòng, chống thiên tai - thành tựu và thách thức” để giáo dục lịch sử truyền thống Phòng, chống thiên tai cho cộng đồng.
- Thông qua các phương thức truyền thông để truyền tải thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn cho cộng đồng, người dân: trang facebook “Thông tin Phòng chống thiên tai” có hơn 100.000 người theo dõi, hơn 1.100 tin bài được đăng tải, 10 chương trình “Kết nối cộng đồng” được live stream trực tiếp; trang zalo “BCĐ Quốc gia về phòng, chống thiên tai” có hơn 300.000 người theo dõi, gần 1.000 tin bài; phối hợp với các nhà mạng di động tổ chức nhắn tin gần 6,47 triệu tin SMS, 78,9 triệu tin Zalo cảnh báo tới người dân khu vực nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.
- Tổ chức thành công 06 cuộc thi: Giải báo chí toàn quốc về PCTT lần thứ 2 thu hút gần 1.000 tác phẩm dự thi của 5 thể loại báo chí¹⁴, cuộc thi “Thử thách làm phim 1 phút xanh - Cùng em hành động sớm”; giải chạy bộ “Tiếp sức PCTT và BDKH”; Gameshow “Chiến thắng Internet- Sẵn sàng trước thiên tai và BDKH”, cuộc thi “Rung chuông vàng - cùng em Phòng, chống thiên tai – kiến tạo tương lai bền vững”; Gameshow Xung kích phòng chống thiên tai mùa 3.
- Ký kết Chương trình phối hợp với Công ty ACECOOK Việt Nam, Hội người cao tuổi Việt Nam về công tác phòng chống thiên tai và nâng cao nhận thức cộng đồng; triển khai mô hình xây dựng cộng đồng an toàn, xanh, sạch, đẹp (Mô hình Bokomi của Nhật Bản).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động lồng ghép, tích hợp kiến thức phòng chống thiên tai và chương trình môn học ở các cấp học.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tấn báo chí khác xây dựng, phát sóng và đăng tải các chương trình, bài báo, tin tức

¹⁴ Cuộc thi có 4 giải Nhất, 5 đạt giải Nhì, 10 giải Ba. Báo Nhân dân là cơ quan có nhiều tác phẩm dự thi nhất; 15 giải Khuyến khích, 1 giải “Câu chuyện tác động mạnh mẽ nhất” và 2 giải Đồng hành dành cho các đơn vị có nhiều đóng góp cho công tác PCTT

để thông tin kịp thời tình hình thiên tai cũng như chỉ đạo ứng phó đến người dân, góp phần giảm nhẹ rủi ro thiên tai gây ra. Năm 2022 đã phát sóng hàng trăm bản tin, phóng sự trên các đài VTV1, VOV, VTC14, THQH, VTV5,... xây dựng chương trình “Cộng đồng PCTT” trên Tiểu mục Chào Buổi sáng bông lúa phát sóng thứ 5 hàng tuần trong chương trình Chào Buổi sáng trên kênh VTV1¹⁵.

Công tác truyền thông, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng với nhiều hình thức đổi mới, sáng tạo, có sức lan tỏa lớn tới cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực của cộng đồng ứng phó với thiên tai.

7. Đề điều, hồ đập và công trình phòng, chống thiên tai

Hoạt động đảm bảo an toàn đề điều, hồ đập, công trình phòng, chống thiên tai được quan tâm thực hiện từ việc xây dựng phương án đến tu bổ, nâng cấp và triển khai biện pháp ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Ban hành Chỉ thị số 1651/CT-BNN-PCTT ngày 18/3/2022 gửi các địa phương về việc tăng cường công tác quản lý đề điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đề, chống lũ năm 2022 nhằm đảm bảo an toàn hệ thống đề điều, đồng thời đôn đốc công tác ngăn chặn và xử lý vi phạm.

- Đánh giá hiện trạng công trình đề điều trước lũ năm 2022 và xây dựng phương án bảo vệ 242 trọng điểm; Triển khai phương án đảm bảo an toàn hệ thống 9.220km đề trên cả nước (gồm: 6.458km đề sông, 1.171km đề cửa sông và 1.320km đề biển; 271km đề bao); trong đó có 2.731km đề từ cấp III đến cấp đặc biệt trước các trận bão, mưa lũ đã xảy ra, nhất là khu vực miền Trung.

- Phong trào thi đua “Xây dựng đề kiểu mẫu”: Thông báo kết quả đăng ký xây dựng đề kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 và đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Tổ chức Hội nghị Chủ tịch UBND cấp huyện có đề và Hội nghị tập huấn cho lực lượng chuyên trách quản lý đề các tỉnh, thành phố có đề từ cấp III đến cấp đặc biệt trước mùa mưa lũ, sẵn sàng các điều kiện đảm bảo an toàn đề điều.

- Khi có lũ, bão tổ chức trực ban 24/24h theo dõi tình hình đề điều để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức kiểm tra và tham mưu chỉ đạo xử lý sự cố về đề điều.

¹⁵ 24 chương trình “Cộng đồng phòng, chống thiên tai” trên VTV1, 3 phóng sự trên VTV5; 935 tin, phóng sự trên VOV, VTC14, 240 bài trên các báo, 2.060 bài trên trang web, mạng xã hội.

- Đảm bảo an toàn hệ thống 6.750 hồ chứa thủy lợi và trên 400 hồ chứa thủy điện.

8. Ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

Hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai được triển khai trên nhiều lĩnh vực đạt kết quả.

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai ngày càng được quan tâm; các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các thỏa thuận Việt Nam vẫn được triển khai tích cực:

8.1. Về khoa học công nghệ

- Thường xuyên cập nhật các dữ liệu về dân sinh, kinh tế, công trình PCTT, kết nối với các hệ thống dữ liệu của địa phương vào Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) phục vụ cho công tác tham mưu chỉ đạo điều hành trong các tình huống thiên tai.
- Công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ quản lý, giám sát chất lượng được rà soát điều chỉnh bổ sung đảm bảo áp dụng hiệu quả sau khi được ban hành. Năm 2022, thực hiện 14 đề tài khoa học cấp Bộ và xây dựng 13 tiêu chuẩn trong đó mở mới năm 2022 là 3 đề tài và 2 tiêu chuẩn.
- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có liên quan đến lĩnh vực phòng, chống thiên tai đã đề xuất các nhóm giải pháp, quy trình, công nghệ mới về dự báo, cảnh báo các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan; phòng, chống, khắc phục hậu quả một số loại hình thiên tai điển hình ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp quản lý rủi ro phục vụ ứng phó hiệu quả với thiên tai, trong đó có nhiều nhóm giải pháp quy trình công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn đã được chuyển giao cho các Bộ/ngành, địa phương góp phần định hướng các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.
- Tổ chức hội thảo giới thiệu “Hệ thống MOBILISE nâng cao năng lực hỗ trợ ra quyết định trong công tác phòng chống thiên tai cấp trung ương”.

8.2. Về hợp tác quốc tế

- Hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các thỏa thuận Việt Nam¹⁶ tham gia vẫn được đảm bảo triển khai thường xuyên với hơn 60 cuộc họp trực tuyến và nhiều hội

¹⁶ (i) Hợp tác ASEAN về Quản lý thiên tai; (ii) Hợp tác APEC; (iii) Ủy ban Bão; (iv) Trung tâm giảm nhẹ thiên tai Châu á (ADRC)

ngiht trực tiếp tại các Diễn đàn Quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tham dự Hội nghị Bộ trưởng khu vực châu Á -Thái Bình Dương năm 2022, xây dựng gian hàng tại Hội chợ giới thiệu về các thành quả của công tác PCTT. Phối hợp với Ban thư ký ASEAN tham dự diễn đàn toàn cầu về giảm nhẹ RRTT tại Indonesia vào tháng 5/2022. Phối hợp với Chủ tịch Ủy ban ASEAN về Quản lý thiên tai (ACDM) năm 2022 (Thái Lan) chủ trì một số phiên họp của ACDM với vai trò Phó chủ tịch Ủy ban ASEAN về quản lý thiên tai. Phối hợp với Trung tâm AHA tổ chức tập huấn giành cho giảng viên về tiêu chuẩn và chứng nhận chuyên gia khu vực ASEAN về quản lý thiên tai.

- Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 ủy quyền cho Tổng thư ký ASEAN ký Biên bản ghi nhớ giữa ASEAN và IFRC về tăng cường khả năng phục hồi cộng đồng tại ASEAN. Theo thứ tự luân phiên, năm 2023, Việt Nam sẽ tiếp nhận vị trí Chủ tịch Ủy ban ASEAN về Quản lý thiên tai (ACDM).

- Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc kết nối, chia sẻ thông tin về các hoạt động ưu tiên của Chính phủ trong phòng chống thiên tai và xây dựng hợp tác với thành viên đối tác và các tổ chức quốc tế khác. Văn phòng Đối tác đã phối hợp với các thành viên thực hiện các hoạt động xây dựng hướng dẫn và đào tạo một số địa phương lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; tăng cường năng lực đánh giá nhanh trong ứng phó thiên tai; huy động sự tham gia một cách tối đa của các thành viên đối tác vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2022.

- Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và thông tin liên quan đến thiên tai từ cơ quan, tổ chức quốc tế; cung cấp thông tin trên Website, trang Fanpage Thiên tai thế giới phục vụ cho công tác tham khảo chỉ đạo, điều hành.

9. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Hoạt động cứu hộ, cứu nạn trong thiên tai được chuẩn bị và triển khai, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng:

- Huy động toàn quân điều động 117.302 lượt người và 5.477 lượt phương tiện (67,62%), tham gia TKCN 1.021 vụ, cứu được 1.037 người và 223 phương tiện; dập cháy 612 nhà và 239 ha rừng; kêu gọi, thông báo cho 1.999.785

người/421.528 lượt phương tiện đang hoạt động trên biển nắm được thông tin của áp thấp nhiệt đới, bão để di chuyển ra khỏi vùng nguy hiểm neo đậu tránh, trú an toàn; di dời 32.142 hộ dân đến nơi an toàn, chằng chống 914 nhà, neo buộc 2.690 thuyền và 6.268 bè nuôi trồng thủy sản, dọn dẹp 3.559 nhà và 198km đường, thu hoạch 23.540 ha lúa, hoa màu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phòng, chống thiên tai: Chủ trì, phối hợp chỉ đạo tổ chức tốt công tác huấn luyện cứu hộ, cứu nạn phổ thông; phối hợp tổ chức 18 khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn đường không, đường biển, đường thủy nội địa. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền Công ước SAR 79 về TKCN hàng hải; tuyên truyền về công tác ứng phó khẩn nguy sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng tại 16 tỉnh, thành phố (có 1750 đại biểu, ngư dân dự); 03 khóa huấn luyện nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu; 03 khóa ứng phó sự cố hóa chất độc xạ; 02 khóa tập huấn ứng cứu sập đổ công trình và phòng cháy, chữa cháy cho các lực lượng chuyên trách và kiêm nhiệm của các bộ, ngành, địa phương; tổ chức 160 lớp tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cho 12.000 cán bộ, chiến sỹ; chỉ đạo diễn tập chung về cứu hộ, cứu nạn giữa Quân đội ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; Quân khu 5 chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Nông tham mưu cho tỉnh diễn tập Phòng thủ dân sự (Cứu hộ cứu nạn trên biển, ứng phó sự cố tràn dầu trên biển, xử lý sự cố rò rỉ hóa chất, phối hợp với Lào xử lý sự cố sạt lở đất, vỡ đập hồ thủy điện) đạt mục đích yêu cầu đề ra; chỉ đạo Quân đoàn 1 tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ phòng thủ dân sự và TKCN toàn quân năm 2022 các đơn vị khu vực phía Bắc.

- Thực hiện tốt công tác Hợp tác quốc tế về lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN: Trao đổi 16 đoàn (10 Đoàn ra, 6 Đoàn vào) và 15 hội nghị trực tuyến đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Xây dựng Nghị định thư hợp tác cứu hộ, cứu nạn giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Quốc phòng Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hợp tác với Bộ Quốc phòng Lào và Bộ Quốc phòng Campuchia về cứu hộ, cứu nạn năm 2022; trao đổi, thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp các hoạt động hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai, quản lý thảm họa, ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN với các nước như: Mỹ, Singapore, Nhật Bản, Lào, Indonesia, Ấn Độ về công tác cứu hộ, cứu nạn.

TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, công tác phòng, chống thiên tai năm qua cũng còn bộc lộ một số vấn đề tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục, cụ thể là:

1.1. Thể chế, chính sách

- Chưa có cơ chế chính sách xã hội hóa, huy động nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, hầu hết nguồn lực cho công tác phòng chống thiên tai đều do nhà nước đảm bảo.
- Các chế tài xử lý vi phạm trong phòng chống thiên tai còn thiếu và chưa đủ mạnh dẫn đến nguy cơ gia tăng rủi ro thiên tai từ các hoạt động của con người, nhất là rủi ro hoạt động xây dựng, khai thác khoáng sản, sử dụng lòng sông, bãi sông.

1.2. Tổ chức bộ máy

- Tổ chức bộ máy, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phòng chống thiên tai còn thiếu đồng bộ ở các địa phương, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Hầu hết các tỉnh/thành phố (trừ 05 địa phương Lào Cai, Hà Giang, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bà Rịa - Vũng Tàu) chưa có cơ quan chuyên trách PCTT tại cấp tỉnh dẫn đến chất lượng về tham mưu còn hạn chế.
- Số lượng cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai còn thiếu, năng lực chuyên môn còn hạn chế, đặc biệt là ở cấp huyện, xã; thiếu các công cụ, điều kiện bảo đảm để thực thi nhiệm vụ, nhất là khi triển khai công tác tại hiện trường, một số tình huống có thể nguy hiểm tới tính mạng, tài sản.
- Nguồn lực đảm bảo cho hoạt động PCTT còn hạn chế so với nhu cầu, nhất là các điều kiện đảm bảo cho cơ quan tham mưu về PCTT chưa được quan tâm đúng mức.

1.3. Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai

- Các địa phương chưa bố trí nguồn lực thỏa đáng để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt.
- Một số địa phương xây dựng phương án ứng phó với thiên tai chưa cập nhật đầy đủ, toàn diện với các kịch bản thiên tai, nhất là các tình huống mưa đặc biệt

lớn trong thời gian ngắn gây ngập sâu như tại Đà Nẵng ngày 14/10/2022 và tại Hà Nội, Vĩnh Phúc đợt mưa lũ cuối tháng 5/2022,...

1.4. Dự báo thiên tai

- Công tác dự báo, cảnh báo sớm, đối với một số hình thái thiên tai cục đoạn như lũ quét, mưa lớn cục đoạn, dông, lốc, sét trong thời đoạn ngắn còn hạn chế.
- Chưa hình thành được hệ thống dự báo, cảnh báo chuyên dùng cho phòng, chống thiên tai, nhất là hệ thống giám sát với các loại hình thiên tai lớn như bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

1.5. Thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và cộng đồng

- Các địa phương chưa chú trọng, bố trí kinh phí thoả đáng cho việc triển khai Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Công tác thông tin, truyền thông ở một số địa phương chưa đến được người dân, nhất là các thôn bản ở vùng sâu, vùng xa.
- Hình thức và nội dung tuyên truyền chưa phong phú, chủ yếu mới thực hiện truyền truyền khi xuất hiện thiên tai hoặc xung quanh các hoạt động kỷ niệm, hội nghị, hội thảo hoặc các đợt thiên tai lớn.
- Nhận thức, ý thức của một bộ phận người dân chưa cao, còn chủ quan, thụ động.

1.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Công trình phòng chống thiên tai (hồ đập, đê, kè, cống, chống hạn, ngập úng, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão) còn chưa đồng bộ, nhiều công trình hư hỏng, xuống cấp chưa được xử lý kịp thời do nguồn lực còn hạn chế nên hiệu quả chưa cao.
- Hệ thống đê sông còn 242 trọng điểm xung yếu về đê, kè, cống; các tuyến đê biển theo chương trình đầu tư củng cố, nâng cấp thuộc các tỉnh từ Quảng Ninh đến Quảng Nam và từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang, mới được đầu tư nâng cấp được phần nhỏ song cũng chỉ chống được với triều trung bình, bão cấp 9 - 10.

- Còn 1.117 hồ chứa được xây dựng từ lâu, hiện đang bị xuống cấp hư hỏng, trong đó đặc biệt là 200 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng, có nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ.

- Sức chứa các khu neo đậu mới đáp ứng 50% so với yêu cầu khi bão, ATNĐ đổ bộ;

- Tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển diễn ra với quy mô, tốc độ ngày càng gia tăng; đầu tư, xử lý thiếu đồng bộ, mới chỉ tập trung xử lý cấp bách các vị trí xung yếu nhất; giải pháp kỹ thuật xử lý các vị trí diễn biến phức tạp còn hạn chế.

1.7. Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai đã có bước chuyển biến, song chưa thực sự phát huy hiệu quả, chưa giải quyết kịp thời các vấn đề thiên tai xuyên biên giới như vấn đề hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng nước dọc sông Mê Kông, chia sẻ thông tin dự báo, cảnh báo lũ thượng lưu sông Hồng phục vụ điều hành hồ chứa cắt lũ,...nguồn lực đầu tư cho hợp tác quốc tế còn hạn chế.

- Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu theo dõi, giám sát, phân tích các ảnh hưởng thiên tai hoặc khả năng ứng dụng chưa cao.

1.8. Ứng phó

- Phương án chuẩn bị của một số địa phương chưa sát với thực tế dẫn đến bị động, lúng túng khi thiên tai xảy ra.

- Một số người dân các khu vực chưa tuân thủ triệt để lệnh sơ tán của chính quyền cơ sở, nhất là trên các lòng bè, chòi canh, tàu thuyền nơi neo đậu dẫn đến thiệt hại đáng tiếc.

1.9. Khắc phục hậu quả

- Công tác khắc phục hậu quả tại một số địa phương triển khai còn chậm, không dứt điểm mặc dù đã có quy định của pháp luật, dẫn đến việc chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc giảm hiệu quả đầu tư; còn thiếu thống nhất trong việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.

- Nguồn lực cho công tác khắc phục hậu quả từ dự phòng ngân sách còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, mới đáp ứng một phần nhu cầu của các địa phương; chưa có dòng ngân sách riêng để chủ động khắc phục hậu quả thiên tai.

1.10. Về nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai

Phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn kể cả trên biển và đất liền trong một số tình huống thiên tai lớn.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Sự sâu sát, cụ thể trong chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Chính phủ, Ban chỉ đạo; việc chủ động tham mưu, xây dựng các kịch bản ứng phó sát với tình huống của cơ quan tham mưu giúp việc Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy các Bộ ngành, địa phương, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và sự chủ động của người dân trong thực hiện phương châm 4 tại chỗ là một yếu tố quan trọng góp phần ứng phó hiệu quả, hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai.
2. Phát huy vai trò của các cấp chính quyền, các cơ quan tham mưu chỉ đạo chỉ huy phòng chống, thiên tai, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu. Ở đâu chính quyền quan tâm, người đứng đầu sâu sát, quyết liệt, cụ thể và bộ máy tham mưu chỉ đạo điều hành được quan tâm, hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả thì ở đó thiệt hại do thiên tai được giảm thiểu.
3. Công tác dự báo, cảnh báo kịp thời chính xác của cơ quan dự báo, việc theo dõi, giám sát diễn biến thiên tai, thường xuyên tham khảo các thông tin cảnh báo từ các cơ quan dự báo quốc tế để chủ động xây dựng, điều chỉnh phương án, kịch bản ứng phó sát với thực tiễn đã góp phần phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ cũng như các Bộ, ngành địa phương.
4. Sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa cơ quan tham mưu giúp việc Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT và Ủy ban quốc gia UPSCTT & TKCN với các Bộ ngành, địa phương giúp công tác chỉ đạo điều hành và triển khai các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả khi có tình huống thiên tai được kịp thời, hiệu quả.
5. Đầu tư nâng cao sức chống chịu của cơ sở hạ tầng, nhất là cơ sở hạ tầng về PCTT và các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác như giao thông, điện lực, thông tin truyền thông, đặc biệt là tại các khu tránh trú, sơ tán dân cư tập trung,...
6. Sử dụng các phương tiện trang thiết bị hiện đại, chuyên dùng với lực lượng

chuyên nghiệp và lực lượng đặc biệt được huấn luyện đào tạo tinh nhuệ trong các tình huống khẩn cấp, phức tạp.

7. Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong theo dõi giám sát và chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai; vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn công trình và hạ du, cứu hộ cứu nạn trên biển, vùng sâu, vùng xa.

8. Sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan thông tấn báo chí đã góp phần quan trọng truyền tải thông tin về diễn biến thiên tai, công tác chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, các bộ, địa phương đến cộng đồng để nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó bão, giảm thiểu tối đa thiệt hại./.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Phó trưởng ban – Nguyễn Hoàng Hiệp và Phó trưởng ban – Trần Quang Hoài đi kiểm tra công tác ứng phó với bão số 2 (MULAN) tại Hải Phòng và Quảng Ninh.





2. Thủ tướng Chính phủ - Phạm Minh Chính; Phó Thủ tướng Chính Phủ - Trưởng ban chỉ đạo Lê Văn Thành và các Phó trưởng ban chỉ đạo công tác ứng phó với bão số 4 (NORU)





3. Phó Chánh văn phòng thường trực – Phạm Đức Luận tham gia chỉ đạo công tác ứng phó với lũ quét tại Kỳ Sơn, Nghệ An (Mưa lũ sau bão số 4 NORU)



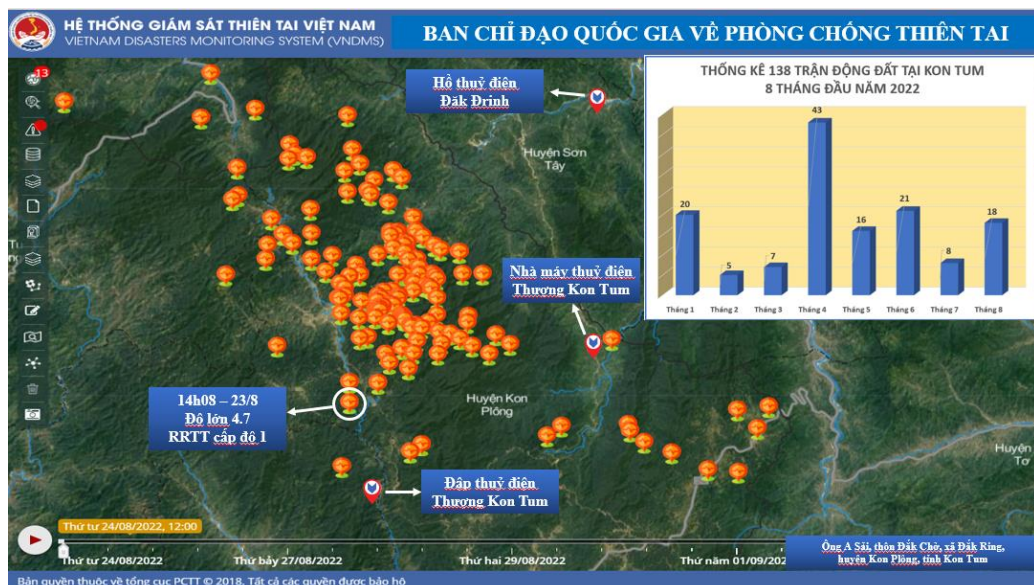


4. Phó trưởng ban chỉ đạo – Trần Quang Hoài kiểm tra công tác khắc phục hậu quả sau mưa lũ tại Thừa Thiên Huế, Quảng Bình ngày 04/4/2022.





5. Phó trưởng ban Chỉ đạo – Trần Quang Hoài chủ trì cuộc họp ứng phó với động đất tại Kon Tum (độ lớn 4,7 vào chiều 23/8/2022)



**CÁC VĂN BẢN VỀ
PHÒNG, CHỐNG THIÊN
TAI BAN HÀNH NĂM 2022**

**Các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai
ban hành trong năm 2022 gồm:**

1. Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/1/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.
2. Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đê điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê.
3. Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025.
4. Quyết định số 645/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần.
5. Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.
6. Quyết định số 09/QGPCTT ngày 15/11/2022 của Ban chỉ đạo quốc gia về Phòng chống thiên tai về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.
7. Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia.

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều mà không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy

định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

4. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Hợp tác xã;

c) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Thương mại;

d) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

đ) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội;

e) Các đơn vị sự nghiệp;

g) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

h) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

5. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.

Điều 3. Hình thức xử phạt

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, gồm:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác, gồm:

- a) Buộc tiếp tục thực hiện hoạt động cứu trợ;
- b) Buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai;
- c) Buộc trồng lại cây chắn sóng đã phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy;
- d) Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều;
- đ) Buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- a) Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi là 01 năm;
- b) Đối với lĩnh vực đê điều là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

3. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9; điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 24; các khoản 7, 8, 9 Điều 27 của Nghị định này là hành vi vi phạm đang được thực hiện.

4. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 36 Nghị định này là hành vi vi phạm đã kết thúc. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai quy định tại Điều 16 của Nghị định này là hết ngày 31 tháng 12 hằng năm;

b) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm về đóng Quỹ phòng, chống thiên tai quy định tại Điều 17 Nghị định này xác định như sau:

Đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 là ngày hết thời hạn nộp Quỹ hoặc ngày hết thời hạn được tạm hoãn đóng Quỹ theo quy định tại Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 17 là ngày hết hạn nộp danh sách kế hoạch thu, nộp Quỹ theo văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thời điểm chấm dứt đối với hành vi vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đề, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đề điều quy định tại Điều 36 Nghị định này là thời điểm kết thúc việc hộ đề, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đề điều.

5. Các hành vi vi phạm hành chính khác quy định tại Nghị định này trừ các hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này nếu không xác định được thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm thì được xác định là hành vi đang thực hiện.

Điều 6. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt

1. Mức phạt tiền tối đa được quy định như sau:

- a) Đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai là 50.000.000 đồng;
- b) Đối với lĩnh vực đề điều là 100.000.000 đồng;
- c) Đối với lĩnh vực thủy lợi là 250.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ các hành vi quy định tại Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định này thì áp dụng đối với tổ chức.

3. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương V Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

5. Đối với hành vi khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 6 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 6 Điều 27, ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

6. Đối với hành vi lấn chiếm bãi sông, lòng sông, suối, kênh, rạch, bờ biển quy định tại khoản 1 Điều 11, ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này

thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

7. Đối với hành vi đổ chất thải quy định tại Điều 10, Điều 20, Điều 29 ngoài bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 7. Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 14, Điều 36 Nghị định này thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 8. Vi phạm về vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý vận hành hoặc cản trở sự vận hành của công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi neo đậu, dừng, đỗ không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai trừ trường hợp đã được quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai.

Điều 9. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình phòng, chống thiên tai

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai gây thiệt hại dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng công trình xâm phạm công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích dưới 05 m²;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m²;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 10 m² đến dưới 20 m²;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 20 m² đến dưới 30 m²;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình với diện tích từ 30 m² trở lên.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện vào công trình phòng, chống thiên tai

1. Phạt tiền đối với hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 03 m³;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 05 m³;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 50 m³;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m³ đến dưới 200 m³;

e) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 200 m³ đến dưới 500 m³;

g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 500 m³ trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Các hành vi vi phạm làm gia tăng rủi ro thiên tai

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi lấn chiếm bãi sông, lòng sông, suối, kênh, rạch, bờ biển làm gia tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai như sau:

a) Từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khoáng sản gây sạt lở bờ sông, suối, kênh rạch, bờ biển.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trừ quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, sông, hồ, kênh, rạch, đầm, phá cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của người có thẩm quyền đối với chủ phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động trên biển, sông, hồ, kênh, rạch, đầm, phá.

Điều 13. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi biết người khác gặp nạn nhưng không thông tin kịp thời để lực lượng chức năng đến cứu nạn trên biển, đầm, phá, sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, đầm, phá, sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp không đủ điều kiện hoặc bất khả kháng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi yêu cầu cứu hộ, cứu nạn nhưng không hợp tác khi lực lượng cứu hộ, cứu nạn tiếp cận.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi báo nạn giả để yêu cầu cứu hộ đối với phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ.

Điều 14. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cố ý kê khai, báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ, cứu trợ không đúng đối tượng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiếp tục thực hiện hoạt động cứu trợ do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Vi phạm về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng, xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang công trình

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác như sau:

a) Không xây dựng, kiên toàn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị, thông tin liên lạc, bảo hộ đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai;

b) Không xây dựng và ban hành nội quy, quy chế hoạt động trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, khu đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu di tích lịch sử; điểm du lịch và công trình phải đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống thiên tai;

c) Không cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố do thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng và tại khu vực lân cận có khả năng làm gia tăng rủi ro thiên tai;

d) Không thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình hạ tầng; kiểm soát các hoạt động sửa chữa, nâng cấp công trình và xây dựng, củng cố, mở rộng hạng mục công trình hạ tầng làm gia tăng rủi ro thiên tai và phát sinh thiên tai mới;

đ) Không kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời các tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng; khu vực lân cận có khả năng ảnh hưởng đến các khu khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình;

e) Khi phát hiện sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, tình huống, hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai vượt quá khả năng xử lý mà không chủ động thực

hiện ngay các biện pháp ứng phó để hạn chế thiệt hại, đồng thời không báo cáo kịp thời đến cơ quan, người có thẩm quyền;

g) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho cán bộ, công nhân và người lao động về diễn biến thiên tai, trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng, khu vực lân cận có nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn trong khu vực;

h) Không tổ chức hướng dẫn, phổ biến, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công nhân, người lao động và cộng đồng trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng ứng phó tại chỗ, chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại;

i) Không lập và lưu trữ thông tin, dữ liệu về thiên tai và hồ sơ về quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng.

2. Hành vi không đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai trong đầu tư xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác, bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo tính ổn định của công trình trước thiên tai;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

Điều 16. Vi phạm về xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không gửi phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đến Ủy ban nhân dân địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai hoặc hằng năm không rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai.

Điều 17. Vi phạm về đóng Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Phạt tiền đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai dưới 300.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 300.000 đồng đến dưới 500.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 500.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đóng Quỹ phòng, chống thiên tai từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài khi thực hiện hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai của các cá nhân do mình quản lý cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng nội dung đã đăng ký.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động phòng, chống thiên tai không có giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký đã hết hạn.

Chương III

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI

Điều 19. Vi phạm gây cản trở dòng chảy của công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi trồng rau, cắm đống đó, chất chà và các hình thức đánh bắt khác gây cản trở dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng dưới 0,5 m³;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 0,5 m³ đến dưới 1 m³;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 03 m³;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 05 m³;

đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với khối lượng từ 05 m³ trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về vận hành công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành công trình thủy lợi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 của Nghị định này;

b) Không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi theo quy định, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi nhỏ theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi vừa theo quy định;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình vận hành công trình thủy lợi lớn hoặc quan trọng đặc biệt theo quy định.

Điều 22. Vi phạm quy định trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi nhỏ.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi vừa đã được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi lớn đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt đã được phê duyệt.

Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi sai mục đích sử dụng.

Điều 24. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Đào, cuốc, xới, đánh vàng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kênh, mái đập đất.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng lò gạch, lò vôi, công trình phụ, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Nuôi trồng thủy sản không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Phá dỡ, xê dịch mốc chỉ giới, biển báo của công trình thủy lợi hoặc tự ý đắp nổi kênh, đường ống dẫn nước;

d) Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

đ) Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

e) Neo, đậu tàu, thuyền vào công trình thủy lợi khi có biển cấm;

g) Sử dụng phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi:

a) Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định;

b) Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định;

c) Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công;

d) Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định;

đ) Không thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi;

e) Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt;

g) Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm hoặc không thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

4. Phạt tiền đối với hành vi mở rộng quy mô công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, coi nói, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình dưới 10 m²;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, coi nói, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 10 m² đến dưới 30 m²;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, coi nói, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình trên 30 m².

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi kết cấu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng công trình ngầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Khoan, đào khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình, khai thác nước dưới đất không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Khai thác nước trái phép từ công trình thủy lợi;

đ) Khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhưng không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Tự ý dỡ bỏ hoặc lắp công trình thủy lợi;
- b) Xây dựng nhà ở, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Ngăn, lấp, đào, nạo vét, hút bùn, cát, sỏi trên sông, kênh, mương, rạch, hồ, ao trái phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Lập bến bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

8. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; các điểm a, b, c, d, đ khoản 2; khoản 4; khoản 5; các điểm a, b, c khoản 6; khoản 7; khoản 8 Điều này;
- b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ khoản 6 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về sử dụng phương tiện giao thông đi trên công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong công trình thủy lợi khi có biển cấm, trừ các loại xe, phương tiện ưu tiên theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu làm hư hỏng công trình đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định của giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

- a) Trồng cây lâu năm;
- b) Nuôi trồng thủy sản;
- c) Nghiên cứu khoa học;
- d) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau đây:

- a) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;
- b) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;
- c) Xây dựng công trình ngầm;
- d) Hoạt động du lịch, thể thao, kinh doanh, dịch vụ.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong mỗi loại giấy phép sau:

- a) Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- b) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2; khoản 3 Điều này.

Chương IV

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ THỰC HÀNH BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC ĐÊ ĐIỀU

Điều 27. Hành vi vi phạm phá hoại đê điều

1. Phạt tiền đối với hành vi phá hoại cây chắn sóng bảo vệ đê như sau:

- a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với số lượng dưới 05 cây;
- b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với số lượng từ 05 cây đến dưới 10 cây;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với số lượng từ 10 đến dưới 30 cây;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với số lượng từ 30 cây đến dưới 50 cây;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với số lượng từ 50 cây đến dưới 100 cây;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với số lượng từ 100 cây trở lên.

2. Phạt tiền đối với các hành vi cuốc, xới, rẫy cỏ, gieo trồng các loại cây hằng năm, cây lâu năm trên đê, trồng cây lâu năm trong hành lang bảo vệ đê như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với diện tích dưới 01 m² hoặc dưới 03 cây lâu năm;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích từ 01 m² đến dưới 05 m² hoặc từ 03 cây đến dưới 10 cây lâu năm;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m² hoặc từ 10 cây đến dưới 30 cây lâu năm;

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m² đến dưới 50 m² hoặc từ 30 cây đến dưới 50 cây lâu năm;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m² đến dưới 100 m² hoặc từ 50 cây đến dưới 100 cây lâu năm;

e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m² đến dưới 400 m² hoặc từ 100 cây đến dưới 200 cây lâu năm;

g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 400 m² trở lên hoặc từ 200 cây lâu năm trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng, di chuyển sai quy định hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng sai quy định công trình phụ trợ đê điều;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển sai quy định hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối hành vi đào ao, đào giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều.

5. Phạt tiền đối với hành vi đào, bạt, xẻ mặt đê, mái đê, cơ đê và chân đê như sau:

- a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 0,3 m³;
- b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 0,3 m³ đến dưới 01 m³;
- c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 02 m³;
- d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m³ đến dưới 03 m³;
- đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 05 m³;
- e) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³;
- g) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 15m³;
- h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 15 m³ trở lên.

6. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều như sau:

- a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m³;
- b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 03 m³;
- c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 05 m³;
- d) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³.
- đ) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 20 m³;
- e) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m³ trở lên.

7. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng công qua đê, gây cản trở vận hành công qua đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

- a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận phụ trợ của công gồm bảng, biển báo; cột thủy chí; thiết bị quan trắc;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng các bộ phận của cống nhưng chưa làm ảnh hưởng trực tiếp đến vận hành, ổn định của cống như hàng rào, cống, cửa, lan can bảo vệ;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng nhà bảo vệ máy móc; nhà quản lý cống; cầu công tác; phai, bộ phận thả phai và hành vi cản trở vận hành cống theo quy chuẩn kỹ thuật;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận ảnh hưởng trực tiếp vận hành của cống bao gồm cửa van, máy đóng mở, dàn van, hệ thống điện và các bộ phận khác;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận ảnh hưởng trực tiếp ổn định của cống bao gồm thân cống, trụ pin, tường cánh, bể tiêu năng, sân tiêu năng, khớp nối và các bộ phận khác.

8. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng kè bảo vệ đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm hư hỏng các bộ phận phụ trợ của kè như bảng, biển báo; cột thủy chí; thiết bị quan trắc;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích dưới 01 m²; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng dưới 01 m³; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng dưới 0,3 m³;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ 01 m² đến dưới 03 m²; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 03 m³; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ 0,3 m³ đến dưới 01 m³;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ 03 m² đến dưới 10 m²; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 05 m³; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 02 m³;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng mái kè, cơ kè với diện tích từ 10 m² trở lên; chân kè dạng vật liệu rời với khối lượng từ 05 m³ trở lên; các bộ phận xây đúc của kè với khối lượng từ 02 m³ trở lên.

9. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây nổ làm nguy hại đến thân đê, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Luật Đê điều quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trồng lại cây chắn sóng đã phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đê điều đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 9 Điều này.

Điều 28. Vi phạm vận hành trái quy định công trình đê điều

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình phân lũ, làm chậm lũ, cống qua đê, công trình tràn sự cố, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Vi phạm về đổ chất thải, để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông

1. Phạt tiền đối với hành vi đổ chất thải trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m³;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 03 m³;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 03 m³ đến dưới 10 m³;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 20 m³;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m³ đến dưới 30 m³;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m³ đến dưới 50 m³;

g) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m³ đến dưới 100 m³;

h) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m³ trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu trong phạm vi bảo vệ đê điều như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 01 m³;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng từ 01 m³ đến dưới 05 m³;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³;

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 15 m³;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 15 m³ đến dưới 30 m³;

e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m³ đến dưới 50 m³;

g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 50 m³ đến dưới 100 m³;

h) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m³ trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi để vật liệu ở lòng sông, bãi sông và các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ nhưng không có biện pháp xử lý, khắc phục như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 02 m³;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m³ đến dưới 05 m³;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³;

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 30 m³;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m³ đến dưới 100 m³;

e) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 100 m³ đến dưới 300 m³;

g) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 300 m³ đến dưới 500 m³;

h) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khối lượng từ 500 m³ trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ và sử dụng đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão

1. Phạt tiền đối với hành vi chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển sai quy định đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão như sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với khối lượng dưới 0,5 m³;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khối lượng từ 0,5 m³ đến dưới 02 m³;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khối lượng từ 02 m³ đến dưới 05 m³;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khối lượng từ 05 m³ đến dưới 10 m³;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với khối lượng từ 10 m³ đến dưới 20 m³;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khối lượng từ 20 m³ đến dưới 30 m³;

g) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khối lượng từ 30 m³ trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về sử dụng xe đi trên đê

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão, trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, xe chữa cháy.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới đi trên đê không đúng quy định trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe cơ giới đi trên đê không có giấy phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu làm hư hỏng đê điều đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 32. Xây dựng nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không gồm bãi nổi hoặc cù lao

1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không bao gồm bãi nổi hoặc cù lao, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích dưới 02 m²; hoặc có chiều dài dưới 02 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 02 m² đến dưới 05 m²; hoặc có chiều dài từ 02 m đến dưới 05 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m²; hoặc có chiều dài từ 05 m đến dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m² đến dưới 30 m²; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m² đến dưới 50 m²; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 30 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m² đến dưới 80 m²; hoặc có chiều dài từ 30 m đến dưới 50 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

g) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 80 m² trở lên; hoặc có chiều dài từ 50 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định tại Điều 26 Luật Đô thị về xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng

1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng không có giấy phép như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 05 m²; hoặc có chiều dài dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m²; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m² đến dưới 30 m²; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m² đến dưới 50 m²; hoặc có chiều dài từ 40 m đến dưới 50 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

đ) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m² đến dưới 100 m²; hoặc có chiều dài từ 50 m đến dưới 80 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m² trở lên; hoặc có chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

2. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà, công trình tại bãi sông, bãi nổi, cù lao nơi chưa có công trình xây dựng không đúng quy định trong giấy phép như sau:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích nhỏ hơn 05 m²; hoặc có chiều dài dưới 10 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m²; hoặc có chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích từ 10 m² đến dưới 30 m²; hoặc có chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích từ 30 m² đến dưới 50 m²; hoặc có chiều dài từ 40 m đến dưới 60 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích từ 50 m² đến dưới 100 m²; hoặc có chiều dài từ 60 m đến dưới 80 m đối với công trình theo tuyến, dạng tường;

e) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích từ 100 m² trở lên hoặc có chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình theo tuyến, dạng tường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Luật Đê điều về mở rộng diện tích mặt bằng xây dựng khi sửa chữa cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong

giấy phép với diện tích dưới 05 m² khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 05 m² đến dưới 10 m² khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 10 m² đến dưới 30 m² khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 30 m² đến dưới 50 m² khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mở rộng mặt bằng xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng quy định trong giấy phép với diện tích từ 50 m² trở lên khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định trong giấy phép, văn bản chấp thuận cho các hoạt động liên quan đến đê điều

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu phương tiện, tàu, thuyền, bè, mảng không đúng quy định trong giấy phép hoặc không có giấy phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng quy định trong giấy phép quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 25 và văn bản chấp thuận quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều mà không có giấy phép; thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2, Điều 28 Luật Đê điều mà không có văn bản chấp thuận.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quyết định của người có thẩm quyền trong việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, THI HÀNH BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 37. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều được lập theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 38 đến Điều 46 Nghị định này khi đang thi hành công vụ;

b) Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

c) Công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

d) Người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân đang thi hành công vụ.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra và cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Phòng, chống thiên tai; Chi cục trưởng Chi cục chuyên ngành về phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đê điều; Trưởng đoàn thanh tra của Chi cục chuyên ngành về phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đê điều, có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 175.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 350.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 140.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư

1. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thủy Đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến: 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến: 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi và lĩnh vực đê điều;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi và lĩnh vực đê điều;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

1. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

2. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

4. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

5. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải

1. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Hàng hải Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 175.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 350.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 140.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Điều 45. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng cục Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi, đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 175.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 350.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 140.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

Điều 47. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Thanh tra và Thủ trưởng cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều

Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra và Thủ trưởng cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Kiểm ngư xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 40 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trên vùng biển được giao.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35,

Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 41 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội Biên phòng xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 42 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại khu vực biên giới.

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 12, Điều 13, khoản 2 Điều 14, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 16, điểm g và điểm h khoản 2 Điều 24, Điều 25, Điều 30, Điều 31 theo thẩm quyền quy định tại Điều 44 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 10, Điều 11, điểm đ khoản 6 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 26, khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 theo thẩm quyền quy định tại Điều 45 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

9. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa

Người có thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8,

khoản 1 Điều 9, Điều 12, Điều 13, khoản 2 Điều 14, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 48. Thi hành một số biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc đóng Quỹ phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 3 Điều 17 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp quỹ cho cơ quan có thẩm quyền thu Quỹ;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu Quỹ có trách nhiệm thu, quản lý tiền nộp Quỹ của tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định; thông báo kết quả việc thực hiện nộp Quỹ của tổ chức, cá nhân vi phạm cho người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Cá nhân, tổ chức vi phạm không thực hiện nộp Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc trồng lại cây chắn sóng đã bị chặt, phá hoại; cỏ đã bị cuốc, xới, rẫy quy định tại điểm a khoản 11 Điều 27 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm trồng lại cây chắn sóng, cỏ phải đúng chủng loại, đủ số lượng đã bị chặt, phá hoại, cuốc, xới, rẫy; phải bảo vệ, chăm sóc tối thiểu 01 năm đảm bảo cây chắn sóng và cỏ còn sống, phát huy tác dụng bảo vệ đê; việc trồng, chăm sóc cây chắn sóng, cỏ thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức chuyên ngành;

b) Hạt Quản lý đê giám sát, hướng dẫn quá trình thực hiện và có biên bản xác nhận khi hoàn thành, báo cáo người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đã chiếm dụng, sử dụng trái phép quy định tại khoản 2 Điều 30 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm phải nộp lại đủ số lượng vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão đã chiếm dụng, sử dụng trái phép; sắp xếp đúng hiện trạng ban đầu. Vật tư nộp lại phải đúng chủng loại, niên hạn sử dụng của vật tư đã chiếm dụng, sử dụng trái phép hoặc loại vật tư có cùng tính năng; có chỉ tiêu kỹ thuật,

niên hạn sử dụng và tổng giá trị không thấp hơn vật tư đã chiếm dụng, sử dụng trái phép;

b) Đơn vị được giao quản lý trực tiếp vật tư giám sát, hướng dẫn quá trình thực hiện và có biên bản xác nhận khi hoàn thành, báo cáo người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đề điều quy định tại khoản 6 Điều 31 thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm buộc phải sửa chữa, khắc phục những hư hỏng công trình đề điều và chi trả kinh phí thực hiện giám định, kiểm định, đánh giá, khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát (nếu có). Việc sửa chữa, khắc phục phải thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức chuyên ngành, tối thiểu bằng với hiện trạng trước khi vi phạm;

b) Trường hợp hành vi vi phạm làm công trình đề điều hư hỏng cần phải xử lý khẩn cấp để bảo an toàn đề điều, đối tượng vi phạm phải thực hiện hoặc hoàn trả kinh phí thực hiện xử lý khẩn cấp theo phương án do cấp thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh hoặc cấp huyện phê duyệt phương án xử lý khẩn cấp trong trường hợp trên theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đôn đốc, giám sát, hướng dẫn trong quá trình thực hiện; có biên bản xác nhận khi hoàn thành gửi người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều và Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều.

Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Điều 51. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). *110*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Văn Thành

Số: 05/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết
việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều;
phòng, chống lũ của tuyến sông có đề**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch

Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch, đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). *MO*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 342/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 27 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai, Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai;
- Ủy ban QG ứng phó, sự cố, thiên tai và TKCN;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: NC, CN, KTTH;
- Lưu: VT, NN (3) Tuynh. **82**

**KT. THỦ TƯỚNG
 PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 342/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tự nhiên

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, gió mùa, trải dài trên 15 độ vĩ Bắc; diện tích đất liền khoảng 329.241 km²; có hệ thống sông suối khá dày đặc (khoảng 2.360 sông suối có chiều dài từ 10 km trở lên), các hệ thống sông lớn đều thuộc sông liên quốc gia với phần lớn lưu vực nằm trên lãnh thổ nước khác; chế độ dòng chảy được phân thành hai mùa rõ rệt (mùa lũ và mùa kiệt); bờ biển dài trên 3.260 km, chia cắt bởi 114 cửa sông đổ ra biển. Với địa hình đa dạng, cùng những đặc điểm về khí hậu, ngoài những thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, nước ta thường xuyên chịu tác động của nhiều loại hình thiên tai, đặc biệt là bão, nước biển dâng, gió mạnh trên biển, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển,...

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng kinh tế ở mức khá cao (GDP bình quân khoảng 6%; riêng năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, dịch bệnh, tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91%). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 6,5 - 7%; GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD...

Theo thống kê năm 2019, Việt Nam có 96,48 triệu người, phân bố dân cư không đều giữa miền núi và đồng bằng, tỷ trọng dân số sống ở khu vực thành thị tiếp tục xu hướng tăng, khu vực nông thôn giảm dần. Sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa nhanh đã gây sức ép nặng nề, làm suy thoái tài nguyên và môi trường (tình trạng lấn chiếm dòng chảy, chiếm dụng khu vực cửa sông, ven biển, ven suối; khai thác tài nguyên khoáng sản bừa bãi; chặt phá rừng, đốt rừng, gia tăng rác thải). Đây là những tác nhân tăng nguy cơ xuất hiện các loại hình thiên tai.

3. Tình hình thiên tai

Thiên tai ngày càng khốc liệt (đã xuất hiện 1.799 trận thiên tai trong giai đoạn 2016 - 2020, với 20/21 loại thiên tai cơ bản), bao gồm bão mạnh, siêu bão, mưa đặc biệt lớn, mưa đá, ngập lụt diện rộng, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, rét đậm, rét hại, hạn hán, cháy rừng, xâm nhập mặn, đông, lốc, sét, trong đó:

- Bão xuất hiện nhiều, cường độ mạnh, diễn biến phức tạp (2016-2020 có 66 cơn bão, áp thấp nhiệt đới), năm 2017 đạt kỷ lục 16 cơn bão và 06 áp thấp nhiệt đới, năm 2020 có 13 cơn bão đổ bộ vào biển Đông (xuất hiện bão chông bão với 5 cơn bão liên tiếp đổ bộ vào miền Trung).

- Mưa lớn xảy ra thường xuyên gây lũ lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất; tại miền Trung, tổng lượng mưa 5 ngày tháng 10 năm 2020 đạt mức lịch sử trên 3.000 mm gây ngập lụt nghiêm trọng, thiệt hại nặng nề. Lũ lịch sử liên tiếp xuất hiện tại các vùng, miền, một số nơi đạt mức lịch sử hoặc tương đương mức lịch sử gây ngập lụt trên diện rộng và kéo dài. Lũ quét, sạt lở đất xảy ra thường xuyên tại các tỉnh miền núi gây thiệt hại lớn về người và tài sản, nhất là ở miền núi phía Bắc và miền Trung.

- Sạt lở bờ sông, bờ biển gia tăng, uy hiếp nghiêm trọng tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước, nhất là tại Đồng bằng sông Cửu Long, làm mất đi khoảng 300 ha đất mỗi năm.

- Hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng phức tạp, đặc biệt là đợt hạn mặn lịch sử từ cuối năm 2015, đầu năm 2016 và đầu năm 2020 tại Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Ngoài ra, nắng nóng gay gắt, rét đậm, rét hại, đông, lốc, sét và mưa đá cũng xảy ra thường xuyên.

Đây là thách thức to lớn đối với công tác phòng, chống thiên tai.

4. Dự báo các rủi ro thiên tai phải tập trung phòng, chống

- Bão, áp thấp nhiệt đới.
- Lũ lụt, ngập úng trên diện rộng, ngập úng do mưa, triều.
- Lũ quét, sạt lở đất; sạt lở bờ sông, bờ biển.
- Hạn hán, xâm nhập mặn.
- Rét đậm, rét hại, sương muối.

II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung: Xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 nhằm triển khai Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2050; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu để chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

b) Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, nhất là một số loại hình thiên tai chủ yếu thường xảy ra trong thời gian gần đây và có khả năng xảy ra trong thời gian tới như áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn.

c) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống thiên tai gắn với kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương và phát triển kinh tế xã hội, phát huy hiệu quả đầu tư.

d) Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng khác, gắn với xây dựng nông thôn mới.

III. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TỔNG THỂ

1. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai như: khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, thủy lợi, đất đai, lâm nghiệp, dầu thô để bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, huy động được nguồn lực, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách cho phòng, chống thiên tai, trong đó có phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển để giữ đất, khôi phục rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai, kiểm soát rủi ro thiên tai để chủ động thích ứng với thiên tai trong bối cảnh tác động bởi biến đổi khí hậu, nhất là tiêu chuẩn về phòng, chống lũ lụt, tiêu thoát nước ở đô thị, phòng, chống bão, sạt lở cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, nhà ở của người dân.

c) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phòng, chống thiên tai; thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ người dân di dời khỏi khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt sâu, nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở; nghiên cứu chế độ đặc thù, ưu đãi nghề đối với lực lượng trực

tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai phù hợp với chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước.

2. Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, kỹ năng, nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai, rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức của người dân thông qua Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, phương tiện thông tin đại chúng khác, với các hình thức phù hợp.

b) Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

c) Đưa kiến thức phòng chống thiên tai vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa của một số cấp học, bậc học; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng, sự kiện văn hóa cấp thôn, xã.

d) Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung:

- Xây dựng hệ thống thông tin, truyền tin cảnh báo thiên tai từ trung tâm cấp xã đến các thôn, bản và người dân.

- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng phòng, chống thiên tai cấp cơ sở, các tình nguyện viên, hướng dẫn viên.

- Tổ chức cho cộng đồng dân cư tham gia đánh giá rủi ro thiên tai, lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai ở cấp xã, xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và kỹ năng lồng ghép hoạt động phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cộng đồng.

- Tổ chức diễn tập phương án ứng phó với các loại hình thiên tai ở cộng đồng cấp xã.

3. Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, lực lượng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn chuẩn hóa năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai.

b) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo phòng, chống thiên tai cho lực lượng cán bộ chuyên trách; tập huấn kỹ năng xử lý tình huống cho lực lượng trực tiếp quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai và lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai.

c) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phục vụ hoạt động của cơ quan tham mưu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, trong đó tập trung cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo điều hành, hỗ trợ ra quyết định phòng, chống thiên tai; xây dựng Trung tâm chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai quốc gia; hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển (giai đoạn 2); mua sắm trang thiết bị chuyên dùng.

d) Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành, phối hợp hiệp đồng các lực lượng.

4. Nâng cao năng lực, chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai

a) Xây dựng, rà soát phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo rủi ro thiên tai, nhất là lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ dự báo, cảnh báo thiên tai thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia, nhất là khu vực miền núi, ven biển miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống dự báo dựa trên tác động, cảnh báo dựa trên rủi ro đối với các hiện tượng, thiên tai khí tượng thủy văn.

c) Tiếp tục xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác dự báo khí hậu; điều tra, đánh giá tài nguyên khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

d) Hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn theo hướng tự động hóa, nhất là hệ thống trạm đo mưa; nâng cấp hạ tầng truyền dẫn trong việc thu thập số liệu khí tượng thủy văn.

đ) Phát triển công nghệ dự báo số và công nghệ dự báo định lượng mưa; công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành hồ chứa.

5. Điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai; xây dựng quy hoạch, kế hoạch phương án phòng, chống thiên tai

a) Về điều tra cơ bản: tập trung điều tra, đánh giá thông tin, dữ liệu cơ bản phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng định hướng chiến lược và quy hoạch về phòng, chống thiên tai:

- Điều tra hiện trạng phòng chống lũ quét, sạt lở đất tại những khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở miền núi phía Bắc, Trung Bộ và Tây Nguyên, sạt lở bờ sông, bờ biển tại khu vực Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Điều tra, đánh giá dòng chảy, phù sa, bùn cát trên một số hệ thống sông chính, nhất là hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và hệ thống sông Cửu Long.

- Điều tra, thu thập dữ liệu về dân cư, công trình hạ tầng ở bãi sông, ven sông, đánh giá khả năng thoát lũ hạ du một số lưu vực sông, hồ chứa lớn ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ thường bị ngập lụt khi mưa lớn, hồ xả lũ làm cơ sở đề xuất các giải pháp đảm bảo thông thoáng dòng chảy, thoát lũ.

b) Về quy hoạch:

- Tập trung xây dựng các quy hoạch ngành quốc gia về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, gồm: quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi; quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; quy hoạch tài nguyên nước quốc gia. Xây dựng phương án phòng chống thiên tai, phương án phát triển đề điều quy hoạch tỉnh của các địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, gồm: quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch thủy lợi.

c) Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật phương án ứng phó một số loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn, nhất là bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển theo quy định của Luật về phòng chống thiên tai.

6. Khoa học công nghệ

a) Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh thời vụ, giống cây trồng, vật nuôi để chủ động phòng ngừa thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong phòng, chống thiên tai, nhất là trong quan trắc, theo dõi giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai; quản lý, vận hành công trình phòng, chống thiên tai; quản lý, vận hành hồ chứa nước nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước; giám sát biến động bờ sông, bờ biển.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý thiên tai, mô phỏng lũ và ngập lụt; nghiên cứu đánh giá tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là lũ lụt

tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, tác động của phát triển ở thượng nguồn đến thiên tai ở hạ du.

d) Nghiên cứu hoàn thiện các mô hình nhà ở, công trình an toàn thích ứng với điều kiện thiên tai từng vùng, nhất là những vùng thường xuyên xảy ra bão, ngập lụt; mô hình công trình trường học, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng an toàn, kết hợp sơ tán dân phòng chống thiên tai; công trình đê điều, thủy lợi và công trình khác có liên quan đến phòng, chống thiên tai.

đ) Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng, củng cố, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng, xử lý cấp bách công trình đê điều, phòng, chống thiên tai.

e) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong quan trắc khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu; đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, xử lý số liệu khí tượng thủy văn.

7. Hợp tác quốc tế

a) Hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý thảm họa và tìm kiếm cứu nạn.

b) Tham gia diễn tập ứng phó thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai với các nước trong khu vực; trao đổi thông tin, tập huấn, diễn tập, ứng phó thiên tai với các quốc gia trong khối ASEAN.

c) Chủ động tham gia các cơ chế hợp tác về phòng, chống thiên tai, ưu tiên tham gia các cơ chế hợp tác: ACDM, Ủy hội sông Mê Kông, Diễn đàn toàn cầu về giảm nhẹ thiên tai, ARF, ASEM, hợp tác Mê Công - Lan Thương,...

d) Triển khai thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các Điều ước quốc tế, Hiệp định, thỏa thuận hợp tác mà Việt Nam tham gia ký kết; duy trì hợp tác, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu; phối hợp trong các hoạt động tìm kiếm cứu nạn.

8. Đầu tư cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

a) Phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão: Tập trung xây dựng, củng cố, nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá theo quy hoạch. Tiếp tục trồng rừng phòng hộ ven biển; tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè biển; xây dựng, củng cố nhà kết hợp sơ tán dân khi có bão lũ lớn; xây dựng, củng cố hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu.

b) Phòng chống lũ, ngập lụt: Triển khai các dự án tu bổ, nâng cấp hệ thống đê chống lũ, kiểm soát lũ, tăng cường khả năng thoát lũ; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn; chống ngập cho các thành phố lớn; xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

c) Phòng chống lũ quét, sạt lở đất: Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất; công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất. Chủ động di dời, sắp xếp lại dân cư ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng để di dời dân cư (đối với những khu vực không thể bố trí sắp xếp dân cư theo hình thức xen ghép, phải bố trí sắp xếp dân cư tập trung).

d) Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Triển khai các dự án kè phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; khôi phục rừng ngập mặn ven biển, đặc biệt là tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và ven biển Trung Bộ theo Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn: Triển khai các dự án xây dựng, nâng cấp hồ chứa nước; xây dựng công trình ngăn mặn; sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ cấp nước chống hạn; kiểm soát nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước, trữ và cấp nước cho những vùng thường xuyên bị hạn hán.

e) Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo công tác theo dõi, giám sát, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai. Xây dựng Trung tâm điều hành phòng chống thiên tai quốc gia; xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu phục vụ phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, TÌM KIẾM CỨU NẠN

1. Các biện pháp phi công trình

a) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách phòng chống thiên tai.

b) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

c) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo phòng chống thiên tai.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai.

d) Nhóm nhiệm vụ, đề án điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai.

đ) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong phòng chống thiên tai.

(Nhiệm vụ, đề án cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

2. Đối với biện pháp công trình

a) Nhóm các dự án phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão.

b) Nhóm các dự án phòng chống lũ, ngập lụt.

c) Nhóm các dự án phòng chống lũ quét, sạt lở đất.

d) Nhóm các dự án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Nhóm các dự án phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn.

(Nhiệm vụ, đề án cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này)

V. NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẦN LỒNG GHÉP VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH

1. Nội dung liên quan đến đảm bảo không gian thoát lũ qua hệ thống đường bộ, đường sắt cần được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới đường bộ, đường sắt, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và kế hoạch phát triển của ngành giao thông vận tải.

2. Nội dung về bố trí dân cư, di dời những hộ dân sinh sống tại khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập sâu; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng (công sở, trường học, trạm xá, nhà văn hóa,...) kết hợp làm nơi sơ tán phòng, tránh thiên tai cho người dân cần được lồng ghép vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời cần được lồng ghép trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3. Nội dung liên quan đến phòng chống hạn hán, mặn, lũ lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ quét, sạt lở đất, sóng thần; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước được lồng ghép vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch lâm nghiệp và

kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Nội dung liên quan đến quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai (kể cả hệ thống chuyên dùng) được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới khí tượng thủy văn và kế hoạch phát triển ngành khí tượng thủy văn, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông vận tải và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

5. Nội dung liên quan đến truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển các ngành thông tin và truyền thông; giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và phát triển nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, vận hành, khai thác, xây dựng công trình phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển của ngành khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển của các ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

7. Nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế cần được lồng ghép vào kế hoạch của ngành ngoại giao, nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường.

8. Nội dung liên quan đến xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền phổ biến pháp luật; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống thiên tai được lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

VI. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ HÀNG NĂM VÀ 05 NĂM ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Nguồn lực thực hiện

a) Ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Quỹ phòng, chống thiên tai ở trung ương và các địa phương.

c) Nguồn vốn xã hội hóa cho các hoạt động phòng, chống thiên tai.

2. Tiến độ thực hiện: được sắp xếp phân bổ trong phạm vi vốn đầu tư phát triển; kinh phí sự nghiệp kinh tế, quỹ phòng, chống thiên tai và nguồn vốn xã hội hóa cho các hoạt động phòng, chống thiên tai được bố trí hàng năm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của Bộ, ngành, địa phương; tổ chức triển khai thực hiện nội dung của kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao; đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh kế hoạch (nếu có) thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai gắn với thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia; chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức điều phối các hoạt động mang tính liên ngành, liên vùng trong kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

3. Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phối hợp với Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai đôn đốc bộ, ngành, địa phương thực hiện kế hoạch; xây dựng, kiện toàn lực lượng tìm kiếm cứu nạn. Chỉ đạo nâng cao năng lực của lực lượng tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện, diễn tập cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai, sự cố; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tìm kiếm cứu nạn phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện từng khu vực. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó, xử lý, khắc phục các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”, nhất là nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn trên biển.

4. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách, cơ chế giám sát hoạt động phòng, chống thiên tai; tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật về phòng, chống thiên tai; nghiên cứu đề xuất cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích đầu tư vào các hoạt động phòng, chống thiên tai. Lập, điều chỉnh các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý gắn với quy hoạch sử dụng đất. Chỉ đạo chuyển đổi cây trồng, mùa vụ để chủ động phòng, tránh thiên tai. Triển khai thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, nhất là của lực lượng tham mưu, hỗ trợ ra quyết định phòng, chống thiên tai. Xây dựng, ban hành bộ chỉ số và khung theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch làm cơ sở để các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng hệ thống theo dõi giám sát thiên tai và an toàn công trình phòng, chống thiên tai phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thiên tai; điều tra, đánh giá và công bố kết quả bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh. Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch; đề xuất điều chỉnh kế hoạch theo quy định. Tổ chức xây dựng Trung tâm điều hành phòng, chống

thiên tai quốc gia; cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ điều hành phòng, chống thiên tai, nhất là đối với bão mạnh, siêu bão, lũ lớn, lũ quét, sạt lở, ngập úng, hạn hán.

5. Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức lực lượng, sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

6. Bộ Công an chỉ đạo xây dựng các phương án sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị thuộc quyền quản lý có thể phục vụ công tác phòng, chống thiên tai để chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ ứng phó thiên tai, cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật, cơ chế chính sách trong hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin về khí tượng thủy văn; tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn và tác động của các loại hình thiên tai; xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai. Rà soát các quy trình vận hành liên hồ chứa; lập, điều chỉnh quy hoạch liên quan đến tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và quy hoạch khác có liên quan đến phòng, chống thiên tai. Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, cát sỏi lòng sông, nước ngầm hạn chế làm tăng nguy cơ sạt lở. Hợp tác với các quốc gia, tổ chức để chia sẻ thông tin khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa trên sông, suối xuyên biên giới, chủ động trong dự báo khí tượng thủy văn phục vụ phòng, chống thiên tai.

8. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, nhất là ở khu vực miền Trung thường xảy ra lũ lụt, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt hiện có để nâng cao khả năng thoát lũ. Rà soát sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Bộ Xây dựng chỉ đạo rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện thiên tai từng vùng. Rà soát quy chuẩn, tiêu chuẩn thoát nước của đô thị, khu dân cư trong điều kiện tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp; định hướng xây dựng quy định tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối

với công trình, nhà ở. Hướng dẫn chi tiết phân loại nhà an toàn đối với bão mạnh, siêu bão, động đất, xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai phù hợp với điều kiện thiên tai từng vùng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhà ở chống bão, lũ các tỉnh miền Trung.

10. Bộ Công Thương chỉ đạo rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch của ngành, nhất là quy hoạch điện lực. Rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong điều kiện tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực quản lý, nhất là trong công tác đảm bảo an toàn đập thủy điện, hệ thống điện, sản xuất công nghiệp và hoạt động khai thác khoáng sản. Chỉ đạo xây dựng các phương án, kịch bản bảo đảm cung cấp lương thực, hàng hóa thiết yếu trong các tình huống thiên tai.

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong việc đưa nhiệm vụ phòng, chống thiên tai vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

12. Bộ Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định về phân cấp ngân sách và pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đẩy mạnh đầu tư tín dụng, bảo hiểm rủi ro trong phòng, chống thiên tai.

13. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung của kế hoạch, các chương trình, đề án, dự án phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý. Đẩy mạnh thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, chú trọng tổ chức bộ máy, huy động nguồn lực cho lực lượng xung kích tại cơ sở, cộng đồng theo phương châm “4 tại chỗ”. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phương án phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia từ nguồn ngân sách địa phương, đồng thời huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương và kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ở các cấp địa phương./.

PHỤ LỤC I

NHÓM NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHI CÔNG TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách phòng chống thiên tai		
1	Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng chống thiên tai	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan	2022 - 2025
2	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn xã hội hóa, khuyến khích khối tư nhân đầu tư xây dựng công trình phòng chống thiên tai	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2024
3	Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	2022 - 2023
4	Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng chống thiên tai và liên quan đến phòng chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan	2022 - 2025
5	Xây dựng chính sách về bảo hiểm rủi ro thiên tai; đóng góp tài chính và trách nhiệm bảo vệ phục hồi đối với hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai	Bộ Tài chính	2022 - 2024
6	Xây dựng Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia, chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
	khu rừng đặc dụng; Đề án An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước		
II	Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, kỹ năng, nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng		
1	Xây dựng và thực hiện Đề án thông tin, truyền thông về phòng chống thiên tai	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2	Xây dựng và thực hiện Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
3	Thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương	2022 - 2025
4	Hướng dẫn kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cộng đồng và người dân	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp	2022 - 2025
5	Thông tin, truyền thông phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2025
6	Hướng dẫn lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình giảng dạy của một số cấp học, bậc học; đưa nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Quốc phòng	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
	và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai vào kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh		
7	Nâng cao năng lực quản lý, di dời dân cư, cơ sở hạ tầng vùng ven sông, suối, kênh, rạch, vùng thường xuyên ngập lụt, khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2025
III	Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai		
1	<i>Tổ chức, bộ máy phòng chống thiên tai</i>		
a	Kiến toàn tổ chức, bộ máy và xây dựng lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương	Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan và các địa phương	2022 - 2025
b	Kiến toàn lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2025
2	<i>Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai</i>		
a	Thực hiện chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
b	Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, công nghệ dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn và khí tượng thủy	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
	văn biển, hạ tầng mạng truyền dẫn trong thu thập số liệu khí tượng thủy văn		
c	Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành hồ chứa; hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai, ứng phó với BĐKH	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
3	<i>Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo phòng chống thiên tai</i>		
a	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT và cơ quan chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp	2022 - 2025
b	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ điều hành, hỗ trợ ra quyết định	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp	2022 - 2025
c	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển - giai đoạn 2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2024
d	Xây dựng Đề án phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm	2022 - 2023

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
		kiểm cứu nạn	
đ	Xây dựng Đề án mua sắm trang thiết bị chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai; Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp	2022 - 2025
e	Xây dựng Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023
4	<i>Đào tạo, tập huấn, diễn tập nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai</i>		
a	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành và các địa phương	2022 - 2025
b	Diễn tập nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn và phối hợp hiệp đồng các lực lượng trong TKCN	Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai và Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh	2022 - 2025
IV	Điều tra cơ bản, quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai		
1	<i>Điều tra cơ bản</i>		

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
a	Điều tra hiện trạng về lũ quét, sạt lở đất khu vực miền núi phía Bắc, Trung Bộ và Tây Nguyên; hiện trạng về dân cư, cơ sở hạ tầng ở bãi sông, ven sông	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2024
b	Điều tra, đánh giá, giám sát hiện trạng sạt lở, công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, cây chắn sóng bảo vệ đê biển, dòng chảy, xâm nhập mặn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
c	Điều tra, đánh giá tác động của việc xây dựng hồ chứa nước ở các quốc gia thượng nguồn đến hạ du, diễn biến bùn cát trên các hệ thống sông liên quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2024
d	Điều tra, đánh giá thực trạng thoát lũ đối với khu vực hạ du hồ chứa nước lớn, các tuyến sông khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023
đ	Điều tra, đánh giá năng lực ứng phó, giảm thiểu tổn thất do thiên tai và biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ủy ban Dân tộc	2022 - 2024
e	Điều tra, đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai cấp tỉnh thông qua Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai	2022 - 2025
2	Quy hoạch		
a	Xây dựng quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi; hệ thống cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cho tàu cá; lâm nghiệp; tài nguyên nước; mạng lưới trạm khí tượng thủy văn.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
b	Xây dựng quy hoạch tỉnh (có nội dung về phòng chống thiên tai)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2023
c	Rà soát quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
d	Quy hoạch thủy lợi một số lưu vực sông liên tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
3	Kế hoạch		
a	Xây dựng, rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai cấp quốc gia, cấp bộ và các cấp địa phương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp	2022 - 2025
b	Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp	2022 - 2025
c	Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông; kế hoạch phòng chống bão mạnh, siêu bão, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan	2022 - 2025
4	Xây dựng phương án phòng chống thiên tai		
a	Xây dựng, rà soát phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan	2022 - 2025
b	Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy	Bộ Nông nghiệp và	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
	định bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý, vận hành sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai	Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành và các địa phương	
5	Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh	Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2023
V	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế		
1	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ		
a	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; tác động của phát triển ở thượng nguồn đến thiên tai; vận hành hồ chứa, liên hồ chứa	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
b	Nghiên cứu chuyển đổi thời vụ, giống, cây trồng, vật nuôi thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện thiên tai từng vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
c	Nghiên cứu ảnh hưởng của thiên tai và đề xuất các giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban Dân tộc	2022 - 2025
d	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành, xây dựng, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; xây dựng hệ thống mô phỏng lũ, ngập lụt tại các khu vực thường xuyên ngập lũ; giám	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện
	sát biến động bờ sông, bờ biển		
đ	Nghiên cứu thiết kế mẫu cho các công trình công cộng kết hợp sơ tán dân và nhà ở đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai	Bộ Xây dựng	2022 - 2025
e	Nghiên cứu xây dựng tài liệu đào tạo và đào tạo chuyên sâu về phòng, chống thiên tai; chuẩn hóa năng lực cán bộ, lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai.	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
2	Hợp tác quốc tế		
a	Hợp tác ASEAN và các quốc gia trong quản lý thảm họa, tìm kiếm cứu nạn, dự báo, cảnh báo thiên tai, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai; huấn luyện, diễn tập ứng phó thiên tai	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai và Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
b	Triển khai hoạt động của Văn phòng Đối tác Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRRP)	Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai	2022 - 2025
c	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các bộ liên quan	2022 - 2025

PHỤ LỤC II

CÁC NHÓM DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm dự án	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão		
1	Xây dựng, củng cố, nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2025
2	Tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè biển và khu vực cửa sông	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2025
3	Xây dựng, củng cố nhà kết hợp sơ tán dân	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2025
4	Trồng rừng phòng hộ ven biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển	2022 - 2025
II	Phòng chống lũ, ngập lụt		
1	Xây dựng, tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều; hệ thống công trình kiểm soát lũ; hệ thống đê bao, bờ bao	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025
2	Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi; nạo vét, nâng cấp công trình trên sông, ven sông, kênh, rạch tăng cường khả năng thoát lũ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025
3	Xây dựng công trình phòng chống ngập cho các thành phố lớn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025

4	Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2022 - 2025
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ, ngập lụt đến nơi an toàn; xây dựng cụm, tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2022 - 2025
III	Phòng chống lũ quét, sạt lở đất		
1	Xây dựng công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất và cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2022 - 2025
2	Chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2022 - 2025
3	Cải tạo, nạo vét, thanh thải vật cản trên các sông, suối tăng cường khả năng thoát lũ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2022 - 2025
IV	Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển		
1	Xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, công trình chính trị sông tại các phân lưu, hợp lưu đảm bảo ổn định tỷ lệ phân lưu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025
V	Phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn		

1	Xây dựng, nâng cấp hồ chứa nước, công trình, hệ thống công trình kiểm soát mặn; nạo vét kênh, rạch kết hợp trữ nước chống hạn phục vụ sản xuất, sinh hoạt	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2022 - 2025
VI	Xây dựng trung tâm điều hành và dữ liệu phòng chống thiên tai		
1	Xây dựng Trung tâm điều hành phòng chống thiên tai quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025
2	Xây dựng, củng cố, nâng cấp Trung tâm phòng chống thiên tai cấp tỉnh	Cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh	2022 - 2025
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo các loại hình thiên tai	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2022 - 2025
4	Xây dựng trung tâm dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long, tích hợp dữ liệu tài nguyên, môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu (TDA4-WB9)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025
5	Xây dựng Trung tâm dự báo chuyên ngành về hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ chỉ đạo điều hành sản xuất vùng đồng bằng sông Cửu Long (TDA1.5-WB9)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2025

Số: 645/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại Tờ trình số 1258/TTr-BQP ngày 29 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và TKCN;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT;
- các Vụ: TH, CN, NN, KGVX;
- Lưu: VT, NC (2).

12



Lê Văn Thành

KẾ HOẠCH

Quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-TTg

ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Huy động hợp lý các nguồn lực, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa và ứng phó thảm họa động đất, sóng thần nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản và môi trường; góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cơ quan, tổ chức và mọi người dân, bảo đảm phối hợp chặt chẽ bộ, ngành trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện các giải pháp ứng phó, khắc phục hậu quả động đất, sóng thần.

Hoàn thiện hệ thống kế hoạch quốc gia ứng phó các loại hình sự cố, thiên tai, thảm họa cơ bản, làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện.

- Nâng cao năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức cho người dân, rèn luyện kỹ năng cho các lực lượng để giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra động đất và sóng thần.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH CÓ THỂ XẢY RA

1. Động đất

Trên lãnh thổ và thềm lục địa Việt Nam có các hệ thống đứt gãy hoạt động và được gọi theo tên các con sông lớn như sông Hồng, sông Chảy, sông Mã, sông Đà, sông Cả. Trong đó đáng chú ý nhất là các hệ đứt gãy chạy theo phương Tây Bắc - Đông Nam trên lãnh thổ miền Bắc và hệ thống đứt gãy Kinh tuyến 109 chạy dọc theo bờ biển miền Trung và Nam Trung Bộ v.v... Các đứt gãy này tạo ra 45 vùng nguồn phát sinh động đất trong đó có 09 vùng nguồn phát sinh sóng thần trên khu vực Biển Đông.

Cấp độ rủi ro thiên tai do động đất tại các khu vực khác nhau được xác định theo kịch bản động đất cực đại, cụ thể như sau:

- Khu vực Tây Bắc: Kịch bản động đất có độ lớn $M = 7.2$ xảy ra trên đứt gãy Sơn La tại tọa độ (Kinh độ 103.44, Vĩ độ 21.64) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 - 5 tại một số khu vực tỉnh Điện Biên, Sơn La; cấp 3 - 4 tại một số khu vực tỉnh Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai và cấp 1 - 3 tại khu vực tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang và Phú Thọ;

- Khu vực Đông Bắc: Kịch bản động đất có độ lớn $M = 5.5$ xảy ra trên đứt gãy Cao Bằng - Tiên Yên tại tọa độ (Kinh độ 106.54, Vĩ độ 22.16) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 - 5 tại một số khu vực tỉnh Lạng Sơn, cấp 3 tại một số khu vực tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và cấp 1 tại một số khu vực tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang;

- Khu vực đồng bằng sông Hồng: Kịch bản động đất có độ lớn $M = 6.3$ xảy ra trên đứt gãy sông Chảy tại tọa độ (Kinh độ 106.07, Vĩ độ 20.65) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 - 5 tại khu vực tỉnh Hà Nam, Nam Định, Hưng Yên, Thái Bình và Hà Nội. Cấp 1 - 2 tại khu vực tỉnh Bắc Ninh, Ninh Bình, Hải Dương, Hải Phòng và Vĩnh Phúc;

Vùng Bắc Trung Bộ: Kịch bản động đất có độ lớn $M 6.5$ xảy ra trên đứt gãy sông Cả tại tọa độ (Kinh độ 105.583, Vĩ độ 18.906, tại khu vực huyện Diễn Châu, Nghệ An) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 - 5 tại khu vực tỉnh Nghệ An, cấp 3 - 4 tại khu vực tỉnh Hà Tĩnh; cấp độ 1 - 3 tại tỉnh Thanh Hóa và cấp độ 1 tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế;

- Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Kịch bản động đất có độ lớn $M = 5.8$ xảy ra trên đứt gãy Ba Tơ - Củng Sơn tại tọa độ (Kinh độ 108.74, Vĩ độ 13.99) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 - 5 tại một số khu vực tỉnh Bình Định và Gia Lai (khu vực tâm chấn) và cấp 1 đối với các khu vực lân cận;

- Khu vực Nam Bộ: Kịch bản động đất cực đại $M 5.0$ xảy ra trên đứt gãy sông Hậu tại tọa độ (Kinh độ 105.81, Vĩ độ 10.04) gây ra cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 tại một số khu vực tỉnh Vĩnh Long và Cần Thơ (khu vực tâm chấn); cấp 1 - 2 tại khu vực lân cận thuộc tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh và các khu vực lân cận.

2. Sóng thần

Trên khu vực Biển Đông và lân cận có 09 vùng nguồn sóng thần có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam, bao gồm: Vùng nguồn đứt gãy Kinh tuyến 109, Bắc Biển Đông, Pa la oan-Borneo, Máng biển sâu Manila/Phi-líp-pin, biển Đài Loan, biển Sulu/Phi-líp-pin, biển Selebes/Phi-líp-pin, biển Ban đa Bắc và biển Ban đa Nam/In-đô-nê-xi-a. Độ nguy hiểm sóng thần đối với các vùng bờ biển Việt Nam được đánh giá qua đại lượng độ cao sóng cực đại do sóng thần gây ra và thời gian lan truyền sóng thần từ nguồn tới bờ biển. Trong các vùng nguồn sóng thần khu vực Biển Đông và lân cận, vùng nguồn Máng biển sâu Manila/Phi-líp-pin

được đánh giá là vùng nguồn nguy hiểm nhất đối với Việt Nam. Khi xảy ra động đất với độ lớn cực đại lên đến $M = 9.3$ tại khu vực này thì mức độ nguy hiểm sóng thần tác động trên toàn dải ven biển Việt Nam được phản ánh dưới dạng cấp độ rủi ro thiên tai tại sóng thần, cụ thể như sau:

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4 (tương ứng với độ cao sóng từ 8 m đến 16 m): Khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Phú Yên, tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Bình Thuận. Thời gian sóng thần lan truyền và tấn công vào bờ khoảng từ 2.0 giờ đến 4.5 giờ, vào sâu trong đất liền có thể tới 2 - 3 km;

Rủi ro thiên tai cấp độ 3 (tương ứng với độ cao sóng từ 4 m đến 8 m): Khu vực ven biển thành phố Hải Phòng, tỉnh Nam Định, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Bình Định, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau. Thời gian sóng thần lan truyền và tấn công vào bờ khoảng từ 3.0 giờ đến 9.0 giờ vào sâu trong đất liền có thể tới hàng trăm mét;

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2 (tương ứng với độ cao sóng từ 2 m đến 4 m): Tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Thái Bình, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng. Thời gian sóng thần lan truyền và tấn công vào bờ khoảng từ 8.2 giờ đến 14.9 giờ, vào sâu trong đất liền có thể tới hàng trăm mét;

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1 (tương ứng với độ cao sóng dưới 2 m): Tỉnh Ninh Bình và tỉnh Kiên Giang. Thời gian sóng thần lan truyền và tấn công vào bờ khoảng 8 đến 15 giờ. Sóng thần gây ngập lụt cục bộ tại một số điểm.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Công tác phòng ngừa

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của các lực lượng, cả hệ thống chính trị và toàn dân

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa động đất, sóng thần;

- Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ cho các lực lượng theo phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng ngành;

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

b) Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục, hoàn thiện cơ chế hoạt động phù hợp, hiệu quả

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật; phổ biến kinh nghiệm, xây dựng năng lực, kỹ năng phòng tránh thảm họa động đất, sóng thần tạo ra sự đồng thuận giữa mọi người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội;

- Hoàn thiện cơ chế hoạt động của lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ ở các cấp; hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan trong chỉ đạo, điều hành, đào tạo, huấn luyện, diễn tập. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương trong việc ứng phó động đất, sóng thần;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật tài liệu, tư liệu phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền. Có kế hoạch lồng ghép, tích hợp kiến thức, kỹ năng phòng tránh động đất, sóng thần đưa vào chương trình giáo dục, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm trong các cơ sở giáo dục phù hợp với đặc điểm thiên tai vùng miền.

c) Gắn phát triển kinh tế - xã hội với nâng cao khả năng thích ứng, chống chịu của hạ tầng cơ sở, công trình xây dựng và khu dân cư

Gắn quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, địa phương, quy hoạch phát triển ngành với công tác phòng chống thiên tai bảo đảm phát triển bền vững;

- Nâng cao khả năng thích ứng chống chịu của hạ tầng và khu dân cư công cộng đủ khả năng phòng chống thảm họa,... Quy hoạch và xây dựng địa điểm sơ tán nhân dân, điểm an toàn, hệ thống y tế, mạng lưới giao thông vận tải, thông tin liên lạc trọng yếu, các công trình lưỡng dụng theo quy định; có kế hoạch dự trữ vật chất hậu cần, kỹ thuật và các cơ sở vật chất thiết yếu khác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

- Đầu tư xây dựng công trình bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có chế tài quy định mọi tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt thiết kế xây dựng công trình ở các vùng có nguy cơ động đất, sóng thần. Có giải pháp phù hợp để đảm bảo an toàn, đặc biệt đối với hồ chứa nước lớn, nhà máy hoá chất độc hại, nhà cao tầng và các công trình cơ sở hạ tầng khác;

- Đối với vùng ven biển có nguy cơ sóng thần: Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp để hạn chế ảnh hưởng của sóng thần đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung, công nghiệp và du lịch ven biển, hải đảo (chú trọng đến các khu dân cư đô thị, ở những vùng có địa hình thấp, vùng đồng bằng ven biển;

những khu vực thường xuyên xảy ra lũ, ngập lụt...). Bảo tồn các cồn cát ven biển, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển; xây dựng, nâng cấp tuyến đê biển vững chắc giảm tác động của sóng thần. Có kế hoạch huy động sử dụng các nhà cao tầng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; các khu vực cao ven biển sẵn sàng sơ tán dân khi xảy ra sóng thần.

d) Từng bước nâng cao năng lực công tác dự báo, cảnh báo, đầu tư mua sắm trang thiết bị ứng phó

- Duy trì lực lượng, phương tiện trực quan sát, giám sát, cảnh báo, xử lý và ban hành bản tin động đất và cảnh báo sóng thần theo quy chế; đánh giá toàn diện các nguy cơ, sự cố do thảm họa động đất, sóng thần gây ra, làm cơ sở xây dựng các phương án ứng phó phù hợp, hiệu quả;

- Đầu tư, xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc phục vụ báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; cập nhật, hoàn thiện các kịch bản cảnh báo sóng thần; xây dựng tập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai động đất, sóng thần;

- Đầu tư, mua sắm các trang thiết bị phù hợp cho các lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm và các lực lượng khác từng bước nâng cao năng lực ứng phó; - Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp, giải pháp khoa học công nghệ trong công tác báo tin động đất, cảnh báo và ứng phó với thảm họa.

đ) Xây dựng, hoàn thiện các kế hoạch, phương án ứng phó; tổ chức huấn luyện, luyện tập, diễn tập theo phương án

- Xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án, các tài liệu hướng dẫn và cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần sát, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương;

- Tổ chức huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm và huấn luyện phổ cập cho các đối tượng khác để nâng cao năng lực ứng phó khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần. Lồng ghép nội dung huấn luyện ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và trong chương trình giáo dục quốc phòng, an ninh chính khóa cho học sinh, sinh viên, theo quy định của Chính phủ;

- Tổ chức diễn tập theo các phương án, tập trung vào các phương án phức tạp, có nhiều khả năng xảy ra. Vận dụng và phát huy tốt phương châm “4 tại chỗ” chủ động huy động, điều phối các lực lượng để sơ tán, phòng, tránh thảm họa và cứu hộ, cứu nạn. Chuẩn bị tốt trang thiết bị, cơ sở vật chất cho huấn luyện, diễn tập; từng bước nâng cao năng lực ứng phó, cứu hộ, cứu nạn cho các lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm và các lực lượng khác;

- Có phương án khai thác, vận hành, bảo vệ an toàn các công trình lớn: Hồ chứa thủy điện, thủy lợi, hệ thống lưới điện quốc gia, hệ thống giao thông.... Bảo đảm khi xảy sự cố do động đất, sóng thần gây ra mức độ thiệt hại thấp nhất và khắc phục nhanh nhất phục vụ công tác khôi phục các hoạt động sản xuất phát triển kinh tế, xã hội.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực

- Hợp tác quốc tế trong quản lý thảm họa và tìm kiếm cứu nạn; dự báo, cảnh báo thiên tai, cung cấp thông tin, trang thiết bị nâng cao năng lực dự báo cảnh báo động đất, sóng thần;

- Tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tích cực trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về dự báo, cảnh báo thiên tai, thảm họa nói chung và động đất, sóng thần nói riêng;

- Tham gia diễn tập ứng phó thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa với các nước trong khu vực; trao đổi thông tin, tập huấn, diễn tập, ứng phó thảm họa với các quốc gia trong khối ASEAN và quốc tế;

Tăng cường sự tham gia tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế trong ứng phó với thảm họa động đất, sóng thần và tái thiết sau thảm họa.

2. Tổ chức ứng phó

a) Tổ chức thông báo, báo động và cảnh báo kịp thời đến các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân tại địa phương các tin động đất, sóng thần quy định.

- Truyền tin cảnh báo, báo động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống thông tin viễn thông...;

- Tăng cường kết nối thông tin để nắm bắt kịp thời các diễn biến, hậu quả của động đất và cảnh báo nguy cơ sóng thần;

- Đánh giá kịp thời quy mô, diễn biến sự cố do thảm họa động đất, sóng thần, xác định nhanh kịch bản ứng phó hiệu quả;

- Triển khai các lực lượng, phương tiện quan sát, giám sát; các lực lượng giúp dân sơ tán, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả...

b) Tổ chức sơ tán, phân tán bảo đảm an toàn cho nhân dân, các cơ quan, tổ chức và tài sản ra khu vực an toàn:

- Đối với sóng thần: Hướng dẫn nhân dân ven biển sơ tán khi có tin cảnh báo sóng thần mạnh và nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp tới địa phương.

+ Khu vực ven biển, trên biển: Khi đang ở trên tàu, thuyền trên biển, hoặc vùng ven biển không nên cho tàu thuyền trở về cảng, nên di chuyển tàu thuyền hướng ra biển, đến những vùng nước sâu ít nhất là trên 150 m. Khi tàu thuyền còn neo đậu trong bờ đưa tàu thuyền ra biển nếu có đủ thời gian và thực hiện các biện pháp phòng tránh theo thông báo của chính quyền, cơ quan chức năng của địa phương. Không được ở lại trên tàu thuyền neo đậu tại bến cảng.

+ Trên đất liền: Đang ở khu vực bãi biển ngay lập tức chạy đến nơi an toàn ở các bãi đất cao hoặc ở nơi cách xa bờ biển từ 500 m trở lên. Đang ở trong nhà trệt, nhà thấp tầng trong bán kính dưới 500 m tính từ bờ biển phải sơ tán vào sâu trong đất liền; đang ở trong nhà cao tầng di chuyển lên các tầng cao, không ở lại tầng 1 cho đến tầng 3; mở trống các cửa ở các tầng thấp để hạn chế sự tác động của sóng. Khi đang đi trên đường khu vực gần biển phải khẩn trương chuyển hướng vào sâu trong đất liền, không được đi ra hướng bờ biển.

- Động đất: Động đất không thể dự báo trước, song có một số biện pháp có thể làm trong lúc động đất để tránh hoặc giảm thương tích và thiệt hại do động đất gây ra:

+ Đang ở trong nhà nên chui xuống gầm bàn, lựa góc phòng để đứng, tránh cửa kính, những vật có thể rơi xuống. Che mặt và đầu để khỏi bị các mảnh vụn rơi trúng. Nếu mất điện, dùng đèn pin, không dùng nến hay diêm vì chúng có thể gây hỏa hoạn; nắm chắc tin tức khẩn cấp để ứng phó.

+ Trong các tòa nhà cao tầng: Tuyệt đối không được dùng thang máy, ở trong nhà, di chuyển tới góc phòng, tránh xa các khu vực có cửa kính, đèn điện treo. Khóa gas, mở cửa sổ hoặc cửa ra vào. Nếu đang ở trong thang máy nằm xuống sàn bảo vệ đầu, khi thang máy làm việc trở lại ra khỏi thang máy ở tầng kế tiếp và sử dụng cầu thang bộ.

+ Đang đi đường: Tránh xa các tòa nhà và dây điện. Tìm chỗ trống để đứng; trong lúc lái xe, ngừng xe ở lề đường nên tránh các cột điện, dây điện, công trình phía trên xe và không chui xuống gầm xe.

+ Khi bị kẹt trong đông đồ nát: Không la hét, lấy tay, khăn che mũi miệng dùng vật cứng gõ vào vật cứng khác báo vị trí của mình cho cứu nạn.

+ Sau động đất: Kiểm tra người bị thương, sơ cứu và gọi cứu hộ; kiểm tra các thiệt hại, không sử dụng diêm, bật lửa; không chạm vào dây điện bị đứt; dập tắt đám cháy nhỏ (nếu có); tránh xa các bức tường gạch, thận trọng với các chất lỏng đổ tràn và các vật nặng trên trần, kệ có thể bị rơi.

+ Cập nhật tin tức khẩn cấp của cơ quan chức năng.

+ Chuẩn bị ứng phó các trận dư chấn, những trận động đất gây ra bởi trận động đất vừa xảy ra. Tuy chúng nhỏ hơn, chúng vẫn có thể gây ra thương tích.

c) Huy động, điều phối các lực lượng, phương tiện, trang thiết bị khẩn trương tổ chức tìm kiếm, cứu nạn trong các khu vực xảy ra thảm họa.

- Trên biển: Huy động các tàu, xuồng, ca nô và các phương tiện thủy khác làm nhiệm vụ vận tải, huấn luyện, tuần tra, thực thi pháp luật trên sông, trên biển; các trung tâm, trạm phối hợp tìm kiếm cứu nạn, các cảng vụ; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, vận tải biển... của các Bộ: Quốc phòng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, các địa phương liên quan và các tàu, hãng vận tải của các nước đang hoạt động trong khu vực ảnh hưởng;

- Trên đất liền: Huy động lực lượng, phương tiện của các đội tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai, các đơn vị bộ binh, công binh, thông tin liên lạc, hậu cần, quân y; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, y tế, viễn thông, xây dựng, vận tải, khai thác mỏ; các đơn vị phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ an ninh trật tự, giám định tư pháp hình sự; các trung tâm phối hợp, hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn hàng không, các cảng vụ đường thủy nội địa... và lực lượng, phương tiện của các sở, ban, ngành và cấp huyện, cấp xã... của các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Y tế và các địa phương liên quan.

d) Duy trì hệ thống thông tin liên lạc thông suốt bảo đảm cho chỉ huy, chỉ đạo, điều hành.

- Sử dụng các mạng viễn thông dùng riêng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành: Hệ thống viễn thông cố định, di động vệ tinh; hệ thống viễn thông vô tuyến điện; hệ thống truyền hình hội nghị; các xe ô tô chuyên dùng phục vụ thông tin và các hình thức thông tin, liên lạc khác;

- Sử dụng tần số ưu tiên cho các phương tiện làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần, bảo đảm thông suốt, không gián đoạn;

- Tận dụng mọi phương thức thông tin liên lạc để nắm tình hình và truyền tin trong khu vực bị ảnh hưởng bởi động đất, sóng thần.

3. Công tác khắc phục hậu quả

- Huy động nhân lực, phương tiện, trang thiết bị tiếp tục tìm kiếm người mất tích, cứu chữa người bị thương; nhanh chóng đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ khẩn cấp.

+ Tiếp tục huy động các lực lượng, phương tiện tổ chức tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền.

+ Huy động lực lượng, phương tiện ngành y tế, các đội y tế hỗ trợ khẩn cấp để tiếp nhận, phân loại, cấp cứu, vận chuyển, thu dung, điều trị nạn nhân. Làm tốt công tác phân loại, giám định người tử nạn, an táng theo quy định.

+ Đánh giá cụ thể thiệt hại về người, tài sản, các công trình, hạ tầng... mức độ ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, nhu cầu cứu trợ khẩn cấp.

- Bố trí nơi ở tạm cho những người bị mất nhà cửa, kịp thời cung cấp nhu yếu phẩm, bảo đảm hậu cần, vật tư y tế cho lực lượng ứng phó và nhân dân vùng bị nạn.

- Thu dọn, xử lý vệ sinh môi trường, tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn môi trường sống.

- Đánh giá tổng hợp tình hình, thực hiện công tác chính sách, xây dựng kế hoạch, tiến hành các biện pháp hỗ trợ, khôi phục sản xuất, cơ sở hạ tầng; ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Lực lượng, phương tiện

- Bộ Quốc phòng

+ Lực lượng không quân: Các Đội bay tìm kiếm cứu nạn đường không thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; lực lượng không quân thuộc Quân chủng Hải quân và Binh đoàn 18;

+ Các Đội tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai; cứu sập; khắc phục hậu quả về môi trường; Quân y cứu trợ thảm họa; chó nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn; thông tin liên lạc cơ động ứng phó thiên tai, thảm họa...;

+ Các tàu, xuồng, ca nô và các phương tiện thủy khác làm nhiệm vụ vận tải, huấn luyện, tuần tra, thực thi pháp luật trên sông, trên biển thuộc: Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, các Quân khu ven biển, Binh chủng Đặc công, Binh chủng Công binh, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng...;

+ Các Trạm phối hợp tìm kiếm cứu nạn: Có 10 trạm đang hoạt động và được tiếp tục đầu tư, xây dựng: Cô Tô (Quảng Ninh), Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), Cồn Cỏ (Quảng Trị), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Trường Sa (Khánh Hòa), Phú Quý (Bình Thuận), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Thổ Chu (Kiên Giang), Hòn Khoai (Cà Mau), Song Tử Tây (Khánh Hòa);

+ Các trung tâm đào tạo, huấn luyện: Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường biển; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Trung; Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường không;

+ Trung tâm hành động quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học và môi trường;

+ Các đơn vị bộ binh, công binh, vận tải, hóa học, thông tin liên lạc, hậu cần, quân y và các đơn vị khác thuộc các Tổng cục, Quân khu, Quân đoàn, Quân Binh chủng, Binh đoàn, Bệnh viện, Học viện, Nhà trường và tương đương;

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, vận tải biển, tài nguyên môi trường, y tế, thông tin, viễn thông ... (như Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Bệnh viện các tuyến).

- Bộ Công an:

+ Các đơn vị Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn;

+ Các đơn vị Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát môi trường;

+ Các đơn vị bảo vệ an ninh trật tự;

+ Các cơ quan giám định tư pháp hình sự;

+ Trung tâm huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ.

- Bộ Giao thông vận tải

+ Trung tâm Phối hợp Tìm kiếm cứu nạn Hàng không, Trung tâm Hiệp đồng Tìm kiếm cứu nạn Hàng không (Miền Bắc, Trung, Nam) và các cơ quan, đơn vị khác thuộc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam. Trung tâm khẩn nguy cảng hàng không thuộc Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và Cảng Hàng không quốc tế Vân Đồn; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

+ Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng hải Việt Nam, gồm 04 Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Khu vực (Khu I tại Hải Phòng, Khu vực II tại Đà Nẵng, Khu vực III tại Vũng Tàu, Khu vực IV tại Nha Trang);

+ Lực lượng của các cảng vụ hàng hải: Gồm 23 cảng vụ hàng hải khu vực, các cảng vụ này có một số tàu, ca nô công vụ hoạt động đảm bảo an toàn an ninh hàng hải và các thiết bị cứu, bốc xếp có khả năng chủ trì hoặc tham gia tìm kiếm cứu nạn trên biển và tại các vùng nước cảng biển;

+ Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc và miền Nam: Gồm các đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực hoa tiêu, bảo đảm an toàn hàng hải trên cả nước; có nhiều phương tiện thủy như: Ca nô, tàu kéo, sà lan công trình, sà lan mở đáy, tàu lai dắt... và nhiều thiết bị đi kèm;

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam (VISHIPEL): Phụ trách Hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam từ Móng Cái đến Cà Mau; Trung tâm xử lý và kiểm soát Thông tin Hàng hải Hà Nội; Đài Thông tin vệ tinh mặt đất Inmarsat Hải Phòng (Hai Phong Land Earth Station); Đài Thông tin vệ tinh mặt đất Cospas-Sarsat (VNLUT/MCC) tại Hải Phòng;

+ Một số doanh nghiệp ngành Giao thông vận tải khác có thể cung cấp các dịch vụ về hàng hải, trục vớt, dịch vụ kỹ thuật ngầm và tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển như: Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam (VISAL); Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam Vinaline; Tổng Công ty xây dựng đường thủy Vinawaco, Tổng Công ty vận tải thủy Việt Nam; Công ty vận tải và thuê tàu...;

+ Lực lượng khác: Các Cảng vụ Đường thủy nội địa; các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, xây dựng, vận tải (đường không, đường bộ, đường sắt, thủy nội địa), thông tin, viễn thông, y tế...

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các đội tàu làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam; các trung tâm thông tin chuyên ngành thủy sản; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy sản, nông lâm nghiệp, các công ty thủy lợi...

- Bộ Công Thương: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khai thác mỏ, dầu khí, vận tải biển, tài nguyên môi trường ... (như Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; Trường Cao đẳng Dầu khí, Xí nghiệp vận tải biển và Công tác lặn/Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro...).

- Bộ Y tế: Các đội y tế cơ động, hệ thống bệnh viện và các cơ sở khám, điều trị bệnh, trung tâm y tế dự phòng...

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Lực lượng, phương tiện của các sở, ban, ngành và cấp huyện, cấp xã trực thuộc; các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành và lực lượng, phương tiện của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, xây dựng, vận tải, tài nguyên môi trường, thông tin, viễn thông... đứng chân trên địa bàn. Tàu, thuyền, phương tiện thủy của các tổ chức, cá nhân, ngư dân do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc trung ương trực tiếp quản lý phương tiện (hoặc được quyền huy động khi có vụ việc). Các đội xung kích, các đơn vị dân quân tự vệ các địa phương.

- Lực lượng khác: Các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong và ngoài khu vực theo thỏa thuận hợp tác với Việt Nam hoặc do Việt Nam thuê. Các tàu vận tải quốc tế đang hoạt động trong vùng lãnh thổ Việt Nam hoặc có hải trình quốc tế gần vị trí tàu, thuyền của Việt Nam gặp nạn.

5. Nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương

a) Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

- Chủ trì giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch;

- Chỉ đạo cơ quan thường trực, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương thực hiện tốt công tác chuẩn bị và sẵn sàng các phương án ứng phó; kiểm tra luyện tập, diễn tập theo kế hoạch. Đề xuất đầu tư, mua sắm trang thiết bị phù hợp từng bước nâng cao năng lực cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ;

- Chỉ đạo và huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức sơ tán dân đến nơi an toàn, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả;

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong nước phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc yêu cầu trợ giúp quốc tế.

b) Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai

- Phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch, phương án ứng phó; chủ trì đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả; đồng thời triển khai kế hoạch, phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tình huống phát sinh theo thẩm quyền;

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương chỉ đạo các lực lượng tổ chức sơ tán dân đến nơi an toàn, khắc phục hậu quả theo thẩm quyền; đồng thời phối hợp, tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc yêu cầu trợ giúp quốc tế theo thẩm quyền;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đánh giá hiệu quả của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai; tính kịp thời của các bản tin khi đến người sử dụng; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhằm hoàn thiện hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

c) Bộ Quốc phòng

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện kế hoạch trên phạm vi cả nước; tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện;
- Chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các địa phương xây dựng phương án sử dụng lực lượng, phương tiện của các đơn vị trong quân đội trong thực hiện nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng gắn với việc trực và ứng phó, tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần;
- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, đào tạo lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả; phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó thảm họa động đất, sóng thần;
- Đề xuất, đầu tư mua sắm trang thiết bị từng bước nâng cao năng lực ứng phó cho các lực lượng của bộ
- Khi xảy ra thảm họa kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong vùng có nguy cơ ảnh hưởng động đất, sóng thần tổ chức sơ tán người, vũ khí trang bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; điều động lực lượng, phương tiện phối hợp với chính quyền địa phương sơ tán người và tài sản đến nơi an toàn. Chỉ đạo các quân khu nơi xảy ra thảm họa chủ trì, phối hợp với địa phương thiết lập sở chỉ huy hiện trường, triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn. Sẵn sàng thiết lập cầu hàng không sân bay trực thăng, bệnh viện dã chiến cứu chữa, vận chuyển người và trang bị, vật tư, nhu yếu phẩm, khắc phục hậu quả;
- Phối hợp với các lực lượng công an, chính quyền các địa phương bảo vệ an toàn các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các khu vực trọng điểm khác; phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan ngang bộ tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc yêu cầu trợ giúp quốc tế, đặc biệt là tìm kiếm, cứu nạn trên các vùng biển.

d) Bộ Công an

- Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập nhằm phối hợp với các lực lượng sẵn sàng ứng phó, tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa;
- Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền phối hợp với các đơn vị quân đội, chính quyền địa phương triển khai các biện pháp công tác, nắm tình hình liên quan đến an ninh quốc gia, an ninh chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ an toàn các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các mục tiêu, công trình trọng điểm theo thẩm quyền. Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn

hoạt động của các loại tội phạm lợi dụng thảm họa động đất, sóng thần để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

- Điều động các lực lượng, phương tiện phối hợp với các lực lượng khác giúp chính quyền địa phương trong vùng ảnh hưởng sơ tán người và tài sản đến nơi an toàn; phối hợp tổ chức ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả, tổ chức giám định, nhận dạng, phân loại nạn nhân theo chức năng, nhiệm vụ.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về nhiệm vụ phòng chống thiên tai; xây dựng, phát huy tổ đội đoàn kết, nghiệp đoàn nghề cá địa phương sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xảy ra, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương kịp thời cung cấp các thông tin về diễn biến tình hình trên biển (có liên quan), tổ chức kêu gọi tàu, thuyền hoạt động trên biển cơ động tránh trú khi xuất hiện các nguy cơ cao có thể gây ra sóng thần;

- Chỉ đạo lực lượng Kiểm ngư và chuyên ngành thủy sản tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động đánh bắt thủy sản trên các vùng biển của Việt Nam, vùng biển quốc tế, sẵn sàng, tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển;

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương triển khai thực hiện các biện pháp giảm nhẹ hậu quả do thảm họa động đất, sóng thần gây ra theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức di dời dân đến nơi an toàn; điều tra, thống kê, thiệt hại và xác định nhu cầu cấp bách, khắc phục hậu quả đối với các lĩnh vực được phân công. Đồng thời có kế hoạch khôi phục sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp..., bảo đảm cung ứng lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác theo thẩm quyền quản lý của bộ cho nhân dân vùng bị nạn.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, phối hợp với các lực lượng và địa phương liên quan điều tra, đánh giá thiệt hại và xử lý các sự cố về môi trường; xây dựng kế hoạch phục hồi môi trường bị ô nhiễm;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng, cập nhật bản đồ ngập lụt, theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ ngập lụt vùng hạ lưu các hệ thống sông, khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam phù hợp với từng cấp độ rủi ro thiên tai do sóng thần gây ra để phục vụ công tác ứng phó, khắc phục hậu quả.

g) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và các bộ, ngành trung ương có liên quan thẩm định các nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách để đảm bảo các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư xây dựng cơ sở, sản xuất, mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Luật Đầu tư công.

h) Bộ Tài chính

- Chủ trì bố trí ngân sách chi thường xuyên cho các bộ, cơ quan trung ương thực hiện hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Xuất, cấp kịp thời trang thiết bị dự trữ quốc gia cho công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật dự trữ quốc gia hiện hành và theo lệnh của cấp có thẩm quyền.

i) Bộ Giao thông vận tải

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên các kênh thông tin của Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam theo quy định; nâng cao chất lượng phát sóng và tăng cường vùng phủ sóng thông tin trên biển và cho các đảo xa đất liền;

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị thuộc quyền phối hợp với cơ quan liên quan, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó đối với các ngành trực thuộc. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập từng bước nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm theo chức năng nhiệm vụ;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các lực lượng của các bộ, các địa phương bảo đảm phương tiện sơ tán, vận chuyển hàng hóa; chỉ dẫn, phân luồng giao thông đi qua các khu vực xảy ra sự cố. Phối hợp với các lực lượng tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả; phối hợp các cơ quan liên quan sẵn sàng thiết lập cầu hàng không, vận chuyển người, trang bị, phương tiện, vật chất nhu yếu phẩm khi có yêu cầu;

- Rà soát trang thiết bị kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền bổ theo hướng đầu tư, mua sắm các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn chuyên dùng. Thường xuyên cập nhật năng lực trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn trên bộ, biển thuộc phạm vi quản lý để tham mưu, đề xuất, sẵn sàng sử dụng lực lượng, phương tiện khi có tình huống;

k) Bộ Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương rà soát, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng các công trình phù hợp, theo quy định của pháp luật;
- Huy động các lực lượng, trang thiết bị thuộc quyền phối hợp với các lực lượng khác khắc phục hậu quả khi có yêu cầu.

1) Bộ Y tế

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương huy động ngành y tế, các đội y tế hỗ trợ khẩn cấp để tiếp nhận, phân loại, cấp cứu, vận chuyển, thu dung, điều trị nạn nhân theo thẩm quyền;
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc, các địa phương triển khai xây dựng, đầu tư trang thiết bị các tổ, đội huy động ngành y tế hỗ trợ khẩn cấp; tổ chức huấn luyện về y tế, kỹ thuật cấp cứu, vận chuyển cho các lực lượng liên quan; sẵn sàng đáp ứng các tình huống khẩn cấp;
- Xây dựng kế hoạch, phương án đáp ứng y tế cho nhiệm vụ ứng phó thảm họa. Bảo đảm thuốc, hóa chất, trang thiết bị, vật tư y tế đáp ứng các tình huống khẩn cấp về y tế. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị thuộc quyền phối hợp với các lực lượng xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh trong và sau thảm họa; sẵn sàng thiết lập bệnh viện dã chiến, tiếp nhận vật tư y tế của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi có yêu cầu.

m) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, các doanh nghiệp Bưu chính Viễn thông phối hợp với Binh chủng Thông tin liên lạc, Cục Bưu điện Trung ương/Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội/Bộ Quốc phòng, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tổ chức đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động ứng phó, tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; cấp phép sử dụng tần số cho các phương tiện làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần;
- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho toàn dân về phòng, ứng phó thảm họa động đất, sóng thần.

n) Bộ Công Thương

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các địa phương kiểm tra việc thực hiện các quy định an toàn đối với các cơ sở, các công trình, các dự án... thuộc thẩm quyền, để ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra cố phát sinh;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với các lực lượng chức tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố, hậu quả môi trường và xử lý các vấn đề liên quan theo thẩm quyền. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch chuẩn bị và cung cấp kịp thời các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân vùng bị thiệt hại khi có yêu cầu;

- Nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị ứng phó các sự cố: Hàm lò, đập chứa nước thủy điện, hệ thống truyền tải điện, các kho chứa nhiên liệu, hóa chất, các nhà máy xí nghiệp... của bộ và triển khai các đơn vị thuộc quyền đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị theo nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, đào tạo lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm tham gia ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả các thảm quyền.

o) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện các chính sách với người tham gia làm nhiệm vụ ứng phó sự thiên tai và tìm kiếm cứu nạn khi bị ốm đau, tai nạn, bị thương hoặc chết; đề xuất các chính sách hỗ trợ cho người dân vùng bị nạn theo quy định của luật pháp.

p) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý, phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó trong các lễ hội, tổ chức sự kiện, các khu du lịch, các trung tâm văn hóa, thể thao... Lồng ghép vào các thiết chế văn hóa, thể thao và du lịch hướng tới mục tiêu phát triển ngành an toàn và bền vững;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với lực lượng của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tổ chức sơ tán khách du lịch, tham gia lễ hội, sự kiện và người lao động trong các khu du lịch, các trung tâm văn hóa, thể thao, lễ hội... có nguy cơ cao xảy ra sự cố đến nơi an toàn. Khôi phục các cơ sở, các hoạt động du lịch, các thiết chế văn hóa và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc các lĩnh vực theo thẩm quyền.

q) Bộ Ngoại giao

- Chủ trì liên hệ với các quốc gia, vùng lãnh thổ để phối hợp hỗ trợ cho người, phương tiện của Việt Nam gặp sự cố khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần trên biển, vùng biên giới đất liền. Phối hợp với các cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ liên quan làm các thủ tục ngoại giao để hỗ trợ cho người và phương tiện nước ngoài gặp sự cố khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần trên biển và lãnh thổ Việt Nam;

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan, tăng cường hợp tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần trên biển và vùng biên giới đất

liên... Phối hợp trong việc tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... và phối hợp trong việc cấp phép cho lực lượng tìm kiếm, cứu ngoài vào thực hiện tìm kiếm, cứu nạn trên lãnh thổ của Việt Nam.

r) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương cập nhật và phát tin về động đất, cảnh báo sóng thần; tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức và hướng dẫn sử dụng tin động đất, sóng thần nhằm nâng cao ý thức chủ động phòng, tránh, giảm thiểu thiệt hại;
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến; tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quan trắc, dự báo, cảnh báo động đất, sóng thần;
- Xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc, cơ sở dữ liệu, kịch bản báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; kịp thời xử lý và ban hành bản tin động đất, cảnh báo sóng thần theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Tổ chức đánh giá, cập nhật bản đồ phân vùng nguy hiểm rủi ro động đất, sóng thần, cung cấp các số liệu cần thiết cho các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương phục vụ công tác quy hoạch xây dựng, phát triển kinh tế bền vững và xây dựng kế hoạch ứng phó với thảm họa động đất, sóng thần.

s) Các bộ, ngành có liên quan

Theo thẩm quyền phối hợp Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, có kế hoạch, phương án sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả.

t) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Xây dựng, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch ứng phó thảm họa động đất, sóng thần ở các cấp trên địa bàn (tích hợp với Kế hoạch phòng thủ dân sự) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt theo phân cấp; thường xuyên kiểm tra, rà soát, điều chỉnh bổ sung kế hoạch phù hợp với thực tiễn; duy trì chế độ canh, trực, thông báo, cảnh báo; tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao năng lực cho dân quân tự vệ, đội xung kích và các lực lượng khác, bảo đảm khả năng ứng phó tại chỗ và ban đầu kịp thời, hiệu quả;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho toàn dân, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị trong ứng phó các sự cố, thiên tai, thảm họa;

- Các địa phương ven biển tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ, đội đoàn kết, tổ hợp tác trên biển trong việc tương trợ nhau khi cùng hoạt động trên biển, nhất là công tác cứu hộ, cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”. Kiểm tra, kiểm soát, đăng ký, đăng kiểm phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn trên các phương tiện; nắm chắc diễn biến tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn trên các vùng biển nhất là nguy cơ sóng thần, kịp thời thông báo cho chủ tàu, thuyền trưởng biết để chủ động ứng phó;
- Gắn phát triển kinh tế xã hội với nâng cao khả năng thích ứng chống chịu của hạ tầng và khu dân cư công cộng đủ khả năng phòng chống thảm họa và xây dựng địa điểm sơ tán nhân dân, điểm an toàn, hệ thống y tế, mạng lưới giao thông, vận chuyển và thông tin liên lạc trọng yếu các công trình lưỡng dụng ở địa phương có thể sử dụng khi xảy ra thảm họa;
- Bố trí ngân sách đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư nhu yếu phẩm cần thiết sẵn sàng ứng phó; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền vận động các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp... trên địa bàn mua sắm trang thiết bị phù hợp theo quy định sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo yêu cầu;
- Khi xảy ra thảm họa, huy động lực lượng, phương tiện của nhân dân phối hợp với các lực lượng của các bộ, cơ quan ngang bộ đứng chân trên địa bàn, lực lượng chi viện khác, tổ chức sơ tán nhân dân, tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả; tổ chức bảo vệ an toàn khu vực sơ tán, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;
- Triển khai các biện pháp nhằm bảo đảm về y tế, vật tư, nhu yếu phẩm cho người dân tại các khu sơ tán, các khu vực dân cư bị nạn; có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông; điều tra, xác định thiệt hại, xây dựng và triển khai kế hoạch khắc phục ô nhiễm, phục hồi do các sự cố môi trường gây ra;
- Tổ chức khôi phục tái thiết các cơ sở giáo dục, đào tạo, du lịch, các thiết chế văn hóa, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân vùng bị nạn;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả về Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định.

6. Công tác đảm bảo

Bảo đảm trang thiết bị và ngân sách cho hoạt động ứng phó thảm họa động đất, sóng thần từ nguồn ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, các nguồn hợp pháp khác và được thực hiện theo Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần

a) Cấp trung ương

- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo công tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần;
- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai chỉ đạo công tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai là Văn phòng thường trực, thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan thường trực ứng phó thảm họa động đất, sóng thần của bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Cấp địa phương

- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, chỉ huy công tác ứng phó thảm họa động đất, sóng thần;
- Cơ quan Quân sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực ứng phó thảm họa động đất, sóng thần cấp tỉnh;
- Cơ quan Quân sự cấp huyện là cơ quan thường trực ứng phó thảm họa động đất, sóng thần cấp huyện.

2. Xây dựng và cập nhật Kế hoạch ứng phó thảm họa động đất, sóng thần các cấp

- Kế hoạch ứng phó thảm họa động đất, sóng thần được tích hợp với Kế hoạch Phòng thủ dân sự của các bộ, cơ quan ngang bộ và các cấp của địa phương.
- Hằng năm Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, gửi báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai.

Số: 09/CT-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2022

CHỈ THỊ
Về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai
và tìm kiếm cứu nạn

Những năm gần đây, thiên tai diễn biến bất thường, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhất là của các địa phương và sự chủ động người dân, công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thiệt hại do thiên tai năm 2021 thấp nhất trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cũng còn những hạn chế, đặc biệt khi xảy ra tình huống thiên tai, sự cố phức tạp: công tác chỉ đạo có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng; phương châm “bốn tại chỗ” chưa được quan tâm đầy đủ, có nơi còn hình thức; khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu trước sự tàn phá của thiên tai; thiếu trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; vẫn còn tình trạng bất cập, chủ quan dẫn tới những thiệt hại đáng tiếc về người trong bão, lũ; công tác khắc phục hậu quả thiên tai triển khai còn chậm, không dứt điểm, thiếu nguồn lực; vận hành liên hồ chứa còn bất cập.

Từ đầu năm 2022, thiên tai tiếp tục bất thường (mưa lũ giữa mùa khô kèm dông lốc, sóng lớn tại Trung Bộ; mưa lớn gây ngập úng nhiều đô thị; rét lịch sử cuối tháng 2 năm 2022, sạt lở đất ở miền núi phía Bắc; động đất liên tiếp tại Kon Tum). Để chủ động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, giảm thiệt hại về tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục chỉ đạo, chủ động triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được phân công, tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận

thức và hành động, nâng cao hiệu quả phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trong đó xác định phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên, liên tục cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn bảo đảm đồng bộ, tạo hành lang pháp lý đầy đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó bổ sung các chế tài bảo đảm thực thi pháp luật, tăng cường nguồn lực đầu tư từ ngân sách, đồng thời tạo cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách, xã hội hóa hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đẩy mạnh bảo hiểm rủi ro thiên tai,...

3. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, nhất là các quy hoạch, dự án phát triển khu đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng giao thông; rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, bố trí, sắp xếp dân cư phù hợp với đặc điểm thiên tai từng vùng; bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển.

4. Tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo, thiên tai; đầu tư hiện đại hóa công nghệ quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn theo hướng tích hợp, đồng bộ, tự động hóa, đặc biệt là dự báo mưa, lũ, khí tượng thủy văn biển; đẩy nhanh lắp đặt hệ thống quan trắc mưa, mực nước phục vụ vận hành hồ chứa và thiết bị cảnh báo xả lũ hạ du hồ chứa, hệ thống giám sát trực tuyến vận hành hồ chứa, trọng điểm đê điều, tàu thuyền hoạt động trên biển.

5. Đẩy mạnh phòng ngừa thiên tai, sự cố; tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương án đã xây dựng trước mùa mưa lũ; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập theo phương án đã được phê duyệt.

6. Nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, đảm bảo đủ năng lực, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, chú trọng công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cứu hộ, cứu nạn, trong đó xác định lực lượng vũ trang làm nòng cốt, công tác cứu hộ cứu nạn là hoạt động quan trọng, là “nhiệm vụ chiến đấu trong thời bình” của lực lượng vũ trang.

8. Đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung phương tiện, trang thiết bị bảo đảm công tác chỉ đạo, chỉ huy, triển khai nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; củng cố, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở để ứng phó thiên tai kịp thời theo phương châm “bốn tại chỗ”.

9. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng ứng phó thiên tai, sự cố cho người dân; đa dạng hình thức truyền thông phù hợp từng đối tượng; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố vào chương trình giảng dạy trong nhà trường và hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng.

10. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư. Các Bộ, ngành và địa phương chủ động bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được giao, nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; có giải pháp huy động nguồn lực, đặc biệt nguồn lực ngoài ngân sách để khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý dứt điểm trọng điểm dễ điều, hồ chứa nước xung yếu.

11. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, chuyển đổi số; hiện đại hóa công cụ hỗ trợ, số hóa bộ cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai; phát huy hoạt động của Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai; thúc đẩy hợp tác, chia sẻ thông tin, nhất là với các nước thượng nguồn sông Hồng, sông Mê Kông.

12. Một số nhiệm vụ cụ thể của Bộ, ngành, địa phương

a) Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai

- Rà soát kiện toàn, đảm bảo hoạt động của Ban chỉ đạo, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo; hướng dẫn các địa phương đảm bảo hoạt động tham mưu chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai trong mọi tình huống.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trước mùa mưa lũ của các ngành, địa phương; đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh thông qua Bộ chỉ số.

- Tổ chức theo dõi diễn biến thiên tai, kịp thời chỉ đạo theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác ứng phó theo quy định; chỉ đạo công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức, kỹ năng ứng phó thiên tai, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua trong phòng, chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

b) Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo lực lượng cứu hộ, cứu nạn; kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ, cháy rừng, thực hiện quy chế ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố chất thải và tìm kiếm cứu nạn của một số địa phương.

- Chỉ đạo đầu tư hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là khi xảy ra tình huống thiên tai, sự cố phức tạp trên biển, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm tìm kiếm cứu nạn kịp thời.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức, xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức công tác huấn luyện, diễn tập tại một số địa phương.

- Chỉ đạo ứng trực, kịp thời điều động lực lượng, phương tiện của các Bộ, ngành và địa phương ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Rà soát, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai. Chỉ đạo nâng cao năng lực, bảo đảm điều kiện hoạt động của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai, theo hướng chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp để chủ động thích ứng, giảm thiệt hại do thiên tai, gắn xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai với xây dựng nông thôn mới bền vững. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp, khắc phục sự cố đê điều, công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ; chỉ đạo xây dựng, triển khai phương án bảo vệ trọng điểm đê điều, hồ đập. Rà soát phương án phòng, chống lũ, giảm ngập lụt ở hạ du cho một số lưu vực sông lớn tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

- Triển khai hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai trung ương; chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, hợp tác quốc tế; xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng, cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ trong phòng, chống thiên tai.

- Phối hợp với các ngành, địa phương triển khai kiểm soát an toàn thiên tai, xử lý vi phạm lấn chiếm lòng dẫn ảnh hưởng đến thoát lũ, gia tăng ngập lụt nhất là các lưu vực sông miền Trung và đồng bằng Bắc Bộ.

d) Bộ Quốc phòng

- Tham mưu ban hành văn bản pháp luật, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với công tác ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, địa phương tập trung nâng cao năng lực cho lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn chuyên trách, kiêm nhiệm, nhất là đối với các đơn vị làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn trên biển.

- Chỉ đạo toàn quân phối hợp với Bộ, ngành, địa phương rà soát, hoàn thiện phương án, kế hoạch, chuẩn bị thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

- Chỉ đạo tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo, diễn tập phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn trong nước và quốc tế.

- Tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; tiếp tục thực hiện Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020.

đ) Bộ Công an

- Rà soát phương án bảo đảm an ninh, trật tự, nhất là trong tình huống thiên tai, sự cố lớn; sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán, cứu trợ nhân dân, cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố.

- Tập trung nâng cao năng lực cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở, khu dân cư do tác động của thiên tai.

- Chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về đề điều, phòng chống thiên tai. e) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức theo dõi, dự báo, cảnh báo, kịp thời cung cấp thông tin về tình hình thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó; tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo thiên tai bảo đảm kịp thời, chính xác hơn. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng phân vùng rủi ro thiên tai, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh, khắc phục những bất cập trong vận hành liên hồ chứa; quy định rõ trách nhiệm chỉ đạo vận hành, phối hợp giữa các cơ quan trong vận hành và cung cấp thông tin đến người dân trước khi vận hành, trách nhiệm đầu tư trang thiết bị, công cụ hỗ trợ để bảo đảm vận hành, giám sát vận hành.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý cấp phép, khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển, tránh gây sạt lở, tăng rủi ro thiên tai.

g) Bộ Giao thông vận tải

- Chỉ đạo kiểm tra, kịp thời khắc phục cầu xung yếu, đoạn đường có nguy cơ sạt lở cao, không bảo đảm an toàn trên các quốc lộ, đường sắt; có giải pháp khắc phục các công trình gây cản trở, ngập úng khu dân cư, đặc biệt là trên trục Bắc Nam.

- Chỉ đạo rà soát phương án đảm bảo an toàn giao thông trong tình huống bão lớn, lũ lụt kéo dài; khắc phục sự cố trên các tuyến giao thông chính sau thiên tai. Kiểm tra, rà soát khu tránh bão, trang thiết bị an toàn của các tàu, thuyền; chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho tàu, thuyền vận tải trong mùa mưa bão.

h) Bộ Công Thương

- Chỉ đạo kiểm tra công tác bảo đảm an toàn các công trình thuộc lĩnh vực quản lý trước mùa mưa lũ, đặc biệt là hồ đập thủy điện, hầm lò, khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản, hệ thống điện; chỉ đạo các chủ hồ chứa thủy điện thực hiện nghiêm quy định về vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình và hạ du.

- Chỉ đạo dự trữ hàng hóa thiết yếu, nhất là tại khu vực thường xuyên xảy ra chia cắt khi mưa lũ lớn, vùng sâu, vùng xa; thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ, bình ổn giá khi thiên tai xảy ra.

i) Bộ Xây dựng đẩy mạnh chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung, cụm tuyến dân cư vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long, mô hình nhà ở an toàn phù hợp với các loại hình thiên tai theo vùng miền. Chỉ đạo, đôn đốc rà soát, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng công trình bảo đảm an toàn trong thiên tai, khắc phục tình trạng ngập úng tại đô thị khi mưa lớn.

k) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo công tác đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho các cấp chính quyền và người dân; thông tin chính xác, kịp thời về tình hình, diễn biến thiên tai, công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Kiên cố hóa hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực trọng điểm thường xuyên xảy ra thiên tai, ưu tiên đầu tư nâng

cấp hệ thống thông tin liên lạc tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và hiệu quả.

l) Bộ Y tế phối hợp với Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, cập nhật phương án ứng phó thiên tai gắn với bảo đảm phòng, chống dịch theo phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt trong điều kiện bình thường mới. Chỉ đạo tổ chức dự trữ thuốc, hóa chất, vật tư y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh trước, trong và sau thiên tai.

m) Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và dự phòng ngân sách hàng năm cho khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ cấp bách khác. Bộ Tài chính khẩn trương hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ phòng, chống thiên tai theo nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai.

n) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch lồng ghép, tích hợp nội dung phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo, giảng dạy trong nhà trường; chỉ đạo tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai, trong trường học, nhất là giáo dục phổ thông.

o) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và chính sách đảm bảo quyền lợi của người tham gia công tác phòng, chống thiên tai. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đột xuất kịp thời, hiệu quả. Tập huấn chuyên môn, đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho các đối tượng dễ bị tổn thương như: trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật.

p) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam làm tốt công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai, phối hợp với các cơ quan tăng cường phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai cho nhân dân.

q) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Chỉ đạo kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. - Tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai; kiểm tra, rà soát phương án ứng phó thiên tai

trên địa bàn theo phương châm “bốn tại chỗ”, nhất là phương án bảo đảm an toàn đê điều, hồ đập; tổ chức diễn tập theo phương án được phê duyệt. Chỉ đạo lồng ghép nội dung phòng chống, thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án của địa phương.

- Chủ động bố trí ngân sách địa phương, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác cho công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó chú trọng đầu tư phòng ngừa rủi ro thiên tai: hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm thiên tai; triển khai thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; củng cố, nâng cấp đê điều, hồ đập; bổ sung trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương, nhất là cơ quan trực tiếp tham mưu giúp việc cho Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở.

- Quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm tình trạng khai thác, tập kết cát sỏi trái phép, lấn chiếm, sử dụng trái phép đất ven sông, ven biển gây cản trở thoát lũ, ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

- Tổ chức thu, quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh, phong trào thi đua “Chủ động phòng chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” gắn xây dựng cộng đồng an toàn với xây dựng nông thôn mới.

Giao Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Ban chỉ đạo QG về phòng, chống thiên tai;
- Ủy ban quốc gia UPSCCT&TKCN;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ
- Cổng TTĐT, các Vụ: NC, CN, KTTH, KGVX;
- Lưu VT, NN (2b). Tuyenh 80

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành

**BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/QĐ-QGPCTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số đánh giá công tác
phòng, chống thiên tai cấp tỉnh**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-TTg ngày 14/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TWPCTT ngày 08/2/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh và kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2021 - 2025; văn bản số 7551/VPCP-NN ngày 09/11/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-TWPCTT ngày 08/2/2021 của Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh và kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025. *(Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-TWPC TT ngày 08/2/2021.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng – Trưởng ban;
- Các thành viên Ban chỉ đạo;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP;
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, TP;
- Lưu: VT, PCTT (250b).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



Lê Minh Hoan

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-QGPCTT ngày 15/11/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo quốc gia về Phòng chống thiên tai)

TT	Nội dung	Điểm
TỔNG ĐIỂM		100
I. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN VÀ VPTT BCH		12
1	Tổ chức, kiện toàn, phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh	2
1.1	<i>Tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN</i>	
1.1.1	Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN	
-	<i>Kiện toàn theo đúng quy định về thành phần và đúng thời điểm</i>	0,5
-	<i>Kiện toàn theo đúng quy định về thành phần nhưng không đúng thời điểm</i>	0,25
-	<i>Không kiện toàn</i>	0
1.1.2	Bộ phận chuyên trách của Ban Chỉ huy	
-	<i>Đã thành lập bộ phận chuyên trách</i>	0,25
-	<i>Chưa thành lập bộ phận chuyên trách</i>	0
1.2	<i>Phân công nhiệm vụ của các thành viên BCH PCTT&TKCN</i>	
1.2.1	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCH	
-	<i>Phân công nhiệm vụ cho thành viên BCH đảm bảo đúng và đủ nhiệm vụ theo quy định hiện hành</i>	0,5
-	<i>Có phân công nhưng chưa đúng và đủ nhiệm vụ</i>	0,25
-	<i>Không phân công</i>	0
1.2.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban chỉ huy	
-	<i>Trên 80% thành viên có báo cáo cuối năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công</i>	0,75
-	<i>Từ 50%-80% thành viên có báo cáo cuối năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công</i>	0,5

-	<i>Dưới 50% thành viên có báo cáo cuối năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công</i>	0
2	Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy	10
2.1	<i>Tập huấn nâng cao năng lực</i>	
2.1.1	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức PCTT cho cán bộ VPTT BCH và thành viên BCH các cấp	
-	<i>Có kế hoạch đã phê duyệt của Ban Chỉ huy</i>	0,5
-	<i>Chưa có kế hoạch</i>	0
2.1.2	Kết quả cán bộ VPTT BCH và thành viên BCH các cấp được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức PCTT	
-	<i>Trên 80% cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp được tập huấn</i>	1,5
-	<i>Từ 60% - 80% cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp được tập huấn</i>	1,25
-	<i>Từ 40% - dưới 60% cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp được tập huấn</i>	1
-	<i>Từ 20% - dưới 40% cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp được tập huấn</i>	0,75
-	<i>Dưới 20% cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp được tập huấn</i>	0,5
-	<i>Không có cán bộ VPTT và thành viên BCH các cấp tham gia tập huấn</i>	0
2.2	Cơ sở hạ tầng của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy	
-	Có phòng trực ban, phòng họp, phòng lưu trú cho cán bộ trực ban 24/24 đảm bảo nhiệm vụ PCTT	1
-	Có phòng trực ban điều hành, phòng họp đảm bảo yêu cầu; nhưng chưa có phòng lưu trú cho cán bộ trực ban 24/24	0,5
-	Chưa đảm bảo	0
2.3	<i>Trang thiết bị chuyên dùng, công cụ hỗ trợ</i>	
2.3.1	Trang thiết bị phòng trực ban	
-	<i>Có máy tính chuyên dụng (02 máy tính cấu hình đảm bảo sử dụng các phần mềm chuyên dùng, cơ sở dữ liệu, xử lý bản đồ...), fax, máy in, máy điện thoại, màn hình hiển thị, hệ thống bản đồ phục vụ công tác PCTT, bảng phân công trực ban, quy chế trực</i>	1

	<i>ban, bàn họp</i>	
-	<i>Đã được trang bị nhưng thiếu: màn hình hiển thị, máy tính</i>	0,5
-	<i>Chưa trang bị</i>	0
2.3.2	<i>Thiết bị đảm bảo tiếp nhận và truyền tin thiên tai (fax, điện thoại, mạng internet, hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin VHF, HF, ICOM, ...)</i>	
-	<i>Đảm bảo</i>	0,5
-	<i>Chưa đảm bảo</i>	0
2.3.3	<i>Trang thiết bị phòng họp giao ban trực tuyến</i>	
-	<i>Thiết bị phòng họp giao ban trực tuyến: Máy chiếu, màn chiếu (hoặc màn hình hiển thị), camera, bàn, ghế họp, micro, hệ thống âm thanh, hệ thống mạng internet,...), bảo đảm họp giao ban trực tuyến với Ban Chỉ đạo và có kết nối xuống cấp huyện.</i>	0,5
-	<i>Thiết bị đảm bảo họp giao ban trực tuyến với Ban Chỉ đạo nhưng chưa kết nối xuống cấp huyện</i>	0,25
-	<i>Chưa đảm bảo điều kiện họp giao ban trực tuyến</i>	0
2.3.4	<i>Công cụ hỗ trợ đảm bảo kiểm tra và chỉ đạo tại hiện trường</i>	
-	<i>Có đủ công cụ đảm bảo điều kiện đi kiểm tra và chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường: Xe ô tô; trang bị bảo hộ cho thành viên đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra; bản đồ ứng phó thiên tai, flycam...(các công cụ khác phù hợp với thiên tai địa phương).</i>	0,5
-	<i>Chưa đảm bảo kiểm tra và chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường</i>	0
2.3.5	<i>Công cụ hỗ trợ khác</i>	
	<i>+ Có các loại bản đồ số hóa ứng phó thiên tai cho những loại hình thiên tai chính của địa phương</i>	1
	<i>+ Có sơ đồ hóa quy trình xử lý sự cố thiên tai</i>	1
-	<i>+ Có các phần mềm hỗ trợ: Chỉ đạo, điều hành PCTT như VNDMS,...; Quan trắc mực nước; giám sát quá trình vận hành hồ chứa hoặc công trình PCTT khác; hệ thống camera giám sát khu neo đậu tàu thuyền hoặc các trọng điểm về PCTT, ... (phù hợp với loại hình thiên tai địa phương)</i>	1,5
-	<i>Không có công cụ hỗ trợ</i>	0
2.4	<i>Phân bổ nguồn kinh phí cho hoạt động của VPTT hoặc tỉnh</i>	

2.4.1	Bố trí kinh phí cho hoạt động của VPTT	
-	<i>Có bố trí kinh phí</i>	0,5
-	<i>Không bố trí kinh phí</i>	0
2.4.2	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của VPTT	
-	<i>Đảm bảo</i>	0,5
	<i>Không đảm bảo</i>	0
II. PHÒNG NGỪA THIÊN TAI		55,0
3	Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh	5,5
3.1	<i>Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch giai đoạn 5 năm; điều chỉnh hàng năm đảm bảo theo quy định hiện hành</i>	
-	Kế hoạch PCTT giai đoạn 5 năm được xây dựng đủ nội dung theo quy định	1
	Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch hàng năm	0,5
-	Không xây dựng	0
3.2	<i>Kết quả thực hiện Kế hoạch trong năm đánh giá</i>	
-	Từ 80% hạng mục công việc được thực hiện	4
-	Từ 60% - dưới 80% hạng mục công việc được thực hiện	3
-	Từ 40% - dưới 60% hạng mục công việc được thực hiện	2
-	Từ 20% - dưới 40% hạng mục công việc được thực hiện	1
-	Dưới 20% hạng mục công việc được thực hiện	0
4	Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội	4
4.1	<i>Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh</i>	
	Phân vùng rủi ro thiên tai đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn	1
-	Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.	1
	Xây dựng phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều (nếu có) và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.	1

-	Không thực hiện	0
4.2	<i>Lồng ghép vào Kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội</i>	
-	Có thực hiện lồng ghép	1
-	Không thực hiện	0
5	<i>Cung cấp đầy đủ thông tin và cảnh báo về rủi ro thiên tai có thể xảy ra ở khu vực cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân</i>	4
5.1	<i>Cung cấp đầy đủ thông tin và cảnh báo về rủi ro thiên tai có thể xảy ra ở khu vực cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân</i>	
-	Đã cung cấp đầy đủ thông tin và cảnh báo theo quy định	1
-	Chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ	0
5.2	<i>Kết quả tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhận được thông tin</i>	
-	100% tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhận được thông tin	3
-	70% - dưới 100% tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhận được thông tin	2
-	50% - dưới 70% tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhận được thông tin	1
-	Dưới 50% tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhận được thông tin	0
6	<i>Quản lý và bảo vệ công trình PCTT</i>	5
6.1	<i>Đánh giá đảm bảo an toàn công trình PCTT và xác định trọng điểm xung yếu</i>	
6.1.1	Đánh giá đảm bảo an toàn công trình PCTT	
-	Có đánh giá	1
-	Không đánh giá	0
6.1.2	Xác định trọng điểm xung yếu	
-	Có xác định trọng điểm xung yếu và xây dựng phương án bảo vệ	1
-	Không xác định	0
6.2	<i>Tổ chức bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình PCTT</i>	
6.2.1	Tu bổ, nâng cấp, bảo dưỡng công trình PCTT, xử lý các trọng điểm xung yếu	

-	<i>Có thực hiện</i>	1
-	<i>Không thực hiện</i>	0
6.2.2	Bảo vệ hành lang công trình PCTT (hồ chứa, đê điều...)	
-	<i>Có tổ chức bảo vệ</i>	1
-	<i>Không tổ chức bảo vệ</i>	0
6.3	<i>Xây dựng và nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác ở khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai</i>	
-	Các công trình xây mới hoặc nâng cấp có kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân	1
-	Cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới không kết hợp	0
7	Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai tại cấp xã, phường	8
7.1	<i>Kế hoạch tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho cấp xã, phường</i>	
-	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tập huấn, thông tin, tuyên truyền	1
-	Chưa có kế hoạch	0
7.2	<i>Hình thức thực hiện tập huấn, phổ biến kiến thức về PCTT cho cấp xã, phường (06 hình thức hoặc các hình thức tương đương thay thế)</i>	
	1. Trang thông tin (website) của tỉnh; 2. Có tài liệu hướng dẫn cấp huyện, xã về phòng, chống loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra tại địa phương (có tài liệu bằng tiếng địa phương); 3. Chương trình phát thanh, truyền hình về PCTT; 4. Diễn đàn chia sẻ thông tin về PCTT (Facebook, zalo, viber...); 5. Có phổ biến kiến thức về PCTT trong giáo dục; 6. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền trực tiếp đến cộng đồng.	
-	Tổ chức thực hiện đầy đủ 06 hình thức	2
-	Tổ chức thực hiện 05 hình thức	1,5
-	Tổ chức thực hiện 04 hình thức	1

-	Tổ chức thực hiện 03 hình thức	0,5
-	Tổ chức thực hiện dưới 03 hình thức hoặc không triển khai	0
7.3	<i>Kết quả tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về PCTT tại cấp xã (theo Kế hoạch mục 7.1.1)</i>	
-	Trên 80% người dân ở các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại người và tài sản và 50% các xã còn lại trên địa bàn tỉnh được tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai	5
-	Từ 60%-80% người dân ở các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại người và tài sản trên địa bàn tỉnh được tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai	4
-	Từ 40%-dưới 60% người dân ở các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại người và tài sản trên địa bàn tỉnh được tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai	3
-	Từ 20%-dưới 40% người dân ở các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai gây thiệt hại người và tài sản trên địa bàn tỉnh được tập huấn, phổ biến kiến thức về thiên tai và kỹ năng phòng tránh thiên tai	2
-	Dưới 20% số xã được tập huấn về PCTT	0
8	Phương án ứng phó thiên tai	11
8.1	<i>Xây dựng phương án (bao gồm các kịch bản) ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai đối với từng loại thiên tai cụ thể, phân cấp, giao trách nhiệm thực hiện phương án theo quy định</i>	
-	Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng, phê duyệt; rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo quy định	4
-	Có Phương án ứng phó nhưng không được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo quy định	2
-	Chưa xây dựng	
8.2	<i>Tổ chức hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động PCTT.</i>	
-	Trên 80% các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh được tổ chức hướng dẫn	2

-	Từ 50-80% các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh được tổ chức hướng dẫn	1
-	Dưới 50% các xã, phường thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh được tổ chức hướng dẫn	0
8.3	<i>Tổ chức trực ban PCTT</i>	
8.3.1	Quy chế trực ban	
-	<i>Có ban hành quy chế</i>	0,5
-	<i>Không ban hành</i>	0
8.3.2	Tổ chức trực ban PCTT	
8.3.2.1	Thời gian và chế độ tổ chức trực ban	
-	<i>Đảm bảo thời gian và chế độ trực đáp ứng yêu cầu công tác PCTT của tỉnh theo cấp độ RRTT thường xuyên xảy ra tại địa phương, (quy định theo quy chế)</i>	1,5
-	<i>Không đảm bảo</i>	0
8.3.2.2	Về nhiệm vụ trực ban phòng, chống thiên tai	
-	<i>Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trực ban</i>	1
-	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ</i>	0
8.4	<i>Tổ chức diễn tập về phương án ứng phó thiên tai</i>	
-	<i>Đã tổ chức diễn tập, có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm sau diễn tập</i>	2
-	<i>Đã tổ chức diễn tập, không báo cáo</i>	1
-	<i>Chưa thực hiện</i>	0
9	Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm	4
9.1	<i>Công tác chuẩn bị của Ban chỉ huy PCTT&TKCN</i>	
-	<i>Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm theo phương án</i>	1,5
-	<i>Chưa đảm bảo</i>	0
9.2	<i>Công tác chuẩn bị của cộng đồng (các tổ chức, các hộ gia đình và người dân) trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động PCTT đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ</i>	

-	Trên 80% tổ chức, hộ gia đình thực hiện công tác chuẩn bị	2,5
-	Từ 60% - 80% tổ chức, hộ gia đình thực hiện công tác chuẩn bị	2
-	Từ 40% - dưới 60% tổ chức, hộ gia đình thực hiện công tác chuẩn bị	1
-	Từ 20% - dưới 40% tổ chức, hộ gia đình thực hiện công tác chuẩn bị	0,5
-	Dưới 20% tổ chức, hộ gia đình thực hiện	0
10	Tổ chức lực lượng xung kích PCTT cấp xã	8
10.1	<i>Thành lập lực lượng xung kích PCTT cấp xã</i>	
-	Trên 80% số xã đã thành lập lực lượng xung kích	0,5
-	Từ 50% - 80% số xã thành lập lực lượng xung kích	0,3
-	Từ 20% - dưới 50% số xã thành lập lực lượng xung kích	0,15
-	Dưới 20% số xã thành lập lực lượng xung kích	0
10.2	<i>Bố trí kinh phí cho hoạt động của lực lượng xung kích</i>	
-	Có bố trí kinh phí	1,5
-	Chưa bố trí kinh phí	0
10.3	<i>Tổ chức hoạt động của lực lượng xung kích</i>	
10.3.1	Cung cấp trang thiết bị cho lực lượng xung kích	
-	<i>Trên 80% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương</i>	2,5
-	<i>Từ 60% - 80% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương</i>	1,5
-	<i>Từ 40% - dưới 60% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương</i>	0,75
-	<i>Từ 20% - dưới 40% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương</i>	0,25
-	<i>Dưới 20% lực lượng xung kích được cung cấp đủ trang thiết bị theo hướng dẫn phù hợp với loại hình thiên tai tại địa phương</i>	0
10.3.2	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho lực lượng xung kích	
-	<i>Trên 80% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn</i>	2,5

-	<i>Từ 60% - dưới 80% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn</i>	2
-	<i>Từ 40% - dưới 60% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn</i>	1
-	<i>Từ 20% - dưới 40% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn</i>	0,5
-	<i>Dưới 20% lực lượng xung kích được tập huấn, hướng dẫn</i>	0
10.4	<i>Cơ chế, chính sách cho lực lượng xung kích</i>	
-	Có thực hiện theo quy định	1
-	Không thực hiện	0
11	<i>Quỹ PCTT</i>	5,5
11.1	<i>Thành lập quỹ PCTT theo quy định</i>	
-	Có Quyết định thành lập bộ máy quản lý, có quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ	0,5
-	Có Quyết định thành lập bộ máy quản lý, không có quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ	0,25
-	Không có Quyết định thành lập bộ máy quản lý và quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ	0
11.2	<i>Kế hoạch hướng dẫn, thông báo, tổ chức thu quỹ</i>	
-	Có kế hoạch	0,5
-	Không có kế hoạch	0
11.3	<i>Kết quả thu quỹ</i>	
-	Thu 100% theo kế hoạch	2
-	Thu từ 80% - dưới 100%	1,5
-	Thu từ 60% - dưới 80%	1
-	Thu từ 40% - dưới 60%	0,5
-	Thu từ 15% - dưới 40%	0,25
-	Thu dưới 15%	0
11.4	<i>Sử dụng quỹ PCTT theo quy định</i>	
-	Có kế hoạch và chi quỹ đạt 100% theo kế hoạch	2
-	Có kế hoạch và chi quỹ đạt từ 70% - dưới 100% theo kế hoạch	1,5

-	Có kế hoạch và chi từ 50% - dưới 70% theo kế hoạch	1
-	Có kế hoạch và chi từ 20% - dưới 50% theo kế hoạch	0,5
-	Không có kế hoạch chi quỹ	0
11.5	<i>Kiểm tra, giám sát việc thu, chi quỹ và công khai, minh bạch số liệu thu, chi quỹ</i>	
-	Có tổ chức kiểm tra giám sát và công khai số liệu	0,5
-	Không tổ chức kiểm tra giám sát và công khai số liệu	0
III. ỨNG PHÓ THIÊN TAI		15,0
12	Chỉ huy ứng phó thiên tai	3,5
12.1	<i>Ban hành văn bản, công điện chỉ huy, triển khai thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai khi:</i>	
	+ Nhận được thông tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; + Tiếp nhận chỉ đạo của cấp trên; + Chủ động triển khai ứng phó khi có thiên tai bất thường xảy ra trên địa bàn nhưng không nhận được dự báo, cảnh báo và không có sự chỉ đạo của cấp trên.	
-	Đã ban hành đầy đủ các văn bản qua các đợt thiên tai	0,5
-	Chưa ban hành hoặc ban hành chưa kịp thời	0
12.2	<i>Thường xuyên kiểm tra đôn đốc và điều chỉnh kịp thời phương án ứng phó thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương</i>	
-	100% các đợt thiên tai đều tổ chức kiểm tra, chỉ đạo ứng phó thiên tai kịp thời	1,5
-	Không tổ chức kiểm tra, chỉ đạo ứng phó thiên tai	0
12.3	<i>Ứng dụng khoa học công nghệ trong chỉ huy, điều hành ứng phó (Công nghệ nhận tin, truyền tin, công nghệ hỗ trợ cộng tác chỉ huy PCTT)</i>	
-	Cán bộ VPTT và các thành viên nhận, phát tin và chỉ huy qua thiết bị di động, sử dụng app VNDMS,...	1
-	Cán bộ VPTT và các thành viên nhận, phát tin và chỉ huy qua thiết bị di động	0,5
-	Chưa áp dụng công nghệ	0
12.4	<i>Xây dựng quy chế phối hợp liên ngành và phân công, phân</i>	

	<i>cấp trong ứng phó thiên tai</i>	
-	Đã xây dựng quy chế phối hợp và có phân công, phân cấp	0,5
-	Không xây dựng	0
13	Trang thiết bị, thông tin liên lạc đảm bảo cho ứng phó thiên tai	
-	Trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết, thông tin liên lạc đảm bảo an toàn cho ứng phó với tình hình thiên tai từng địa phương: áo phao, áo mưa, ủng/giày đi mưa, mũ, súng bắn dây, đèn pin, điện thoại vệ tinh, thiết bị liên lạc sóng ngắn, xuống cứu hộ...	2
-	Trang bị một số các trang thiết bị bảo hộ cơ bản: áo phao, ủng/giày đi mưa, mũ, thiết bị liên lạc sóng ngắn...	1
-	Không trang bị	0
14	Các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai	3
14.1	<i>Thực hiện các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai</i>	
-	Thực hiện các biện pháp cơ bản: Sơ tán người, di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản (nếu có), thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với cơ sở hạ tầng, sản xuất; vận hành hợp lý hồ chứa nước (nếu có); kiểm tra phát hiện sự cố; hướng dẫn hạn chế người và phương tiện; đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc; tuân thủ chỉ đạo huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó thiên tai.	2
-	Không thực hiện	0
14.2	<i>Đánh giá mức độ phù hợp, kịp thời của việc chỉ huy, điều hành ứng phó trước tình hình thiên tai tại địa phương</i>	
-	Phù hợp và kịp thời	1
-	Chưa phù hợp hoặc chưa kịp thời	0
15	Báo cáo nhanh về thiệt hại thiên tai kịp thời, chính xác	0,5
-	Báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác (đầy đủ thông tin và có xác minh): + Về người: Người chết, mất tích, bị thương + Về nhà ở: nhà sập, nhà có nguy cơ mất an toàn ảnh hưởng đến tính mạng của nhân dân. + Về nông nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc. + Xác định nhu cầu cứu trợ khẩn cấp.	0,5

-	Báo cáo chưa đúng theo quy định hoặc không báo cáo	0
16	Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân phục vụ hoạt động ứng phó	2
	<i>Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của các tổ chức cá nhân để phục vụ ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp theo cấp độ</i>	
-	Có huy động đầy đủ, kịp thời có báo cáo kết quả	2
-	Có huy động nhưng chưa đầy đủ, kịp thời có báo cáo kết quả	1
-	Không huy động	0
17	Hoạt động ứng cứu trong thiên tai (Trong trường hợp có xảy ra người bị thương, khu vực bị chia cắt cần lập trạm cấp cứu, lán trại tạm thời)	4
17.1	<i>Sơ tán người khỏi nơi nguy hiểm, cấp cứu kịp thời người bị thương</i>	
-	100% các tình huống nguy hiểm được tổ chức sơ tán kịp thời và an toàn	2
-	Trên 80% các tình huống nguy hiểm được tổ chức sơ tán kịp thời và an toàn	1
-	Tổ chức sơ tán dưới 80% hoặc sơ tán không kịp thời	0
17.2	<i>Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc sử dụng các trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế sơ cứu người bị thương, nơi ở cho người mất nhà</i>	
-	Có lập trạm, lán trại/hoặc sử dụng các trụ sở có sẵn đảm bảo cho người dân sơ tán hoặc cấp cứu tạm thời	1
-	Không lập trạm, lán trại hoặc không sử dụng các trụ sở	0
17.3	<i>Cấp phát lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm</i>	1
-	100% các trường hợp thiếu lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm do thiên tai được cấp phát công bằng	1
-	Không tổ chức hoặc cấp phát không đầy đủ, công bằng	0
IV. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI		18,0
18	Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ	1

-	Tiếp tục triển khai tìm kiếm người bị nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để ổn định đời sống của người dân sau khi thiên tai xảy ra	1
-	Không tiếp tục triển khai	0
19	Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; bình ổn giá thị trường	1,5
-	Thực hiện đầy đủ 3 nội dung	1,5
-	Thực hiện 2 nội dung	1
-	Thực hiện 1 nội dung	0,5
-	Không thực hiện	0
20	Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình PCTT sau thiên tai	2
-	Có tổ chức thực hiện	2
-	Không thực hiện	0

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1651/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Giảm thiệt hại về tính mạng, tài sản cho người dân, bảo vệ những thành quả phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hướng đến phát triển bền vững, xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên

tai, quốc gia chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai sau năm 2030 và chủ động phòng ngừa sau năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể và một số chỉ tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và phòng, chống thiên tai; nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai của người dân và cộng đồng; tăng cường khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động phòng, chống, giảm thiệt hại do thiên tai.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Giảm tối thiểu 10% thiệt hại về người so với giai đoạn 2010 - 2020, trong đó tập trung giảm thiệt hại do lũ, lũ quét, sạt lở đất; thiệt hại về kinh tế thấp hơn giai đoạn 2010 - 2020 và không vượt quá 1,2% GDP bình quân hàng năm.

- Dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời, bảo đảm độ tin cậy, ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực; 100% cơ quan, tổ chức và hộ gia đình vùng bị ảnh hưởng của thiên tai được tiếp cận đầy đủ, kịp thời thông tin về thiên tai.

- Năng lực của lực lượng tham mưu hỗ trợ chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được kiện toàn, phân đầu 100% cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai cấp tỉnh và một số bộ, ngành đáp ứng được yêu cầu tham mưu, hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo phòng, chống thiên tai theo thời gian thực.

- Nhận thức về rủi ro thiên tai và kỹ năng phòng, chống thiên tai của các cấp chính quyền, các tổ chức, cá nhân, nhất là người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai được nâng cao. Phân đầu 100% cơ quan hành chính các cấp, tổ chức và hộ gia đình vùng ảnh hưởng thường xuyên của thiên tai được tiếp nhận đầy đủ thông tin, tài liệu về thiên tai và rủi ro thiên tai, hiểu biết kỹ năng phòng tránh thiên tai; 100% lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức và trang thiết bị cần thiết; 100% tổ chức, hộ gia đình đảm bảo các yêu cầu phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Công trình cơ sở hạ tầng, nhà ở của người dân đủ khả năng chống chịu trước thiên tai theo mức thiết kế, từng bước nâng cấp đáp ứng yêu cầu về quản lý rủi ro thiên tai trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu. Tập trung khắc phục, xử lý 100% vị trí trọng điểm dễ điều đặc biệt xung yếu; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp hồ đập thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp. Người dân sống ở khu vực thường xuyên xảy ra bão, lũ, vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất được đảm bảo an toàn, hạn chế bị rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% khu vực trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai được theo dõi, giám sát chủ động.

II. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
2. Thời gian: Chương trình được chia làm 2 giai đoạn chính
 - Giai đoạn 1: Từ năm 2022 - 2030.
 - Giai đoạn 2: Từ năm 2031 - 2045.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và năng lực quản lý điều hành trong phòng, chống thiên tai:

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách:

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các pháp luật chuyên ngành về phòng, chống thiên tai và các pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu và phù hợp với thực tiễn, nhất là quy định liên quan đến công tác bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi có tình huống thiên tai; kiểm soát an toàn thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai; nguồn lực cho phòng, chống, khắc phục nhanh hậu quả thiên tai; lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình giáo dục.

- Xây dựng cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là từ khu vực tư nhân tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; chính sách hỗ trợ, đảm bảo an toàn cho người dân ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai; chính sách đặc thù đối với hoạt động hỗ trợ khẩn cấp, phục hồi và tái thiết sau thiên tai, bảo hiểm rủi ro thiên tai, tín dụng cho phòng, chống, khắc phục thiên tai.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và truyền thông trong phòng, chống thiên tai.

b) Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật:

- Cập nhật, hoàn thiện, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai (trong đó có tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến tiêu thoát nước ở các đô thị, khu dân cư) đảm bảo phù hợp hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế, đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu.

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện, bổ sung hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

c) Hoàn thiện tổ chức:

- Hoàn thiện mô hình cơ quan chỉ đạo liên ngành và quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Rà soát, củng cố hệ thống các tổ chức đào tạo, tư vấn hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai.

- Xây dựng mô hình điểm về chủ động phòng, chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; tổng kết mô hình hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai

Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số [553/QĐ-TTg](#) ngày 06 tháng 4 năm 2021), trong đó tập trung một số nhiệm vụ sau:

- a) Rà soát, xây dựng và chuẩn hoá hệ thống tài liệu để nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai.

- b) Xây dựng tài liệu, bổ sung nội dung phòng, chống thiên tai vào chương trình giảng dạy các cấp học và một số trường đại học chuyên ngành.

- c) Đào tạo nguồn nhân lực, bố trí trang thiết bị thiết yếu cho lực lượng tham gia hoạt động thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai.

- d) Tổ chức thường xuyên, liên tục công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng, chống thiên tai cho từng nhóm đối tượng, phổ biến kỹ năng ứng phó, bảo đảm an toàn trước thiên tai cho người dân, đặc biệt là tại khu vực thường xuyên xảy ra ngập lũ, sạt lở đất, lũ quét.

- đ) Đầu tư hiện đại hóa, ứng dụng khoa học, công nghệ số trong công tác thông tin, truyền thông tại các cấp, nhất là tuyến cơ sở.

3. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai

- a) Tăng cường mạng lưới trạm khí tượng, thủy văn quốc gia; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “thuê dịch vụ đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo khí tượng thủy văn, đặc biệt là mưa, lũ theo phương thức thuê bao khai thác dữ liệu” theo Quyết định số [310/QĐ-TTg](#) ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- b) Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số [1970/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 11 năm 2021; chú trọng bảo đảm thông tin, truyền tin thiên tai đến người dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; xây dựng cơ sở

dữ liệu phục vụ hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo điều hành ứng phó các loại hình thiên tai phổ biến theo thời gian thực.

c) Cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai phổ biến khác; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo về lũ quét, sạt lở đất tại các khu vực có nguy cơ cao.

d) Nâng cấp, bổ sung trạm quan trắc địa chấn phục vụ báo tin động đất và cảnh báo sóng thần.

đ) Xây dựng công cụ, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ công tác vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện; hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt đô thị theo thời gian thực.

e) Xây dựng công cụ tính toán, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo an toàn hồ đập, cảnh báo lũ lớn, xả lũ khẩn cấp; rà soát hoàn thiện các quy trình vận hành hồ chứa thượng nguồn.

4. Tăng cường khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng.

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về nhà ở tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, nhất là đối với các hộ nghèo, khó khăn nhằm nâng cao khả năng chống chịu, bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân trước thiên tai.

b) Xây dựng, củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển theo quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều. Từng bước đầu tư xử lý dứt điểm những trọng điểm đê điều xung yếu, nhất là trên hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới thay thế các cống dưới đê; xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi, giám sát chuyên dùng, nhất là các trọng điểm đê điều xung yếu, tăng cường công tác quản lý đê. Bảo vệ, khai thác hợp lý các dải cồn cát kết hợp chắn sóng, ngăn triều ven biển.

c) Đầu tư sửa chữa dứt điểm đập, hồ chứa thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp; từng bước đầu tư nâng cấp, xây dựng bổ sung đập, hồ chứa và hệ thống thủy lợi để bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao năng lực quản lý, theo dõi, giám sát, vận hành hồ đập, hệ thống thủy lợi lớn, hướng tới vận hành theo thời gian thực. Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đảm bảo phù hợp với những thay đổi về mục tiêu cắt, giảm lũ, cấp nước cho hạ du và phát điện của các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

d) Nâng cấp các công trình cảng cá, kết hợp làm nơi neo đậu tránh, trú bão và thông tin, hậu cần nghề cá; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng tại các đảo và các khu vực trọng điểm.

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số [957/QĐ-TTg](#) ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Xây dựng công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng đến an toàn dân cư.

g) Đầu tư khắc phục các vị trí đường giao thông gây cản trở thoát lũ, nhất là trên các tuyến đường bộ, đường sắt tại khu vực miền Trung để đảm bảo an toàn, không làm gia tăng rủi ro thiên tai; có biện pháp xử lý các vị trí có nguy cơ xảy ra sạt, trượt, ngập sâu khi mưa lũ nhằm đảm bảo an toàn, không làm gia tăng rủi ro thiên tai; lắp đặt thiết bị cảnh báo mức độ ngập tại các ngầm tràn thường xuyên bị ngập lụt phục vụ công tác đảm bảo an toàn giao thông.

h) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, kết hợp đa mục tiêu các trụ sở chính, công trình công cộng như y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, du lịch, nhà sinh hoạt cộng đồng thành nơi tránh trú khi xảy ra thiên tai. Đầu tư công trình hạ tầng theo hướng đa mục tiêu như đường, đê kết hợp sơ tán dân cư khi ngập lụt.

i) Đầu tư nâng cao khả năng chống ngập lụt cho các đô thị, nhất là ngập lụt khi mưa lớn, triều cường; xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ cảnh báo sớm ngập lụt để người dân chủ động ứng phó, giảm rủi ro do thiên tai.

k) Xây dựng hệ thống thông tin khẩn cấp phục vụ chỉ đạo điều hành khi có tình huống thiên tai lớn, nâng cấp hạ tầng viễn thông chống chịu được với các tình huống thiên tai; sẵn sàng nguồn lực, chuẩn bị vật tư phương tiện, lực lượng tại những vùng trọng điểm thường xuyên xảy ra thiên tai.

5. Nâng cao khả năng phục hồi và tái thiết sau thiên tai

a) Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong thống kê, đánh giá thiệt hại và xác định nhu cầu khắc phục hậu quả sau thiên tai theo quy định tại Nghị định số [66/2021/NĐ-CP](#) ngày 06 tháng 7 năm 2021; rà soát, xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, đánh giá nhanh và đầy đủ thiệt hại do thiên tai; chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội, phát triển các kênh thanh toán trực tuyến để hỗ trợ người dân bị thiệt hại do thiên tai.

b) Nâng cao năng lực cứu trợ khẩn cấp, khôi phục sản xuất, khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và bền vững trên quan điểm “xây dựng lại tốt hơn”; đa dạng hóa nguồn lực cho khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường hợp tác quốc tế; ưu tiên huy động nguồn lực từ các định chế tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ.

c) Ưu tiên nguồn lực từ trung ương và địa phương khẩn trương khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết những khu vực bị ảnh hưởng, thiệt hại nghiêm trọng do thiên tai, chú trọng đảm bảo chỗ ở và sinh kế cho người dân sau thiên tai.

d) Rà soát, bổ sung phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa thiết yếu trong nguồn dự trữ quốc gia cho công tác phòng, chống thiên tai.

6. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống lũ, ngập lụt đô thị, khu dân cư tập trung, đảm bảo an toàn hồ đập, vùng hạ lưu hồ chứa; nâng cao năng lực dự báo hạn hán, xâm nhập mặn, phòng chống xói, lở, bồi lấp cửa sông; nghiên cứu phát triển công nghệ cảnh báo, giải pháp phòng, tránh, giảm thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, vật liệu mới trong phòng, chống thiên tai.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ quan tham mưu các cấp; xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ trong phòng, chống thiên tai, tiến tới đồng bộ, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, quy trình, công cụ tính toán dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai; nghiên cứu cơ chế chia sẻ thông tin, phương thức truyền tin; ứng dụng khoa học, công nghệ tự động hóa trong kết nối, cập nhật, phân tích dữ liệu về thiên tai để phục vụ hỗ trợ ra quyết định ứng phó thiên tai kịp thời, hiệu quả.

c) Thiết lập quan hệ đối tác với các quốc gia trong phòng, chống thiên tai; xây dựng và tổ chức hoạt động hợp tác với đối tác quốc tế để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, hợp tác quốc tế, đào tạo và hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả sau thiên tai. Tham gia các thỏa thuận, điều ước quốc tế về quản lý tổng hợp rủi ro thiên tai, hợp tác đa phương trong phòng, chống thiên tai như khung SENDAI, Mê Công, ASEAN...

d) Huy động và tiếp nhận, điều phối có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi, trao đổi chuyên gia,...).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TỪNG VÙNG

1. Vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ

Tập trung phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất, chủ động ứng phó ngập lụt, thích nghi với lốc, sét, mưa đá, rét hại:

- Tăng cường quan trắc, dự báo, cảnh báo lũ, lũ quét, sạt lở đất.
- Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là phòng hộ đầu nguồn.
- Rà soát, xây dựng bản đồ cảnh báo rủi ro lũ, lũ quét, sạt lở đất; chủ động tổ chức sơ tán bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi có tình huống thiên tai nguy hiểm; từng bước di dời dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra ngập sâu, lũ quét, sạt lở đất, bố trí tái định cư an toàn cho người dân.
- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng tăng khả năng chống chịu trước thiên tai, nhất là hồ đập thủy lợi, công trình giao thông, y tế, giáo dục, thông tin truyền thông, văn hóa.
- Xây dựng công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng đến an toàn dân cư.

2. Vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

Tập trung phòng, chống lũ lớn, bão, ngập lụt, hạn hán và sạt lở ven sông, ven biển:

- Đầu tư củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê điều, đảm bảo an toàn đê sông, đê biển theo quy hoạch phòng chống lũ và đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã, sông Cả và quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng và củng cố, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi đảm bảo phòng, chống hạn, tiêu thoát nước, chống ngập úng đô thị, khu dân cư, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp; nghiên cứu, đầu tư các công trình điều tiết, kiểm soát mực nước trên các sông lớn đảm bảo yêu cầu cấp nước mùa kiệt.

- Xây dựng công trình phòng chống sạt lở, chỉnh trị sông, cải tạo lòng dẫn đảm bảo thoát lũ, giao thông thủy; hoàn thiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền theo quy hoạch.

- Vận hành an toàn, hiệu quả các hồ chứa nước trên lưu vực sông Hồng, nhất là các hồ chứa nước lớn trên bậc thang thủy điện sông Đà.

- Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển.

3. Vùng duyên hải miền Trung (từ Quảng Bình đến Bình Thuận)

Tập trung phòng, chống bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, sạt lở đất, sạt lở bờ biển:

- Rà soát, xây dựng bản đồ cảnh báo rủi ro do bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, sạt lở đất; chủ động tổ chức sơ tán bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi có tình huống thiên tai nguy hiểm. Di dời dân cư khu vực không bảo đảm an toàn ven biển, sông, suối, khu vực nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, khu vực thường xuyên bị ngập sâu, gắn với đảm bảo sinh kế bền vững.

- Quản lý chặt chẽ khai thác, sử dụng bãi sông; nạo vét, cải tạo lòng dẫn, thanh thải vật cản bảo đảm không gian thoát lũ, chứa lũ; kiểm soát việc xây dựng nhà ở, công trình cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển, nằm trong vùng ngập lũ, nhất là công trình giao thông, khu dân cư, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng để hạn chế gia tăng rủi ro thiên tai, ảnh hưởng đến thoát lũ.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát đa thiên tai ven biển kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có, hệ thống theo dõi, giám sát tại các khu vực trọng điểm ven biển.

- Củng cố, nâng cấp đê cửa sông, công trình ven biển đảm bảo ứng phó bão phù hợp với mức độ rủi ro thiên tai; nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. Vận hành an toàn, hiệu quả các liên hồ chứa nước, nhất là trên các lưu vực sông Hương, sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Kôn - Hà Thanh, sông Ba để chủ động giảm lũ cho hạ du, phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

- Kiểm soát an toàn thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai đối với các hoạt động xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ven sông, ven biển. Rà soát, mở rộng khẩu độ thoát lũ của cầu, cống, khắc phục những vị trí đường giao thông gây cản trở thoát lũ, nhất là tuyến quốc lộ và đường sắt theo hướng Bắc - Nam.

- Xây dựng, nâng cấp các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão kết hợp khu hậu cần nghề cá theo quy hoạch; đảm bảo chất lượng tàu thuyền khi ra khơi tránh sự cố xảy ra khi di chuyển tránh trú bão.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, nhất là các hộ nghèo, khó khăn xây dựng nhà chống lũ kết hợp chống bão.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng, nhất là rừng tự nhiên, phòng hộ; trồng cây chắn sóng, rừng ngập mặn cửa sông, ven biển; bảo vệ, khai thác hợp lý các dải cồn cát kết hợp chắn sóng, ngăn triều.

- Lắp đặt hệ thống cảnh báo, giám sát ngập lụt tại các ngầm, tràn, khu vực trọng điểm thường xảy ra ngập lụt.

- Rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa, bản đồ ngập lụt do bão mạnh, siêu bão làm cơ sở để cập nhật phương án ứng phó.

- Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, chủ động triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng, vật nuôi thích ứng thiên tai, nhất là tình huống ngập lụt diện rộng.

4. Vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ

Tập trung phòng chống hạn hán, lũ, ngập lụt, lũ quét, cụ thể:

- Rà soát quy hoạch phòng chống thiên tai, thủy lợi theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa nước, xây dựng bổ sung các hồ chứa nước mới theo quy hoạch để từng bước bảo đảm an ninh nguồn nước, chủ động phòng chống lũ, hạn hán, đảm bảo an toàn vùng hạ du; xây dựng, cập nhật bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa ứng với các kịch bản xả lũ, vỡ đập.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện hạn hán, thiếu nước; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao.

- Xây dựng, nâng cấp công trình phòng, chống sạt lở; bảo vệ, khôi phục, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn ở khu vực Tây Nguyên, rừng ngập mặn khu vực cửa sông, cây chắn cát ven biển.

- Tăng cường quan trắc, dự báo, cảnh báo lũ, lũ quét, sạt lở đất.

5. Vùng đồng bằng sông Cửu Long

Chủ động “sống chung với lũ và hạn hán, xâm nhập mặn”, thích ứng, khai thác lợi thế để phát triển bền vững, tập trung:

- Tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác cát trên sông, khai thác nước ngầm, xây dựng công trình, nhà ở, chất tải ven sông, kênh, rạch, ven biển. Từng bước di dời, sắp xếp lại các hộ dân sinh sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở ven sông, kênh rạch, ven biển hoặc gây cản trở thoát lũ. Tiếp tục đẩy mạnh việc bảo vệ, khôi phục và trồng bổ sung rừng ngập mặn ven biển.

- Xây dựng kịch bản chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai như bão, lũ lớn, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cực đoan.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp để chủ động thích nghi với điều kiện tự nhiên của các tiểu vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết số [120/NQ-CP](#) về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Củng cố, xây dựng hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, công trình kiểm soát lũ, triều, kiểm soát mặn, ngọt, công trình thủy lợi nội đồng phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững. Hoàn thiện hệ thống đê biển đảm bảo an toàn chống bão, ngăn triều theo mức thiết kế; các tuyến đê bao, bờ bao phù hợp với phương án phát triển sản xuất nông nghiệp của vùng. Kết hợp công trình giao thông với các công trình thủy lợi, tuyến đê biển, đê bao, bờ bao. Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới, các giải pháp thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu, triển khai các giải pháp trữ nước ngọt, xây dựng bổ sung các hệ thống công trình trữ nước mùa mưa, điều hòa nguồn nước cho mùa khô.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là với các quốc gia thượng nguồn lưu vực sông Mê Công trong quản lý, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nước.

6. Đô thị lớn

Tập trung phòng, chống ngập úng đô thị khi mưa lớn, triều cường, cụ thể:

- Rà soát phương án tiêu thoát nước của các đô thị, chủ động dành không gian cho trữ nước, thoát nước, triển khai các biện pháp nhằm bảo đảm tiêu thoát nước, chống ngập úng trong bối cảnh mưa lớn do tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ các vùng ngập trũng, tăng diện tích cây xanh, bố trí các hồ điều hòa và hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo năng lực chống ngập úng; lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị. Đầu tư,

ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm mưa lớn, ngập lụt đối với đô thị.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống công trình tiêu thoát, trữ lũ, chống úng ngập; nâng cao mức đảm bảo an toàn phòng chống động đất đối với công trình hạ tầng đô thị; cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng, công trình giao thông, hệ thống cung ứng, hạ tầng thông tin và hạ tầng đô thị khác. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng.

7. Trên biển và hải đảo

Chủ động phòng, tránh bão, áp thấp nhiệt đới đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền, các hoạt động kinh tế biển và cơ sở hạ tầng trên các đảo, an ninh, quốc phòng, tập trung:

- Quản lý tàu thuyền, các hoạt động kinh tế trên biển: nâng cao mức độ an toàn và bảo đảm thông tin cho tàu, thuyền hoạt động trên biển, nhất là các tàu đánh bắt xa bờ. Hướng dẫn đảm bảo an toàn thiên tai đối với các khu vực nuôi trồng thủy hải sản, các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên, khoáng sản và các hoạt động du lịch trên biển và các đảo.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới về dự báo, cảnh báo bão và áp thấp nhiệt đới.

- Xây dựng kế hoạch và phương án ứng phó với bão và áp thấp nhiệt đới.

- Xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão kết hợp dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở hạ tầng phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên các đảo.

- Đầu tư, nâng cao năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên biển theo hướng chuyên nghiệp, có đủ phương tiện, trang thiết bị để xử lý hiệu quả các tình huống khẩn cấp; phát huy tốt vai trò lực lượng dân quân biển, các tổ đội đánh cá trên biển theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tăng cường hợp tác với các nước, vùng lãnh thổ trong khu vực về tìm kiếm, cứu nạn, tạo điều kiện cho tàu, thuyền tránh trú bão và khai thác hợp lý, an toàn các nguồn lợi trên biển.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai

a) Chỉ đạo điều phối liên ngành trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và các pháp luật khác có liên quan.

b) Chỉ đạo nâng cao năng lực, cơ sở vật chất của cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp, trong đó tập trung: xây dựng cơ sở dữ liệu, công

cụ hỗ trợ điều hành đáp ứng yêu cầu ứng phó kịp thời, chính xác, hiệu quả; xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở để thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ; đào tạo tập huấn về công tác phòng, chống thiên tai cho cộng đồng tại vùng thường xuyên bị thiên tai.

2. Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Bộ Quốc phòng:

a) Rà soát kịch bản, phương án huy động lực lượng, phương tiện ứng phó với thiên tai, sự cố, sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ địa phương và nhân dân ứng phó, thiên tai, sự cố khi có yêu cầu. Chủ trì tổ chức tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn các sự cố do thiên tai; huy động và điều phối lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương tham gia thực hiện phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi cả nước.

b) Tổ chức thực hiện đầu tư, mua sắm, nâng cấp, hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị ứng phó thiên tai, cứu hộ, cứu nạn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị và phù hợp với đặc điểm thiên tai từng vùng, từng miền.

c) Chỉ đạo lực lượng quân sự địa phương tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở, lực lượng dân quân tự vệ, dân quân biển,...

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương xây dựng, lắp đặt các trạm quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ công tác theo dõi, giám sát, tham mưu chỉ đạo điều hành ứng phó với các loại hình thiên tai phổ biến theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và pháp luật về phòng chống thiên tai.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai theo thời gian thực ở cấp trung ương và cấp vùng; chỉ đạo hiện đại hóa thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị bảo đảm an toàn và giám sát tàu thuyền hoạt động trên biển; chỉ đạo điều chỉnh sản xuất nông nghiệp phù hợp với tình hình thiên tai.

c) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện phương châm “4 tại chỗ” trong phòng chống thiên tai và xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới.

d) Chỉ đạo đầu tư, tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều, hồ đập, công trình thủy lợi, khu neo đậu tránh trú bão theo quy hoạch; triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động phòng, chống thiên tai.

đ) Tổ chức triển khai hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai, nhất là hợp tác với các nước trong khu vực, thượng nguồn sông Hồng, sông Mê Kông.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, địa phương có liên quan nghiên cứu xây dựng cơ chế để huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, các doanh nghiệp và đóng góp của người dân vào các hoạt động phòng chống thiên tai, nhất là trồng rừng ngập mặn ven biển, phòng, chống sạt lở, xâm thực bờ biển.

g) Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao tại Chương trình, định kỳ sơ kết, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, trong đó tăng cường đầu tư, phát triển công nghệ quan trắc ứng dụng công nghệ dự báo hiện đại, công nghệ dự báo số nhằm nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai phổ biến, đặc biệt là một số thiên tai có nguy cơ gây thiệt hại lớn như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

b) Chỉ đạo dự báo, cảnh báo, cung cấp đầy đủ, kịp thời, đủ độ tin cậy các bản tin dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai liên quan đến khí tượng thủy văn, hải văn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định; chỉ đạo ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai phổ biến.

c) Cập nhật, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai đối với các loại hình thiên tai phổ biến; cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng chi tiết làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó phù hợp, hiệu quả.

d) Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông, đảm bảo vận hành an toàn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, khai thác hiệu quả tài nguyên nước.

đ) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác khí tượng thủy văn, quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai; xã hội hóa việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát và cung cấp dịch vụ khí tượng thủy văn. Hướng dẫn xây dựng, lắp đặt mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

e) Hợp tác với các nước trong khu vực, các tổ chức quốc tế trong chia sẻ thông tin về khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa trên các sông xuyên biên giới.

5. Bộ Công an

a) Rà soát kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có thiên tai; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Chỉ đạo lực lượng công an cấp xã tham gia xây dựng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập để nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng phát hiện, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai; tập trung xử lý, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản, lập bến bãi trái phép, lấn chiếm lòng sông, bãi sông và các vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ rừng.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong khu vực xảy ra sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

6. Bộ Công Thương

a) Chỉ đạo thực hiện công tác bảo đảm an toàn hồ đập thủy điện; xây dựng phương án dự phòng, khôi phục nhanh hệ thống điện sau thiên tai để phục vụ công tác khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, phục vụ dân sinh.

b) Chỉ đạo chủ đập, hồ chứa thủy điện tuân thủ quy định bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, trong đó thực hiện vận hành hồ chứa đúng quy trình, lắp đặt hệ thống cảnh báo khi vận hành xả lũ, xây dựng hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và công cụ tính toán, dự báo dòng chảy đến hồ chứa phục vụ công tác vận hành hồ chứa an toàn, hiệu quả.

c) Phối hợp với các bộ và địa phương có liên quan diễn tập ứng phó với tình huống vận hành xả lũ liên hồ chứa, sự cố đập, hồ chứa thủy điện.

7. Bộ Giao thông vận tải

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan quan tâm công tác phòng, chống thiên tai ngay trong quá trình lập quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông để có phương án phù hợp, bảo đảm an toàn cho công trình, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai. Chỉ đạo, rà soát đánh giá tác động của các tuyến đường giao thông qua vùng ngập lũ đặc biệt là các tuyến đường cao tốc, đường sắt, đường quốc lộ tại khu vực miền Trung, sớm có các giải pháp khắc phục kịp thời, hiệu quả các điểm ảnh hưởng đến thoát lũ; chỉ đạo các giải pháp nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế rủi ro thiên tai do việc sạt lở xảy ra trên các tuyến đường giao thông miền núi và vùng ngập sâu trong mùa mưa lũ.

b) Chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn giao thông khi có tình huống thiên tai, nhất là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lớn, ngập lụt và khắc phục hậu quả, bảo đảm giao thông ngay sau thiên tai.

8. Bộ Xây dựng

a) Chỉ đạo rà soát, kiểm tra đánh giá lại hệ thống tiêu thoát nước đô thị, nhất là tại các đô thị đã xảy ra tình trạng ngập úng nghiêm trọng khi mưa lớn trong những năm gần đây để có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo việc thoát lũ và chống ngập úng tại các đô thị.

b) Ban hành hướng dẫn xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt theo các loại đô thị đặc biệt, loại I.

c) Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, hướng dẫn xây dựng nhà an toàn trước thiên tai; hướng dẫn các địa phương và nhân dân về nhà an toàn chống lũ, bão, lũ quét, sạt lở đất; triển khai có hiệu quả chương trình, chính sách hỗ trợ người dân vùng thiên tai xây dựng nhà ở an toàn chống lũ, bão theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

9. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông trong phòng, chống thiên tai; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, các thông tin, hoạt động về công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho các cấp chính quyền, người dân và cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, chỉ huy ứng phó với tình huống thiên tai lớn như bão mạnh, siêu bão, lũ lớn; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông huy động lực lượng, phương tiện của ngành tham gia bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ hoạt động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai.

c) Chỉ đạo cơ quan thông tấn báo chí nâng cao hiệu quả, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng để người dân tự ứng phó trong các tình huống khi xảy ra thiên tai.

d) Triển khai Chương trình truyền thông về phòng, chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu từ cộng đồng.

10. Bộ Y tế chỉ đạo cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ sở y tế rà soát phương án để bảo đảm an toàn đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nhất là tại các vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt; bảo đảm công tác khám chữa bệnh cho nhân dân khi có tình huống thiên tai; điều phối lực lượng tham gia cấp cứu, điều trị khi có tình huống thiên tai đặc biệt nghiêm trọng; khắc phục môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong và sau thiên tai.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan quan tâm công tác phòng, chống thiên tai ngay trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo để có phương án bảo đảm an toàn cho người và công trình phù hợp với đặc điểm thiên tai tại từng vùng, từng địa phương; hướng dẫn cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc bộ quản lý tổ chức thực hiện và bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để ứng phó thiên tai.

b) Triển khai lồng ghép, tích hợp kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai vào chương trình học, hoạt động ngoại khóa phù hợp lứa tuổi, đặc điểm thiên tai vùng miền. Tăng cường giáo dục, đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức phòng chống thiên tai cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên.

c) Chỉ đạo xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và cơ sở vật chất trường học khi xảy ra một số tình huống thiên tai nguy hiểm, đặc biệt là bão, mưa lũ lớn.

12. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức, hướng dẫn lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống thiên tai của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trung hạn của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong đó tập trung đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó thiên tai và cứu hộ cứu nạn, đầu tư khắc phục sự cố đê điều, hồ đập, sạt lở, di dời dân cư khẩn cấp khỏi vùng sạt lở, lũ quét, xây dựng khu neo đậu tránh trú bão, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số phục vụ phòng chống thiên tai; ưu tiên nguồn lực đầu tư công trình phòng chống thiên tai có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, phục vụ đa mục tiêu, hạn chế tác động bất lợi do thiên tai, biến đổi khí hậu.

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho các hoạt động phòng chống thiên tai.

13. Bộ Tài chính ưu tiên bố trí ngân sách chi thường xuyên, dự phòng ngân sách trung ương phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách để thực hiện hoạt động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, khắc phục khẩn cấp hậu quả, sự cố do thiên tai; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện chính sách về bảo hiểm rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan bố trí nguồn vốn cho các chương trình, dự án về phòng chống thiên tai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

14. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác truyền thông trong phòng, chống thiên tai; phối hợp với các cơ quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng chống thiên tai cho người dân và cộng đồng; kịp thời đưa tin về diễn biến thiên tai, công tác chỉ đạo ứng phó thiên tai đến người dân để chủ động triển khai ứng phó.

15. Các bộ, ngành khác theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

16. Các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao làm tốt công tác tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân, nhất là khu vực tư nhân tham gia vào hoạt động phòng, chống thiên tai, triển khai công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

17. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương theo đúng quy định của pháp luật, trong đó tập trung:

a) Rà soát, kiện toàn cơ quan quản lý và tham mưu chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai các cấp, đảm bảo tinh gọn, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống thiên tai.

b) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch phòng chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai thuộc trách nhiệm của địa phương, phù hợp với tình hình thiên tai tại địa phương.

c) Đầu tư nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, nhất là hệ thống thông tin dữ liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ tham mưu chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh để từng bước kết nối trực tuyến với cơ quan phòng, chống thiên tai trung ương và các cấp ở địa phương phục vụ chỉ đạo ứng phó kịp thời, hiệu quả trước các tình huống thiên tai. Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình phòng, chống thiên tai.

d) Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở; thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai; chỉ đạo dự trữ lương thực, hàng hóa thiết yếu chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra.

đ) Điều chỉnh, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp phù hợp với thiên tai tại địa phương, đảm bảo sinh kế bền vững, giảm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

e) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; kiểm tra, xử lý công trình làm gia tăng rủi ro

thiên tai; thực hiện tốt Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

g) Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các chương trình, hoạt động của các cấp, đoàn thể tại địa phương; gắn xây dựng cộng đồng an toàn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

h) Bố trí, sắp xếp lại dân cư, nhất là những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển; lắp đặt hệ thống theo dõi, cảnh báo và kiểm soát rủi ro thiên tai tại các khu vực trọng điểm, xung yếu.

i) Chủ động bố trí nguồn lực để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai thuộc nhiệm vụ của địa phương theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai;
- Ủy ban QG ứng phó sự cố, thiên tai và TKN;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: NC, CN, KGVX, KTTH, TCCV;
- Lưu: VT, NN (2) Tuyền. **80**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án chủ yếu thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia

(Kèm theo Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
A	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ NĂNG LỰC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
I	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách		
1	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các pháp luật chuyên ngành về phòng, chống thiên tai và các pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu và phù hợp với thực tiễn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành
2	Xây dựng cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là từ khu vực tư nhân tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; chính sách hỗ trợ, đảm bảo an toàn cho người dân ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai; chính sách đặc thù đối với hoạt động hỗ trợ khẩn cấp, phục hồi và tái thiết sau thiên tai, bảo hiểm rủi ro thiên tai, tín dụng cho phòng, chống, khắc phục thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước	Các bộ, ngành
3	Xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và truyền thông trong phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ
II	Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật		
1	Cập nhật, hoàn thiện, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông

	trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai	triển nông thôn	vận tải, Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan
2	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện, bổ sung hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan
III	Hoàn thiện tổ chức		
1	Xây dựng đề án hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
2	Rà soát, củng cố hệ thống các tổ chức đào tạo, tư vấn hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
3	Xây dựng mô hình điểm về chủ động phòng, chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; tổng kết mô hình hoạt động của lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Ban Chỉ đạo QGPCTT, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chính quyền địa phương ở các cấp
B	NÂNG CAO NHẬN THỨC, KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI		
1	Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các cấp, các bộ ngành liên quan
C	NÂNG CAO NĂNG LỰC DỰ BÁO, CẢNH BÁO THIÊN TAI		
1	Tăng cường mạng lưới trạm khí tượng, thủy văn quốc gia; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “thuê dịch vụ đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo khí tượng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên

	thủy văn, đặc biệt là mưa, lũ theo phương thức thuê bao khai thác dữ liệu” theo Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ		quan
2	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1970/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
3	Bảo đảm thông tin, truyền tin thiên tai đến người dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hệ thống thông tin duyên hải	Đài Phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố và các cơ quan báo chí, cơ quan quản lý hệ thống truyền tin về thiên tai
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo điều hành ứng phó các loại hình thiên tai phổ biến theo thời gian thực	Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các bộ ngành, các cấp ở địa phương
5	Cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai phổ biến khác	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
6	Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo về lũ quét, sạt lở đất tại các khu vực có nguy cơ cao	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
7	Nâng cấp, bổ sung trạm quan trắc địa chấn phục vụ báo tin động đất và cảnh báo sóng thần	Viện Hàn lâm KHCNVN	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các

			bộ ngành liên quan
8	Xây dựng công cụ, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ công tác vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện; hệ thống dự báo, cảnh báo hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt đô thị theo thời gian thực	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
9	Xây dựng công cụ tính toán, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo an toàn hồ đập, cảnh báo lũ lớn, xả lũ khẩn cấp; rà soát hoàn thiện các quy trình vận hành hồ chứa thượng nguồn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
D TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG			
1	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về nhà ở tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai	Bộ Xây dựng	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
2	Xây dựng, củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển theo quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều. Từng bước đầu tư xử lý dứt điểm những trọng điểm đê điều xung yếu, nhất là trên hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới thay thế các cống dưới đê	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
3	Đầu tư sửa chữa dứt điểm đập, hồ chứa thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp; từng bước đầu tư nâng cấp, xây dựng bổ sung đập, hồ chứa và hệ thống thủy lợi để bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao năng lực quản lý, theo dõi, giám sát, vận hành hồ đập, hệ thống thủy lợi lớn, hướng tới vận hành theo thời gian thực	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các bộ ngành liên quan
4	Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đảm bảo phù hợp với những thay đổi về mục tiêu cắt, giảm lũ,	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

	cấp nước cho hạ du và phát điện của các hồ chứa thủy điện, thủy lợi	Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Nâng cấp các công trình cảng cá, kết hợp làm nơi neo đậu tránh, trú bão và thông tin, hậu cần nghề cá; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng tại các đảo và các khu vực trọng điểm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
6	Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Các bộ ngành liên quan
7	Xây dựng công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng đến an toàn dân cư	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Các bộ ngành liên quan
8	Đầu tư khắc phục các vị trí đường giao thông gây cản trở thoát lũ, nhất là trên các tuyến đường bộ, đường sắt tại khu vực miền Trung để đảm bảo an toàn, không làm gia tăng rủi ro thiên tai; có biện pháp xử lý các vị trí có nguy cơ xảy ra sụt, trượt, ngập sâu khi mưa lũ nhằm đảm bảo an toàn, không làm gia tăng rủi ro thiên tai; lắp đặt thiết bị cảnh báo mức độ ngập tại các ngầm tràn thường xuyên bị ngập lụt phục vụ công tác đảm bảo an toàn giao thông	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
9	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, kết hợp đa mục tiêu các trụ sở chính, công trình công cộng như y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, du lịch, nhà sinh hoạt cộng đồng thành nơi tránh trú khi xảy ra thiên tai. Đầu tư công	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo,	Các bộ ngành liên quan

	trình hạ tầng theo hướng đa mục tiêu như đường, đê kết hợp sơ tán dân cư khi ngập lụt	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	Đầu tư nâng cao khả năng chống ngập lụt cho các đô thị, nhất là ngập lụt khi mưa lớn, triều cường; xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ cảnh báo sớm ngập lụt để người dân chủ động ứng phó, giảm rủi ro do thiên tai	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Các bộ ngành liên quan
11	Xây dựng hệ thống thông tin khẩn cấp phục vụ chỉ đạo điều hành khi có tình huống thiên tai lớn, nâng cấp hạ tầng viễn thông chống chịu được với các tình huống thiên tai	Bộ Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
D	NÂNG CAO KHẢ NĂNG PHỤC HỒI VÀ TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI		
1	Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong thống kê, đánh giá thiệt hại và xác định nhu cầu khắc phục hậu quả sau thiên tai theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021; rà soát, xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, đánh giá nhanh và đầy đủ thiệt hại do thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
2	Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội, phát triển các kênh thanh toán trực tuyến để hỗ trợ người dân bị thiệt hại do thiên tai	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
3	Nâng cao năng lực cứu trợ khẩn cấp, khôi phục sản xuất, khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và bền vững trên quan điểm “xây dựng lại tốt hơn”; đa dạng hóa nguồn lực cho khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường hợp tác	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

	quốc tế; ưu tiên huy động nguồn lực từ các định chế tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ		
4	Ưu tiên nguồn lực từ trung ương và địa phương khẩn trương khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết những khu vực bị ảnh hưởng, thiệt hại nghiêm trọng do thiên tai, chú trọng đảm bảo chỗ ở và sinh kế cho người dân sau thiên tai	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Các bộ ngành liên quan
5	Rà soát, bổ sung phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa thiết yếu trong nguồn dự trữ quốc gia cho công tác phòng, chống thiên tai	Bộ Tài chính	Các bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
E	NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ		
1	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống lũ, ngập lụt đô thị, khu dân cư tập trung	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
2	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực đảm bảo an toàn hồ đập, vùng hạ lưu hồ chứa	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
3	Nâng cao năng lực dự báo hạn hán, xâm nhập mặn; nghiên cứu phát triển công nghệ cảnh báo, giải pháp phòng, tránh, giảm thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ ngành liên quan
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ quan tham mưu các cấp; xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ trong phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo QGPCTT	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
5	Ứng dụng khoa học, công nghệ tự động hóa trong kết nối, cập nhật, phân tích dữ	Ban Chỉ đạo QGPCTT	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN

	liệu về thiên tai để phục vụ hỗ trợ ra quyết định ứng phó thiên tai kịp thời, hiệu quả		các tỉnh, thành phố, thành phố và các bộ ngành
6	Thiết lập quan hệ đối tác với các quốc gia trong phòng, chống thiên tai; xây dựng và tổ chức hoạt động hợp tác với đối tác quốc tế để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, hợp tác quốc tế, đào tạo và hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả sau thiên tai. Tham gia các thỏa thuận, điều ước quốc tế về quản lý tổng hợp rủi ro thiên tai, hợp tác đa phương trong phòng, chống thiên tai như khung SENDAI, Mê Công, ASEA	Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
7	Huy động và tiếp nhận, điều phối có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi, trao đổi chuyên gia,...)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố